HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 30 tháng 8 & 9 năm 1996

ĐẶT BIỆT NHỮNG NGÒI BÚT "TRẺ"





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

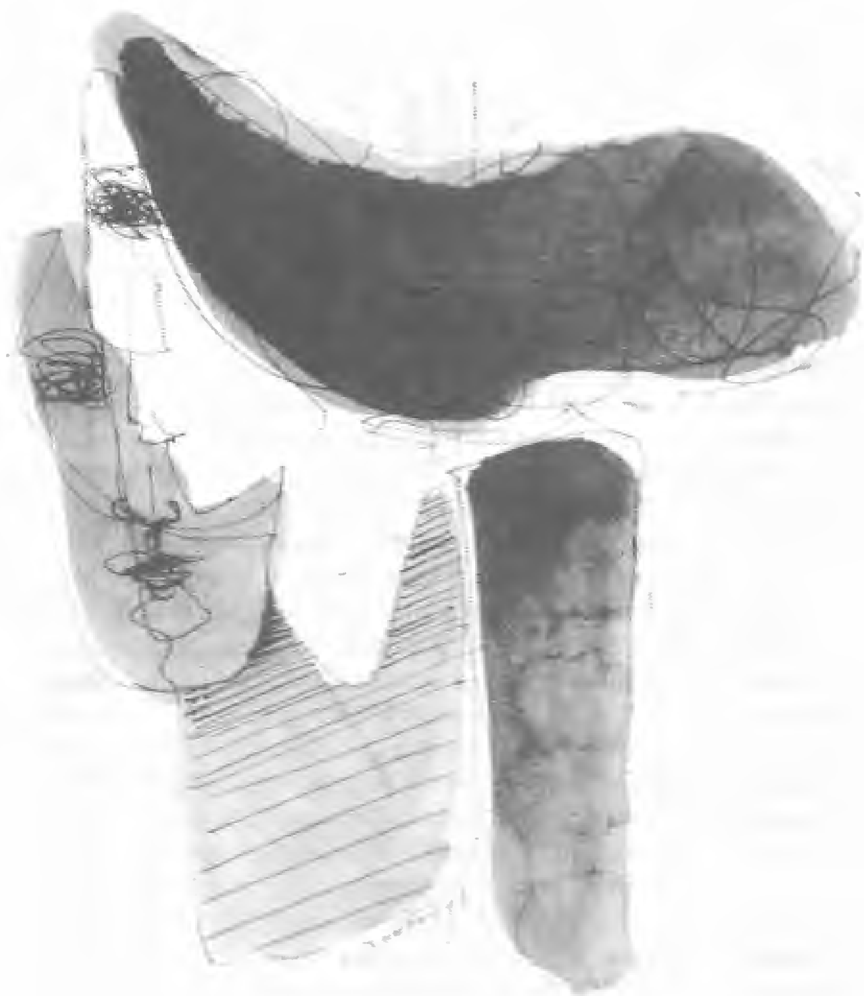
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

http://www.vweb.net/hopluu/

Tel: (714)775-7242 • Email:: tchopluu@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ ● Số 30, tháng 8 & 9 / 1996

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN : 1065-9323



HỢP LƯU

số 30, tháng 8 & 9 năm 1996

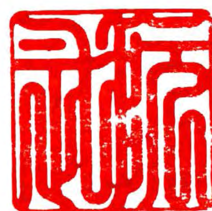
Những Ngòi Viết "Trẻ"



MỤC LỤC

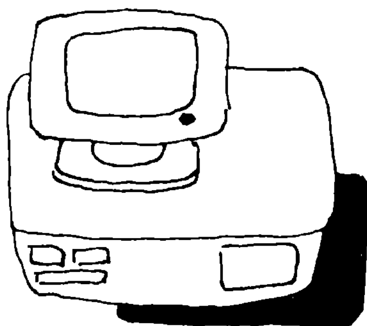
*

Tranh bìa0: **Khánh Trường**





thư tòa soạn



Kỳ này, *Hợp Lưu* cho đi tiếp *"Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt"* của cố học giả Hoàng Xuân Hãn, đồng thời giới thiệu thêm bài viết của giáo sư bác sĩ Trần Ngọc Ninh, một học trò cũ của "thầy Hãn".

Vì số trang có hạn và vì tính chất đa tạp của một tờ tạp chí, dù rất muốn, chúng tôi cũng không thể đi trọn những bài viết liên quan đến cố học giả Hoàng Xuân Hãn trong vài kỳ báo. Nên sau số này, chúng tôi tạm chấm dứt chủ đề ấy. Bài vở còn lại chúng tôi sẽ chọn lựa, đúc kết, sắp xếp, để có thể trong tương lai, xuất bản thành sách.

Cũng vì số trang có hạn, một lần nữa, tòa soạn lại xin lỗi những văn hữu đã được thư thông báo của chúng tôi, sẽ đi những sáng tác của quí vị trong số này. Trên dưới vài năm nay, do thiện chí và chất lượng của tờ báo, cuối cùng đa số văn hữu đã hiểu ra việc làm của chúng tôi, do đó, chẳng những *Hợp Lưu* qui tụ được các nhà văn cũ, đã thành danh từ lâu, còn là điểm tập hợp những ngòi bút mới, viết bằng tiếng Việt hoặc những ngôn ngữ khác. Đó cũng là lý do lượng bài *Hợp Lưu* nhận được mỗi kỳ vượt quá mong ước của ban chủ biên. Có nghĩa, nếu muốn giới thiệu đầy đủ, *Hợp Lưu* không phải chỉ dày 250 trang, như đã, mà phải... 500 trang. Hoặc thay vì xuất bản mỗi hai tháng một số, phải rút xuống thành nguyệt san. Trong điều kiện tài chánh hạn chế, cùng sự thiếu hụt nhân lực trực tiếp trách nhiệm, chúng tôi đành xem hai giải pháp trên như một mơ ước.

Tuy nhiên, để phần nào chia xẻ sự tồn đọng bài vở trên, *Hợp Lưu* quyết định, từ đầu tháng Tám năm 1996, sẽ dựng lại nhà xuất bản *Tân Thư* (trực thuộc tạp chí *Hợp Lưu*, đã xuất bản tổng cộng 18 đầu sách, nhưng vì thiếu người quản trị, phát hành... đã tạm nghỉ một năm qua). Với thành phần ban giám đốc mới (cho riêng nhà xuất *Tân Thư*), gồm: Khánh Trường, Hoàng Khởi Phong (chịu trách nhiệm nội dung bản thảo, trình bày bìa và ruột), Nguyễn Văn (chịu trách nhiệm quản trị, điều hành), nhà *Tân Thư* sẽ đều đặn gửi đến độc giả xa gần hàng tháng ít nhất một đầu sách, của các tác giả trong,

ngoài nước. Đồng thời thu tập, chọn lựa những sáng tác chọn lọc đã hoặc chưa đi trên tạp chí *Hợp Lưu*, làm thành những tuyển tập văn học giá trị, dự định mỗi năm cũng sẽ xuất bản hai tập, có chiều dày khoảng từ 350 đến 400 trang.

Ngoài ra, để chuẩn bị cho bộ sách *VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM, Tác Giả - Tác Phẩm - Chân Dung Tự Họa* (xin xem quảng cáo ở phần áp chót và mục *Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật* số này), nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và nhà văn / họa sĩ Khánh Trường (hai người chịu trách nhiệm thực hiện) trân trọng kính mời anh chị cầm bút gửi về chúng tôi những tài liệu cần thiết cho bộ sách trên (chúng tôi sẽ gửi đến mỗi vị thư mời cùng những chi tiết cụ thể). *Hợp Lưu* sẽ dành mỗi kỳ một số trang, giới thiệu vài "chân dung", cho đến khi bộ sách lên khuôn. Dĩ nhiên, do điều kiện sinh sống rải rác của mỗi tác giả, ở mọi quốc gia, chúng tôi không thể biết hết địa chỉ cùng hoạt động văn học của tất cả, vì thế rất mong văn hữu nào đọc được những dòng này, xin hãy giới thiệu cho chúng tôi những tác giả quí vị biết, để bộ sách thêm phong phú, khách quan và đầy đủ.

Ngoài các bài viết liên quan đến cố học giả Hoàng Xuân Hãn, nội dung số này không kém phong phú, với các sáng tác của các nhà văn nhà thơ, nhà nhạc học quen thuộc: Trần Văn Khê, Đặng Tiến, Thụy Khuê, Huỳnh Hữu Ủy, Lê Bi, Du Tử Lê..., *Hợp Lưu* đặc biệt giới thiệu những ngòi viết "trẻ". Chúng ta sẽ tiếp cận với cái nhìn rất "bạo" trong một tiểu luận văn học của Lê Thị Thấm Vân, cùng những truyện ngắn, tạp bút, dịch thuật và thơ của Đinh Linh, Andrew Lam, Nguyễn Hoài Phương, Sông Phố, Phạm Tường Mây, Phạm Trung Khâu, Thuận Ánh, Ngô Nhựt Tân, Phạm Việt Cường, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Nam An, Vành Khuyên, Nhược Trần, Nguyễn Quang Thân, Trần Ngọc Tuấn, Phạm Trung Khâu, Đỗ Quang Nghĩa...

Hợp Lưu

THÔNG BÁO

- Do quyết định của bưu điện, số **zip-code** của tất cả các thành phố trong quận Orange County thay đổi kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1996. Xin độc giả, văn hữu lưu ý khi liên lạc thư từ với Hợp Lưu:

Zip-code cũ: CA 92**6**42. Mới: CA 92**8**42

- Địa chỉ **E-mail** cũng thay đổi:

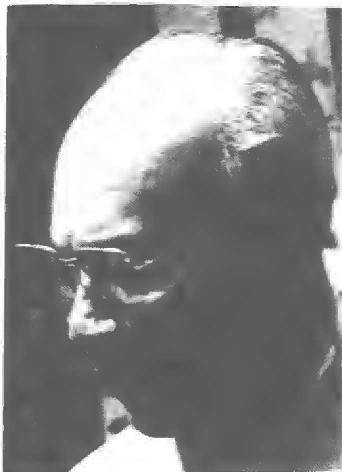
Cũ: **tshopluu@vweb.net**. Mới: **tchopluu@aol.com**



HOÀNG XUÂN HÃN

một vài ký vãng về hội nghị đà lạt

(tiếp theo kỳ trước)



Sáng ngày hôm sau, 19 tháng tư, toàn hai Phái đoàn họp ở nhà trường Yersin để lập các ủy ban và định các chương trình nhóm họp.

Phái đoàn Pháp cũng gồm 12 phái viên. Trưởng đoàn thực tế là Max André, một chính khách thuộc đảng MRP, là một trong ba đảng lớn chung quyền tại Pháp. Đảng ấy ở về phía bảo thủ, nhất là dựa trên nền tảng đạo Cơ Đốc. Chuyên môn chính trị, hoặc đúng hơn là hành chánh, có *Messmer, Pignon, Torel, Bousquet*. Messmer đã nhảy dù xuống vùng Thái Nguyên ngày 22 tháng 8 với chức Ủy viên chính phủ Pháp (nghĩa là thống đốc Bắc kì trong chế độ thuộc địa) và đã bị công an ta bắt giữ đến tháng 10. Torel nguyên ở trong chính quyền Decoux nhưng đã theó nhóm Kháng địch, Pignon là viên cai trị lão luyện cố vấn đắc lực của Cao ủy. Chuyên môn về tài chính nguyên có đề tên *Bloch-Lainé* trong sổ, nhưng sau chỉ còn *Gonon*. Chuyên môn về kĩ nghệ là hai kĩ sư cầu cống vốn làm việc ở Đông Dương: *Bourgoin. và Guillanton*. Đặc biệt là Bourgoin đã từng chống Decoux và đã trốn sang Trung Quốc. Chuyên môn về quân sự có tướng *Salan* là một võ quan đã làm việc phòng Nhì lâu năm ở Đông Dương và đã cầm đầu ủy ban điều đình về binh bị với Trung Quốc và Việt Nam. *Gourou*, cựu giáo sư ở trường Sarraut ở Hà Nội về môn Sử Kí và địa dư và tác giả sách *LES PAYSANS TONKINOIS*, là chuyên nhân về vấn đề văn hóa.

Người thứ mười hai là *Clarac*, cố vấn về ngoại giao cho Cao Ủy. Nói chung thì các phái viên Pháp không phải những nhà chính trị. Nhưng một phần đã trải qua giai đoạn chiến tranh chống Na-zi và Fat-xit, cho nên cũng có óc chính trị mới một phần nào. Dẫu sao, họ đều là những người từng trải xã giao, cho nên những cuộc bàn cãi tuy gay go nhưng không khi nào gây ác cảm nặng.

Theo thông cáo hôm trước Nguyễn Tường Tam chủ tọa buổi họp đại hội lần đầu, nói mấy lời mở màn, hứa nỗ lực làm việc, tranh luận thật thà. Max André đáp lời cảm ơn và cũng hứa hẹn như vậy. Nhân không khí trịnh trọng khi khai hội, Dương Bạch Mai đề nghị tuyên bố chung ý nguyện *đình chiến* (3) để hội nghị tiến hành trong bầu không khí hòa bình. Max André ngỏ lời dè dặt. Ta cũng không cố tấn công; Võ Nguyên Giáp chỉ yêu cầu Phái đoàn Pháp chuyển ý nguyện ấy lên Cao Ủy. Max André nói khéo rằng mình cũng có đình chiến trong toàn cõi, nhưng Phái đoàn bất lực về việc ấy; nhưng cũng hứa sẽ chuyển ý nguyện lên Đô đốc D'Argenlieu.

Rồi bàn đến sự lập các ủy ban. Có bốn ủy ban: Chính trị, Kinh tế và Tài chánh, Quân sự, Văn hóa. Trong mỗi ủy ban mỗi bên đặt một số người, phái viên và cố vấn; một người có thể dự nhiều ủy ban. Trong mỗi một ủy ban, mỗi bên cử một chủ tịch để lần lượt chủ tọa những buổi nhóm.

Ủy Ban *Chính Trị:*

Bên Việt có Trừng, Giáp, Mai, Hiền, Huyên, Hữu Tường, Mạnh Tường và Hãn chủ tịch.

Bên Pháp có Messmer chủ tịch, Bousquet, Bourgoin, Clarac, Max André, Pignon, Torel; sau có thêm D'Arcy.

Ủy Ban *Kinh Tế và Tài Chánh:*

Bên Việt có Bính chủ tịch, Luyện, Hiền, Cận, Trừng, Mạnh Tường, Giáp, Khoa và Đinh Văn Hớn.

Bên Pháp có Bourgoin chủ tịch, Bousquet, Gonon, Gourou, Guillanton, Messmer.

Ủy Ban *Quân Sự:*

Bên Việt có Giáp chủ tịch, Khanh, Hãn, Bửu, Phác, Cung;

Bên Pháp có Max André chủ tịch, tướng Salan, Messmer, Clarac.

Ủy Ban *Văn hóa:*

Bên Việt có Mạnh Tường chủ tịch, Huyên, Hữu Tường, Cẩn, Hãn;

Bên Pháp có Gourou chủ tịch, Clarac, Guillanton, Pignon, Torel.

Ngoài những người có tên trên đây, mỗi phiên họp, có thể thêm các chuyên viên. Ủy Ban Chính Trị ngày nào cũng họp vào buổi sáng từ 9 giờ

đến 11 giờ rưỡi, trừ thứ Năm và Chủ Nhật. Ủy Ban Kinh Tế và Tài Chính thì họp ban chiều. Có ngày họp cả ban tối.

Trong các buổi họp, có người lấy tốc kí, rồi đánh máy biên bản mà phát cho hai Phái Đoàn. Cũng vì vậy mà trong sổ tay của tôi ít ghi những lời bàn luận hằng ngày. Vả chăng, ai cũng còn nhớ rằng Hội Nghị Đà Lạt đã không đem lại được một điểm thỏa thuận nào quan trọng. Vậy sau đây, tôi chỉ chép lại một vài sự kiện mà tôi đã ghi, chắc vì bấy giờ tôi đã coi là quan trọng đối với chung hoặc chỉ đối với cá nhân tôi. Tôi tin rằng những chi tiết "vụn vặt" ấy tả đúng đức tính, tình cảm đương thời của phái viên và không khí chung của Đà Lạt và Hội nghị.

*

Chiều hôm ấy (20/4), họp ủy ban Tài Chính và Kinh Tế. Tối, họp ủy ban Văn Hóa. Sáng hôm sau ủy ban Chính Trị họp phiên đầu. Trong những phiên đầu, nguyên tắc là mỗi bên đề nghị nhật trình nghị sự, rồi bàn cãi để cùng nhận một nhật trình chung. Những vấn đề đưa ra và thứ tự đề nghị tỏ rõ thâm ý của mọi Phái đoàn.

Bourgoin chủ tọa buổi họp ủy ban Tài chính và Kinh tế, nhấn mạnh về sự cần thiết lập một khối chung về Kinh tế, bình đẳng giữa các nước Liên bang và đề nghị các vấn đề:

1.— Ngoại Thương và Quan Thuế,

2.— Tiền Tệ, Ngân Khố, Hối Đoái,

3.— Tham dự của Liên Hiệp Pháp vào sự mở mang kinh tế Đông Dương, Quyền lợi kinh tế Pháp ở Việt Nam,

4.— Liên quan tài chánh giữa Liên bang Đông Dương và Việt Nam, Bộ ngân phiếu hiện hành,

Công nghiệp hiện hữu của Pháp ở Việt Nam,

Tham dự của tư bản Pháp vào sự kiến thiết kinh tế Việt Nam.

Gourou chủ tọa buổi họp tiểu ban Văn hóa, hứa hẹn nhiều về sự giáo thụ và văn hóa và nêu ra những điểm:

1.— Tình hình những cơ sở khoa học lớn hiện có trên địa phận Việt Nam.

2.— Dạy bằng tiếng Pháp trong các cấp giáo thụ,

3.— Tham dự của Pháp vào giáo thụ tại Việt Nam,

4.— Các trường Pháp tại Việt Nam,

5.— Liên quan về văn hóa,

Viện Viễn Đông Bác Cổ,

Viện Pasteur,

Viện Tàng Cảo và Thư Viện.

Về các vấn đề Kinh tế, Tài chánh và Văn hóa nêu lên trên đây, đại khái ta đồng ý thảo luận, nhưng giữ lập trường căn bản của một nước tự do: nhận, hoặc từ, những điều ước định sau. Nếu nước Pháp tôn trọng quan niệm ấy,

thì sự điều đình sẽ dễ dàng, vì ta cũng muốn có sự liên lạc mật thiết với Pháp về kinh tế và văn hóa. Vậy sự điều đình về Chính trị và Quân sự là cốt yếu và sẽ chi phối những điều đình kia.

*

Ngày hôm sau, thứ bảy 20 tháng tư, ủy ban Chính trị nhóm họp. Messmer chủ tọa, ngồi cạnh Max André. Bên Việt, N.T.Tam không dự, vì lẽ chúng tôi đã định rằng đoàn trưởng chỉ dự toàn thể đại hội mà thôi. Phía ta, V.N. Giáp ngồi cạnh tôi.

Chúng tôi đề nghị đề nghị ba vấn đề lớn:

1.— Hợp nhất ba Kì, kể cả vấn đề gây nên tại Nam bộ một hoàn khí thuận lợi cho sự điều đình,

2.— Liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam và các nước ngoài,

3.— Quan hệ giữa Việt Nam và Liên Hiệp Pháp.

Chúng tôi đã cố ý gác vấn đề Liên Bang ra ngoài để tỏ rõ ý Việt Nam chỉ nhận một Liên Bang kinh tế mà thôi, vậy nó không đáng đem ra bàn ở ủy ban chính trị.

Phái đoàn Pháp không chịu và đề nghị những vấn đề sau:

1.— Sự đại biểu ngoại giao của Việt Nam tại các nước ngoài, (ý muốn nói Việt Nam có đại diện ở nước ngoài nhưng không có ngoại giao tự do),

2.— Điều lệ tương lai của Đông Dương,

3.— Tổ chức trưng cầu dân ý,

4.— Liên Hiệp Pháp.

Hai bên thảo luận rất găng để giữ đề nghị của mình: vấn đề và thứ tự nêu ra. Ta tranh thủ để được bàn về việc Nam bộ đầu tiên. Pháp nhất định không nghe và không nhận đem bàn vấn đề đình chiến; lại cố nài để hai vấn đề Trưng cầu dân ý và Liên hiệp Pháp về cuối. Lí do sự cố nài ấy là ở Pháp chưa có Hiến Pháp để định đoạt thể thức Liên Hiệp; vả Cao ủy và thực dân Pháp ở Nam bộ đang vận động mạnh để thành lập nước *Nam kì tự trị*. Cuối cùng ta đành phải nhận nhật trình nghị sự như sau:

1.— Liên quan ngoại giao của Việt Nam với các nước ngoài,

2.— Liên hệ giữa Việt Nam với Liên Hiệp Pháp,

3.— Vấn đề Liên bang Đông Dương,

4.— a) Hợp nhất ba Kì. Hỏi ý các nhân dân bằng cách trưng cầu.

b) Tạo một hoàn khí (4) chính trị thuận lợi cho các cuộc điều đình.

Về điểm cuối, V.N. Giáp đã đề nghị hai bên tìm lập tức những phương sách cụ thể và đạt lên Chính phủ của phe mình. Messmer bằng lòng rồi hẹn rằng vài bữa nữa sẽ trao đổi chiếu hội (5) về việc ấy.

Buổi chiều hôm ấy, thảo luận sâu về những vấn đề Ngoại thương và Quan thuế. Mục đích Pháp là lập Liên bang mà Cao ủy cầm đầu nắm hết các quyền định đoạt. Mà phái đoàn ta thì chỉ nhận những giao kết giữa các nước Liên

Bang.

*

Ngày mai là chủ nhật, sẽ nghỉ ngơi. Hai hôm đi đường, hai hôm tranh đấu gay go. Về cân não nghe đã mệt. Tối nay mới để ý đến sự sống thường. Các phái viên ở từng một và từng hai tại khách sạn Langbian, phòng rộng rãi và trơ trống. Công nhân giúp việc khách sạn đều là đàn ông người Huế hay Nam Bộ. Tôi hỏi chơi người dọn phòng rằng: "Anh có làm mật thám cho Pháp không?" Anh ta trả lời: "Dạ!" Đó là tiếng trả lời của người miền Trung, nó có thể có nghĩa là *vâng*, là *có*, là *phải*. Tôi và anh ta chỉ cười. Rồi tôi không hỏi thêm gì, chỉ nhờ đi tìm cho một cái li uống nước. Trong phòng ngủ không có đồ dùng. Muốn đánh giày, cũng không vật liệu và dụng cụ. Khi trở vào phòng, anh ta ra vẻ dè dặt lúng túng, nói với tôi: "Chúng tôi nghe nói ở Hà Nội đã có *giấy bạc CỤ HỒ*. Ông có đem vào không? Cho tôi xin một tờ". Tôi lục ví thấy có hai tờ giấy một đồng, giấy xấu, vẽ khá sơ sài ảnh Chủ tịch Việt Nam. Tôi lanh lẹ trao cho. Anh ta vồ lấy với nét mặt tươi cười cực điểm và cảm ơn không dứt. Tôi muốn hỏi về tình hình ở Đà Lạt nhưng coi chừng anh ta sợ ở lâu trong phòng với tôi, nên xin lỗi lui ra, sau khi giấu kĩ hai tấm giấy bạc nhỏ nhàu trong túi áo trong. Trong khi tâm thần khá hoang mang, tôi cảm nghĩ rằng ví anh ta có làm mật thám cho Pháp đi nữa, thì chỉ bất đắc dĩ, chứ tiếng gọi Tổ Quốc vẫn chuyển động tấm lòng.

Các phòng của Phái viên gần nhau. Tối lại, anh em họp nhau kiểm điểm công việc trong ngày và nhất là bàn công việc ngày sau. Kiểm điểm thì thấy mình đã tranh đấu cực lực, để tỏ thái độ rõ ràng là: "*nếu Pháp đừng tìm cách gò buộc Việt Nam về phương diện chính trị và để Việt Nam hưởng những quyền một nước tự do, thì các sự sáp nhập Liên Bang và Liên Hiệp không khó khăn gì, và Pháp sẽ chiếm phần ưu đãi về Văn Hóa và Kinh Tế.* Nhưng cảm tưởng chung là: tuy rằng có một vài phái viên Pháp cảm thông ý ấy, nhưng chính quyền Pháp tìm hết cách để bó chặt mình, và Thực dân ở đây sẽ lấn hết những điều mà họ đã phải nhận khi muốn đổ bộ quân một cách êm thấm lên đất Bắc.

Về *chuẩn bị buổi hội họp sắp tới*, thì chúng tôi đã qui định một phương pháp làm việc có qui mô và kết quả. Trước hết, mình giả đứng vào địa vị và lập trường phái viên Pháp mà đoán những điểm họ có thể nêu ra và những lí luận họ có thể khai triển. Rồi mình tìm chung những lẽ để đối phó từng câu, từng lẽ, để bảo vệ những đề nghị mình đưa ra; lại cắt sẵn người nào trả lời câu nào, người nào bảo vệ đề nghị nào. Xong rồi, nếu có thời giờ thì chia tay tập dượt, kẻ làm phái viên Pháp, kẻ làm phái viên ta. Về tranh lược, thì chia công việc, kẻ xung phong, kẻ tiếp hậu, kẻ đưa lí luận "nặng" ra chặn trước, kẻ giữ lí luận "bất kì" để làm đối phương lúng túng. Chúng tôi thường dùng tiếng lóng quân sự để trỏ các tranh lược ấy, cho nên đã nghĩ đến... cách thả khói

mù khi mình yếu thế để rút lui. Trong phái đoàn có bác sĩ Luyện, người rất vui tính vì có nhiều ý nghĩ, nên khi ông giải thích, hay muốn đem hết ra giồn dập, làm cho thính giả thường không hiểu ông muốn nói gì. Chúng tôi thường đùa nói ông là chuyên môn bắn đạn nhả khói!

*

Sáng chủ nhật 21 tháng tư. Chúng tôi đưa nhau đi thăm thành phố. Đà Lạt vẫn đẹp, nhưng người rất thưa thớt. Khí trời khá lạnh, cho nên thành phố ra vẻ ảm đạm e dè. Chưa có chợ búa. Ở khách sạn to mà ăn uống rất sơ sài. Vào làng Việt Nam thì không thấy đàn ông, một ít đàn bà trẻ con ra ý tránh gặp. Sang xóm chợ, thấy phố đã phần nhiều mở, nhưng hàng hóa ít oi. Nhân dân thấy các phái viên đi qua, đều trương mắt nhìn theo, nhưng không dám tỏ ý gì cả.

Từ khi Phái đoàn lên đây, Chính quyền Pháp phòng bị rất ngặt về sự *Phái đoàn tiếp xúc với nhân dân*. Nghe nói có lệnh cấm dân ở miền dưới lên đây trong hai mươi ngày. Họ cho chừng sáu chục lính kín lên canh dò. Sau khi họ thấy có nhân viên Phái bộ ta ra tiếp xúc với nhân dân, họ đã đặt ra hai lệ để cản trở:

Một là phát *tín bài* cho nhân viên Phái bộ, ta và Pháp; họ nói cớ rằng làm vậy để ngăn những người không có chân trong Phái đoàn không tới quấy công việc Hội nghị được;

Hai là hạn chế sự *dùng ô tô* họ cho phái đoàn mượn. Nguyên từ ngày lên đây, họ cho Phái đoàn ta mượn ba ô tô với tài xế để đi lại. Nay họ cho biết rằng các xe ấy chỉ đi trong vòng Đà Lạt mà thôi; nếu ta không viết thư báo trước muốn đi đâu, thì xe sẽ dừng ở ranh giới thành phố.

Nay lại nghe nói vì có Phái bộ lên đây, cho nên có mười người bị bắt thêm ở Drang.

Chiều nay, được tin *Phạm Ngọc Thạch* đến Đà Lạt. Nguyên Thạch có chân chính thức trong Phái đoàn, nhưng không có mặt ở Hà Nội khi Phái đoàn ra đi. Từ khi chúng tôi lên đây, luôn luôn mong đợi. Nhưng thấy thái độ chính quyền Pháp, chúng tôi không hi vọng gì nhiều về sự Thạch có thể đến đây. Khi nghe tin Thạch đã lên, tôi tưởng ảnh đã từ bưng vượt tuyến mà tới. Khi gặp mới thấy cùng đi với *bác sĩ Tung* và *Nguyễn Văn Sâm* từ Sàigòn lên. Thạch là một bạn học với tôi khi còn nhỏ. Năm 1943, tôi đã có nhịp ở nhà ảnh tại Sàigòn. Một bác sĩ trai trẻ nổi tiếng , nhà phú hữu, mặt tài hoa, giao du rất rộng trong các nhóm chính trị ái quốc đang thời và cả với một vài yếu nhân Nhật Bản ở Sàigòn. Tính cương quyết, thích ăn chơi. Chính vì ảnh, nên tôi đã viết bài về Tài xỉu đăng trong *báo Khoa Học* ở Hà Nội. Nay gặp lại Thạch thấy càng cương quyết nồng hậu, tôi rất đỗi mừng. Thạch báo cáo về việc kháng chiến hăng hái ở miền Nam, và rất tin tưởng vào độc lập và thống nhất của nước. Tung, một bác sĩ, người thấp, mặt tròn, nói rất nhiều, rất

hăng, giao du nhiều với chính khách Pháp thiên tả, nên đã lái xe lên lọt đến đây. Còn Sâm thì Trần Trọng Kim đã nói chuyện đến nhiều và thường khen với tôi là người trầm mặc. Vì vậy chính phủ T. T. Kim đã giao cho Sâm chức Khâm Sai Nam Bộ khi Nhật chịu giao chính quyền ở đó. Tôi chưa từng biết Sâm, nên mừng được gặp ở đây. Sâm người to cao, vạm vỡ, coi vẻ rất điềm tĩnh.

Sâm cho hay tình hình chính trị ở Sàigòn: trong đám sĩ phu có bốn hạng:

1.— Nhóm chủ trương thuộc Pháp: gồm phần lớn *người gốc Pháp;*

2.— Nhóm chủ trương tự trị hoàn toàn, tức là nhóm *bác sĩ Thinh;*

3.— Nhóm chủ trương tự trị hành chánh nhưng họp với ngoài Bắc thành nước Việt Nam, tức là nhóm *Nguyễn Phan Long;*

4.— Nhóm chủ trương thống nhất, trong đó có *bác sĩ Tung.*

Ba nhóm đầu sợ thống nhất: nhóm đầu vì là tư bản sợ chế độ cộng sản, nhóm nhì vì sợ không được tham dự chính quyền, còn nhóm thứ ba thì đã bị cách mạng ruồng rẫy nên sợ cho tính mạng.

Sâm cũng cho biết rằng ở địa phương, tuy Pháp không lập được chính quyền, nhưng ta cũng không kiểm soát được. Quân du kích đến đánh đồn rồi rút lui. Quân Pháp tới thì khủng bố dân, cho nên dân khổ. Nếu trưng ý trong trường hợp nầy thì có thể thua: ba nhóm đầu không chịu thống nhất, mà dân thì sợ khủng bố nên cũng theo chúng.

*

Sáng thứ hai 22 tháng tư, trước lúc họp ủy ban Chính trị, Max André trao thư cho Giáp nhờ can thiệp tha cho mấy người bị bắt (?), trong thư có ý dọa. Không khí có vẻ lại căng. Chín giờ ủy ban họp. Messmer chủ tọa nhắc lại lập trường của hai bên về điểm đình chiến; và nói rằng Phái đoàn Pháp không có quyền bàn đến việc đình chiến, và đề nghị giữ mục hiệu *Trao đổi chiếu hội* (Echange des memoranda).

V. N. Giáp trả lời dài, tấn công hăng. Đại ý nói: "Bây giờ trong Nam bộ vẫn đánh nhau. Chính quyền Pháp nói đó là dẹp giặc. Nếu nói đó là giặc thì FFI (quân du kích chống quân chiếm đóng Đức) của Pháp cũng là giặc chăng? Và Hiệp định sơ bộ nói rõ ràng rằng phải hai bên đình chiến. Vậy chúng tôi vẫn giữ yêu cầu ghi vào nhật trình Hội nghị vấn đề ấy..."

Về việc nầy, ta rất có lý. Nhiều phái viên Pháp cũng thấy vậy. Nhưng họ có lệnh của D'Argenlieu phải gạt đi. Messmer không chấp nhận lời Giáp, và bảo lướt qua vấn đề khác. Ta xin tạm dừng họp. Một giờ sau, họp lại. N. M. Tường giảng rõ rằng sự đề nghị của ta là theo lời Hiệp định sơ bộ; rằng không phải ta yêu cầu hai phái đoàn thi hành đình chiến, mà chỉ yêu cầu xét những phương sách đình chiến để đề nghị lên hai chính phủ. Vậy ta yêu cầu ghi câu nầy vào nhật trình nghị sự:

Khảo cứu chung những thủ đoạn sẽ đề cử để chấm dứt lập tức chiến tranh

và để gây một hoàn khí chính trị thuận lợi cho những cuộc điều đình.

Phe Pháp không chịu. Torel bảo: "Hiệp định Sơ bộ có hai phần: phần đình chiến thuộc về các Chính phủ, phần điều đình thuộc về Hội nghị.

Messmer nói thêm: "Chúng tôi không thể bàn về việc nầy, là *bởi phải tuân lệnh* (6). Chúng tôi cũng hiểu rằng phải gây nên một hoàn khí thuận lợi. Nhưng bây giờ chúng tôi nói *Không*, các ông lại nói *Có*, thì không bao giờ xong. Với tinh thần hòa giải, tôi đề nghị đem vấn đề nầy ra Toàn Thể đại hội ngày sau".

Ta phải nhận. Nhưng cảm thấy Phái đoàn Pháp đã nhận mệnh lệnh phải găng. Chiều, họp lần đầu Ủy Ban Quân Sự, tướng Salan chủ tọa. Họp trong phòng nhỏ, hai bàn dài đặt đối, hai tiểu ban đối diện. Nhìn sang bên kia, thấy lon những là lon; nhìn lại bên mình, may có ba lon làm sỉ diện! Ngồi đầu, chàng thư sinh vai hẹp đối với vị tướng quân cao ngồng. Đây là biểu hiệu cho hai binh đội đang đương đầu trên đất Việt Nam.

Tá tấn công; lại nêu vấn đề đình chiến về phương diện kĩ thuật ra làm chủ. Những điểm đề nghị của ta như sau:

1.— Thi hành đình chiến;

2.— Nghiên cứu cách hợp tác Binh đội Pháp đóng ở Việt Nam và Binh đội Việt Nam. Dự đảm (7) của Pháp vào bộ đội Việt Nam: quân nhu, huấn viên.

2.— Binh đội Pháp đóng ở Việt Nam: trách nhiệm, số lượng, phân trí, binh chủng, thời hạn đóng quân, hải cảng và địa điểm đóng đồn.

Phái đoàn Pháp không chối từ điểm đình chiến, nhưng đề nghị để xuống cuối cùng và chỉ chịu bàn đến các vấn đề khác thuộc về địa bàn *trên vĩ tuyến thứ 16* (Đà Nẵng).

Thảo luận càng giằng co. Tối đến, Max André lại chuyển cho N. T. Tam một lá thư trách rằng có người đã theo phái bộ lên đây để ngấm ngầm làm chính trị. Không biết họ muốn nói dự định của ta có người phụ trách sự liên lạc với địa phương, hay là họ ám chỉ chuyện bác sĩ Tung đưa P. N. Thạch và N. V. Sâm từ Sàigòn lên đây.

*

Sáng thứ ba, 23 tháng tư. Những việc hôm qua là triệu chứng rằng tranh biện sẽ rất gay go. Không biết Hội nghị có thể qua chướng ngại nầy không.

Quả vậy, Đô đốc D'Argenlieu tư một bức thông điệp nói về cái *máy vô tuyến điện truyền tin* mà Phái đoàn ta đã đem lên, và đã dùng trong bốn ngày nay, Thông điệp bảo rằng: "Đài ấy phải có giấy phép của Chính quyền Pháp mới được dùng. Vậy yêu cầu Phái đoàn Việt Nam tạm thôi dùng máy ấy, và Chính quyền Pháp sẽ vui lòng đảm nhận sự thông tin giữa Hà Nội và Phái đoàn".

Thật là khéo mỉa mai! Nhưng cũng rất là vụng, vì muốn lập một khối Liên

hiệp mà bắt đầu đã gây ác cảm tự trong. Ta cương quyết không nghe. Về sau không thấy Cao ủy phủ yêu sách gì về việc ấy. Chúng tôi phải thán phục các anh giữ trách nhiệm thông tin. Đêm ngày, và nhất là đêm, làm việc không ngớt, các nghị lực tốc kí hằng ngày đều hoàn toàn tin về Hà Nội. Chính phủ đã theo dõi từng ngày những khó khăn mà phái đoàn đang gặp, và cho chỉ thị cấp tốc. Chắc cơ quan trinh thám quân đội Pháp cũng theo dõi luồng sóng của ta. Giá thử họ muốn phá quấy sự truyền tin của mình thì rất dễ dàng. Nhưng thực ra họ không cần, mà nếu làm thì đã mang tiếng mà không có lợi.

Vì việc đôi bên không hòa thuận về mục Đình Chiến, nên Ủy ban họp dừng họp đợi buổi họp Toàn Thể Đại Hội nhóm ngày sau. Sáng nay chúng tôi ở trong phòng làm việc. Mười hai giờ trưa được tin thình lình *Phạm Ngọc Thạch đã bị bắt!*

D. B. Mai báo cáo cho phái đoàn họp cấp tốc biết rằng: Thạch với Mai lúc 12 giờ từ phòng Báo Chí tại khách sạn Hoa Viên (Hotel du Parc) ra. Trước cửa khách sạn có hai viên mật thám và một đại úy Pháp đứng chờ. Một viên hỏi Thạch: "Ông có phải bác sĩ Thạch không?" Rồi nó nói có lệnh đưa Thạch về Sở Liêm Phóng. Thạch trả lời rằng mình có giấy Chính phủ Việt Nam ủy sai làm sứ bộ. Chúng không chịu thả. Thạch lại nói: "Phải để tôi về báo cáo với trưởng đoàn đã". Chúng cũng không nghe, và nói: "Nếu ông không bằng lòng đi, thì chúng tôi sẽ dùng võ lực ép" Thạch bảo chúng: "Muốn dùng võ lực thì dùng".

Rồi chúng đẩy Thạch lên xe mà đi hút mất xuống Sàigòn. Sau lại nghe tin N. V. Sâm và bác sĩ Tung cũng bị trục xuất. Đà Lạt là đất của ta, mà ta lại bị cấm giao thông với Hà Nội, sứ thần ta và nhân dân lại bị trục xuất. Chính quyền Thực dân bấy giờ đã tỏ rõ ý định coi Nam phần từ vĩ tuyến 16 trở xuống không phải là đất Việt Nam nữa. Thế thì điều đình gì nữa! Trong bụng anh em nhất quyết soạn sửa trở về Hà Nội.

Bữa cơm trưa nầy rất buồn rầu. Bực tức không bờ mà phải tỏ bộ hồn nhiên. Ăn xong, Phái đoàn họp để bàn cách đối phó. Trưởng đoàn viết thư phản kháng, và điện về báo cáo cho Chính phủ hay. V. N. Giáp bàn rằng mình phải bình tĩnh trước những hành động khiêu khích của phái Thực Dân Pháp, và chiều nay vẫn phải họp Ủy ban Văn hóa như thường. Tôi đề nghị rằng: sẽ đi họp, nhưng lên tiếng phản kháng sự bắt Thạch rồi yêu cầu hoãn buổi họp. Nhưng nghe lời Trưởng đoàn, lúc ba giờ chiều, chúng tôi tới dự buổi họp Văn Hóa, mà không tỏ vẻ gì khác thường. Buổi họp hòa nhã, Gourou có lẽ thấy ta vẫn hòa nhã sau việc Thạch, cho nên cũng rất hòa nhã. vả về vấn đề Văn Hóa, phần lớn, ta bằng lòng trong giới hạn nếu điều yêu sách của Pháp không phạm chủ quyền của tự do ta.

Trong buổi họp nầy Torel đưa vấn đề lấy tiếng Pháp làm công ngữ. Ta phản kháng, nhưng nhận rằng tiếng Pháp được ưu đãi bực nhất. Hai bên ưng thuận thảo chung đề nghị:

1.— Ủy ban Văn hóa tuyên ngôn rằng vấn đề dùng Pháp ngữ làm công

ngữ thứ nhì ra ngoài phạm vi Ủy ban;

2.— Phái đoàn Việt Nam tuyên bố rằng Pháp ngữ chiếm địa vị bậc nhất trong các ngoại ngữ.

Tối hôm nầy, chúng tôi nhóm lại bàn kĩ về cách đối phó ngày mai, là ngày họp Toàn Thể đại hội: phản kháng sự bắt Thạch, đặt lại đề nghị đình chiến. Nếu bên Pháp chỉ nhận có "trao đổi chiếu hội", thì ta yêu cầu biên bản sự Pháp từ không chịu nhận ghi vấn đề Đình chiến vào nhật trình nghị sự. Nếu bên Pháp định lập ủy ban hoặc tiểu ban nghiên cứu vấn đề, thì ta sẽ nhận; nhưng để phản kháng sự bắt Thạch, ta không nhận liền, mà xin tạm ngừng họp, rồi khi trở vào, xin giải tán buổi họp.

Bấy giờ anh em kiểm điểm tất cả những sự kiện đã xẩy ra từ lúc lên đây. Thấy rằng: *Chính quyền Pháp bị phái Thực dân Pháp chi phối hoàn toàn, nhưng các Phái viên có phần thức thời hơn, về phương diện duy tâm, cũng có cảm tình với ta.* Họ rất nhã nhặn. Tuy lúc tranh luận có lời khó chịu, nhưng ngoài ra thì chuyện trò hồn nhiên và có khi thân mật. Chính đó cũng là một cách ngoại giao khéo của họ, có thể lợi cho sự điều đình. Hầu hết phái đoàn Pháp chắc không muốn phá hoại cuộc điều đình, tuy rằng ta cũng đã tình cờ biết chắc có một cố vấn hành chánh và chính trị đề nghị "lập một ngân sách trấn áp rất lớn, đem dày vài vạn người thì Đông Dương trở lại như xưa". Họ cũng đã nghĩ rằng sự định đoạt phải qua hai vai chính của Mặt trận Việt Minh: V. N. Giáp và D. B. Mai. Cho nên họ đã cố chiều chuộng hai anh, mời mọc thết đãi. Messmer và Bousquet thường nói chuyện với Giáp theo ngôn ngữ của những bạn đồng chí. Mỗi khi có việc khó khăn, họ cũng gắng dàn xếp với Giáp để làm bớt găng. Tướng Salan biết Giáp từ khi điều đình Hiệp định sơ bộ, thường tới phòng Giáp và cố giải thích những điều không đồng ý ở nghị trường. Ngoài ra, những phái viên khác cũng có mời mọc nhau. Còn Đô Đốc, thì mời mỗi lần hai phái viên Việt và hai phái viên Pháp ăn bữa tối. V. V. Hiền và tôi được mời cùng Pignon và Torel. Ông tiếp rất nhã, nhưng không vồn vã; nói chuyện chung về những chuyện văn hóa, chứ không hề nhắc đến chính trị.

*

Ngày thứ tư 24 tháng tư là ngày họp Toàn thể đại hội thứ hai. Vốn là để kiểm điểm những sự đã thỏa thuận giữa hai bên. Nhưng cụ thể thì không có điểm quan trọng nào đã thỏa thuận, mà lại còn thêm những sự xung đột bất thường, như chuyện bắt Thạch. Phái đoàn ta đã chuẩn bị phiên họp kĩ càng, nên vào phòng họp rất bình tĩnh.

Max Andre chủ tọa, đọc chương trình nghị sự, chỉ có đề nghị *Đình chiến* đặt ra ngày thứ bảy trước mà họ không chịu bàn. Max André đang trao lời cho Pignon, thì N. T. Tam đứng dậy, trịnh trọng nói về chuyện Thạch bị bắt, kể lại rõ ràng sự kiện đã xẩy ra. Các đại biểu Pháp đều cúi đầu lấy làm phiền.

Tam nói tiếp: "Sự ấy trái với tục lệ quốc tế. Là người phụ trách an toàn cho đại biểu Việt Nam, tôi phản kháng!"

Max André trả lời: "Nghe nói không phải Thạch đã bị bắt. Vì Thạch đã lên Đà Lạt một cách ngấm ngầm, cho nên đã bị đưa về".

Giáp nói: "Chúng tôi sẽ nêu vấn đề ấy sau nầy. Nay xin bàn qua về vấn đề khác" rồi đem ra bài diễn văn đã đọc hôm trước trong buổi họp ủy ban Chính trị ngày thứ hai. Max André bảo Giáp hãy đọc lại cho toàn ban nghe. Như trước tôi đã ghi, bài nầy đả kích thái độ Chính quyền Thực dân một cách kịch liệt, vì Kháng chiến ta với Kháng chiến Pháp trong hồi Đức chiếm. Các phái viên Pháp ngồi nghe, tỏ vẻ khó chịu; nhất là bởi hôm nay có các báo chí dự.

Pignon bèn đem đề nghị mà Phái đoàn Pháp đã sửa soạn cẩn thận. Đại ý là: "Hai phái đoàn đề nghị lên hai Chính phủ lập một tiểu ban riêng, không dính gì với hội nghị Đà Lạt, nhưng cũng làm việc ở Đà Lạt, để giải quyết vấn đề Đình chiến và để gây một không khí hòa hảo ở cả *năm xứ* Đông dương" Pignon lại thêm rằng đó là nhượng bộ cuối cùng.

Tôi xin đừng họp một giờ. Chúng tôi họp bàn. Tất nhiêu ai cũng thấy rằng chính quyền Thực dân càng ngày càng tỏ rõ thâm ý lập lại chính sách Thuộc địa Đông Dương xưa. Nói *năm xứ* Đông Dương là nói rõ ý phân tán đất Việt Nam như xưa ra làm ba, có lẽ từ vĩ tuyến thứ 16 trở lên là nước Việt Nam, Nam bộ là nước Nam kì, còn khúc giữa (hoặc chỉ vùng Cao nguyên) thuộc thẳng Pháp hoặc chính phủ Đông Dương. Xem vậy thì không những chính quyền Thực dân không chịu đình chiến, mà còn muốn khiêu khích để phá các cuộc điều đình. Sau nửa giờ bàn, ta trở lại tìm các đại biểu Pháp, nhưng vì đã hẹn nghỉ một giờ, cho nên phần lớn đã tan đi.

Đúng giờ hẹn, ủy ban lại họp. N. T. Tam xin đình chỉ buổi họp, và không hẹn ngày họp lại. Nhiều phái viên Pháp đã tưởng thế nào ta cũng nhận sự "nhượng bộ" của họ, bây giờ thấy ta xin hoãn mà lại không nói hoãn đến hôm nào. Họ rất bực tức. Gonon hỏi gắn: "Hôm nào họp lại? phải cho biết liền". Tam trả lời rằng hai chủ tịch sẽ định. Bourgoin hỏi ngày nào ủy ban Chính trị họp lại. Tôi trả lời tôi cũng không hay. Phái viên Việt nét mặt lầm lì nghiêm trọng, Phái viên Pháp ngơ ngác đứng dậy ra về. Cảm tưởng chung của anh em ta là chúng tôi không thể có hành động khác. Nếu Hội nghị có chấm dứt đột ngột thì thà nó chấm dứt ở điểm đình chiến? Đồng bào Nam bộ sẽ thấy rằng chính phủ Việt Nam và Tổ quốc không quên họ. Tuy Tam không nói Phái đoàn đợi hỏi chỉ thị của Chính phủ, nhưng bên Pháp và bên ta ai cũng đoán như vậy.

Tâm trạng Phái đoàn ta, thì như thủy thủ một con thuyền chịu gió bão, cảm động nhưng không hoang mang, xiết chặt cùng nhau vì đoán sẽ phải qua cơn mưa sa sóng dập. Buổi chiều tối hôm ấy, sau khi anh em bàn việc chung xong, N. T. Tam nói:

"Tôi có một tâm sự muốn nói ra".

Anh em đều im bặt, hơi ngạc nhiên, đợi. Tam tiếp:

"Khi trước, anh em phái Quốc gia và anh em phái Cộng sản không hiểu nhau. Sau một tuần làm việc với nhau, thấy ai cũng đồng lòng yêu nước. Có kẻ trước mang tiếng thân Pháp, nay cũng đều tranh thủ cho Quốc Gia"

Tôi không rõ Tam nghĩ đến ai khi đã nói đến "kẻ trước mang tiếng thân Pháp".

V. N. Giáp trả lời: "Anh em càng làm việc với nhau, càng hiểu nhau, càng phải đoàn kết".

Tôi nghĩ thầm rằng ví như Hội nghị phải dừng, thì nó cũng không vô ích, vì nó đã làm cho các lãnh tụ Đảng phái hiểu nhau. *Chính đảng là phương tiện để làm việc dân, việc nước*. Đảng nhân có hiểu cho như thế không? Nếu các anh Tam, Giáp thuyết phục được đồng chí mình, thì là phúc cho dân và nước ta.

*

Chiều hôm ấy (24-4), chúng tôi vẫn đi dự ủy ban Văn Hóa để tỏ rằng mình không thỏa thuận về chính trị, nhưng vẫn muốn hợp tác về Văn hóa. Gourou hôm nay có đem Ner đến dự. Cả hai người đều là giáo sư cũ trường Trung Học Pháp ở Hà Nội. Tôi đã là học trò của hai người. Trước ngày Quân đội Nhật đảo chánh, Ner đã có lúc thăm dò ý kiến một số trí thức ta ở Hà Nội. Đề nghị Pháp muốn ta cam đoan dạy tiếng Pháp trong toàn quá trình Trung học, và một vài môn, sẽ dạy bằng Pháp ngữ; nếu có nhiều ngoại ngữ bắt buộc, thì Pháp ngữ đứng đầu. Về nguyên tắc, chúng tôi không thể cam đoan, vì đó là vấn đề nội trị. Nhưng về thực tế, thì chúng tôi đồng ý. Tối hôm ấy, Gourou mời Nguyễn Văn Huyên và tôi ăn cơm. Gourou cho biết rằng Pháp sẽ đòi lại viện Viễn Đông Bác Cổ, nhưng để cho những nhà khảo cứu Việt Nam dùng; về việc khai quật thì sẽ thỏa hiệp với ta. Nước Pháp muốn mở những viện khảo cứu về mọi ngành ở mọi nơi.

Gourou muốn về Pháp chóng nên ủy ban Văn hóa họp luôn, kể cả ngày lễ Phục Sinh, 25 tháng tư. Trong những buổi họp ấy, phái viên Pháp đem những đề nghị vụn vặt, như chuyện mở trường, sự cấp học bổng, sự viện trợ cán bộ, giáo sư. Ta thì vẫn nói rằng những chuyện ấy dễ thỏa hiệp, nhưng phải có sự thỏa hiệp giữa hai nước tự do.

Phái viên Pháp hết sức dùng ngoại giao cá nhân trong mấy ngày nầy. Nhất là Giáp rất được săn đón bởi tướng Salan về vấn đề Binh bị và Meisser, Bousquet về vấn đề Chính trị.

Sáng ngày 26 tháng tư, ủy ban Văn hóa họp phiên cuối cùng. Lại tranh luận nhì nhằng những điểm không quan hệ đối với chính trị đại quan. Chiều đến, V. N. Giáp báo cáo qua về cuộc nói chuyện riêng với Messmer và Bousquet. Giáp tóm tắt rằng: "Họ nói thể nhượng bộ về Chính trị, nhưng sẽ giằng co lấy Kinh tế, Văn Hóa và Quân Sự. Họ cũng muốn ta làm sao cho Hội nghị tiến hành ít nhiều; kẻo như thế nầy thì họ sẽ về Paris mà không được

việc gì hết".

Ngày hôm sau thứ bảy 27 tháng tư, không hội họp chính thức gì nữa. Hội nghị hình như đã chấm dứt. Phái đoàn ta họp riêng để trao đổi tin tức. Bùi Công Trừng bàn nên họp hội nghị Toàn Thể gấp đi. Nhưng V. N. Giáp nói để Giáp nói chuyện thêm với Messmer và Bousquer để xem có thỏa thuận được điểm nào chăng, rồi sẽ đem ra Đại Hội Đồng (*).

B. C. Trừng nguyên là một thanh niên cách mệnh bị công an Đông Dương bắt giam khi đang còn rất trẻ. Người gầy yếu, ăn nói nhẹ nhàng, nhưng nghe nói Chủ tịch chính phủ rất tin yêu. Anh là phái viên độc nhất tranh luận bằng tiếng Việt; có N. M. Tường ngồi cạnh dịch xấp. Trong các buổi họp Chính trị, Trừng ngồi cạnh *D. B. Mai*. Hai người dáng điệu hình dung trái ngược nhau. Mai cao lớn tráng kiện, tinh thần hùng vĩ, tính nóng như sôi, hình như đã có biệt xưng là "Hổ miền Nam". Trong khi việc tranh luận trước buổi họp, thường cử Mai làm xung phong khi ta muốn tấn công. Nhưng khi không muốn có sự xô xát găng thì, trái lại, dùng Trừng để ăn nói ôn tồn bằng tiếng Việt để giải nồng. Trừng lại có nhiệm vụ "kéo áo" Mai, khi Mai can thiệp vào lúc không định trước hoặc nói năng quá chớn. Tôi còn nhớ có hôm Mai đang nổi cơn thịnh nộ đáp lại lời vô lí của một đại biểu Pháp, vung tay, vỗ bàn; Trừng ngồi cạnh kéo áo anh ta. Mai tức quá quay lại mắng cả Trừng; đến quá buồn cười! Khiến dũng khí Mai thành vô dụng!

Sau khi đi gặp lại hai thuyết khách Pháp đã nói trên, Giáp trở về báo cáo rằng:

"*Hai người ấy cho biết các điều yêu sách của Pháp. Đại lược như sau:*

"Về Chính Trị.— *Ta sẽ tự do trong nước. Sẽ trưng cầu dân ý ở Nam Bộ. Ta sẽ phải để Pháp chăm sóc đến dân tộc thiểu số: Thái, Mọi vân vân...*

"Về Kinh Tế.— *Các công nghệ Pháp có từ trước phải để nguyên. Quan thuế và Hối đoái chung thuộc Liên bang. Cơ quan Liên bang cũng có những trách nhiệm về Trang Bị và Bưu Chánh.*

"Về ngoại giao và Quân Sự.— *Ta sẽ có nhưng trong hàng ngũ Liên Hiệp Pháp".*

"Về Văn Hóa.— *dễ thỏa thuận".*

Thấy vậy, ta hết hi vọng đi đến một thỏa thuận can trọng gì. Nhưng cũng theo đúng chỉ thị của Chủ tịch trước lúc đi: hễ gặp việc không thuận thì đừng nói để hỏi Chính phủ, cứ bỏ qua mà bàn sang chuyện khác. Vậy cũng phải soạn sửa nhóm họp trở lại với Phái đoàn Pháp trong tuần sau.

Trưa thứ bảy nầy, Max André mời Phái đoàn ăn cơm. Có một viên cai trị người Hòa Lan từ Nam Dương sang dự. Ấy là Broode, người cao to, mắt hiền, chút râu mép, nói tiếng Pháp rất thạo. Khi ăn xong, ông ta lại người cạnh Giáp và tôi, và nói chuyện khá lâu, xem ý muốn lường trình độ Việt Nam. Tôi có hỏi tình hình Nam Dương mà chúng tôi biết sắp thoát ách thực dân. Broode cho hay rằng: "Ở Java, Soekarno trước đã theo Nhật, còn Chariar thì là người chính kiến tự do. Nội các Chariar không quá khích, nhưng thanh

niên Java đã được Nhật dạy trong ba năm và đã được Nhật cho nhiều khí giới. Bây giờ tình tế rất khó khăn cho chúng tôi. Hoà Lan thì yếu, mà Anh, vì việc Ấn Độ không giúp chúng tôi nữa".

*

Thấm thoát đã đến Chủ nhật lần thứ hai ở Đà Lạt. Hôm nay là ngày 28 tháng tư. *N. T. Tam* bị ốm từ hôm qua, có lẽ bị cảm lạnh. Tôi không biết Tam, trước khi có phái đoàn Đà Lạt, nhưng cũng biết ảnh là *Nhất Linh* trong nhóm *Tự Lực Văn Đoàn* và nhất là chủ bút những tạp chí *Ngày Nay, Phong Hóa* đã vang tiếng một thời. Bấy giờ, ảnh người cao nhưng gầy, mặt dài má lép, chút râu trên mép, đôi mắt to nhưng ra vẻ mệt nhọc hay chán chường. Cử chỉ lễ độ, ăn nói chững chàng, trong buổi xã giao hội họp với kẻ Chức trách, hoặc Phái viên Pháp, ảnh đã có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mức, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao và chủ tịch Phái Đoàn Việt Nam.

Tới phòng ảnh thăm, rồi một nhóm anh em đi ô tô dạo một vòng để giải trí. Tới *hồ Than Thở* (Lac des Soupirs), cây cối vẫn um tùm, thông vẫn xanh, hoa vẫn thắm, hình như dửng dưng đối với những biến cố đau thương đã xẩy ra đây.

Đi qua *xóm Robinson*, phong cảnh y nhiên, nhưng bóng người vắng tanh. Ngồi trong xe, hơi chột dạ. Biết đâu những địa lôi của quân ta chôn đâu đấy không tàn sát Phái viên ta!

Về đến *Chợ*, chúng tôi trả ô tô để đi dạo phố. Người ta trở về khá đông. Phố xá đã mở lại. Chắc phần lớn là những người hoặc giúp Pháp hoặc không sợ tình nghi mới dám trở về và mới được trở về trong lúc nầy. Tôi vào một tiệm hớt tóc. Trong khi chủ nhân cắt tóc, tôi lân la hỏi chuyện. Người ấy lập tức biết tôi là nhân viên Phái đoàn Việt Nam. Y kể chuyện:

"Tôi người Hà Nội, ở trong nầy đã lâu. Sau ngày cách mạng các người ở ủy ban hành chánh ở đây bất lực, nhất là tụi Hà Tĩnh!"

Xong, vào một hiệu bán tạp hóa. Chủ hàng phàn nàn đã bị mất hết hàng hóa, đã bị ta và Tây cướp hết. Y lại cho hay rằng những dân cư Đà Lạt, khi bị quân Pháp đánh lên, nhiều người chạy xuống vùng Ba Lát (Phan Rang), bị chết rất nhiều.

Buổi chiều, *V. N. Giáp, V. V. Hiền* cùng tôi làm việc dự thảo các đề án về việc Nam Bộ. Sau khi bàn luận viết lách lâu, chúng tôi ngồi nghỉ ngơi. Tôi mới hỏi Giáp về tình hình Nam Bộ. Giáp cho hay rằng: "Theo Thạch, thì tình hình nay khả quan. Nhân dân hăng hái cứu nước. Chỉ một số trưởng giả bị Pháp lợi dụng mà thôi. Về binh bị, thì ban đầu, những lãnh tụ các binh đoàn ô hợp chỉ biết tôn chủ nghĩa anh hùng, chiến đấu hi sinh như trong những trận chính qui. Vì vậy đã bị tổn thất chủ lực nhiều, rồi sinh ra chán nản thoái chí. Nay binh đội biết theo kỉ luật du kích, cho nên quân Pháp không thể lập lại chính quyền".

Giáp tỉ tê nói chuyện rất thân mật; ngỏ ý tiếc đã không biết chúng tôi sớm hơn. Tuy anh không nói ra, nhưng cũng đoán rằng những thành kiến đối với "trí thức" không đúng. Tôi nhân đó nhắc lại câu chuyện tâm sự của Nguyễn Tường Tam hôm trước và tỏ ý ngạc nhiên trước sự anh em Cách mệnh Mác Xít hiềm khích với đảng Quốc Dân. Tôi đã nói: "Cả hai đảng hi sinh xương máu như nhau hồi 1930, 1931".

Giáp trả lời: "Nếu các anh Quốc Dân đảng như Nguyễn Thái Học còn thì sao chúng tôi lại không bái phục. Nay thì khác, có người chỉ dựa tên Đảng, mà làm tay sai cho tụi Đế quốc để diệt Mác Xít mà thôi. Với những phần tử Quốc Dân Đảng ái quốc, chúng tôi vui lòng hợp tác..." Rồi Giáp thêm: "Quốc Gia như các anh, thì chúng tôi rất quí trọng. Chúng ta hợp tác dễ dàng".

*

Lại sang tuần khác. Đã đến 29 tháng tư, mà không có chỉ thị gì mới. Sau khi về đến Hà Nội, mới biết rõ chuyện xung đột kịch liệt giữa lính Pháp và lính Trung Quốc ở bờ Hồ Hoàn Kiếm tại Hà Nội chiều ngày 28. Bấy giờ bộ đội thuộc tướng *Lư Hán* còn đóng ở Hà Nội. Vì sự đụng chạm giữa xe nhà binh của Hoa và Pháp, các xe khác của đôi bên kéo tới; rồi hai bên bắn nhau dữ dội, giết và hoại thương nhiều quân nhân cả hai bên. Trong vụ ấy quân đội và cảnh binh ta không can thiệp. Nhưng chắc Chính phủ đã chờ xem hậu quả cuộc xung đột ấy ra sao, cho nên đã không vội cho chỉ thị họp Đại thể hội đồng trở lại. Tuy vậy vẫn tiến hành soạn sửa họp các Ủy Ban.

Sáng thứ hai ấy, ta trao cho Phái bộ Pháp đề nghị về việc Đại diện Ngoại giao, và phản đề án về việc Đình Chiến để đem ra bàn ở Đại Hội.

Ba giờ chiều, họp ủy ban Tài Chính và Kinh Tế. Phái viên ta chịu nhượng bộ một vài điểm. Bên ta chịu để hàng hóa và người qua lại tự do trong các nước và qua biên giới các nước Liên Bang. Ta cũng nhận sự cần có một cơ quan chung về quan thuế, và một cách độc nhất đánh quan thuế. Bên Pháp muốn kết luận rằng ta đã chịu *Liên Hiệp quan thuế*; nhưng ta cải chính. Tuy vậy, Pháp mừng lắm về sự nhượng bộ của ta, rồi vin vào đó để buộc ta đi vào lưới chế độ *Liên Bang rộng*. Thấy phái viên Pháp mừng, V. V. Hiền hơi chột dạ, sợ đã hớ. Nhưng khi về kiểm điểm, thấy về Chính trị ta không nhận điều gì có tính cách Liên Bang.

Cũng chiều nầy, ta nhận được một khẩu điệp của tiểu ban Quân Bị Pháp, chỉ gồm những đề nghị thuộc địa bàn trên vĩ tuyến thứ 16, để tỏ ý rằng dưới nước Việt đã vào chủ quyền Pháp rồi.

*

Chiều tối hôm sau, là ngày thứ ba 30 tháng tư, Phái đoàn Pháp trao lại

thông điệp trả lời đề nghị về Ngoại giao của ta, từ chối tất cả đề nghị của ta. Họ vẫn giữ nguyên tắc: Việt Nam chỉ có thủ tục ngoại giao trong khối Liên Hiệp Pháp, mà lại phải qua thủ trưởng Liên Bang nữa. Cảm tưởng chung là tuy phải họp trở lại, nhưng chắc không thể thỏa thuận được một điều gì.

Tâm trạng ai nấy rất buồn. Nhưng cũng phải nén lòng dự các sự gặp gỡ ngoại giao.

Đại tướng *Juin* từ Trung Quốc về Pháp, ghé thăm Đà Lạt. Ông đã được Chính phủ Pháp phái đi Trùng Khánh để tỏ tình thân thiện của hai nước, và thâm ý là cả hai sẽ đè lên lưng nước ta; như hơn sáu mươi năm trước. Chiều 30 tháng tư, Đại tướng đến Đà Lạt, bèn mời nhân viên hai Phái đoàn đến để gặp trong một tiệc rượu. Khi chúng tôi tới, đã thấy rất đông người, trò chuyện ồn ào. Đại tướng người không cao, to bề ngang, nét mặt thô. Đã bị trọng thương ở tay phải, cho nên bắt tay bằng tay trái. Khi bắt tay chúng tôi, ông lại nghiêng mình rất kính cẩn. Không biết có phải vì ông đã quen lễ ấy trong khi phải thù tiếp với các nhân vật Trung Quốc trong hai tuần vừa qua; hay vì bác sĩ Luyện đã nghiêng mình khi bắt tay ông.

Tướng Salan giới thiệu Giáp với Juin. Giáp cùng Juin nói chuyện khá lâu. Giáp phàn nàn về sự vẫn đánh nhau ở Nam Bộ. Juin hứa rằng sẽ nói chuyện ấy với tướng Leclerc và sẽ có sự ngừng chiến; nhưng đó chỉ là lời lễ độ đưa đẩy mà thôi.

Trong buổi họp ấy, tôi gặp *P. Mus*, là một nhà khảo cứu về văn hóa Đông Phương nhiều và cũng là nhà chuyên môn về xã hội học và làm cố vấn tâm lí cho Leclerc. Mus kể chuyện đã được Chính Phủ Pháp cho thả dù xuống Đông Dương trước ngày đảo chính Nhật, và đã có ý tìm tới gặp tôi, có lẽ vì chuyện liên lạc giữa tôi và tướng Mordant mà tôi đã kể trên kia. Nhưng bấy giờ sự ông ta nhảy dù xuống Đông Dương phải giữ rất kín đối với quân Nhật, cho nên không có nhịp gặp người Việt Nam. Sau ngày mồng 9 tháng ba, ông ta lại trốn thoát ra ngoài. Nay lên đây để thay thế Gourou cầm đầu tiểu ban Văn Hóa Pháp.

*

Thứ tư, mồng một tháng năm, ngày lễ Lao Động của phần lớn thế giới. Tại Đà Lạt cũng nghỉ họp. Nhưng riêng anh em đây cũng họp dự thảo các lời đáp đề nghị Pháp về việc Ngoại Giao và về Khối Liên Hiệp Pháp.

Mười một giờ sáng, toàn bộ của Phái đoàn ta họp ở phòng thường trực để làm *lễ mồng một tháng năm*, chỉ trừ N. T. Tam còn ốm.

Trần Đăng Khoa chủ tọa ngồi đầu bàn. Hai bên tả hữu, ngồi dóng mặt nhau, có Giáp và tôi. Các phái viên khác theo thứ tự khi vào phòng, nối nhau ngồi thành hai dãy dài. Sau một phút mặc niệm đến những anh hùng tử sĩ đã hi sinh cho nước, Giáp mở lời nhắc lại lai lịch lễ *Mồng một tháng năm* ở nước ngoài và ở Việt Nam. Rằng: "Lễ ấy bắt đầu có ở nước Hoa Kì về thế kỷ thứ

mười chín. Ở nước ta, lễ ấy bắt đầu được cử năm 1929 tại Vinh; nhưng bị Chính quyền Thực Dân đàn áp. Đến năm 1937, mới chính thức được tổ chức ở Hà Nội. Đầu hết, đó là lễ của giai cấp cần lao; sau thành quốc lễ của nhiều nước".

Rồi Giáp tỏ bày ý kiến. Đại khái, anh nói cần phải thống nhất về mọi phương diện mới có thể củng cố độc lập. Cuối cùng kết luận rằng: "Hội nghị Đà Lạt sẽ có kết quả hay. Lên đây chúng ta ở chung đụng cùng nhau, hiểu nhau hơn; cho nên sự đoàn kết lại càng chặt chĩa. Chắc khi về Hà Nội, sự hiểu nhau ấy sẽ có ảnh hưởng lớn".

T. Đ. Khoa yêu cầu cử tọa phát biểu ý kiến. Tất cả ngồi im lặng khá lâu. Giáp bèn bảo tôi: "Anh Hãn nói trước".

Tôi phải đáp lời. Bèn đứng dậy, bắt đầu nói: "Chắc ai cũng nhận xét như anh Giáp, và cũng hi vọng như anh... Hôm nay, ta nên nhớ đến một người vắng mặt..." Nói đến đó tôi thấy cử tọa ra vẻ hơi ngạc nhiên, có lẽ đã nghĩ đến anh Tam vắng mặt, không biết chỉ vì còn ốm hay không muốn kỉ niệm ngày mồng một tháng năm. Tôi nói tiếp: "Nên nhớ đến một người vắng mặt, anh Phạm Ngọc Thạch" Trông mọi người đều đổi sắc mặt, nghiêm nghị ngồi nghe. Tôi lại tiếp: "Anh Thạch đã tự mình lên được đến đây để nhập vào Phái đoàn chính thức của ta. Thế mà lại còn bị trục xuất. Chúng ta ai mà không tức giận. Ngồi đây còn có một đại biểu Nam Bộ khác, anh Dương Bạch Mai. Chúng ta yêu cầu anh nói một vài lời. Ít ra nữa, chúng ta sẽ được nghe giọng nói của đồng bào Nam Bộ".

Thế rồi Mai đứng dậy, vung tay xoay mình diễn thuyết một tràng dài về địa vị và công trạng giai cấp Vô sản. Anh cương quyết kết luận rằng: "Không ai được phỉ báng và đẩy ra ngoài những người Vô Sản".

Không khí khá nặng nề, vì không ai nghĩ đến vấn đề chính trị đảng phái, tuy rằng nhằm ngày mồng một tháng năm. Nhưng ai cũng đã hiểu biết rõ anh D. B. Mai, một tay cách mạng bồng bột, trung thành, nồng nàn, mà khi nói hăng thì lời dữ hơn bụng. Vì vậy, anh em ai cũng yêu ảnh. Cho đến các người Pháp đã quen không khí Kháng Chiến trên đất Pháp, thường không giấu ý mến anh ta.

Đến phiên bác sĩ Luyện đứng dậy bày tỏ những lẽ mà mình đã gia nhập Mặt trận Việt Minh. Bác sĩ nói: "Ấy vì tôi đã nhận xét, thấy chỉ quần chúng mới chịu hi sinh. Nhưng cũng không nên để Vô Sản dẫn đạo một mình. Đó cũng là bổn phận của trí thức..." Vì lẽ đó bác sĩ kết luận: "Chỉ có Dân Chủ là phải hơn hết".

Không hiểu vì sao bác sĩ đã bày tỏ những ý tưởng ấy. Có ý trả lời D. B. Mai chăng? Vốn thật, trong Phái đoàn không ai nghĩ đến tranh luận về chánh trị. Những lời phát biểu trên không làm hài lòng cử tọa lắm; nhất là bác sĩ Luyện lại nói ấp úng, dây dưa hồi lâu. Tôi phải nói lãng ra chuyện khác. Tôi đề nghị tóm tắt các công việc đã làm từ lúc lên Đà Lạt để mọi người nghe. Nhiều người vì bận, đã không theo dõi các buổi họp hàng ngày. Cuối cùng Giáp kể

tình hình trong Nam Bộ.

Chiều ngày ấy và cả ngày sau, mồng 2 tháng năm, không hội họp gì. Chúng tôi cũng không ra ngoài, quây quần cùng nhau hoặc riêng rẽ nghĩ đến phiên họp Đại Hội ngày mồng ba. Phe Pháp đã trả lời không chấp nhận phản đề nghị của ta. Phái đoàn ta bàn phải nhận đề nghị của họ, nhưng sẽ thêm thắt một vài điều.

*

Thứ sáu, mồng 3 tháng 5. Sau chín ngày dừng họp Ủy Ban Chính Trị và Toàn Thể đại hội, nay bắt đầu họp Đại Hội Đồng để thanh toán vấn đề Đình Chiến để có thể bàn đến các việc khác quan trọng trong chương trình nghị sự. Phái đoàn ta cũng hiểu rõ rằng kéo dài Hội Nghị cũng không đi đến đâu nữa, vì ý định lập chính phủ Liên Bang của Pháp rất cương quyết và chỉ nhận thí cho Việt Nam một vài danh hiệu trống không. Trái lại Phái đoàn Pháp có lẽ tiên đoán ta sẽ tấn công dữ, nên cũng đã soạn sửa phản công mãnh liệt. Lại thêm có những sự bất ngờ sẩy ra, nó sẽ làm phiên họp hôm nay náo nhiệt.

Bốn giờ chiều. Trời vừa mưa. Các phái viên tề tựu đông đủ. Các nhà báo ngồi đợi, tò mò; chúng ức đoán sẽ có việc gì quan trọng.

Đến phiên Nguyễn Tường Tam chủ tọa. Tam giảng lí do phiên họp Đại Hội lần nầy; nhắc lại sự hai Phái Bộ không đồng ý với đề nghị Đình chiến của đối phương, và cuối cùng Phái đoàn Pháp đã kiến nghị xin hai Chính phủ lập một ủy ban ngoài Hội Nghị để nghiên cứu vấn đề Đình Chiến. Tam kết rằng: "Hôm nay họp là để Phái đoàn Việt Nam trả lời kiến nghị ấy".

Nhìn mặt các người Pháp trong phòng họp bấy giờ, thấy đều lầm lì. Không khí nặng nề. Họ sợ hay mong ta chấm dứt Hội Nghị chăng? Họ sợ ta phản công chăng?

Max André đứng dậy, trịnh trọng nói rằng: "Ba giờ trước lúc nầy, ông hội đồng tư vấn *Trần Văn Thạch* vừa bị ám sát tại Sàigòn. Chúng tôi kính chào linh hồn người quá cố, người đã nối lại con đường bằng hữu giữa Pháp và Việt; và chúng tôi mạt sát những kẻ sát nhân và những kẻ xui giục chúng".

Không khí phòng hội càng nặng nề. Tin nầy có lẽ tất cả phái viên ta bấy giờ mới hay. Ai cũng có vẻ ngạc nhiên, nhưng cũng đều cúi gằm mặt. Riêng tôi, tôi đã biết T. V. Thạch nầy khi cùng ở nhà Học xá Đông Dương tại Paris. Khi còn học Dược Khoa, ảnh đã nổi tiếng trong đám sinh viên là một gã ăn chơi sang trọng, nhưng học hành cũng được tốt nghiệp. Tôi không ngờ nay ảnh đã nhập vào nhóm bác sĩ Thinh, để đến nỗi thiệt mạng.

D. B. Mai đứng dậy trả lời, với giọng rành mạch, hùng tráng, sỉ mắng "những người bán nước ở Nam Bộ để kéo dài chiến tranh". Mai nói tiếp rằng: "Ở Nam Bộ, nước Pháp đang bị lừa dối bởi những kẻ có tham vọng đồ sộ. Nhưng họp hôm nay là bởi phái đoàn Việt Nam muốn công việc Hội nghị tiến hành, và muốn tỏ lòng hợp tác với nước Pháp. Vậy Phái bộ Việt Nam

nhận lời đề nghị của Phái đoàn Pháp đưa ngày 22 tháng tư; chỉ yêu cầu thêm vào ba điểm để làm thêm rõ ràng: một là mỗi bên cử ba người vào Ủy ban nghiên cứu Đình Chiến; hai là sau khi Hội Nghị Đà Lạt giải tán, ủy ban ấy sẽ tiếp tục làm việc ở Hà Nội hoặc ở Huế; ba là tại phiên họp đầu, Ủy ban sẽ bàn về Đình Chiến ở Nam Bộ".

Hội nghị dừng tạm hai mươi phút để hai bên bàn riêng. Có phái viên bên ta muốn, lúc vào hội trở lại, trả lời về việc Trần Văn Thạch, và nên nói: Việt gian bị giết là đáng. Tôi đáp: "Xin bàn về sự có nên trả lời hay không. Trả lời thì đã có anh Mai làm rồi. Đã chuyện Thạch trước, lại chuyện Thạch sau; ta nên lờ đi kẻo đối phương dễ tuyên truyền khiến ta khó nói".

Khi trở vào hội, bên ta im lặng. Pignon nói Phái đoàn Pháp ưng nhận những điểm thêm của ta, nhưng "nếu có việc khác cũng quan trọng như vậy, thì cũng sẽ phải bàn liền". Phe ta ưng thuận. Ai cũng tưởng về việc xung đột nầy, như thế là tạm yên. Nhưng Pignon vẫn trách chính phủ ta để dân gây nhiều sự quấy rối, giết gióc, phá hoại. Giáp trả lời rằng: "Việc Đình Chiến đã thôi bàn ở đây, thì nó sẽ được đưa bàn giữa hai Chính phủ và ở Ủy ban nghiên cứu".

Messmer giơ tay xin nói. Rằng: "Từ trước tôi không muốn can thiệp vào việc bàn Đình Chiến ở Nam Bộ. Nhưng vì Giáp đã chọn vấn đề ấy để tranh thủ, thì tôi phải bàn và trả lời".

Nên để ý đến cách xưng hô của Messmer. Ông ta đã nói "Giáp" chứ không nói "ông Giáp". Ấy vì từ lúc chúng tôi lên Đà Lạt, Messmer, với Bousquet đã làm thân với Giáp, bàn luận riêng với nhau nhiều, và có cử chỉ đối với Giáp như bạn thân. Vả chăng, có lẽ Messmer trong thâm tâm không đồng ý kiến với Đề đốc D'Argenlieu về vấn đề Nam bộ, chứng là lúc ông đã có lúc trả lời ta rằng: ông không bàn đến vì phải tuân lệnh. Là một kháng nhân Pháp thành thực có lẽ ông có cảm tình với Giáp thực. Nhưng nếu có cảm tình, thì hôm nay cảm tình cũng hết rồi.

Messmer nói tiếp: "Đây là giấy má quan trọng mà chúng tôi đã lượm được tại Nam Bộ. Tôi có cả hồ sơ lớn, có cả nguyên văn. Đây là dịch một vài bài. Về việc đốt kho thuốc súng (10), có giấy của chỉ huy khu 7, Nguyễn Bình, đã ghi rằng "*một cảm tử ta đã đốt được kho thuốc súng Sàigòn*". Làm như thế, các anh không nghĩ đến các người sẽ bị nạn ở vùng lân cận. Có lẽ các anh bảo rằng đó là việc xảy ra trước lúc họp Hội Nghị ở Đà Lạt. Nhưng đây là một mệnh lệnh khác của chỉ huy Nguyễn Bình nữa. Lệnh rằng: *Để ủng hộ Hội Nghị Đà Lạt, có lệnh tổng tấn công*".

Giáp trả lời rằng: "Một là, nếu quân đội Pháp không đình chiến, thì quân Việt vẫn phải tự vệ để bảo tồn danh dự và phải bắn trả lại. Nếu quân Việt Nam còn bắn, thì Pháp vẫn đánh lại. Như thế thì chỉ kéo dài sự khủng bố dân, chứ binh sĩ hai bên không thiệt hại gì. Hai là về việc đốt kho thuốc đạn và lệnh tổng tấn công để ủng hộ Hội nghị Đà Lạt, thì chúng tôi không được biết đến. Nhưng sở dĩ có những việc ấy, là vì quân Pháp bắt đầu tàn sát nhân dân.

Đây là một vài chứng cứ: trong những ngày 14, 15... tháng tư, máy bay Pháp ném bom giết năm mươi người và làm bị thương một số lớn người, đốt cháy nhiều nhà. Kể ra hết thì vô cùng! Vậy chúng tôi yêu cầu ngừng hẳn đánh nhau."

Max André dàn xếp qua loa. Rồi N. T. Tam nói nên bàn sang mục thứ hai trong chương trình nghị sự hôm nay: trao đổi ý kiến về các đề nghị đã trao đổi giữa hai Phái bộ.

Như trên đã kê, trong khi chờ đợi họp buổi Đại hội nầy, hai bên vẫn tiến hành trao đổi những đề nghị Kinh tế và Quân sự. Về mục các tài sản, kĩ nghệ của Pháp hiện có ở đất Việt Nam, Pháp đã đề nghị phải để y nguyên tất cả. Ta đã phản nghị rằng về một vài ngành cốt thiết cho sự sinh hoạt của toàn dân thì chủ nhân cũ phải nhường lại cho nhà nước ta.

Sau lời ôn hòa của Tam, Bousquet lại đại tấn công. Rằng: "Đề nghị ngày mồng 2 tháng 5 của Phái đoàn Việt Nam về các công nghệ của Pháp làm cho Phái đoàn Pháp rất ngạc nhiên. Đó là một thủ đoạn lược đoạt (spolier). Từ bữa sang đây đến nay, chúng tôi gặp gỡ một vài phái viên Việt Nam một cách thân mật. Chúng tôi đã không ngờ rồi có đề nghị nầy. Các anh sẽ mất cảm tình của một vài bạn các anh. Cũng thuộc lí tưởng ấy, các anh đã chiếm đoạt Viện Pasteur".

Sự can dự một cách hung tợn của hai ông "bạn anh Giáp" làm tôi khá ngạc nhiên. Họ đã thành thực có cảm tình với anh Giáp mà nay thành thất vọng nên đổi thân ra ghét chăng? Hay trước họ giả dối lấy tình để nhử rồi nay lật rõ bản tướng chăng? Tôi lại nghĩ: đối với dân Việt Nam, thì những người nầy là người mới, của nước "Pháp mới". Chắc họ không có những thành kiến xấu của những kẻ thực dân bám hại dân ta từ trước. Vì vậy trong khi hoãn hội nghị mười lăm phút, chúng tôi đã đoán rằng Phái đoàn Pháp đã dùng một chiến lược tranh luận không đúng mức hôm nay mà thôi. Chắc họ tưởng rằng sau khi Hội nghị sắp bí tắc, thế nào ta cũng tấn công dữ, cho nên họ đã cắt công việc cho những Phái Viên chính trị can trọng, từ Pháp gửi sang, ra phản công kịch liệt. Họ đem những sự kiện rất bất lợi cho thanh thế ta để buộc tội ta đã dùng ám sát, phá hoại, lược đoạt để phá hội nghị và cuộc điều đình. Họ đưa ra những người mà họ coi là thân tả, để tỏ rằng các tả đảng ở Pháp cũng mất cảm tình đối với ta, và để bảo trước rằng đừng mong khi sang Pháp sẽ có các đảng ấy giúp nữa. Họ đã không đoán trước thái độ rất ôn hòa của Phái bộ mình, thái độ mà chúng tôi đã bàn định trước. Vì vậy, họ đã "bắn đại bác quá xa!", theo lời bình luận của anh em. Họ đã làm cho những người nhà báo ngồi nghe cũng ngạc nhiên. Nghe nói có nhà báo Pháp đã nói nói hoặc viết rằng tụi trẻ kia đã giá ngự, lung lạc, trong khi tranh luận, già giặn như các cụ râu xầm đảng Cấp Tiến!

Trong khi nghỉ, chúng tôi lại cắt đặt công việc ai trả lời câu nào. Sau khi tái nhập Hội Đồng, Trịnh Văn Bính mở đầu trả lời cho những câu buộc tội của Bousquet. Bính nói: "Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên lúc nghe ông

Bousquet nói đến chữ *spolier*. Chúng tôi đã đọc đi đọc lại bài đề nghị của chúng tôi, thì tuyệt nhiên không thấy chỗ nào có thể làm Phái đoàn Pháp có thể hiểu như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng hoặc vì hai chữ *cession obligatoire* chăng? — nhường một cách bắt buộc — Nếu đúng vì thế, thì xin hiểu câu ấy có nghĩa là *cession onéreuse obligatoire* — nhượng với bồi thường nhưng bắt buộc — Nhưng thôi! Xin để Ủy ban Kinh Tế sẽ bàn giải".

Bousquet vẫn ra mặt giận dữ, nói lúng túng mấy câu: "...giao kết như thịt với nỉa! — *entente entre le bifteak et la fourchette...* Đưa tao đồng hồ của mầy rồi tao bảo giờ cho! — *donne ta montre et je te dirai l'heure...*" Nhưng rồi cũng chịu để sang phiên Ủy Ban Kinh tế và Tài chính sẽ bàn.

Tôi xin nói. Đầu tiên, tôi giải thích về chuyện Viện Pasteur. Tôi nhắc lại đề nghị của Phái đoàn ta ở Ủy Ban Văn Hóa dự định lập lại các Viện Pasteur ở lãnh thổ Việt Nam, rồi tôi nói:

"Việc ông Bousquet đã đề cập là việc Viện Pasteur Hà Nội. Việc ấy như sau. Ngôi nhà viện ấy, nguyên là của chính quyền cũ ở Bắc Bộ cho viện thuê. Hiện nay về quyền sở hữu ấy chưa giải quyết. Vả Viện ấy đã bỏ giao kèo làm thuốc. Vì vậy, chính phủ Việt Nam đã phải tạm chiếm lấy Viện để tiếp tục làm thuốc cho nhân dân. Nhờ vậy, trong mùa dịch thiên thời năm 1945, đã có đủ thuốc cứu dân cả Việt và Pháp ở Bắc Bộ.

"Vả sau mấy lời ông Bousquet nói, tôi đã phải xin bày tỏ ý nghĩ chung của Phái Bộ Việt Nam.

"Chúng tôi lên Đà Lạt cốt ý để rèn dây liên lạc lâu dài nối Việt Nam và Pháp. Nhưng chúng tôi phải trọng sự tự chủ của Việt Nam và bảo toàn sự liên hệ kinh tế với Liên Bang Đông Dương. Chúng tôi đã mừng được gặp Phái bộ Pháp gồm những vị thuộc phong trào Kháng Chiến đã giải phóng nước Pháp. Chúng tôi cũng đã từng mong gặp nhau sớm hơn, trong khi còn hòa bình giữa chúng ta. Lên đến đây, chúng tôi những tưởng được làm việc trong bầu không khí êm đềm và lặng lẽ. Những sự xẩy ra tại Nam Bộ làm chúng tôi thất vọng, và nhất là sau khi thấy Phái Bộ Pháp không thể bỏ qua những kĩ xảo thủ tục để tránh giải quyết vấn đề Đình Chiến, mà ai cũng coi là công bình và nhân đạo.

"Vì các lẽ ấy, Hội Nghị Đà Lạt khai mạc đã nửa tháng nay mà còn nằm trong bầu không khí khó chịu, tuy nhờ sự nhã nhặn của các Phái viên Pháp đã làm nó bớt đi nhiều. Nhờ sự giao thiệp giữa các cá nhân, cho nên công việc điều đình vẫn tiến hành. Nhưng những đề nghị Pháp đã không khỏi làm cho chúng tôi lo. Những điều yêu sách về mọi phương diện, Chính trị, Kinh tế, Quân sự, cho cả đến Văn Hóa, sẽ tạo ra một cơ quan nó sẽ *bóp chết sự tự chủ* mà chúng tôi mới cứu vãn lại.

"Phái bộ Việt Nam đã tỏ thái độ thân thiện và hòa giải. Chúng tôi đã nhận để văn hóa Pháp tự do truyền bá ở đất chúng tôi. Chúng tôi đã nhận nguyên tắc hợp nhất quan thuế; và tuy rằng chúng tôi lấy làm đau đớn thấy kéo dài sự khổ sở cho tất cả đồng bào chúng tôi ở Nam Bộ, chúng tôi chỉ đành nhận

"một Hội đồng để khảo cứu và đề nghị những phương pháp đình chiến" mà thôi.

"Chúng tôi mong rằng Phái đoàn Pháp hiểu chúng tôi.

"Ừ! Chúng tôi cũng muốn đem quyền lợi của một dân tộc có hơn hai mươi triệu người và hơn một nghìn năm độc lập, liên kết với quyền lợi của nước Pháp mới. Nhưng chúng tôi không có quyền tiêu hủy bản lệnh quốc gia của chúng tôi. Đây là một dân tộc mới hồi sinh và chỉ muốn sống. Chúng tôi quyết không có quyền tái lập những điều kiện làm cho nó có thể bị bóp nghẹt.

"Phái đoàn Pháp có lẽ trách chúng tôi đa nghi. Không phải thế đâu. Mặc dù những sự xảy ra ở Nam bộ, chúng tôi cũng đã gắng gây một bầu không khí tin nhau; mà nếu không có nó, thì không hiệp định nào có thể bền chặt, và tôi sợ, "Liên hiệp Pháp Quốc" cũng không thể lâu dài".

Tôi đã nói khá lâu, nói thong thả, giọng trầm trọng. càng nói, tôi càng cảm động, giọng lại càng trầm trọng, có lúc như muốn tắt. Nhìn xuống cử tọa, các Phái viên Pháp và các nhà báo và các tùy viên, phần lớn cúi đầu. Nguyên những lời suy nghĩ trên, tôi đã soạn trước, vì tôi cảm thấy ý chí Chính quyền Pháp ở đây như hồi thuộc địa trước, đã định phá hủy cái quốc gia Việt Nam để không khi nào tái lập lại nữa, cho nên cãi cọ những chi tiết không thể đem đến đâu. Vậy tôi đã đề nghị với anh em để tôi bày ý nghĩ chung cho Phái đoàn mà cũng là chung cho cả đồng bào. Họa là sẽ có tiếng giội xa hơn cãi cọ chi tiết.

Không khí sững sỡ của Phái đoàn Pháp ban đầu buổi họp đã tan. Max André trả lời hòa nhã về ba điểm. Một là về việc Viện Pasteur thì ông khuyên nên giải quyết cho xong. Ông kể rằng: "Trong hồi Paris bị chiếm đóng, người Đức vẫn kính trọng Viện Pasteur, mà mỗi lúc họ vào đó, họ cũng cầm mũ ở tay. Vậy nếu đem việc nầy ra quốc tế dư luận, thì chỉ thiệt cho Việt Nam". Hai là "Kĩ xảo thủ tục", ông nói: "Nếu chỉ vì thủ tục mà thôi, thì Phái bộ Pháp có thể vượt qua khó khăn được. Nhưng về đường thực tiễn thì Phái bộ Pháp không giải quyết được". Điểm thứ ba là câu "Cơ quan bóp nghẹt bản lệnh quốc gia Việt Nam" thì ông nói rằng cơ quan ấy sẽ không bóp nghẹt, nhưng nó cũng không phải chỉ có kinh tế mà thôi.

Nguyễn Mạnh Tường trả lời Max André về việc Viện Pasteur, trên lập trường pháp luật quốc tế; rồi kết rằng: "Nếu đem chuyện ra dư luận quốc tế, thì chúng tôi cũng không sợ thiệt đến thanh danh", Pignon chêm vào rằng: "Người Pháp đã không làm việc được ở Viện lúc ấy, thì lỗi tại ai?" Tường trả lời: "Đừng quên rằng lúc quân Nhật mới đảo Chính quyền thuộc địa".

Max André thấy phe Pháp thất lí trong việc nầy, bèn nói: "Chúng ta đang nghĩ đến tương lai. Thôi! bỏ qua quá khứ" rồi đề nghị với Tam bế bạc đại hội. Mọi người đứng dậy ra về. Trong không khí cởi mở ồn ào, có viên giáo sư Davée, tùy viên báo chí Pháp lại gần tôi và ân cần nói: "Tôi hiểu ông lắm. Tôi chắc nhiều đồng bào chúng tôi cũng hiểu". Pignon và Torel cũng cùng lại bắt tay tôi. Pignon bảo: "Ông đã nói rất hay!" Torel nói: "Ông đã nói giản

dị nhưng rất cảm động". Hai ông nầy là hai viên cố vấn chính trị của Cao ủy và là những nhân viên cao cấp trong ngành cai trị thuộc địa. Lời khen của họ nghe ra không phải lời sáo, vì không gì bắt buộc họ phải nói. Sự ấy làm tôi mát lòng vì tưởng đã đạt mục đích ít nhiều; nhất là khi ra qua cửa phòng Hội nghị, tướng Salan ngực ưỡn, mắt xanh lạnh ngắt, mà cũng kều bàn tay tôi, nắm nhẹ và bảo khẽ: "Chúng tôi hiểu ông".

Tôi thì tự thấy trong người khá mệt, về phòng, kiểm điểm, thấy phiên Đại hội lần nầy rất khó cho ta, nhưng các Phái viên ta đã làm tròn bổn phận và trả lời cũng đúng mức. Tuy những dấu cảm tình của một vài người Pháp làm bớt bực bội, nhưng chúng tôi đều hiểu rằng nếu không có binh lực và tinh thần đồng nhất chống cự chính sách tàm thực của Thực Dân, thì lời nói chỉ trò suông. Vì vậy Võ Nguyên Giáp cảm thấy mình cần có mặt ở Hà Nội hơn ở đây. Anh đã ra vẻ tư lự đăm đăm và đang liệu cách cáo về như Gourou đã đi và Max André cũng sắp rút lui.

*

Ngày hôm sau, thứ bảy mồng 4 tháng 5, nghỉ họp, để soạn sửa sự hội họp quan trọng về tất cả những vấn đề Chính trị, Kinh tế, Tài chánh và Quân sự, làm sao cho xong cuối tuần sau. Cuối cùng Giáp phải ở lại.

Buổi sáng, ngồi thong thả, tôi ôn lại những chuyện cũ của mình. Nhớ lại ba năm trước đây, trong vụ hè năm 1943, tôi đã lên đây dạy khoa Toán học cho một số sinh viên, phần đông người Pháp, dự bị thi vào lớp võ bị Saint Cyr. Hồi ấy là hồi phồn thịnh bực nhất cho đô thị Đà Lạt. Không những Đô đốc Decoux thích trương thế oai vệ để gây ấn tượng cho người Nhật và dân ta, mà các viên chức cao cấp Pháp lúc bấy giờ không thể hưu hoặc nghỉ ở Pháp, đều lên Đà Lạt. Tuy vật liệu hiếm, mà nhà cửa đang xây cất nhiều, và xây bằng những kiểu đẹp. Lúc bấy giờ có người Pháp hài hước đã gọi Đà Lạt là một "Nghĩa địa Voi" — "*Cimetière des Éléphants* — vì có truyền tưởng rằng những voi khi về già, ốm thì tới một nơi độc nhất vắng vẻ để chết tại đó. Ở Âu châu, quân Mĩ đã đổ bộ lên đất Ý, và thống soái Badoglio đã đầu hàng. Các nước bị Đức Ý chiếm đã có cơ được giải phóng. Ở đây, dư luận thầm kín lao nhao. Người Pháp bắt đầu đã hí hửng, còn người Việt, thì vẫn bị công an chính trị thực dân đè áp; và về đời sống, phải cung cấp cho hai bộ đội và hai nhóm ngoại nhân: Pháp và Nhật. Lúc bây giờ, tôi có ghi tâm sự trong một bài Đường luật: *Nhìn xem thế cuộc rối tơi bời*

Đà Lạt, ta nào có nghỉ ngơi
Giảng dạy công toi gà ấp vịt
Tri trô chuyện hão vẹt đua người
Lên cao mới thấy trời trong trẻo
Hưởng mát càng thương chốn nắng nôi

Hoa suối, Thông rừng, thôi nín trách!
Đợi ngày thong thả trở lên chơi

Năm nay, đã trở lên Đà Lạt nhưng với trường hợp khác hẳn, và bi đát hơn nhiều. Cho nên, khi khuây việc, tôi lại nối mấy vần *Cảm khái:*

"Thông rừng, Hoa suối, nhớ ta không?
Lỗi hẹn cùng nhau luống ngại ngùng
Non nước còn vương cơn bối rối
Tâm tình đâu đến lúc thung dung
Chào Hoa luống sợ Hoa cười gượng
Ngắm Núi dường e Núi lạnh lùng
Tấc lưỡi giở đem đền nợ nước
Khúc mừng mong có lúc ca chung"

Mà cảnh đô thị Đà Lạt thì đẹp thật, đối với những người quen với cảnh đồng bằng thán thán, thì cảnh tượng bày ra trước mắt, khi ngồi trong phòng cao khách sạn trông ra, thật vừa xinh, vừa êm, vừa biến thái. Trông gần thì hồ bày bên đồi cỏ, nhà cửa ẩn nấp trong những lùm cây; trông xa thì những dãy núi cao thấp kéo vòng quanh, thỉnh thoảng mầu lục lại xen rừng thông xanh thẳm. Lối đi đất đỏ quanh hồ rồi ngoắt ngoéo trườn lên đồi cỏ lục chung quanh. Tôi lắm lúc ngồi lâu, thu hình ảnh nước non vào ảo mộng.

*

Bữa cơm tối xong, tôi sang phòng *Vũ Văn Hiền*, ngồi xem buổi Hiền "khảo thi" *bác sĩ Luyện*. Các việc tài chính tỉ mỉ sắp phải đem ra bàn ở Ủy ban trong tuần tới. Hai bên đã trao đổi đề nghị. Phái viên ta, theo lệ, tìm kiếm lí lẽ của đối phương rồi tìm cách đối phó của mình. Như tôi đã nói trên, anh em lại chia nhau làm địch, làm thân, mà "tập trận"; đứng giữa lại có trọng tài. Không khí làm việc rất vui, vì nhiều khi vừa đóng tuồng vừa làm việc. Mang danh sai sứ, mà sống với nhau như một nhóm sinh viên, âu yếm nô đùa.

Tối hôm ấy, *V. V. Hiền, bác sĩ Luyện* và *T. V. Bính* đang soạn sửa về vấn đề tiền tệ. Pháp đã đề nghị đồng bạc Đông Dương chung, ta phản nghị sẽ có thêm nội tệ, theo Hiệp Định sơ bộ. Hiền đóng vai Pháp để tìm bịa đặt câu hỏi của phe Pháp. Luyện đóng vai ta, tìm câu trả lời.

Trong bộ quần áo ngủ lụa mỏng, ngoài còn khoác thêm áo gi-lê, vì trời khá lạnh, Hiền mình béo ổn ẻn, hình dáng như một nhà tài chính kếch xù xoay ra nghề bán thịt lợn quay! Ảnh ngồi, hoặc nói cho đúng thì ảnh nằm ngửa trong chiếc ghế bành, hai chân co xếp lên trên ghế. Tay cầm xấp giấy chép những điểm đề nghị của Pháp về Tiền Tệ. Trước mặt Hiền, Luyện đứng, mặt tròn như trăng rằm, có mấy làn mây đen bôi vệt: đó là hai đường mày và râu.

Tóc lung tung, mắt trương trập, miệng ấp úng, đầu nghiêng đi nghẻo lại. Bác sĩ đang bị Hiền hỏi vặn. Vẻ người ông trịnh trọng với cuồng mắt thâm, ăn mặc quần áo chỉnh tề. Nhưng ông đã hóa ra một cậu học trò, học bài tuy thuộc, nhưng đang trả lời lúng túng trước một lão quan trường tò mò thóc mách.

Hiền bắt chước giọng nói của Gonon, một phái viên chuyên môn kinh tế và tài chính Pháp, mà dồn hỏi rằng: "Về việc các anh đề nghị có hai đồng bạc khác nhau cùng xài, thì theo luật GRESHAM, rồi sẽ ra sao?" Gresham là một nhà tài chính Anh, đã nổi tiếng vào thế kỉ thứ 16; y đã xướng ra định luật tài chính bất hủ nói rằng: "*tiền tệ xấu đuổi tiền tệ tốt*. Nghĩa là nếu trong một xứ và trong một lúc dùng hai tiền tệ, ví dụ đồng bạc thật và đồng bạc giấy, thì người ta cất giấu tiền tệ tốt mà chỉ xài tiền tệ xấu mà thôi; vậy trên thị trường hình như tiền tệ xấu đã trục xuất tiền tệ tốt.

Luyện trả lời: "Chưa biết đồng nào xấu, đồng nào tốt".

Hiền: "Nhưng cả hai đồng cùng lưu hành hay sao?"

Luyện: "Rất dễ trả lời..."

Hiền: "Trả lời đi!"

Luyện: "Không! Chúng tôi đã có cách chỉ để một đồng lưu hành trong xứ mà thôi".

Ý Luyện muốn nói để một đồng, đồng bạc Việt Nam lưu hành trong nước mà thôi; còn đồng bạc Đông Dương thì dùng vào việc ngoại thương. Hiền càng hỏi vặn, thì Luyện càng nói rằng rất dễ trả lời, mà ông càng lúng túng, cổ càng nghẻo đi nghẻo lại.

Bính, trọng tài ngồi bên cạnh; ăn bận rất chỉnh tề, áo màu đen, quần đen rọc dọc, trông như các vị đại lí tài; mày rậm, mắt to, làm bộ rất nghiêm. Nhưng cuối cùng, Bính không khỏi nhe răng trắng, bưng miệng mà cười. Tôi đứng nghe cũng không thể nào nín cười được. Rồi cả chúng tôi đều cười rinh. Luyện phải phân trần rằng đã bị lúng túng vì Hiền hỏi gấp quá! Bác sĩ Luyện là một người khá tự ái, nhưng rất thành thật, đối với người rất nồng hậu. Vì làm thuốc giỏi, gia tư khá. Ông đã từng khuyến khích những nhà tài tử, như họa sĩ, văn sĩ. Nghe nói nhóm *Phong Hóa, Tự Lực Văn Đoàn* lúc ban đầu được ông giúp rập; và về sau, khi những nhóm chính trị xã hội được công khai, ông cũng đã cụ thể ủng hộ. Sau ngày khởi chiến tranh Việt Pháp ở Hà Nội, ngày 19 tháng chạp năm 1946, viên quản ngục Hỏa Lò ở Hà Nội báo cho chúng tôi bị giam giữ ở đó, hay rằng hai cha con bác sĩ đã bị bắn chết, vì có làn đạn từ trong nhà ông, ở cạnh sở Mật Thám và Hỏa Lò, bắn ra ngoài...

*

Trong anh em phái bộ, bây giờ *Nguyễn Tường Tam* đứng địa vị rất khó. Danh là Bộ Trưởng Ngoại Giao cầm đầu phái bộ điều đình. Nếu phải nhượng bộ những điều mà từ trước trong đảng mình đã gọi là việc bán nước

của Việt Minh thì đồ đảng không theo; nếu phải dùng cản lực để che chở độc lập, thì đảng mình lẻ loi; mà nếu muốn bám vào sức quần chúng thì phải tranh thủ với Mặt trận Việt Minh, như thế cũng không làm được. Vì thế, tuy ra Hội trường, ảnh làm trọn phận sự, nhưng ảnh ít dự vào những sự soạn bàn. Có hôm tôi sang thăm ảnh đang bị ốm. Tôi nói đến chính trị, thì ảnh nói: "Những việc chính trị, thôi để các anh làm. Còn tôi thì về văn hóa mà thôi".

Hôm nay, ảnh ốm đã khỏi. Mặt gầy, trán cao, mắt lố. Chút râu trên mép chìa ra trước làm cho cằm càng kéo lại sau. Tôi lại thăm ảnh. Sau khi trò chuyện về chính trị, Tam nói:

"Tôi có câu chuyện triết lí. Lúc ban chiều, tôi ngồi một mình uống trà. Một con thiêu thân đớp tới, hút dọt nước đường; trông bộ khoái lắm, quấp râu nầy rồi quấp râu kia. Thình lình có một con nhện nhảy tới vồ thiêu thân".

Tam lại tự hỏi: "Vì có điều gì mà nhện lại ăn thiêu thân, chứ không cùng thiêu thân uống nước đường!?"

Tôi ngồi lặng nghe, nhưng không dám hỏi ảnh đã nghĩ đến sự đảng tranh hay đến sự Việt Pháp tương tranh.

Tam lại kể chuyện rằng:

"Khi tôi đau, nằm trong giường, dưới chăn, có lúc co một chân; đầu gối đội chăn lên, trông như núi Fuji ở Nhật. Co chân kia nữa, lại thành hai núi. Rồi dựng bàn chân lên, thành ba núi. Hút thuốc hà hơi trông thật như mây tỏa trên ngọn núi."

Ảnh đang nằm trong giường, bèn tái diễn thực hiện câu chuyện trên kia: núi Phú Sĩ, cửa Thiên Môn, núi Ba Vì, mây cuốn la đà. Con mắt mệt mỏi của anh đã theo cơn mộng. Tôi phải nghĩ ảnh nhiều trí tưởng tượng mà thật là nhà thơ.

Ảnh thường cũng hay nói khôi hài, một cách ngộ nghĩnh. Một hôm tôi đến thăm bệnh tình. Thấy có mấy anh em Phái đoàn ngồi nói chuyện bông đùa. Rồi trở sang chuyện binh bị. Tam điềm đạm thong thả lí luận, rằng:

"Muốn mạnh, phải có súng. Muốn có súng, phải có tiền. Bây giờ ta không có tiền, thì phải làm bạc giả. Như vậy thì lôi thôi. Chi bằng... làm súng giả!

"Vậy ra sắc lệnh: Mỗi nhà phải sắm vài cây súng giả".

Cử tọa cười ồ, mà ảnh chỉ cười hơi hơi trên cặp môi thâm.

Câu chuyện ngộ nghĩnh ấy thật đúng với trào phúng trong báo *Phong Hóa* ngày xưa. Trong trường hợp bây giờ, ảnh đưa làm vui nhưng cũng mỉa mai lắm. Nghe những câu chuyện của ảnh, tôi đã hiểu, một phần nào sự xung khắc giữa những người Mác Xít với ảnh.

*

Trưa thứ bảy mồng 4 tháng 5 ấy, nhân Max André về Pháp để ứng cử quốc hội, Phái đoàn ta đãi tiệc Phái đoàn Pháp để đáp bữa mời khi tới Đà Lạt. Đặt bàn dài trong phòng khách khách sạn Hoa Viên (Hotel du Parc). Bữa cơm

dọn món Việt Nam. Món chả giò rất được hoan nghênh. Các Phái Viên Việt, Pháp, ngồi xen nhau: tôi ngồi giữa tướng Salan và kĩ sư cầu cống Bourgoin. Đôi bên nói chuyện ồn ào và rất vui vẻ. Nhóm các anh Tam, Giáp ngồi giữa với Max André, Messmer bông đùa cười ồn rất hồn nhiên. Thấy quang cảnh không ai đoán những người trong cuộc đã vật lộn hăng trong hội trường và biết đâu, nếu Hội Nghị thất bại, sẽ thành những kẻ cừu địch.

Ngày hôm sau, chủ nhật mồng 5 tháng 5, là ngày dân Pháp bỏ phiếu trưng cầu dân ý về hiến pháp của nước Pháp mới. Ở Pháp, dư luận đang sôi nổi giằng co. Chính vì không đồng ý với Quốc Hội hiến pháp mà tướng De Gaule đã từ chức Thủ Tướng từ ngày 20 tháng giêng. Trong tiệc, các Phái viên Pháp nói chuyện về việc trưng cầu dân ý ấy rất nhiều. Không hiểu ai bắt đầu, mà nhiều đại biểu Pháp đã nói lớn mình sẽ bỏ phiếu ra sao. Max André nói sẽ bỏ phiếu MRP, Messmer nói sẽ bỏ phiếu Xã Hội và tin tưởng, Salan cũng nói bỏ phiếu Xã Hội và tin tưởng và vì kỉ luật. Không ai nói bỏ phiếu Cộng Sản. Nhiều người bỏ phiếu Xã Hội. Sự ấy không lạ gì. Bấy giờ đảng Xã Hội mạnh nhất ở Pháp. Thủ tướng Gouin ở Paris cũng thuộc đảng ấy.

Khi gần xong tiệc, Tam đứng dậy nói mấy câu chúc Max André về, đi đường bình yên, và về Pháp sẽ được trúng cử. Ai cũng hân hoan; nếu không thành thực thì cũng vì xã giao. Max André mở miệng trả lời. Sau một câu ngắn ngủi cảm ơn, ông bắt sang chuyện điều đình, rồi nói:

"Những người đã xui giục giết Trần Văn Thạch là kẻ sát nhân. Phái đoàn Việt Nam chớ có ảo vọng về sự điều đình ở đây nữa. Nước Pháp đã nhường nhiều. Nước Pháp bây giờ không phải là nước Pháp thời Munich đâu..."

Ai nghe cũng sửng sốt. Trong bữa tiệc mà mình là khách, là chủ tịch của một phái bộ đại biểu một nước có tiếng thanh nhã như nước Pháp, sao lại có cử chỉ ngôn ngữ lạ lùng như thế? Phái Viên Việt Nam tức tối, nghẹn ngào, nhưng cũng làm ngơ nói sang chuyện khác. Chúng tôi cũng biết rằng Max André là người thân tín của các đại tư bản thực dân, đảng viên MRP, đại diện của bộ trưởng Ngoại Giao Bidault rất bảo thủ về chính trị và rất có óc thực dân. Tuy bên Pháp, đảng Cộng Sản tham dự chính quyền, nhưng họ cũng chẳng rộng rãi gì hơn phái bảo thủ. Mà chính những người đồng chí trong chính phủ Việt Nam cũng đã biết phải tự liệu lấy, chứ không mong gì họ giúp. Nhưng bấy giờ trong nội bộ chính phủ Pháp, thủ tướng Gouin đang xung đột với các bộ trưởng Cộng Sản. Dưới áp lực của viện trợ Mĩ, ông đang ép họ phải từ chức. Phái viên Pháp biết rõ những điều ấy, cho nên Max André mới có thái độ như trên.

Sáng hôm sau, chủ nhật mồng 6 tháng 5, có cuộc họp riêng. Max André trao cho Giáp một bức thư để chuyển cho cụ Chủ tịch Việt Nam. Bức thư là một tuyên ngôn với dọng trịch thượng tột bực. Thư rằng:

"Nước Pháp Mới không tìm cách đô hộ Đông Dương, nhưng nhất quyết có mặt tại đó. Không cho rằng công cuộc của mình ở đó đã xong. Không chịu từ

bỏ nhiệm vụ văn hóa của mình. Tự thẩm rằng chỉ có mình là có thể đảm bảo sự kích thích, sự điều hòa về kĩ thuật, kinh tế, ngoại giao và phòng thủ. Cuối cùng, bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của những dân nước mình.

Làm các việc nầy mà vẫn kính trọng hoàn toàn bản lệnh quốc gia và với sự hiệp tác cần mẫn và hiếu hữu của dân Đông Dương".

Đà Lạt ngày mồng 5 tháng tư (có lẽ tháng 5) 1946
Kí tên: MAX ANDRÉ (11)

Tuần cuối hội nghị Đà Lạt bắt đầu từ ngày mồng 6 tháng 5. Trong tuần phải bàn qua hầu hết các điểm lớn đã nêu từ đầu. Ủy ban chính trị, thứ Hai bàn về Ngoại Giao, thứ Tư bàn về Liên Hiệp Pháp, thứ Sáu Liên Bang Đông Dương và ngày cuối, thứ Bảy, 11 tháng 5, thì bàn về dân Thiểu Số và vấn đề Trưng Cầu dân ý. Còn hai ngày, thứ Ba mồng 7 và thứ Năm mồng 9, thì dành cho Ủy Ban Quân Sự và ủy Ban Tài Chính và Kinh tế.

Việc Đình Chiến đã bị gạt ra, các phiên họp nầy đều tiếp tục êm đềm hơn, chỉ trừ hôm cuối. Những lập trường hai bên vẫn giữ khác hẳn. Chung qui chỉ đều là những buổi đấu khẩu giằng giai cho đến lúc hai chủ tịch ban kí nhận *"đồng ý về những điểm không đồng ý"* mà thôi.

Về Kinh tế và Tài chính, Hiền, Luyện, Bính bàn cãi rất hăng. Nhưng tôi không dự buổi họp nầy, cho nên tôi không ghi gì vào sổ tay.

Về buổi họp Ủy Ban Quân Sự, vẫn như mọi lần, phần lớn là một buổi hội đàm giữa Giáp và Salan. Thỉnh thoảng Tạ Quang Bửu xen vào ít câu. Về nội dung, không tiến được bước nào lớn, ngoài sự nước Pháp sẽ huấn luyện, trang bị quân đội Việt Nam. Nhưng ý của Phái đoàn Pháp là các việc ấy sẽ làm qua Liên Bang Đông Dương. Về các cứ điểm trên vĩ tuyến thứ 16 thì có thỏa thuận. Còn ở dưới vĩ tuyến ấy, thì Salan không chịu nói đến.

Những điểm chính trị là quan hệ hơn hết. Họp ba hôm mà cũng phải bỏ qua nhiều vấn đề. Phái đoàn Pháp đã cố ý để vấn đề Trưng cầu dân ý về Thống Nhất vào cuối cùng, hoặc họ mong không có thời giờ bàn lâu tới hoặc họ biết thế nào Hội Nghị cũng bị tan vỡ nếu đem điểm ấy ra sớm hơn.

Vấn đề *Ngoại Giao* được đem bàn ngày mồng 6 tháng 5. Là một buổi đấu khẩu giữa Clarac và Nguyễn Mạnh Tường, thỉnh thoảng có Pignon và Hiền xen vào một ít. Clarac bình phẩm dài về đề nghị ta. Tóm tắt đã nói rằng: "Các anh đòi độc lập hoàn toàn. Nhưng đừng quên rằng Hiệp Định mồng 6 tháng 3 không có tính cách quốc tế, bởi vì nước Pháp đã được quyền trở lại đây, mà nước Pháp chỉ nhận lời nhường lại cho Việt Nam một ít quyền mà thôi: đó là quyền tự trị. Vả lại Liên Bang Đông Dương là một *Liên Bang Chính Trị*, chứ không phải Liên Bang Kinh Tế. Ấy vì hai phần tử kí ước — parties contractantes — là hai quốc gia, tức là hai cá nhân chính trị, cho nên Liên bang ấy là chính trị. Nếu Việt Nam được có chính trị ngoại giao riêng, thì nó làm hỗn loạn ngoại giao của Liên Hiệp Pháp... Tuy chính phủ Việt Nam đã vận động để các nước ngoài nhận, nhưng chưa ai nhận cả".

Clarac đã ngụ ý đến bức điện mà chính phủ ta đã gửi cho Tổng thống Mĩ báo tin Hiệp Ước mồng 6 tháng 3 và yêu cầu Mĩ nhận Việt Nam là một nước tự do. Tôi còn nhớ rằng trước lúc có Hiệp Định ấy, đài Phát Thanh Mĩ đã truyền lời tuyên bố của thứ — quốc vụ khanh Hoa kì (12), bằng tiếng Pháp, rằng: *Les Etats-Unis ne mettent pas en question les droits de la France en Indochine* (Hoa kì không chối cãi gì đến quyền của Pháp tại Đông Dương). Vì vậy Chính phủ ta gửi bức điện nầy để bảo rằng Việt Nam cũng là một nước.

Sau nửa giờ nghỉ, Mạnh Tường trả lời Clarac. Tóm tắt rằng: "Hiệp định mồng 6 tháng 3 có tính cách quốc tế, vì là một qui ước giữa *hai nước tự do*. Sự các nước chưa nhận Việt Nam không làm cho Việt Nam không có tính cách quốc tế. Còn nói rằng vì hai quốc gia, cá nhân chính trị, kí nhận Liên Bang thì Liên Bang phải là chính trị, như vậy thật là vô lí. Nếu đúng như thế, thì hai quốc gia kí với nhau một hiệp ước kinh tế, hiệp ước ấy sẽ biến ra chính trị hay sao? Còn việc Liên Hiệp, không phải vì vào Liên Hiệp mà Việt Nam mất quyền ngoại giao. Còn có những nước khác cũng ở trong Liên Hiệp khác, mà vẫn có ngoại giao.

"Sự cốt yếu là làm cho ngoại giao hai bên đi đôi cùng nhau. Khi Việt Nam đã có ngoại giao rồi, thì có thể dung hòa với ngoại giao Pháp... Bây giờ chúng ta như hai trai gái sắp cưới nhau mà vẫn cãi nhau. Cuối cùng, chàng trai lại bắt cô gái mang cái "đai bảo trinh" hay sao!?"

Các phái viên Pháp cười ngất nga ngất nghẻo. Clarac đáp lại lúng túng một vài câu.

*

Ngày mồng 8 tháng 5 họp bàn về vấn đề *Liên Hiệp Pháp*, mà ngày hôm trước cuộc trưng cầu ở Pháp đã không nhận Hiến pháp mà Quốc hội Lập hiến đã soạn, ưng thuận và trình bày. Dự án Hiến Pháp vừa bị bãi bỏ, tất nhiên gồm Hiến chương Liên hiệp Pháp. Vậy thật ra không ai biết Liên Hiệp Pháp là gì. Chính quyền Pháp đã phái D'Arcy thay thế Max André. Trong buổi họp nầy, D'Arcy đã can thiệp nhiều và trình bày Liên Hiệp Pháp theo Hiến Chương vừa bị thôi từ: "Liên Hiệp Pháp sẽ gồm các nước thuộc địa và bảo hộ cũ, có Hội đồng tối cao Liên Hiệp là Hội Đồng thứ hai của nước Pháp. Nước Pháp có cao ủy đại diện ở các Nước".

M. Tường chỉ nhận tính cách liên lạc quốc tế giữa Pháp và Việt Nam, tuy Việt Nam vào Liên hiệp, vì có hiệp định giữa hai nước tự do. Messmer trả lời rằng sự liên lạc ấy chỉ có tính cách hiến pháp tức là nội qui. Tường nói Việt Nam chỉ nhận Liên Hiệp văn hóa, kinh tế và binh bị mà thôi.

D'Arcy nêu ra những nguyên tắc của liên Hiệp: trọng nhân quyền, phụ nữ quyền, cá nhân quyền. Bousquet nhấn mạnh về vấn đề cố vấn và kĩ thuật gia dùng trong các nước Liên Hiệp. Cần đến những người nầy thì phải nhận người Pháp trước. Messmer thêm: nhất là những cố vấn quân sự. Giáp nhận

nguyên tắc, nhưng nói: "Việt Nam có quyền từ chối và chọn lọc, và nếu Pháp không có người đảm đang được thì có thể dùng người ngoài". Phái viên ta kết luận rằng Việt Nam không chịu vào một Liên Hiệp tiên tạo, và có quyền dự bàn Hiến chương Liên hiệp ấy.

*

Vấn đề Liên Bang Đông Dương là vấn đề then chốt của Phái đoàn Pháp. Qua Liên bang, chính quyền thực dân Pháp sẽ quản trị Đông Dương như xưa, với một vị Toàn Quyền đổi tên ra Cao Ủy, và các công chức chuyên môn cao cấp họp thành một thứ nội các Liên Bang chỉ gồm những quốc vụ khanh không trách nhiệm chính trị, và chỉ trách nhiệm trước Cao Ủy. Sẽ có một hội đồng Liên Bang, nhưng Cao Ủy không có trách nhiệm trước Hội Đồng. Torel cho biết rằng Cao Ủy không làm chủ tịch Hội Đồng. Chủ tịch sẽ được bầu bởi Hội Viên. Những Hội Viên sẽ chọn thế nào thì không rõ, nhưng dẫu sao thì cũng chỉ có trách nhiệm biểu quyết về ngân sách, pháp luật của Cao Ủy lập ra, nghĩa là chỉ có trách nhiệm cố vấn mà thôi.

Phái đoàn ta đã tỏ rõ ý từ đầu rằng không nhận một Liên Bang chính trị, và chỉ nhận một Liên Bang Kinh Tế mà thôi. Bourgoin trả lời rằng trong hoàn cầu, không có thứ Liên Bang như vậy. Muốn làm cho ta bớt sợ, ông lại bảo rằng Liên Bang không có chính phủ; chỉ có những vụ trưởng mà thôi, chứ không có bộ trưởng.

Chúng tôi nghĩ rằng Liên bang như vậy lại còn chặt hơn một Liên bang Chính trị trong đó chỉ có dân trong nước Liên Bang dự quyền. Liên bang nầy chỉ là một Liên Bang hành chính trong đó người cầm hành chính lại không phụ thuộc Liên Bang. Cãi cọ cũng vô ích. Vả thời giờ còn rất ít, mà chúng tôi muốn bàn cãi về vấn đề Thống nhất một cách rộng rãi. Tôi bèn nói rằng chúng tôi chỉ đặt một số câu hỏi để chính xác một vài điểm, rồi báo cáo lên Chính phủ. Còn sự bàn luận thì để Hội Đồng Paris.

Trong mục Liên Bang, Phái Đoàn Pháp còn nêu một điểm rất sâu hiểm là vấn đề bảo vệ những dân Thiểu Số, nghĩa là về thực tế, là sự quản trị vùng Thượng Tây Nguyên ở Trung Bộ và cả các vùng cao bọc Trung Du Bắc Bộ. Nhưng không còn thời giờ, họ đề nghị để lại hôm sau.

*

Hôm sau, thứ bảy, 11 tháng 5, là ngày cuối cùng của Hội Nghị Đà Lạt. Cũng là ngày mà Phái Đoàn Pháp chịu nhận đem vấn đề *Thống Nhất Ba Kì* ra Hội Nghị. Ta đã thấy chính phủ Pháp không chịu để Việt Nam độc lập. Còn về vấn đề Thống Nhất thì sao? Chúng tôi đã biết rằng Chính phủ Pháp vẫn giữ bí thuật Thực Dân "*chia để mà trị*", mà họ đã dùng, nhất là ở trên đất Việt Nam. Nhưng chúng tôi cũng cố gắng đánh thức những người mê muội và những kẻ vong bản phiêu lưu phụng sự chính sách Thực Dân ấy.

Từ tám giờ sáng chúng tôi đã hẹn nhau sớm tới ở phòng làm việc tại khách sạn Hoa Viên để bàn riêng, cắt công việc trước lúc vào hội. Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Huyên và tôi bàn đề nghị để các Phái viên gốc Nam Bộ, H. H. Tường và D. B. Mai can thiệp nhiều và bảo tôi, là phụ trách tiểu ban Chính trị, nói cuối cùng. Nguyên, khi thảo đề nghị về vấn đề Trưng cầu Dân ý, tôi đã bàn với các anh em rằng: "Mình phải nghĩ đến sự thực hiện. Mà thực hiện thì Nam Bộ bị người Pháp chiếm cứ với một binh lực khá mạnh, cho nên họ dễ lung lạc mà dùng nhóm Nam Kì tự trị. Trong bọn người nầy, tất nhiên có tụi Việt gian vì lợi riêng mà làm tay sai, nhưng cũng có những phần tử hoặc sợ Cách Mạng vì tài sản, vì tính mệnh, hoặc đã bị những hành động quá khích của Cách Mạng khi khởi đầu làm tổn thương đến người thân, ruột thịt người ta. Chính cụ Chủ Tịch cũng đã nói: con dân một nước có người tốt người không, *như bàn tay có ngón ngắn ngón dài*. Vậy ta nên đề nghị một phương sách trưng cầu mà tất cả có thể nhận được. Vậy ta đề nghị rằng cuộc Trưng cầu Dân ý sẽ tổ chức ở Nam Bộ bởi một cơ quan hành chánh lâm thời gồm ba mươi người Việt Nam. Chính phủ Việt Nam chỉ cử mười người, Chính quyền Pháp cử mười người. Còn mười người nữa thì cử theo thỏa thuận của hai bên."

Phái đoàn ta đã bằng lòng đề nghị ấy, mà ta đã trao cho Phái đoàn Pháp.

Chín giờ rưỡi, bắt đầu họp. Buổi họp nầy là buổi cuối, trước Đại Hội Bế Mạc tối nay. Các đại biểu Pháp sắp được về Sàigòn hay Paris, đều vui vẻ. Vả chăng đối với họ, sự dự Hội Nghị Đà Lạt chỉ là một sai dịch đặc biệt trong đời công chức của một nước lớn mà thôi. Còn tất cả Phái Viên ta thì nét mặt tư lự, khổ tâm vì thấy sự điều đình đã thất bại hoàn toàn, và chính hôm nay, sự thất bại về vấn đề Thống Nhất sẽ làm đau đớn nhất.

Messmer chủ tọa buổi họp, ngồi ghế giữa cuối phòng khá rộng. Tôi ngồi đối diện đầu phòng, Giáp ngồi sát phía phải tôi. Các Phái Viên Việt Nam ngồi thành dãy dài phía phải tôi, và đối với phía cửa vào. Còn các Phái viên Pháp ngồi đối diện với dãy Phái viên ta. Các cố vấn và những bàng quan hôm cuối tới khá đông.

Massmer nói: "Hôm nay đem bàn hai vấn đề: *Dân Thiểu Số* và *Trưng cầu dân ý*".

Một viên công sứ cũ đứng dậy giảng giải lâu vấn đề dân nào là thiểu số, có phong tục riêng, không thuộc Việt Nam. Nước Pháp phải bảo hộ che chở. Trong khi bàn chuyện với người Pháp hôm qua, tôi đã rõ thâm ý của Cao Ủy là tách phần đất Tây Nguyên thành một nước riêng trực thuộc nước Pháp, để dành cho sự thực dân của Pháp. Với nước Tây Kì ấy, nước Pháp có một chân trong Liên Bang. Trước chiến tranh, chánh quyền Đông Dương cũng đã hạn chế sự di dân Việt lên vùng ấy.

Tôi đoán ý Phái đoàn Pháp đem việc nầy ra, một mặt thì tuyên truyền mạnh để biện chứng cần có Chính quyền Pháp ở Đông Dương, một mặt thì để làm hết thời giờ buổi hội, khiến không bàn gì được về vấn đề Trưng cầu

Dân ý. Vì vậy tôi không xin tạm dừng họp để bàn với anh em, và trả lời lập tức rằng: "Chúng tôi đã rõ ý của Phái đoàn Pháp. Chúng tôi sẽ đem trình Chính phủ. Hội Nghị Paris sẽ bàn lại".

Không ngờ rằng các anh em hiểu ý. Đang hăng máu vì những lời rất khó nghe của chuyên viên Pháp, Giáp nói: "Việc ấy là việc nội trị của chúng tôi. Chính phủ đã có chương trình và đã thi hành chương trình chính trị ấy".

Nhân thế, các Phái viên Pháp lần lượt đứng dậy tấn công, Bourgoin nói rằng: "Việc nầy là bổn phận của nước Pháp. Nước Pháp có trách nhiệm trước mặt hoàn cầu".

Rồi Torel, Bousquet cũng nói hùa vào. Cho đến Ner là một người dự thính cũng can thiệp trực tiếp. Giáo sư Ner, thạc sĩ triết học, đã có lên ở xứ Thượng trong một thời gian để nghiên cứu về xã hội học. Ner bảo: "Việt Nam cũng phải nhận có cuộc Trưng cầu dân ý riêng về các dân Thiểu Số".

Giáp càng tức, càng hăng, muốn trả lời thêm. Tôi phải biên mảnh giấy nhỏ đẩy sang, Giáp mới thôi. Tôi nói: "Xin để trả lời tại Paris. Nay ta hãy bàn sang điểm Trưng cầu dân ý".

Messmer nói xin dừng một lúc để đợi đánh máy cho xong lời đáp của Phái đoàn Pháp về điểm cuối nầy. Mười giờ rưỡi, ủy ban họp trở lại. Torel đọc lời đáp ấy, khinh miệt cái hoài vọng thiên nhiên của dân tộc ta, một cách không thể tưởng tượng. Đại ý rằng:

"Nước Việt Nam không phải gồm ba xứ. Thành phần nó là tùy theo kết quả của cuộc Trưng cầu dân ý.

Cuộc Trưng cầu dân ý sẽ chỉ tổ chức ở Trung Kì và Nam Kì.

Chính phủ Việt Nam không được dự vào chính trị của hai xứ ấy trước khi kết quả cuộc Trưng cầu dân ý ấy thuận.

Phái bộ Việt Nam không có quyền bàn gì đến nội trị các xứ ấy.

Nước Pháp sẽ tổ chức cuộc Trưng cầu dân ý và sẽ rất công bằng."

Tôi xin hoãn buổi họp nửa giờ. Anh em họp riêng trong phòng nhỏ. Uất khí lên đầy cổ, trước câu "*Vous n'avez rien à dire sur cette question* — Các anh không có điều gì được nói trong vấn đề nầy" của một Phái viên Pháp làm nhiều anh tức cực điểm. Nếu cãi nhau liền, thì có lẽ đến to tiếng. Chúng tôi bàn nên bình tĩnh trả lời, miễn là tỏ được quyết tâm của toàn dân mong mỏi thống nhất, tỏ cho nước Pháp rằng họ đang đi lầm đường, và báo cho những phần đồng bào phải sống dưới Chính quyền Thực dân, tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc.

Phái đoàn ta dự định, sau khi vào, các đại biểu Nam Bộ nói trước, các Phái Viên khác tùy tiện trả lời những lẽ mà phe Pháp sẽ đưa ra, và dành tôi kết luận.

Khi vào hội lại, trong phòng im lặng lạ thường. Dương Bạch Mai đứng dậy. Khác hẳn mọi khi, anh thong thả cất tiếng nói, nhẹ nhàng, trầm tĩnh,

nhưng rất buồn rầu. Tôi tiếc đã không chép lại trong sổ tay những câu tuyên bố của các người trong phiên họp cuối cùng nầy, vì buổi chiều và buổi tối hôm ấy còn họp hai lần, và phải soạn sửa để ngày sau rời Đà Lạt.

Nhưng tôi còn ghi qua rằng Mai đã nói rằng Việt Nam gồm ba kì, kể lại lịch sử khai thác Nam Trung Bộ và Nam Bộ, lịch sử thống nhất dân tộc Việt, và vạch thiểm ý của chính sách Thực Dân đã chiếm và chia rẽ đất nước ra làm ba để trị. Rằng sau ngày giải phóng, dân Nam Bộ đã tỏ lòng cương quyết thà chết hơn mất độc lập và thống nhất.

Pignon đem chuyện Hội Đồng Tư Vấn Nam Bộ không chịu nhận điểm *Thống Nhất Ba Kì* và đánh điện cho Sainteny về chuyện ấy; lại nói đến đề nghị của bác sĩ Thinh. Rồi ông kết luận rằng: “Vấn đề Thống Nhất Ba Kì rõ ràng không phải là một vấn đề hành chánh, mà thật là một vấn đề Chính trị”.

Giáp trả lời. Ý là Việt Nam vốn chia đất ra ba kì để tiện việc cai trị. Vậy nay hợp lại chỉ là vấn đề cai trị, nghĩa là hành chánh.

Messmer nói rằng một nước phải gồm những người cùng sống chung. Nếu có kẻ không muốn, thì chỉ có cách hỏi ý kiến họ. Rồi Hiền, rồi Bousquet, đem các lời lẽ pháp lí chọi nhau để tỏ ai có quyền tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.

Về vấn đề Nam Bộ, Giáp đã có câu "*Nếu Nam Bộ mất thì dân Việt Nam chiến đấu cho đến khi đòi lại được*". Mạnh Tường đã có câu “*Nam bộ là thịt của thịt chúng tôi, máu của máu chúng tôi*” mà sau nầy nhiều người đã dùng làm biểu ngữ. Huyên có câu có lẽ thâm trầm hơn, là “*Không phải Nam Bộ là của Việt Nam, mà là Việt Nam là của Nam Bộ*”. Sau cuộc cãi nhau hồi lâu, không khí rất là nghiêm trọng. Các phái viên Việt đều tức giận, xót xa. Tôi xin nói để kết luận. Tôi nói khá dài, thật ra thì tôi đã gắng đọc một bản tuyên ngôn soạn sẵn, mà tôi tiếc đã mất nguyên văn. Tôi cảm động cho nên đọc khó ra lời. Tôi nhắc lại sự nhẫn nhục của Phái đoàn Việt Nam để tìm một giải pháp công bình cho mọi phe về vấn đề then chốt của vận mệnh nước mình, và vạch rõ sự nhẫn tâm của Thực Dân dùng hết mọi cách để ngăn cản anh em một nhà xum họp.

Nhìn xuống phòng, thấy các hội viên đôi bên đều cúi mặt, như bị bầu không khí nặng nề đè nén trên đầu. Phút chốc Hồ Hữu Tường đứng dậy, hai mắt đỏ ngầu, đi vòng quanh các ghế, qua trước bàn tôi. Ai cũng nhìn theo đến lúc anh ra cửa. Giáp ngồi bên cạnh tôi cãy cữa, coi chừng không thể nín giận được nữa. Bèn đứng phắt dậy, ôm cái cặp nặng, đi chóng ra cửa, trước mặt tất cả Hội Viên sững sốt. Khi ra khỏi cửa rồi, ảnh đóng cửa cái sầm!

Trong khi các Phái Viên ta lần lượt bỏ Hội phòng, tôi phải dừng đọc. Tôi thấy thoáng qua cái tương lai không những đen tối, mà còn rất bi thảm cho sự giao thiệp Việt Pháp. Cái tiếng đóng cửa sầm của Giáp có đánh thức lòng mê muội của những người có cao kiến đến chính trị Liên Hiệp Pháp không? Còn đối với tôi, thì đó là tiếng sấm đầu tiên trong cơn giông tố nó sẽ lôi cuốn dân Việt vào một cuộc chiến tranh bắt buộc để giành Độc Lập và Thống

Nhất cho Tổ Quốc. Những hình hàng vạn nhà tan, hàng triệu dân chết hiện thoáng qua mắt mờ vì cảm động.

Nhưng tôi phải cố gắng đọc rõ mấy câu kết luận:

"Nếu Nam Bộ bị bạo lực phải chia lìa với Tổ Quốc, thì dân Việt đời đời sẽ tranh đấu để nối lại. Ý nước Pháp có lẽ muốn dùng việc Nam Bộ để làm một cái "định ung" — "*abcès de fixation*", nghĩa là một cái nhọt mà y khoa đã cố ý gây ra tại một chỗ nào trên mình bệnh nhân, để dồn nọc bệnh vào đó, kẻo nó xâm chỗ khác — Nhưng hãy coi chừng! Với sự tranh đấu không dừng của dân tộc Việt Nam, cái định ung sẽ hóa ra nhọt thối thịt, nó ăn lan tràn, làm mục nát khối Liên Hiệp Pháp.

"Mặc dầu những kẻ, vì ghét một người hay một chủ nghĩa, mà phản bội xứ sở mình, Nam Bộ không chóng thì chầy, sẽ trở về trong lòng Tổ quốc" (13).

Tôi nói xong, mọi người đứng dậy ra phòng, không ai nhìn ai, không ai nói chuyện với ai. Tôi không biết ý nghĩ của các thính giả Pháp ra sao. Hình như họ đã cố bưng bít cái buổi họp cảm kích thương tâm nầy, nhưng họ cũng thấy rằng vấn đề Nam Bộ sẽ là khối nặng buộc chân, mà nước Pháp phải kéo lê lâu dài.

*

Phái viên ta ai nấy về phòng mình nghỉ ngơi một chốc cho nguôi cơn cảm kích. Xuống ăn cơm trưa rồi ra phố xem có gì Hà Nội hiếm có thể sắm mang về. Cuối cùng mỗi người mua được một đôi dép cao su! Hai mươi tờ giấy bạc Đông Dương một trăm đồng còn nguyên, sẽ được mang về nộp Chính Phủ.

Bốn giờ chiều, anh em Phái đoàn họp riêng để kiểm điểm công tác đã làm.

Nguyễn Tường Tam nói:

"Tuy Hội Nghị Đà Lạt đã không đem đến một sự thỏa thuận nào giữa Việt Nam và Pháp, nhưng đã có một kết quả tốt là đã đoàn kết tất cả anh em chúng mình, như đã hứa cùng Chính phủ trước khi lên Đà Lạt. Sáng nay, Đà Lạt đã thấy một cảnh tượng đáng ghi: từ anh Cộng Sản đến kẻ Quốc Gia cùng rơi lụy trước sự sợ mất một mảnh đất nước nhà.

"Lịch sử đi đến chỗ đoàn kết có ba thời kì: Bắt đầu đánh nhau; đó là thời kì đau đớn; sau đến thời kì đoàn kết gượng để thành lập một Chính phủ đoàn kết; cuối cùng là thời kì đoàn kết tự do, không ai bắt buộc.

"Chúng ta phải đoàn kết. Các người phụ trách có thể làm cho đoàn kết mà không làm thì có tội. Chúng ta phải hẹn cùng nhau đoàn kết trong một giai đoạn ít ra cũng mười năm..."

Võ Nguyên Giáp nối lời:

"Đảng Cộng Sản và Mặt Trận Việt Minh cũng chủ trương toàn dân đoàn kết. Trong một hội nghị Việt Minh, đã có đề nghị giúp Quốc Dân đảng lập lại và mở rộng để có thể lôi cuốn tất cả toàn dân."

Giáp và Tam hứa hẹn cùng nhau rằng sau khi về sẽ giải thích cho đảng

phái mình sự ấy. Giáp đã tin rằng mình sẽ đem hết tâm lực làm việc ấy và sẽ lượm được kết quả.

Giáp kết luận rằng: "Ngoài các đảng phái, anh em khác cũng phải đoàn kết. Ngoại giao phải làm từ gốc rễ."

Tam lại kiểm điểm thái độ chung của Phái đoàn. Rằng: "Chúng ta đã theo đúng chỉ thị của Chính Phủ, là phải găng nhưng không dứt, là gạt bỏ những vấn đề bất hợp ý nguyện mình, chứ không làm liên can đến chính phủ".

Riêng tôi xét thì cá nhân Tam và Giáp bấy giờ rất thành tâm muốn bắt tay nhau thật thà mà làm việc. Qua ba tuần tiếp xúc với Phái đoàn Pháp, ai cũng thấy rõ rằng vận mệnh nước ta nay chỉ còn mong ở sự kháng cự của dân ta và nhất là của Chính quyền ta. Những người Mác Xít ta có lúc tưởng rằng với thắng thế của hai đảng Xã Hội và Cộng Sản Pháp sau khi Đức thua, nước Pháp sẽ thả Việt Nam nếu ta cũng đồng chí hướng. Bây giờ họ cũng đã thấy rằng những cuộc điều đình hoặc ở Hà Nội, hoặc ở Đà Lạt đều đã tiến triển với Chính Phủ gồm các đảng ấy ở Pháp. Những đảng ấy tuy đông, nhưng không cản nổi, hoặc không muốn cản những nhóm Thực Dân dùng võ lực để chia xẻ nước ta ra nhiều mảnh, cắt xẻo những phần cốt yếu về phòng thủ và kinh tế để dần dần tiêu tán hoàn toàn cái quốc gia Việt Nam, dùng một nhóm người vong bản để nô lệ hóa nhân dân. Vì đều thấy rõ sự ấy, cho nên trước cái họa diệt vong, Tam và Giáp đã thấy ý tưởng Đảng là nhẹ mà ý tưởng Quốc Gia là nặng. Tôi cũng tâm nguyện các anh giữ được chí hướng ấy lâu dài.

Với những ý nghĩ ấy, tôi cùng tất cả phái đoàn vào dự phiên họp Đại Hội Đồng bế mạc lúc bảy giờ rưỡi tối. Bourgoin chủ tọa, nói tóm tắt mấy lời, một phần nào tả sự thực. Rằng:

"Hội nghị đã làm cho hai bên biết rõ lập trường của đối phương. Những vấn đề đều được nêu ra rõ ràng chính xác. Những đề nghị của Pháp đã tôn trọng sự tự do dân chủ của Việt Nam. Cả hai bên đã không mà cả điểm nào cả..."

Tam trả lời cũng vắn tắt: "Trước hết cảm ơn Phái đoàn Pháp đã tiếp đãi trong thời gian Hội nghị. Phái đoàn Việt Nam cũng đồng ý rằng hai bên tỏ rõ lập trường nhau và không mà cả. Những đề nghị Việt Nam là vừa muốn liên hiệp với Pháp vừa bảo vệ sự tự do của mình. Sự định đoạt sẽ dành cho Hội Nghị Paris."

Thế là xong Hội Nghị Đà Lạt. Hơn ba tuần tranh đấu. Phái Viên Pháp có lẽ coi như là một cuộc vừa nghỉ vừa làm việc. Còn Phái Viên ta thì coi đó là cuộc bảo vệ sự sinh tồn cho dân tộc và cho cá nhân mình. Tối ấy, ngủ đêm cuối cùng ở Đà Lạt, mà không chắc gì còn có thể trở lại ngắm cái cảnh xinh đẹp của trung tâm miền Thượng nầy.

*

Rạng ngày sau, chủ nhật 12 tháng 5, ô tô Pháp đem Phái bộ đi đến sân

bay. Có lễ tiễn tống gì không, tôi không ghi gì lại. Có lẽ chuyến về rất sơ sài giản dĩ.

Chín giờ bốn mươi, tàu bay cất cánh, bay thẳng về Bắc. Tàu bay đi chuyến nầy cửa mờ kín, nên khó trông ra ngoài. Anh em có lấy một số báo ở phòng Báo Chí mang về. Ngồi trong tàu, chia nhau đọc cho khuây.

Từ mười hai giờ, hình như trông thấy biển mù xanh. Máy bay bay cao, trông xuống thấy nhiều đám mây trắng nhỏ trôi dưới.

Cù Huy Cận, người nhỏ tuổi nhất, tính rất vui; pha trò làm anh em đỡ buồn. Cận ra câu đối.

Việc nước mười hai ông phái bộ

Có anh hỏi: "Câu đối như thế thì khó ở đâu?"

Cận bảo là câu đối tức cảnh và có ghép những tiếng *mười hai* và tiếng *nước*. Tôi phải giải thích thêm cho các anh không hiểu rằng: "Tục ngữ có câu: *phận con gái, mười hai bến nước*. Mười hai bến trỏ ý cách xa nhau; đây trỏ ý con gái đi lấy chồng phải lìa nhà mình, làng mình".

Có anh đối đùa rằng: "*Đợi nhà, ba bảy ả K. T.*". K. T. là cóm Khâm Thiên, ngày trước là xóm cô đầu ở Hà Nội. Cận bẻ rằng còn thiếu phần ghép chữ. Tôi cũng đùa theo, xin chữa ra:"*Đêm mai ba bảy ả K. T.*" và giải thích với vế Kiều: *"Quả mai ba bảy đang vừa"*, trỏ con gái đến tuổi kén chồng.

Đại loại, các thơ đùa cũng đã làm trò vui cho quên cái buồn cái mệt đã tích trong mình trong hơn ba tuần lễ. Cận làm thơ *Vô đề* dùng tên hoặc đặc điểm gì của một vài phái viên:

Đà Lạt hoa kia biết nói cười
TƯỜNG nam, TƯỜNG bắc, biết theo ai
Trưởng đoàn, đoan trưởng đều cao cả
Thang một làm sao bắc cả hai

Đoan trưởng là Trịnh Văn Bính giám đốc vụ quan thuế. Trưởng đoàn là Nguyễn Tường Tam. Hai người nầy đều cao. Thơ chẳng có nghĩa gì, nhưng bạn đồng hành vẫn họa chơi. Tôi cũng có họa:

Đà Lạt hoa em mới ngậm cười
Theo làng KHOA, GIÁP chịt theo ai
HÒE MAI vẫy ngọn cao khôn với
TAM cấp thang đành bước được hai

Thấy các thơ họa cũng vô duyên như thơ xướng. Tôi mới đem bài thơ, mà tôi đã làm một hôm nghỉ họp trên Đà Lạt, ra cho các anh em xem, rồi mời họa, hoặc làm thơ ghi cảm tưởng hay tình tứ. Thế là các anh em ngồi im lặng

được khá lâu. Hòe, Cận, Hiền có thơ họa đưa tôi xem. Tôi tiếc đã không chép lại. Tôi đã chỉ ghi lời bình phẩm: Hòe thơ già giặn, Cận lời bóng bẩy, Hiền chịu khó nhưng chưa quen làm thơ.

Rồi các hành nhân dần dần ngủ gà ngủ gật. Tiếng chong chóng tàu như sấm bão, làm cho không nghe người ngồi bên cạnh nói. Cửa sổ gương mờ, chỉ có một lỗ nhỏ ở giữa. Phải ghé mắt gần sát mới thấy mây, đất, núi sông. Gió lọt qua khe hở thổi lạnh cả lưng. Trong lúc tai không bưng mà điếc, mắt không bịt mà mù, tôi chỉ còn cách nhìn quanh trong tàu mà ngắm các anh em: anh ngủ ngon lành, anh đọc nhật trình, anh ra vẻ mơ màng, anh ra dáng mệt mỏi. Lại có bốn anh quay quần đánh bài ở phía sau tàu.

Trong khoảng không gian chật hẹp ấy, mà tôi thoắt thấy như đang cô quạnh ở chốn thanh u. Mơ màng nhớ cảnh núi hồ Đà Lạt, ngẫm lại những cảm kích vì phải nghe những lời đối phương lấn ép, phải nỗ lực lấy lẽ phải luận bàn. Tôi nhẩm nghĩ một bài *hát nói* để ghi lại cảnh vật và tâm tình.

Bài hát HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT ấy như sau:

Núi Đà Lạt xa quanh mình uốn éo
Lững lưng đồi, ai khéo vẽ rừng thông
Mặt hồ xanh, mây bạc bóng gương lồng
Trên cỏ lục, lối hồng đang uốn khúc
Ngắm cảnh tay người, thêm tấm tức
Gẫm mình việc nước vẫn đeo đai!
Giữ non sông, thao lược đã không tài
Nêu sứ mệnh, một vài câu biện luận
Thấy lẽ mạnh ép hèn, sôi nổi giận
Tuốt gươm thù, toan quyết trận phong ba.
Nhớ ra... đã có nghị hòa!

Làm xong, tôi viết vào giấy, rồi trao cho Cận ngồi bên cạnh xem. Cận ngâm nga lẩm nhẩm; rồi nhà thi sĩ tặng tôi một câu bình phẩm: *le poète n;est pas celui qu'on pense* — thi sĩ không phải kẻ mà người ta tưởng. Lời tán thầm là quá, nhưng đó là lời của một bạn văn thông cảm với người "một hội một thuyền". Hai nụ cười hóm hỉnh của Tạ Quang Bửu khi đọc vế "Gẫm mình việc nước vẫn đeo đai" và vế cuối, tỏ rằng ảnh đã hiểu thấu tâm lí tôi, và khiến tôi thêm cảm động.

Máy bay đã tiến gần về đất Bắc. Có lúc, bay thấp xuống, để thấy bờ biển, sông núi; đoán chừng vào chặng Nghệ An. Rồi dần dần vào thiên phận Nam Định, Hà Nam. Phía tây thấy dãy núi lèn Nam Công, Hương Tích. Tàu càng xuống thấp. Nầy núi Đọi, nầy sông Châu Cầu. Rồi núi Tam Đảo đã hiện đầu chân trời.

Máy bay đã hạ xuống Gia Lâm. Bây giờ mới một giờ rưỡi, ngày chủ nhật 12 tháng 5. Phái đoàn về đến Hà Nội, anh em chia tay nhau sau khi hẹn ngày

hôm sau lại họp để phục mệnh với Chính Phủ.

*

Mười giờ sáng hôm sau, ngày 13, các phái viên tề tựu đến dinh Chủ Tịch. Có đủ mặt các bộ trưởng.

Nguyễn Tường Tam nói: "Phái bộ xin ra mắt Chính phủ".

Cụ Chủ tịch: "Hoan nghênh phái bộ Hội nghị Trù bị. Tuy kết quả chưa đủ, nhưng Phái bộ đã làm cho nước Pháp và Ngoại quốc biết rõ rằng người nước ta biết tranh đấu, biết công tác và biết đoàn kết..."

Tam báo cáo về tính cách của công tác Phái đoàn. Đại cương, có những ý sau nầy:

— Tranh đấu găng, thì lúc nào cũng găng; nhưng không để phá Việt;

— hết sức làm việc;

— chuẩn bị kĩ càng các buổi họp;

— hành động cá nhân không làm mất thanh danh cá nhân và và tổ quốc;

— ngoài sự đàm phán, các anh em hiểu rõ nhau hơn, và chắc đã đoàn kết nhau hơn.

Võ Nguyên Giáp nối lời, nói cũng đồng ý với Tam và báo cáo rằng Hội nghị đã làm ta rõ lập trường của Pháp. Lập trường ấy không khác gì cái mà mình đã thấy trước: lập lại chính quyền thuộc địa qua Liên bang Đông dương, dùng tay sai mà thực trị nam phần Việt Nam, dùng quân đội hạn chế quyền tự chủ của ta ở bắc phần.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng nói: "Mừng đoàn kết trong Phái đoàn và tất cả toàn dân phải đoàn kết để đánh đổ âm mưu chiếm đoạt của thực dân".

Cụ Chủ tịch nói: "Phải tiếp tục tranh đấu tại Hội Nghị Paris".

Năm giờ chiều hôm ấy, Phái Đoàn cũ lại họp buổi cuối cùng để kiểm điểm những khuyết điểm của sự làm việc, và để rút kinh nghiệm cho Phái bộ sẽ đi Paris.

Phần lớn Phái Viên đã nhận rằng về tinht thần thì Phái đoàn đã làm tròn nhiệm vụ một cuộc đàm phán trù bị, bày tỏ ý chí mình và dò xét mưu ý đối phương. Nhưng về phần tổ chức vật chất thì có khuyết điểm.

Giáp kể những khuyết điểm về giao hữu giữa nhân viên Phái đoàn, về tổ chức văn phòng, tổ chức những tiểu ban và liên lạc giữa phái viên và cố vấn.

Hiền nhấn về sự anh em thường để ý nhiều về những tiểu tiết, còn về những việc lớn thì không bàn đến. Hiền cho thí dụ việc bàn luận về Liên Bang.

Mạnh Tường trách rằng về khoản thù tiếp với các tư nhân ngoài, với các nhà báo, ta không dự định. Đáng lẽ phải có ngân quĩ nhất định.

Tam thêm rằng: "Nếu cần phải ngoại giao..."

Cuối cùng Giáp nói về phương pháp làm việc trong các cấp đàm phán: trong buổi họp Ủy ban, trong buổi họp đại hội, trong khi trao đổi văn kiện và trong khi tiếp xúc cá nhân.

Thế là nhiệm vụ của các phái viên đã chấm dứt buổi tối hôm ấy.

*

Dư ba của Hội nghị là bữa cơm Chính Phủ đãi anh em Phái đoàn. Tất cả các bộ trưởng, phái viên, cố vấn, hành nhân ngồi chung quanh cái bàn dài trang hoàng bằng những cụm hoa đỏ xen hàng. Hai cụ Huỳnh, Hồ ngồi giữa. Chuyện trò ồn ào náo nhiệt, hầu như ai cũng đã quên những buổi tranh đấu tổn thương cân não. Có một lúc Cụ Chủ Tịch hỏi các Phái Viên: "Cảnh Đà Lạt có đẹp không?"

Cù Huy Cận tả, khoe cái đẹp thiên nhiên của Đà Lạt.

Cụ lại hỏi: "Thế thì các chú có làm thơ không?"

Cận trả lời: "Anh Hãn có làm".

Cụ bảo: "Đọc cho nghe nào". Rồi cụ ngảnh tìm tôi. Tôi ngồi khá xa. Vốn không thích đem văn thơ kể tâm sự ra làm trò chơi ở tiệc công; nhưng buổi họp nầy; dù có các Cụ, các bộ trưởng, có không khí rất gia đình. Tôi không thể chối từ, nhưng còn lưỡng lữ nên đọc bài Đường luật hay là bài Hát Nói. Lại nghĩ rằng về kết của bài Hát Nói; *Nhớ ra đã có nghị hòa*, có thể nghe ra dáng trách chính phủ đã kí Hiệp định Sơ bộ, tôi đành đọc lại bài kia, tuy rằng nó tả cái đẹp của Đà Lạt không đủ bằng bài Hát Nói.

Nghe xong, Cụ hỏi đùa rằng: "Thế thì Hoa có biết nói không?" Rồi cụ lại hỏi có ai làm thơ Đà Lạt nữa không.

Không ai trả lời. Thấy sự im tiếng khá lâu, tôi lại lên tiếng, nói vọi rằng: "Nhân chuyện tranh luận ở Hội nghị Đà Lạt, tôi đã nhớ đến bài thơ Tết của cụ".

Cụ ngoái cổ lại, coi vẻ ngạc nhiên, và cùng cả cử tọa chờ.

Tôi nói tiếp: "Bữa Tết, tôi đã đọc bài thơ Khai Bút của Cụ cho các Cụ trong quê Hà Tĩnh nghe. Các Cụ đều khen thơ Cụ rất hay, khen lời thật mà hay. Nhưng có Cụ lo..."

Ai cũng ngảnh lại phía tôi với đôi mắt tò mò, mà chắc không ai đoán được tôi muốn nói gì.

Tôi nối câu: "... vì trong thơ có lời *sái.*" *Sái* trỏ một lời nói hoặc câu văn, tuy tác giả vô tình, nhưng thính giả có thể xoay hiểu ra nghĩa không tốt. Người ta thường tin đó là điềm gở.

Cụ hỏi: Lời sái ở chỗ nào?"

Tôi đáp: "Thưa Cụ, ở câu thực:

Độc lập đầy vơi ba chén rượu

Tự do vàng đỏ một chòm hoa

"Vì có bốn chữ *Độc lập đầy vơi*"

Cụ hiểu ý liền. Nhanh ý, Cụ hỏi lập tức: "Thế thì các Cụ chữa lại ra sao?"

Chuyện các Cụ Hà Tĩnh bàn tán thơ Khai Bút trên có thật. Tôi đáp: "có Cụ đã xin đổi vế trên ra: *Độc lập say sưa ba chén rượu*"

Cụ không nói gì. Cử tọa lao xao nói chuyện khác.

Hậu quả cuối cùng, đối với tôi, của Hội nghị Đà Lạt là đã phải theo cụ Chủ Tịch đón Đô đốc D'Argenlieu, ngày 19 tháng 5, trước thềm dinh Chủ Tịch.

Sau bữa cơm kể chuyện trên, tôi được rút lui về chăm việc văn hóa. Thình lình có điện thoại văn phòng chủ tịch gọi lên phủ gấp, vì có Đô Đốc tới thăm. Chủ tịch nghĩ nên có một người thay Phái đoàn Đà Lạt ra đón với Cụ.

Tôi theo Cụ trong phòng khách đi ra cửa. Xe Đô Đốc dừng dưới thang cấp trước dinh. Đô đốc lên khỏi bực thang. Chủ tịch tiến nhanh nhẹn ra, ôm lấy Đô Đốc mà hôn má; rồi bắt tay những vị tùy tùng. Cụ giới thiệu tôi, rồi chủ khách vào phòng uống trà, nói chuyện tươi cười.

Đô Đốc chúc thọ Chủ Tịch, vì ngày ấy là ngày sinh nhật Cụ.

Tôi ngồi một góc, nhìn hai chủ khách mà ngán cho cái trò điển lễ ngoại giao. Một bên đắc thế, muốn bóp cổ người, mà vẫn làm như thân thiện. Một bên biết vậy, mà phải có thái độ hồn nhiên.

Cụ Chủ Tịch hồi ấy khí sắc trông đã vững. Kinh nghiệm đưa đón của một quốc trưởng đã khiến cụ có dáng điệu chững chàng tuy giản dĩ. Cái trách nhiệm bảo vệ nền tự chủ bấp bênh đang đè nặng trên vai. Mà Cụ không tỏ vẻ lo âu bực tức chút nào.

Cuối tháng, Cụ và Phái đoàn mới sẽ đi Paris. Tương lai thế nào? Nhân dân Pháp và các chính khách bạn Cụ có sẽ làm nhẹ gánh cho Cụ được phần nào chăng? Đó là những ý nghĩ của tôi trong khi phải "bồi thị". Nhưng tôi đã tự hỏi: Võ Nguyên Giáp đi đâu, không có mặt ở đây? Chắc rằng từ sau khi trên Đà Lạt ảnh bỏ ra ngoài hội phòng và đóng cửa cái sầm, ảnh rất bận vì phải gây dựng thực lực để đối phó tương lai.

Tương lai? Tương lai gần sát là:

— Ngày mồng 1 tháng 6, một ngày sau khi Chủ Tịch và Phái Bộ điều đình lên máy bay đi Paris, đô đốc D'Argenlieu "cho phép" Hội Đồng Tư Vấn Nam Kì lập một *Chính phủ Lâm thời Nam kì* có quyền tự trị, nhập vào Liên Bang Đông Dương và Liên Hiệp Pháp.

— Ngày mồng 6 tháng 7, Hội nghị Việt Pháp đáng lẽ mở ở Paris, nhưng Chính phủ Pháp "đày" ra Fontainebleau.

— Mồng 2 tháng 8, Đô đốc D'Argenlieu nhóm đại biểu các Chính phủ Mên, Lào, Nam kì, và đại biểu Nam - Trung - Bộ, miền Thượng và mở Hội Nghị Đà Lạt lần thứ hai để lập Liên Bang Đông Dương. Đại tá Pháp, gốc Việt, *Nguyễn Văn Xuân* cầm đầu phái bộ Nam kì, cùng với một đại diện Pháp.

— Ngày hôm sau, mồng 3 tháng 8, xung đột đầu tiên giữa hai quân Pháp Việt xảy ra ở Bắc, tại Bắc Ninh.

— Hội nghị Fontainebleau tự giải tán ngày 12 tháng 9.

— Tối 14 tháng 9, riêng Chủ Tịch kí với Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Moutet một tạm ước, tạm nhận những điều yêu sách của Pháp, để chờ mở lại điều đình. Trừ việc Chính phủ Nam kì tự trị thì bỏ lơ không nói đến.

— Ở Bắc, quân đội Pháp chiếm biên thùy Đông Bắc để mở những nhóm tự trị thiểu số. Chiếm lại phủ Toàn Quyền, sở Tài Chính. Lập lại quan thuế ở Hải Phòng.

— Ngày 20 tháng 11, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

Nói tóm lại, chương trình lập lại Chính quyền Thực Dân ở Đông Dương được dần dần thực hiện, bằng mọi cách: điều đình, áp bức, nội công, chiếm đoạt bằng binh lực.

Những điều Phái đoàn Đà Lạt đã dự đoán đều đúng.

"Sự đã rõ ràng, chỉ còn cách đánh nhau giữa chúng ta" Đó là lời đáp của Tướng Salan cho Hoàng Minh Giám tại Paris.

"Chim còn hay dựng hầu cất mỏ (14)
Thú còn hay giơ vó nhăn nanh
Sao ta chịu nhuốc cho đành?
So loài cầm thú thẹn mình lắm thay!"

Đó là lời kêu gọi của hồn những người ái quốc liệt sĩ.

Tám giờ rưỡi tối 19 tháng 12, bắt đầu cuộc chiến tranh giải phóng.

Cái mộng nước Việt Nam giải phóng với sự thỏa thuận của nước *Pháp Mới* đã tan. Lời cảnh cáo của tôi nói ra hai lần trước Phái Viên Pháp rồi cũng nghiệm. Sự chiến đấu giành độc lập của dân tộc Việt Nam đã đánh thức một số dân thuộc quốc khác, làm khối Liên Hiệp Pháp dần dần mòn đi. Nó cũng đánh thức những chánh khách có tầm mắt trông xa trên trường chính trị Pháp. Nhờ vậy, ngày nay nước Pháp không những về tinh thần đã chiếm lại được nhiều thanh danh đối với các nước, mà cả về vật chất, kinh tế Pháp khỏi ách quân sự, đã phát triển mạnh trên xứ sở; và quyền lợi Pháp trên các nước ngoài, kể cả các nước cố thuộc, đã mở mang rất chóng.

Còn đối với nước ta thì hậu quả của sự ngoan cố của phái Thực Dân đến nay còn cay độc. Chiến tranh còn dày xéo đất và dân ta. Nhưng chiến tranh cũng có ngày hết. Nước Việt Nam độc lập, hòa bình sẽ thân thiện với các nước chuộng hòa bình.

Nay nước ta còn như

Thịt một miếng trăm dao xâu xé (15)

dao Mĩ, dao Úc, dao Triều Tiên, dao Thái Lan. Nhưng dao Pháp trước cắm sâu như vậy, mà cũng hầu trở thành bàn tay thân thiện, thì những dao kia cũng rút đi.

Bấy giờ, những điều hòa bình, độc lập và cả thống nhất mà Phái đoàn Đà Lạt đã hết sức tranh đấu trong các buổi họp, sẽ bởi dân ta tự định đoạt. Nếu tất cả mọi người còn nhớ hai tiếng

ĐOÀN KẾT

như tiếng vọng của dĩ vãng nước nhà mỗi lúc lâm nguy, thì có lẽ, với lòng ái quốc của mọi người thành thật, những điều ấy sẽ đạt.

*

Tỉnh giấc mộng ngâm câu kí vãng
Tải mấy thu ngày tháng như thoa (15)

Từ Hội nghị Đà Lạt đến nay đã một phần thế kỉ. Đứa con ra đời lúc tiếng súng Điện Biên dừng nổ, nay đã thành nhân. Chuyện Đà Lạt kia chỉ là chuyện *Đời xưa*. Những người dự cuộc ở phái ta đã một phần không ít quá cố. Tôi đã thành thật gắng chép ra những điều tôi đã chứng kiến và đã ghi, hoặc nhớ lại. Chỗ sót chắc nhiều, điều sai gắng tránh. Mục đích không ngoài ôn chuyện cũ, góp phần cho những nhà viết sử mai sau.

Nếu độc giả ngày nay có thể rút được một vài kinh nghiệm để trỏ hướng hành động của mình cho nước cho dân, thì lại càng làm thỏa lòng tôi thầm nguyện.

Lòng thầm nguyện ấy chắc cũng là chung cho hầu hết đồng bào, mà nhân tiện câu chuyện Đoàn Kết trên đây, tôi xin tặng mấy câu tôi đã viết theo lối phong dao, sau khi Hội Nghị GENEVE cắt đôi đất nước:

PHONG DAO
Ngày xưa NGUYỄN TRỊNH phân tranh
Chia đôi đất nước, sông Gianh là bờ
BẮC NAM chia nước bây giờ
Thì lấy Bến Hải làm gờ phân tranh
Xưa kia lỗi chỉ tại mình
Bây giờ xúi dại là anh chực ngoài
Chớ nghe miệng chúng dông dài
Chúng chờ ta vật lộn cho nhoài... rồi chúng xơi!
Lạng Sơn cho đến Cà Mau
Tổ tiên gây dựng biết bao công trình
Người Thượng cho đến người Kinh
Cũng chung đất nước, cũng tình anh em
Ai ơi! Gẫm lại mà xem
Lẽ nào thân mẹ, con đem chia phần?
Từ Mác Xít đến Giáo Dân!
Bớt phần lí tưởng, thêm phần yêu đương
Bớt nghi kị, bỏ lọc lường
Cùng nhau xiết cánh lên đường vinh quang"

Thiết tưởng những lời ấy, thời nầy cũng chưa lỗi.

HOÀNG XUÂN HÃN
Viết tại Paris tháng 10, 1971
(Trích tập san SỬ ĐỊA,
số đặc khảo Đà Lạt, Xuân Nhâm Tý (23-24),
tháng 3 đến tháng 12, 1971 xuất bản tại Sàigòn)
Tài liệu của Huỳnh Hữu Ủy)

CHÚ THÍCH:

(3) Như trên đã nói. Lúc ra đi, hình như chỉ thị của chủ tịch là đừng khơi vấn đề Đình Chiến. Tôi không nhớ đây là ý riêng của Mai hay mới có chỉ thị mới mà tôi không được biết.

(4) Tôi dùng tiếng nầy để dịch Pháp ngữ climat và dành không khí cho ý atmosphère.

(5) Memorandum.

(6) Par discipline.

(7) Participation.

(8) Tôi dùng hoặc Toàn thể đại hội, hoặc Đại hội đồng để trỏ ý Séance pleinère.

(9) Note Verbal: văn kiện trao đổi để báo ý trước, chưa định hẳn.

(10) Kho thuốc súng Sàigòn bị đốt ngày 8-4, cách bấy giờ gần một tháng.

(11) Nguyên Pháp văn:

La France Nouvelle ne cherche pas à dominer l'Indochine.

Mais elle entend y demeurer présente. Elle ne considère pas son oeuvre comme terminée. Ekke refuse d'abdiquer sa mission culturelle. Elle estime qu'elle seule est en mesure d'assurer l'impulsion et la coordination de la technique et de l'économie, de la diplomatie et de la défense.

Enfin elle sauvegardera les intérêts moraux st matériels de ses nationaux.

Tout ceci, dans le plein respect de la personalité nationale et avec la participation active et amicale des peuples indochinois

Dalat le 5 Avril (sic) 1946

MAX ANDRÉ

(12) Hình như tên là Vincent.

(13) Nguyên văn: Malgré ceux qui, pour avoir hat un homme ou une idéologie, trahissent leur pays, le Nam bộ reviendra au sein de notre Mère-Patrie.

(14) Bài A-tế-á (Tăng Bạt Hổ?)



TRẦN NGỌC NINH

tưởng nhớ thầy: g.s, hoàng xuân hãn một nho sĩ khoa học gia



LTS: *Bài viết dưới đây có lẽ nằm trong một cuốn sách, tác giả trích ra một phần nhỏ, cho phép chúng tôi sử dụng. Dù vậy, do số trang có hạn, chúng tôi mạn phép lược thêm vài đoạn nữa, để trọng tâm của bài viết bật rõ ơn. Rất mong tác giả lượng thứ.*

Hợp Lưu

THÀNH NHÂN CHI MĨ

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một người mà sự nghiệp rất lớn trong lãnh vực giáo dục và văn học, đã đánh dấu thời đại của chúng ta.

Lúc sinh thời của ông, viết về ông hay nói với ông, người ta luôn luôn kính cẩn gọi ông là giáo sư. Ông mới qua đời và vào hẳn trong lịch sử ngày 10 tháng 3, 1996, lúc 7.45 phút sáng, tại Paris. Từ đây về sau, trong vĩnh cửu, ông sẽ chỉ còn là Hoàng Xuân Hãn. Một cái tên soi sáng cả một thời, và trống trơn, vinh dự hơn tất cả các bằng cấp và chức vụ mà người đời, phần nhiều thấp nhỏ hơn ông về trình độ trí thức, về lương tâm chức nghiệp, về sự thận trọng nghiên cứu, về khí phách con người, về tất cả mọi giá trị cao quí đối với dân tộc và xã hội, đã phong tặng cho ông. Như Vạn Hạnh, như Chu Văn An, như Nguyễn Thiếp, như Phan Chu Trinh. Như

một vài người, không phải vĩ nhân như Trần Quốc Tuấn và Nguyễn Trãi, nhưng cũng đã làm cho những người thường chúng ta, sống trong một tuổi nhiễu nhương điên đảo, có thể còn giữ được một chút hãnh diện dân tộc. Những người đã mất đi, nhưng còn để lại dấu vết trong lịch sử.

Tôi đã được gọi ông là thầy.

MỘT VÀI KHUÔN MẶT MÔN ĐỒ

Viết bài này tôi không có í định làm bài văn tán tụng một người mới ra đi. Tình nghĩa thầy trò tuy ngắn ngủi nhưng quá sâu đậm để tôi có thể thực hiện chỉ một nghĩa vụ xã hội, mà nền đạo lí cổ truyền của nước ta coi là rất nặng, nên đã thành một hình thức dành cho người trưởng tràng. Vì tôi đã sớm phải bỏ toán học, mối tình đầu của trí thức, để rẽ sang một con đường khác, nên không còn được cái vinh dự nối chí thầy. Giáo sư Phạm Mậu Quân, một bạn học cùng trường cùng lớp, xứng đáng hơn để làm công việc này trong một nửa sự nghiệp của thầy Hoàng. Phạm Mậu Quân sang Pháp học sau khi đậu Tú Tài Việt Nam; ông đi hẳn vào toán học, mẹ của tất cả các khoa học chính xác, và bỏ hết những cái học tạp nhạp, để chỉ thở không khí trong suốt của các cao nguyên trí tuệ. Ông được cấp trong danh dự bằng Tiến sĩ Toán học sau khi trình bày một luận án mà các thầy ở viện Đại Học Paris, trong đó có những người dấu tên của nhóm Bourbaki, khen là đã đẩy lui biên giới của toán học ở một vùng trước đây còn mờ mịt hoang vu. Bằng Tiến sĩ Toán học Pháp là một chứng chỉ mà người ta chỉ dành một cách tằn tiện và rất thận trọng, cho một thiểu số đếm được trên đầu ngón tay trong mỗi thời đại, những người đã vượt bực phá tường ở những phần hay những góc độ kiên cố vững bền nhất của thành trì toán học. Thầy Hãn khen rằng giáo sư Phạm là một thiên tài toán học. Cái thiên tài ấy đã được khai thông và chỉ đạo bởi người thầy đã trồng vào miếng đất ấy một sự đam mê vô độ, đã rắc vào đó ngay từ đầu những hạt giống chắc nịch, để nở thành một bông hoa trí tuệ lộng lẫy và thơm ngát. Bông hoa ấy tiếc thay đã héo và rụng sớm trước tuổi kết trái. Giáo sư Phạm Mậu Quân, đại học Sorbonne, Paris đã mất sớm trước khi hoàn thành được một công trình vĩnh cửu, một chương mới của toán học, để xác nhận khả năng luận lí của con người và để vinh danh học giới Việt Nam.

Người thứ hai tôi nghĩ rằng có thể đại diện các học trò cũ của thầy Hãn, để viết điếu văn kể lại sự nghiệp và công ơn của thầy, và nói cái quyết tâm của các môn đồ sẽ vinh danh thầy bằng những đóng góp của lớp hậu học, để xây dựng một nền toán học, một nền khoa học và nếu có thể, một kỉ luật sử học với văn học sử theo phương pháp khoa học hướng về Việt Nam, ở Việt Nam, là giáo sư Vũ Như Canh, nguyên khoa trưởng trường Đại học Khoa Học Hà Nội, hay giáo sư Nguyễn Chung Tú, nguyên khoa trưởng trường Đại học Khoa Học Saigon. Giáo sư Canh học thầy niên khóa 1937-38, ở lớp toán, trường Bưởi, rồi đi Pháp học thêm; khi về nước thì lên dạy ngay môn vật lí ở

Đại học, giữ cái ghế của giáo sư Hoàng Thị Nga là người Việt Nam đầu tiên đã có bằng Tiến sĩ Vật Lí Học ở Pháp. Giáo sư Nguyễn Chung Tú, một đồng sự của tôi ở đại học Saigon, đã được quấn quít thầy có lẽ lâu dài nhất: ba năm liền ở Trung Học cấp trên (1940-1943), học thầy cả về Toán và Vật lí, rồi lại tiếp tục học thầy ở Đại học Hà Nội từ 1943 đến ngày chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, tối 19 tháng 12, 1946. Tôi nghĩ đến hai người này trong số các người đã được học thầy Hãn, vì cả hai đã thành công trong khoa học, cả hai đều đã được thầy Hãn khai tâm vào toán và vật lí ở trình độ cao học, và cả hai đã nối cái nghiệp vụ và sứ mệnh của thầy trong việc giáo dục, hướng dẫn và khêu sáng tuổi trẻ Việt Nam cho bước vào khoa học.

Giáo sư Nguyễn Chung Tú, hiện nay còn dạy học ở Saigon, có viết một bài nhắc lại *"Vài kỉ niệm về thầy Hoàng Xuân Hãn"* trong một tờ báo mà tôi không biết tên, vì chỉ có một cột đôi đóng khung, cắt ra và gửi cho tôi bởi một sinh viên cũ, nay làm bác sĩ cò con ở ngoại ô Saigon nhưng vẫn chưa quên người thầy tóc đã bạc ở tha hương. Tiếc rằng bài kỉ niệm quá ngắn ngủi, vì giáo sư Tú không những là một học trò "ruột" của thầy Hãn, mà còn vì chị ruột cả của giáo sư Tú, lại là bạn học cùng lớp với bà Hoàng Xuân Hãn ở trường nữ trung học Hàng Bài (Hà Nội), khi bà Hoàng còn là cô nữ sinh Nguyễn Thị Bình. Nếu trong văn chương Việt Nam nở ra được một bộ môn tiểu sử với tinh thần tôn trọng người tài của nền văn hóa dân tộc và với phương pháp nghiên cứu sử mà sử gia Hoàng Xuân Hãn đã dùng một cách nghiêm minh phong phú, thì biết đâu, với tất cả những kí ức còn sáng suốt và những tài liệu còn giữ được trong các ngăn kéo, hộc tủ và kệ sách của gia đình và nhiều tư gia, người ta không làm sống lại được những cuộc đời của những người như giáo sư Hoàng Xuân Hãn, đã để lại sau khi ra đi, không những là vài kỉ niệm để nhớ thương, mà còn một ảnh hưởng không nhỏ trong lịch sử đất nước và một tấm gương sáng để tuổi trẻ nhìn vào thấy được chính mình cũng lớn hơn.

Học trò của thầy Hãn tất nhiên còn nhiều nữa, và nhiều người có thể, sau khi được vỡ lòng, đã vào những ngành khác nhưng với chút ít hành trang thầy cho và cũng đã thành đạt đôi phần.

Mười năm đầu của thầy Hoàng Xuân Hãn sau khi thành tài về nước là để dạy học, để gieo rắc những kiến thức mới về khoa học vào trong óc những người trẻ hiếu học. Với thầy, một người sinh viên cũ của trường Bách Khoa Pháp, tự nhiên khoa học với kĩ thuật phải là những phương tiện để phát triển đất nước, làm bớt sự nghèo khổ, làm giảm sự khó nhọc và làm mới đời sống vật chất tinh thần của người dân. Nhưng với thầy, một giáo sư mà tất cả các học trò sung sướng gọi một cách thân mật và tôn kính bằng cái tên cao quí, tôn vinh nhất của tiếng Việt Nam, là Thầy - Thầy Hãn, thì dạy học trước hết là đem trở lại cho tuổi trẻ của dân tộc cái mộng cũ của Nguyễn Trường Tộ, của Phan Bội Châu, làm sao được học và học được cái khoa học chân chính đích thực đã làm cho phương Tây giàu mạnh và thắng phương Đông trong

thế kỉ vừa qua. Dạy học còn là, theo truyền thống dân tộc, dẫn dắt học trò cho nên người, để mỗi người lớn lên trong tinh thần trách nhiệm, hiểu được rằng không có gì mình làm là không liên can đến người khác, và trong mọi việc mà mình làm, nhỏ như một bài toán trong lớp hay lớn như một quyển sách được trước tác để nhiều đời về sau coi là kim chỉ nam hướng người ta đến cái thiện, cái sáng, cái tốt, cái thực, không việc gì đã biết là phải và đã bắt tay vào làm là không làm cho trọn vẹn từng phần một, một cách hoàn hảo trên từng đường, từng nét, từng góc cạnh, từng giao điểm và trong toàn thể - Câu nói của người xưa về chữ GIÁO là THÀNH NHÂN CHI MĨ; Trong mười năm đầu mà thầy Hãn đã hiến cho dân tộc sau khi du học thành tài, thầy đã tạo được cái đẹp vô thượng ấy trong các học trò của thầy, không những ở những người còn cầm bó đuốc khoa học chính xác cho ngọn lửa đã thắp lên vẫn cháy sáng qua các sóng gió bão tố của lịch sử, mà còn ở cả những người đã rời khỏi toán pháp và vật lí, đi vào những địa hạt bụi bậm và đồng lầy hơn của khoa học và kĩ thuật, để góp những sức hạn chế nhỏ nhoi của cá nhân vào công cuộc duy tân không cùng của đất nước.

TOÁN HỌC

Toán học là một kỉ luật và cũng là một nghệ thuật mà người ta chỉ đạt được bằng sự dựng giả thuyết, rồi suy nghĩ về kết quả, rồi thực tập, lại suy nghĩ, thực tập, suy nghĩ và thực tập đến cùng kì lí, không bao giờ cho phép có một kẽ hở, một vết bợn, một nét không hòa hợp trong một toàn thể thuần nhất và hoàn toàn trong sáng. Ở đây Toàn Mĩ đồng nghĩa với Toàn Chân. Chân lí mà không tuyệt đẹp là một chân lí què, một chân lí khuyết, một chân lí đáng nghi. Trong một tuyệt tác đề là "*Đường vào phương pháp của* (họa sĩ) *Leonardo da Vinci*" (1), thi sĩ Paul Valéry viết rằng: "*Trong sự thực hiện, không có chi tiết" (Il n'y a pas de détail (dans l'exécution). Không có một cái gì là nhỏ nhặt, không có một cái gì được phép coi thường, rẻ rúng và bỏ qua cả.*

MỘT THỜI VANG BÓNG

Lúc tôi vào học ban Toán, Tú Tài đệ Nhị cấp, lớp thầy Hãn, thì danh tiếng của thầy đã lớn lắm, nhưng cái danh lớn ấy chỉ phản ánh cái óc trọng bằng cấp cố hữu và cổ hủ của người Việt Nam ở một thời nửa cổ nửa kim, không chịu tàn lụi, kéo dài đến nay cũng vẫn chưa tắt hẳn.

Khi ở Pháp về lần thứ nhất thì thấy thiên hạ sì sào rằng thầy tốt nghiệp trường Bách Khoa. Hỏi có bằng gì thì những người "hiểu biết" nói rằng hình như là bằng Kĩ Sư Cầu Cống. Thường quá! Có biết đâu rằng *Trường Bách Khoa, Ecole Polytechnique*, là trường đứng đầu hệ thống gọi là *Trường Lớn,*

---

(1) Valéry, P. - Introduction à la Méthode de Léonard de Vinci, 1894

Les Grandes Écoles, mà hoàng đế Napoléon I, trong những ngày oanh liệt nhất của nước Pháp, đã lập ra bên cạnh hệ thống các *Đại học, Universités*, để đào tạo những người có đủ kiến thức và khả năng lãnh đạo quốc gia trong thời đại mới mà cuộc Cách Mệnh Pháp và cuộc cách mệnh công kỹ nghệ đã mở ra. Đại học đã có cái truyền thống là nền học cao cấp tự do để tìm tòi và khám phá, để xây dựng tư tưởng và học thuyết và vì thế không bắt buộc là ai cũng phải theo cho kì hết và ai cũng phải biết làm, dầu đã học đến cấp bực cao nhất. Các "Trường Lớn" khác Đại Học. Học sinh vào Trường Lớn thường là những học sinh ưu tú nhất trong nước, được các thầy chọn lọc ra từ sớm và gửi lên Paris với một học bổng quốc gia để vào học một trong ba trường Trung Học danh tiếng(2) là trường Lycée Saint Louis, Henry IV và Louis Le Grand. Ba trường này có lớp dự bị luyện thi vào học Trường Lớn. Giáo sư của các lớp dự bị là những vị giáo sư đã nổi bật trong nước vì tài sư phạm và chân tài trong môn phụ trách vì những công trình đã thực hiện. Thí dụ như giáo sư Alain (tên thực là Emile Auguste Chartier, giảng môn triết học ở lớp dự bị của Lycée Henri IV, là một triết gia rất tinh tế mà bài giảng mỗi năm, được chép lại để in thành sách với đầu đề là *Những lời của Alain I, II...* (*Les Propos d'Alain* I,II...) bởi nhà xuất bản nổi tiếng nhất về địa hạt văn chương là nhà Gallimard, Paris.

Như vậy tức là, trong tất cả nước Pháp, sau khi đỗ Tú Tài, thường là với ưu hạng, những học sinh nào xuất sắc nhất sẽ được chọn để theo học một trường lớn, *Polytechnique*. (Bách Khoa). *Normale Supérieure* (Cao Đẳng Sư Phạm) hay *Centrale des Arts et Métiers* (Trung ương Công nghệ). Họ được đưa vào lớp Dự Bị ở ba Lycée danh tiếng, Toán học Dự bị cho cho Bách Khoa, được thu hẹp trong hai môn, Kỉ Hà Phân Tích (*Géométrie Analytique*) và Tính Vi Phân (*Calcul Infinitesimal*). Thi vào trường tất nhiên là rất khó, không những phải thi "văn" (tức là Toán Lý Hóa), mà còn thi "võ", có thể thao, cưỡi ngựa, vân vân. Hạn tuổi cũng chặt chẽ, phải dưới 18. Trái lại với Đại học không có thi vào trường để giữ vững tính cách tự do khoáng đạt của nền học đã đưa Âu Châu và đặc biệt là nước Pháp lên một địa vị lãnh đạo về tư tưởng và văn khoa học từ mùa thu của Trung Cổ Đại và thời Phục Hưng đến nay, các trường lớn đều bắt buộc phải thi nhập học, một kì thi hết sức khó khăn, đòi hỏi, vì chương trình học sẽ bao quát cổ kim trong mọi ngành và người sinh viên bắt buộc phải học được và phải học cho đến hết, nên có thi tốt nghiệp là để xếp thứ bực mà không phát bằng. Sự học ở trường đảm bảo hoàn toàn trình độ của cựu sinh viên khi ra trường, trong trường hợp học Bách Khoa.

Trường Cao Đẳng Sư Phạm thì có bằng khi thi ra trường, hoặc là Thạc sĩ Triết học, hoặc là Thạc sĩ Văn học; nhưng khi ra trường và được bổ đi dậy

---

(2) Ở Lyon cũng có một lớp Dự Bị cho trường Cao Đẳng Sư Phạm, đặt ở Lycée du Park (trường Trung Học Công Viên). Các sinh viên gọi lớp này là Khagne.

học ở một trường trung học, thì giáo sư thạc sĩ xuất thân từ trường Cao Đẳng Sư Phạm thường ghi thêm là cựu sinh viên Normale Supérieure. Trong thời ông Hoàng Xuân Hãn học ở Bách Khoa thì Việt Nam có giáo sư Trần Đức Thảo, không những là cựu học của trường phố Ulm (CĐSP), mà còn là một trong những giáo sư Triết nổi tiếng của trường này và được những triết gia lớn của nước Pháp, học sinh cũ của ông, như M. Foucault, L. Althusser, ngợi khen trong sách của họ(3).

Dân Việt Nam vào thời ấy chưa biết gì về hệ thống các Trường Lớn (Les Grandes Écoles) của Pháp. Từ xưa vẫn chỉ coi văn học là nhất, vì cái học cổ để ra làm quan trọng văn, khinh võ và không thèm nói đến công nghiệp; Khi ông Hoàng Xuân Hãn về nước lần đầu, với cái danh là tốt nghiệp trường Bách Khoa (có người gọi một cách xách mé và miệt thị là trường Bách Nghệ, vì quan niệm của ta, đúc kết trong tục ngữ, là *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh!*) xôn xao thực sự có lẽ chỉ có ở Nha Công Chính Bắc Kì, rồi từ đó, người ngoài mới biết. Tất cả sự xôn ao Công Chính, mỉa mai thay cho cái tên *Công Chính*, với một í niệm kết liên sự công bằng với sự "chính trực", không dính dáng gì đến cái tên "*Lục Lộ*" thường dùng để gọi việc xây cất, bảo trì, và thăng tiến hệ thống giao thông công cộng, đường xá, cầu cống, sông ngòi, đê điều, v.v..., là do sự lúng túng và bối rối của bọn nhân viên Pháp trong Nha Công Chính (mà ta gọi là các ông Tây lục lộ) và Sở Thống Sứ Bắc Kì = là một Kĩ sư Cầu cống, cựu sinh viên Bách Khoa, đương nhiên ông Hoàng Xuân Hãn phải được giao một chức vụ chuyên môn then chốt ở một cấp bực cao, nhưng ông không có quốc tịch Pháp, không phải là dân Tây, thì không thể chấp nhận được sự đặt ông vào một nhiệm vụ cai quản trong một công sở có người Pháp. Nói một cách nôm na thì ông Hãn, dầu là xuất thân từ trường Bách Khoa của hoàng đế Napoléon cũng không thể ngồi lên trên đầu những người gốc mẫu quốc, khi ông vẫn là An-nam-mít, dân của một xứ bảo hộ. Từ sự sợ hãi ấy, bọn Pháp thuộc địa tìm ra được một lí do để dìm ông Hoàng Xuân Hãn: trong kì thi tốt nghiệp trường Bách Khoa, ông Hãn chỉ được xếp là "bằng hạng" một sinh viên có quốc tịch nhưng giả tưởng (*ex-acquo*), và sẽ được để đúng hạng khi nào ông lấy quốc tịch Pháp.

Tôi kể chuyện này không phải để bêu xấu các người Pháp thuộc địa, đây chỉ là một thủ đoạn nhỏ do sự sợ hãi thúc đẩy, những việc bê bối mà bọn thực dân làm việc ở thuộc địa trong Nha Công Chính đã thực hiện liên tục trong cả một thế kỉ sau 1863 lên đến bạc tỉ và giết hại bao nhiêu phu, thợ, làm đường, đắp đê, phá núi lấy đá,... hành hạ đến chết bao nhiêu người yêu nước

---

(3) L. Althusser vào lớp của Trần Đức Thảo sau khi đã đỗ Thạc sĩ Triết: một điều ấy đủ tỏ ra rằng Trần Đức Thảo là một giáo sư giảng tư tưởng riêng của ông và có nhiều nhà trí thức đi theo. Lúc vào dậy ở Sư Phạm, Trần Đức Thảo đã gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Ông về nước và cũng nói về tư tưởng của Marx thì bị ông Hồ Chí Minh biếm vào lãnh cung (Viện Khảo Cổ). Ông về Pháp và chết năm 1993.

đã bị chúng bắt khổ sai, nay có một người bản xứ nhòm ngó thấy, nguy biết chừng nào! Chúng biết rằng một cựu sinh viên Bách Khoa có nhiều bạn học trong những chức vụ lớn của Chính Phủ và quân đội ở chính quốc. Nếu để cho người ấy lên, thì chắc gì bọn chúng, một bọn người vô tài vô đức, có thể bình yên ngồi đó mà ăn hối lộ của những thầu khoán bản xứ mỗi khi xây cất hay mua bán nguyên liệu, xi măng, vôi, cát, sắt, gỗ... Đã kể thì kể những tội ác mà Nguyễn Trãi đã viết ra về bọn đế quốc chiếm đóng nước người trong bản văn *Đại cáo Quốc Dân về việc bình Ngô*, những tội ác "*Thần, người cùng căm giận, trời đất chẳng dung tha*, những tội ác mà "*trúc rừng Nam có chặt hết cũng không đủ giấy bút mà ghi lại*", "*nước biển Đông dầu tát cạn mà vẫn thiếu để rửa sạch các tanh hôi*". Bõ gì một việc giam hãm dìm tài mà lí do thực chỉ là sự run sợ của kẻ phạm tội.

Kể lại chuyện này chỉ để chúng ta cùng thấy sự can đảm và cương quyết của ông Hoàng Xuân Hãn từ khi còn trẻ tuổi. Nhớ lại cụ thân sinh ra ông khi xưa, vào khoảng 1909 (?) đã bỏ thi khi triều đình bắt phải làm một bài bằng bút mực Tây với thứ chữ mà chúng buộc gọi là “quốc ngữ”, chẳng biết rằng sẽ phải viết gì đây? Chi bằng không chịu khuất, đóng cửa ở nhà không đi thi. Không có cử nhân tiến sĩ, không bước vào hoạn lộ thì thôi, nhưng cái tiết tháo của kẻ sĩ Việt nam thì không thể bị sứt mẻ.

Ông Hoàng Xuân Hãn cũng thế. Trong bao nhiêu cái học, không chọn cái gì lại chọn trường Bách Khoa với một chương trình hướng về kĩ thuật = toán học và vật lí ở đây cũng nghiêng về sự áp dụng trong kĩ nghệ và binh bị, xong rồi lại học về các công trình cầu cống, tất cả đều là thực tiễn.

Không vào quốc tịch Pháp, ông biết là cửa trường Polytechnique có thể sẽ không mở ra cho ông, và nếu có mở thì cũng khó mà ông qua lọt khi không có cái thẻ quân dịch 2 từ nguyên thủy, theo í định của chính người đã lập ra trường, trong bản chất, theo chương trình học và theo luật pháp về sự sử dụng sinh viên của trường, trường Bách Khoa trước hết là một trường võ bị cao cấp, ở chóp đỉnh của quân đội, trên cả trường Saint Cyr là trường huấn luyện Sĩ quan. Các dữ kiện quốc phòng, các võ khí và quân cụ, các chiến thuật và chiến lược là những môn học căn bản. Tất nhiên rằng người Pháp có quyền nghi ngờ những người không phải quốc dân của họ.

Còn vấn đề ra trường, ông cũng biết lắm, rằng sẽ không được xếp chính danh mà phải mang theo một dấu hiệu *ex-acquo* giả tưởng nếu sau hai năm học ở trường mà vẫn không chịu vào quốc tịch Pháp. Nha Công Chính Bắc Kì gây khó khăn về nghề nghiệp cho ông khi nêu ra vấn đề, biết đâu không phải do chính Nhà Nước Pháp bên Pháp đã chủ trương như thế để ép ông, vì tự ái, vì quyền lợi, phải xin vào quốc tịch của nước Pháp. Ông Hoàng Xuân Hãn không nói không, cũng không nói có trong suốt sáu năm, ở Khagne của trường Saint-Louis, rồi ở trường Bách Khoa và ở trường Quốc gia Cầu cống.

Ông về thăm gia đình ở Hà Tĩnh và vui với cỏ cây cảnh vật ở quê hương, quên hết mọi chuyện ngoài đời. Trong nhà, ngoài ngõ, trên bến, dưới sông,

biết bao nhiêu kỉ niệm êm đềm của thời thơ ấu mà mình đã phải xa cách sáu năm trời đằng đẵng, miệt mài với sách vở, mờ mắt mỏi tay với những đo lường, tính toán khi đi thực hành ở các mặt trận lịch sử, các công xưởng và các công trường. Không khí đồng quê thơm và ngọt ngào biết là chừng nào! Nhìn ra xa, thấy những khúc uốn của nhiều dòng sông, bốn chung quanh chỗ nào cũng là núi, nhấp nhô cao thấp, chỗ xanh, chỗ tím, chỗ vàng, chỗ xám hay nâu, với ánh nắng chập chờn làm nổi những khe, những kẽ, và cho đất, đá với những chùm cây khoác những mầu sắc lung linh của thời gian, sáng, tối, xuân, thu. Tất cả những cảnh vật ấy có tên, có tuổi, có lịch sử nhưng với người sinh trưởng ở ngay đó thì cái gì cũng nhỏ cũng gần, thân mật, với những tên gọi nôm na không chữ nghĩa cao kì: Lam Giang là *Sông Rum*, các sông nhỏ đều gọi là *Ngàn*, núi cao chỉ là *Rú*, có *Rú Giàng Màn* tên chữ là Khai Trướng Sơn, *Rú Rum*, tên chữ là Liệt Sơn hay Nghĩa Liệt Sơn... Thân cận là thế, nhưng ở đâu cũng lẩn quất hình bóng những danh nhân trong lịch sử của đất nước, nghĩa sĩ như Nguyễn Biểu, hiền tài như Nguyễn Thiếp, bác học như Phan Huy Ích, cự nho như Hồ Tôn Thức, văn hào như Tiên Điền Nguyễn Du, lương i như Hải Thượng Lê Đăng Trác, hình như tất cả đều là hàng xóm. Về nhà thì lại nghe các bậc cha chú, những người thân thiết xưa nay không ra khỏi làng, khỏi nước, ngồi trên giường gỗ với cái điếu bát có cái cần trúc thực dài và mấy chén trà mạn bốc hơi thơm ngát, hỏi xong vài chuyện bên Tây, lại quay trở về với những chú Cử, bác Nghè, Bãng Nhãn, Thám Hoa, Hoàng Giáp, "Đệ Nhất Giáp, Đệ Nhị Danh", với mỗi người lại dẫn văn thơ hay một vài giai thoại và bình phẩm thái độ khi *ruỗi*, khi *co*, xuất thế hoặc là nhập thế:

Người ra, đức cả, công lừng thế,
Kẻ ẩn, danh cao, đạo thuận lòng.
Mục-dã mảnh nhung gây đại nghiệp,
Lô-sơn chồi liễu nổi thanh phong.
(Sĩ Các Hữu Chí,
thơ chữ Hán của Nguyễn Thiếp, Hoàng Xuân Hãn dịch)

Sĩ Các Hữu Chí: Kẻ sĩ mỗi người một chí; lời Nghiêm Quang từ chối không chịu ra giúp Hán Vũ Đế.

Mục-dã là đất nhà Thương. Chu Vũ Vương đánh vua Trụ ở Mục-dã, lập nghiệp nhà Chu đời cổ ở Trung Hoa. Khương Tử Nha là tướng.

Lô Sơn là nơi Đào Tiềm về ẩn để tránh không ra làm quan.

Lâu lâu một cụ lại hỏi: "Này anh Hãn, đại đăng khoa rồi, đến bao giờ thì xin các Cụ tiểu đăng khoa đấy?"

Một cái chức Chánh Kĩ sư hay Chánh Giám đốc Nha Công Chánh nào có nghĩa lí gì đối với một người mà quá khứ là lịch sử Việt Nam?

Khi kĩ sư Hoàng Xuân Hãn biết rằng một người dân bảo hộ không thế

nào phá nổi được bức màn ganh tị và sợ hãi của bọn quan chức kém khả năng và giầu mánh lới trong Nha Công Chính Bắc Kì, không một lời phản kháng, ông xin phép gia đình xếp lại hành lí và xuất dương lần nữa. Ông vứt bỏ cái nghiệp Cầu Cống và quyết định xoay sang việc dạy học. Người xưa có câu rằng "*Tiến vi quan, đạt vi sư*". Cái nghề kĩ sư cũng chẳng phải quan quách gì, nhưng nếu người ta ngăn trở thì thôi, không xây thành xây lũy, không dựng cống dựng cầu, thì ta xây dựng con người, ta xây dựng khoa học. Có quan chức chỉ là sự tiến, làm thầy mới là sự đạt; kĩ thuật rất là cần thiết cho xứ sở, nhưng con người mới là yếu tố chính của sự tồn vong đất nước, con người có khoa học kĩ thuật mới tạo ra được sự duy tân cần thiết trong lịch sử Việt Nam.

Ông Hoàng Xuân Hãn trở về Việt Nam và chỉ ở lại có bốn tháng rồi lại sang Pháp. Đó là con đường phải đi, có lẽ là con đường của định mệnh. Trên chuyến tầu với ngổn ngang trăm sự trong đầu, ông Hoàng Xuân Hãn gặp cô Nguyễn Thị Bình, nữ học sinh trường Hàng Bài mới đỗ Tú Tài, được gia đình cho sang Pháp học Dược Khoa. Trên tầu, chẳng có mấy người Việt Nam trừ những thủy thủ và bồi tầu. Hai người đã kết bạn đường với nhau và thấy tâm đầu í hợp, chí hướng cũng chung, gia thế cùng đẹp. Đến Paris thì chia tay, nhưng đã trao đổi địa chỉ và đã được giới thiệu với những người trong gia đình ở Pháp.

Ông Hãn vào Đại Học Khoa Học Sorbonne. Hai năm sau, đỗ Cử nhân Toán. Học lên nữa, hai năm sau đỗ Thạc sĩ Toán. Thành Tài là năm 1936.

Cũng năm ấy, ông được làm lễ thành hôn với cô nữ sinh Dược Khoa, Nguyễn Thị Bình. Đôi bạn đường trở thành bạn đời, nhưng sau một đám cưới giản dị với gia đình và vài người bạn thân; ông Hãn đã trở về nước trước, vì bà còn phải học nốt cho thành tài và "ra dược sĩ".

Về đến Hà Nội, ông Hãn gửi đơn xin dạy toán ở một trường trung học. Ông đưa í kiến là trường Bưởi, khi ấy còn gọi là trường Bảo Hộ. Không có một sự cản trở gì, và từ lúc ấy ông là thầy Hoàng Xuân Hãn của chúng tôi. Ông dạy toán mười năm ở trung học, dạy cơ học và vật lí ba năm ở đại học khi lớp khoa học được mở ở đại học Đông Dương. Sau đó, ông là thầy không có lớp cho một thế hệ sử và văn học sử gia của cả nước Việt Nam.

Không có một khó khăn gì về phía Nhà Nước và Nha Học Chính. Có lẽ chỉ có vài người giáo sư Pháp tiếc rằng thạc sĩ Hoàng Xuân Hãn, cựu sinh viên trường Bách Khoa và trường đại học Paris, đã không chọn trường trung học Pháp Lycée Albert Sarraut để vào dạy, mà lại sang cái trường Bảo Hộ. Họ có tiếc cũng không làm gì được. Năm 1927-28, ông Hãn có học lớp toán ở Albert Sarraut để thi Tú Tài phần Hai, ban Toán, nhưng đó là một sự bất đắc dĩ: trường Bưởi chưa được mở lớp này và còn dính đến cái quái thai gọi là bằng Tú Tài bản xứ (Baccalauréat local). Vả lại từ 1927 đến 1936, đã xẩy ra vụ Nha Công Chính đóng cửa trước mặt một kĩ sư Cầu Cống cựu Bách Khoa. Chẳng có gì lạ lùng khi trường Albert Sarraut không được khoe tên thạc sĩ Hoàng Xuân Hãn trong danh sách giáo sư của trường.

Cơn giông tố lần này xẩy ra trong giới học sinh. Các học sinh công và tư thục ở Hà Nội xôn xao náo động vì năm 1936, trong một thời gian ngắn, có một số bằng cấp lớn từ Pháp về nước, trong đó nổi tiếng nhất là ông Nguyễn Mạnh Tường với hai bằng Tiến sĩ, Văn học và Luật học, và ông Hoàng Xuân Hãn, Thạc sĩ Toán học. *Thạc sĩ*, để dịch *agrégé*, người có bằng *Agrégation*, là một tân từ, mới đặt ra, và không mấy ai hiểu là gì. Còn *Tiến sĩ, docteur*, thì đại khái ta hiểu là trên cử nhân. Vả ngày xưa ta cũng đã có tiến sĩ, nôm na vẫn gọi là các *ông Nghè* vì trường thi đình nếu không là chính sân đình nhà vua, thì là một cái nghè lớn, đủ rộng để cho có thể cả nghìn ông Cử (xưa có tên là *hương cống* nên dân gian gọi tắt là *ông Cống*) tụ hội, lập lều dặt chõng, để thi. Nhưng ngay từ xưa, cũng đã có tới ba hạng tiến sĩ, có *tiến sĩ cập đệ* (còn gọi là *đệ nhất giáp*, trên bảng vàng chỉ có ba tên), *tiến sĩ xuất thân* (còn gọi là *hoàng giáp* hay *đệ nhị giáp*) và *đồng tiến sĩ* (gọi đầy đủ là *đồng tiến sĩ xuất thân*). Ta thì thế, còn bên Tây thì thế nào, họ có nhiều hàng tiến sĩ không, và hơn kém nhau ra sao? Cuối cùng, mọi người thắc mắc không biết rằng thạc sĩ hơn hay tiến sĩ hơn. Đại loại những câu hỏi ấy cũng chẳng khác gì sự phân vân giữa cái đẹp của hoa hồng và cái đẹp của đóa cúc. Hay, nếu tôi có ngòi bút của Voltaire, tôi sẽ viết về sự hơn thua giữa rau húng và rau thơm. Văn chương Việt Nam đã đặt ra ngụ ngôn *Lục Súc Tranh Công* từ khuya rồi, nhưng thời nào người ta cũng vẫn cứ cãi và tranh luận xem văn hơn võ, sĩ hơn nông, sang hơn giầu, hay là ngược lại. Không biết đến bao giờ người ta mới hiểu được rằng thực chất hơn nhãn hiệu, và văn bằng chỉ là một đảm bảo để nhận một trách nhiệm, chỉ có sự nghiệp mới định đoạt được giá trị của một người. Và có những sự nghiệp không có văn bằng.

Dĩ nhiên rằng giới trẻ học hành xúc động nhất khi nghe tin có những vị du học sinh về nước với những bằng cấp rất cao. Chung quanh mỗi người, chung quanh mỗi cái tên là một vầng hào quang sáng rực. Không nói đến những hân hoan trong gia đình các vị. Không nói đến những trằn trọc khắc khoải của hàng trăm trái tim non mơ tưởng vàng son dưới bóng tùng của một quan trạng. Chúng tôi là những học trò áo vá hàng ngày còng lưng trên cái xe đạp luôn luôn tuột xích đến trường học để chờ ngày đi thi cũng thấy khích lệ và háo hức. Chuyện xuất ngoại thành tài như vậy không phải là chuyện ngoa. Tờ báo luyện thi *Tuổi Trẻ Hiếu Học (La Jeunesse Studieuse)* bán chạy như tôm tươi vì luôn luôn kịp ngày về tin tức quanh những con người đang lôi cuốn sự chú í của giới học sinh tú tài. Người ta sôi nổi bàn cãi, như những người mù cãi nhau về hình thù con voi, như những người dưới đáy giếng thương thảo xem trời bắt đầu dưới làn bay hay trên làn bay của con chim sẻ. Nhưng một bài báo viết tiếng Pháp giải thích rõ ràng: trong những môn có học ở chương trình trung học như văn chương, sử học toán học, thì tiến sĩ cao hơn thạc sĩ vì tiến sĩ phải có luận án trình bầy về một nghiên cứu đặc sắc; còn trong những môn học không có ở trung học thì thạc sĩ cao hơn tiến sĩ, như i khoa, luật khoa, dược khoa. Bài báo kí Nguyễn Mạnh Tường, lưỡng khoa tiến

sĩ: luật học và văn chương. Không ai dám cãi lại một lời tuyên bố minh bạch mạch lạc của một người có uy tín như thế(4).

Hồi ấy tôi còn nhỏ, chưa có được đủ sự chín chắn để không a dua học đòi. Thầy Hãn chưa viết sách. Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường đã cho xuất bản ngay cuốn tản văn đầu tiên của ông. Không có tiền mua sách này tôi cũng cố tìm cho được để đọc. Và bắt chước cách hành văn của ông trong một bài luận Pháp văn, đại khái bỏ các hình dung từ và dùng rất nhiều danh từ trừu tượng, thí dụ như "giữa cái xanh trong vắt của trời Hi Lạp, nổi lên cái trắng tuyết của những nắm bông mây" (tiếng Pháp của Rimbaud và Valéry, chứ không mách qué như thế đâu). Đến giờ điểm bài, ông thầy Pháp văn rất chân phương của lớp đệ tam (nay gọi là đệ bát) gọi đích danh tôi lên và hỏi: "Anh học được cái lối viết văn này ở đâu?". Ở đâu, tôi đâu dám thú. Thầy mắng: "Đúng là con khỉ, bắt chước người thì không, lại bắt chước con tườu". Con tườu là một con vật huyền thoại đặc biệt của văn hóa Việt Nam, nhưng không có tên trong các từ điển thời đó.

Cuốn sách cuối cùng của giáo sư Nguyễn Mạnh Tường trong đó ông kể những nỗi truân chuyên rất duy vật của ông sau khi mất sự sủng ái của Nhà Nước Cộng Sản, không còn một hình bóng nào của sự cầu kì, kênh kiệu và giả tạo của tuổi trẻ nữa. Tôi nghĩ rằng ở cái thời xanh xưa không bao giờ còn trở lại ấy, cái Ngã của ông phải lớn lắm, lớn hơn cả Đại Ngã, và bây giờ ông đã hiểu rồi.

Anh tôi hơn tôi bốn tuổi. Thủa sinh tiền, người ta gọi ông bằng bí danh là anh Thái, bút hiệu của ông là Trần Việt Sơn, Trần Triệu Việt, Hạnh Thuần, linh tinh nhiều lắm. Trong nhà, tên ông là Lập, Trần Ngọc Lập. Ông là người đã có cái vinh dự học lớp đầu tiên của thầy Hãn ở trường Bưởi. Đồng thời ông cũng được học giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, vì tuy là lớp toán sơ học, Tú Tài Hai, nhưng giáo sư Tường có sáng kiến rất tiến bộ là dạy văn chương Pháp tiếp nối vào môn văn chương của Tú Tài Một. Anh tôi khen rằng giáo sư nói thao thao bất tuyệt và phục rằng cao lắm, khó hiểu lắm. Thừa lúc anh tôi đi học khác giờ, tôi tò mò xem trộm vở học của anh. Thì ra giáo sư Tường dạy văn chương hiện đại thời đó. Tôi được biết André Gide là tiểu thuyết gia và tư tưởng gia, lại được biết rằng có những nhà thơ là Arthur Rimbaud, Apollinaire, Mallarmé, Valéry. Hỏi anh tôi rằng có sách hay trích văn của mấy ổng không thì anh tôi bảo không có, vả cũng không thi nên cũng không

---

(4) Hệ thống bằng cấp cao học của Pháp thực ra còn phức tạp hơn nữa. Từng cao nhất là Collège de France, trường Pháp Quốc, không phát bằng và không cho phép ai được nói là cựu sinh viên của trường. Dưới là các Trường Lớn, cũng không có bằng nhưng được quốc gia công nhận. Đại học thuộc hệ thống gọi là Hàn Lâm (Académique) chỉ dạy Triết lí, Văn học, Khoa học và Y học. Bằng cấp quốc gia bộ Giáo Dục phát, có Cử Nhân (License) và Tiến sĩ (Doctorat d'Etat) (I Khoa bỏ cấp cử nhân), Agrégation (Thạc sĩ) là một bằng để dạy học

cần, nghe cho sướng cái lỗ tai thôi. Tôi để tâm chuyện đó và thấy thực là đáng tiếc, vì đi học lại chỉ được học những tác giả đã chết trên tám mươi năm và sự học lại không có thực, vì chỉ biết í kiến của nhà phê bình mà mù tịt không biết cái được phê bình thực chất ra sao.

Nói về thầy Hãn, anh Lập bảo tôi: "Toán trên này khó lắm, nhưng ông ấy giảng đâu ra đó, thành ra hiểu được, và hay lắm, khác xa với những gì học ở lớp dưới. Chỉ phải cái tội là ông ấy nói nhỏ, nếu không ngồi gần thì nghe không hết".

Ngoảnh đi ngoảnh lại, tôi cũng thành học trò của Thầy. Tôi vào ngang, vì học hết năm đệ tứ đi thi trung học phổ thông thì đỗ ngay kì đầu. Ngồi nhà học thêm, tháng Chín thi liền Tú Tài Một và cũng đỗ. Thế là phóng một bước qua hai năm, vào ngồi lớp của thầy, và biết là thầy nói nhỏ nên cùng với ba người bạn nữa cũng học "nhẩy" (nghĩa là vọt) như tôi, xông vào ngồi cả một dẫy ở bàn thứ nhì trong lớp để nghe cho rõ. Thầy vào lớp, học trò đứng cả lên chào, thầy vẫy tay cho ngồi xuống và mở đầu phang ngay cho tôi một cú, ngồi gần nghe rõ mồn một: "Toán học ở lớp này khó, rất khó và chia ra nhiều ngành, không phải trò đùa, các anh phải học liên tục. Tôi thấy trong lớp có mấy anh không được học đầy đủ các lớp trước; Tôi có lời khuyên các anh ấy, nếu thấy không theo nổi thì sớm liệu, *xuống* lớp triết mà học kẻo mất thì giờ và mất công tôi giảng".

Buổi trưa hôm ấy, bọn ngự lâm pháo thủ chúng tôi họp lại. Chúng tôi là những thằng liều mạng không biết sợ là gì như vừa được chứng tỏ. Hăng nhất là Bùi Văn Sinh, anh này sau khi đỗ Tú Tài toàn phần thì lên Đại học, học toán đại cương (giáo sư là ông Bosc, đã được phép thi Thạc sĩ nhưng không được chấm đỗ), rồi bỏ học theo Đệ tứ Quốc tế của Trotski, lên Hòn Gai làm phu mỏ than; khi Nhật đầu hàng thì rời mỏ, về Hải Dương tiện dịp cướp chính quyền tỉnh này ("Dễ lắm, tụi tao chỉ có ba thằng ở mỏ về, gọi là "cướp chính quyền" chứ có còn chính quyền mẹ nào đâu mà phải cướp"); Anh kể lại với tôi hồi 1946 như thế; và thêm rằng: "bọn đệ tam - tức là Việt Minh - đến chậm phải vào điều đình, tụi tao mới nhường lại"), về Hà Nội thì bị công an lùng bắt, tôi cho trốn vào bệnh viện Bạch Mai vì khi ấy tôi đang là sinh viên ngoại trú nhưng toàn quyền vì cả bệnh viện hơn 800 giường, chừng ngàn rưỡi bệnh nhân, chỉ còn có một bác sĩ và hai sinh viên ngoại trú bất chấp loạn lạc vẫn tiếp tục công việc. Nhưng chỉ ít bữa thì Sinh lại trốn khỏi bệnh viện, vào Saigon, viết văn, làm báo với Hồ Hữu Tường với bút hiệu là Triều Sơn, sang Paris viết cuốn "*Con Đường Văn Nghệ Mới* (Minh Tân x.b. 1950?) và tiểu thuyết xã hội *Nuôi Sẹo* trước khi qua đời vì bệnh ung thư gan. Tôi đã viết tiểu sử của Triều Sơn cho báo *Văn* ở Saigon hồi 1960, nay kể lại ở đây để các bạn trẻ hiểu qua cái thế hệ học trò ở một quãng động trời trong lịch sử cận đại của Việt Nam và biết một vài bộ mặt đã được học giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

Tôi nói rằng bọn trời-đánh-không-chết chúng tôi lúc ấy có bốn nhân

mạng. Bùi Thế Sinh là một. Đặng Vũ Hỉ là hai, anh này học Y Khoa cùng với tôi; năm thứ hai, anh đứng dậy trong lớp học, lớn tiếng mắng một giáo sư Pháp là đồ thực dân, ăn nói vô lễ, sau đó cả lớp bãi khóa, cuộc bãi khóa đầu tiên và duy nhất trong quá trình đại học thời Pháp. Anh Hỉ bị đuổi lén khỏi trường vào dịp nghỉ hè năm đó (1943) nay anh là một kĩ sư điện khí danh tiếng ở Paris. Người thứ ba mà tôi thương sót nhất là anh Kh., người hiền hậu, điềm đạm. Năm 1945, vừa nghe tin máy bay mang cờ hoàng gia Anh đã giúp quân Pháp đổ bộ về lại Saigon và dân ta với gậy tầm vông đang chống lại, anh xung phong vào đạo quân cứu nguy Nam Bộ và đã mất tích từ giờ phút ấy. Người thứ tư, em út trong bọn là tôi.

Í kiến chung của chúng tôi là nhất định không lùi, "ông ấy" đã nói thế thì ta sẽ chứng minh cho ông rằng học nhẩy không phải là thua thiếu kém cỏi. Lúc ấy không ai nghĩ là đã bị thầy khích, tuy chúng tôi người nào cũng thuộc câu "thỉnh tướng không bằng khích tướng" của *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Thầy quí và tin tất cả các người đã tìm thầy học đạo không phân biệt một ai, nhưng sợ chúng tôi còn quá non, nên phải khích động lòng tự ái một chút, ngay từ đầu, chỉ có thế thôi. Chính thầy lúc trẻ tuổi cũng nhẩy lớp, không qua lớp *Première* mà đỗ Tú Tài I, rồi vào lớp Toán.

Tôi vẫn không quên được hình dáng thầy Hãn khi giảng bài trong lớp. Thầy người trung bình, dáng thanh nhã, từ tốn, chắc chắn, nhưng vẫn khiêm cung và không bao giờ khoa trương cái giỏi hơn người của mình. Trên tường có hai bảng đen, thầy viết hết bảng này rồi mới sang bảng kia, thứ tự, hàng lối, chỗ để phương trình, chỗ để công thức, chỗ để vẽ hình, không bao giờ lộn xộn và không lúc nào làm như một hai ông thầy khác viết lúi sùi một tay, còn tay kia thì luôn luôn có sẵn cái rẻ lau để xóa. Thường thường viết hay vẽ xong một đường, thầy lại lùi xa bảng vài bước để nhìn lại và như để nghĩ. Phải chăng thầy muốn dạy rằng phải lí luận trong đầu, phải biết trông thấy toàn diện trước khi bước thêm một bước, và bọn học trò cần chút thì giờ để tiến vào sâu hơn? Với tôi thì thấy trong cái phút giây yên lặng trọng đại ấy, tất cả trí nhớ phải thu gọn vào để thành một trực giác. Và có lúc tôi nhớ đến câu thơ tuyệt đẹp của thi sĩ trí thức mà tôi đã nêu tên ở phần đầu:

Kiên nhẫn, hãy kiên nhẫn
Kiên nhẫn trong trong xanh!
Mỗi sát na yên tịnh
Cơ may một quả lành

Patience, patience,
Patience dans l'azur!
Chaque atome de silence
Est la chance d'un fruit mur!
Paul Valéry: Palme (Charmes)

(Quả lành là một tư tưởng chín mùi)

Tiếng thầy nhỏ, và là nhỏ nhẹ. Trong lớp có một tình thân mật như một người anh đang dẫn các em ra ngoài một bóng tối và người anh ấy vẫn đi cùng, vẫn nắm tay không rời. Có thầy giọng sang sảng, đàn áp, có thầy nói ngập ngừng như chưa rõ đi đâu. Một tiếng nói điềm đạm không đổi cung, ấm áp không thay bậc, gây được sự tin cậy và làm mọi người tỉnh trí, yên tâm.

Cách thầy Hãn dạy là dùng lí thuyết để mở đường cho thực hành, đem thực hành vào để bộc lộ lí thuyết. Giảng xong một đoạn có mạch lạc rồi thì ra một bài toán tương đối giản dị để dùng ngay được bài giảng mà giải vấn đề. Nhưng không bao giờ thầy nói ra ngoài toán học, chẳng hạn như đem vật lí hay hóa học vào làm thí dụ cụ thể. Toán học như tôi được học ở thầy là toán học thuần túy, tinh khiết, không vẩn bụi đời. Ngày nay ta có Vật lí lí thuyết dùng toàn toán học để giải quyết và để tiến bước. Cũng có một vài nhà toán học đã dùng toán học từ đầu đến cuối một khảo sát vật lí, như Einstein trong lí thuyết tương đối hẹp và mở rộng, như Neumann ở Hoa Kỳ, Landau ở Liên Sô trong thuyết Quantum (lượng tử) cơ giới và điện động, nhưng đối với các nhà toán học thì đây cũng vẫn chỉ là toán học áp dụng phụ thuộc vào những hằng số và những đo đạc thực nghiệm. Toán học thuần túy là sự phát triển độc lập và độc đạo của lí trí con người, có thể nói là ở ngoài vũ trụ vật chất.

Tuy vậy, cũng có một dịp để tôi sớm nhận thấy ngay từ lúc được ngồi trong lớp của thầy, sự uyên bác và những sợi giây vô hình nối thầy Hãn với cái quá khứ xa xưa của dân tộc. Lúc ấy là năm 1940, tôi mười bẩy tuổi và mới gọi là ra khỏi sự ấu trĩ, thầy Hãn thì vẫn còn chưa viết một cuốn sách nào cả. Trong lớp đã học xong số học, đại số học và các kỉ hà học thì đến môn gọi là vũ trụ học (cosmologie). Một buổi thầy bảo chúng tôi đến trường chín giờ tối. Trường Bưởi ở ngay trên bờ một cái hồ lớn, nơi trong huyền thoại con nghé vàng ở bên Tầu nghe thấy Mẹ Việt Nam kêu(5) đã lồng lên, dứt đứt cái thùng ngũ sắc buộc nó và chạy thẳng một hơi về với Mẹ; nhưng không thấy Mẹ, nó đã đạp lũng chỗ ấy thành hai cái hồ, hồ lớn gọi là Hồ Tây, hồ nhỏ gọi là Hồ Trúc Trắng (Trúc Bạch) cách nhau bởi một con đường đất gọi là Đê Yên Phụ. Thầy Hãn dắt chúng tôi ra bờ hồ mé hông của trường để xem sao. Dưới ánh mờ mờ vàng khè của một cây đèn điện, chúng tôi mò trên một cái bản đồ vòm trời và theo tay thầy chỉ: Đây là *Chùm Gấu Lớn*, nọ là *Chùm Gấu Nhỏ*, sao *Bắc Đẩu* đứng ngồi ở điểm nào ở hai nhóm *Hùng Tinh*; sao *Siriut* lúc nào cũng sáng nhất trên vòm trời... Rồi thầy chỉ cho nhìn cái giải chi chít những sao nhỏ, lấp lánh như những hạt cát thủy tinh ai đã đánh vãi ra trên một con đường xa lắc từ bờ trời bên nay sang bờ trời bên kia, và bảo đây là *Ngân Hà*, Tây gọi là *Dòng Sữa, Chức Nữ* ở bờ sông bên này, *Ngưu Lang ở bờ bên kia... Thầy còn dạy nhiều nữa, những tên tây với những tên ta lẫn vào nhau,*

(5) Có sách nói là nghe thấy một tiếng chuông vàng

chính xác, hoang đường, thần tiên, rừng rú...

Nhưng tâm trí tôi đã mơ hồ, dường như loãng ra trong dòng Sông Bạc. Lớn đến thế này sao? Xưa còn nhỏ vẫn cứ nghĩ là mỗi ngày mùng bảy tháng bảy, đàn quạ bắc cái cầu Ô Thước qua sông Bạc cho đôi vợ chồng Ngân gặp lại nhau trong một ngày một đêm sùi sụt thì đôi bên chắc cũng chẳng còn bao xa và có khi trăng sáng họ vẫn nhìn thấy nhau, gọi nhau được, và nhờ dì gió thổi từ bên này sang bên kia những lá thắm của mùa thu mà Hằng Nga, người đẹp cô đơn trên cung Quảng lạnh lẽo, ném cho họ. Nhưng ngẩng đầu nhìn lên bầu trời hoang vu một đêm không trăng như đêm ấy, với một chút kiến thức khoa học rất khách quan và ở ngoài, mới thấy cô con trời đa tình và anh nhà nông chất phác đã bị đày đi cách biệt nhau, xa xôi biết là chừng nào, cả bề dầy của một thiên hà! Sông Bạc, Sông Bạc, tên mi không phải bạc trắng, mà là bạc mệnh, bạc như vôi, xót xa và độc ác! Con sông Tương dưới trần này còn cho phép ba chữ "*cùng*": *Chàng ở đầu sông Tương / Thiếp ở cuối sông Tương / Cùng nhớ cùng chẳng thấy / Cùng uống một dòng Tương.* Còn sông Bạc trên trời thì vô tình lãnh đạm với hàng triệu định tinh cắm neo bất động, không nhúc nhích rung chuyển với chỉ một chút lòng thương, để chở lén cho chàng sang được với nàng một khắc thời gian trong một ngày trời đẹp.

Xong buổi học giữa trời, tôi lại đạp xe về nhà. Lúc ấy đã quá nửa đêm, đường phố vắng lặng im lìm suốt bên hông của Vườn Bách Thú cho đến khi tới Giám mới thấy một cái xe kéo với người kéo xe đi thẫn thờ uể oải để cầu gặp một khách chơi khuya. Nhà tôi ở xế cửa Quốc Tử Giám, một di tích đẹp và một biểu tượng cao quí của Hà Thành văn vật ngày xưa, nhưng đã từ lâu bị bỏ hoang phế, rêu mọc kín bốn bức tường đai xây bằng những tảng đá lớn, cái hồ ở trong thì nước xanh rờn với những lá cây rơi rụng và mủn rữa từ thời vua Lê chúa Trịnh mất ngôi. Tôi cảm thấy tất cả cái tuổi trẻ được nuôi dưỡng bằng những chuyện cổ huyền hoặc cũng như thế, cũ kĩ và lệch lạc cạnh mấy cái cột đèn điện mù mờ và cái xe kéo đón khách chơi đêm. Chỉ còn một điều an ủi là lớn lên được có một vị thầy thông kim bác cổ, không những đã làm chủ được khoa học kĩ thuật của Tây phương mà lại vẫn uyên thâm học thuật và văn hóa của dân tộc. Anh tôi vẫn thức để học và mở cửa cho tôi vào khi nghe thấy tiếng lóc cóc của cái xe đạp.

Ở trường, thầy dạy theo sát chương trình đã được ấn định bằng chín quyển toán học của ông Brachet(6) đã soạn. Phải công nhận rằng bộ sách này sáng sủa, kĩ lưỡng và rất sư phạm, không thua gì những sách xuất bản bên Pháp cho học sinh tú tài ban toán. Thầy Hãn dạy hết niên học thì vừa hết và đủ chương trình. Tuy thời giờ chặt chẽ như thế, nhưng khi đến phần cuối của

---

(6) Hai câu thơ này là của Thôi Hiệu, thi sĩ đời Đường, với hai câu dịch của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Nguyên văn nói về hoàng hạc, hạc vàng, một giống chim lớn thuộc loài cò, mà các tiên đắc đạo thường cỡi đi mây về gió. Phượng hoàng hay phượng là một loài chim huyền thoại, được coi là vua của các loài chim.

mỗi cuốn, thầy vẫn có thể giảng rộng ra một chút, vừa phần để học sinh có một tầm nhìn bao quát hơn, vừa phần để mỗi học sinh tin tưởng thêm rằng mình có một kiến thức vững vàng, khả dĩ đối phó được với những khó khăn của bài thi. Cuối năm thì thầy cho học ôn lại bằng những bài toán, nhặt như người ta sóc thẻ hay bốc thăm, nghĩa là không định trước, và khi giải đáp thì hỏi cả lớp xem có nhận thức được điểm gì quan trọng, dính dáng đến một luận điểm (théorème) nào không; cái luận điểm ấy diễn ra như thế nào. Vì không căn cứ vào bài nên tự nhiên thầy đã giảng lấn sang kỉ hà phân tích (Géométrie Analytique) lúc nào không biết.

Như tôi đã trình bầy ở một đoạn trên, kỉ hà phân tích là một phân bộ của toán học cao cấp đặc biệt và là cái cầu chính để vào lọt cửa trường Bách Khoa Pháp quốc. Phân bộ này là một phương pháp mãnh liệt để giải quyết nhiều phần của khoa học hiện đại. Lần đầu tiên tôi thấy thầy Hãn gián tiếp nhưng một cách minh bạch phê bình chương trình toán ở Tú Tài II như đã được phát triển bởi Brachet. Sau này, khi thầy làm tổng trưởng Bộ Giáo Dục của chính phủ đầu tiên của Việt Nam độc lập, chính phủ Trần Trọng Kim, chương trình toán học sẽ có thêm kỉ hà phân tích và toán xác suất (probabilités), nhưng cái mầm đầu đã lộ ra từ niên học 1940-41.

NGƯỢC ĐƯỜNG TRƯỜNG THI

Rời khỏi trường Bưởi, tôi lên học đại học. Trường đại học Đông Dương (Université de l'Indochine) ở trên một đường thuộc phố Tây có tên là phố Bobillot, ở đầu kia của thành phố so với trường Bưởi. Hồ Tây, với đền Trấn Quốc, là một trung tâm huyền thoại và một địa điểm lịch sử của Việt Nam, với những truyền kì để lại từ khi tên nước là Văn Lang và Âu Lạc. Còn phố Bobillot thì ở ngoài thành Thăng Long với bốn *Cửa Ô*, xa cách ba mươi sáu phố phường của nơi nghìn năm văn vật. Trường Bưởi, bất chấp sự hiện diện của người Pháp, là một trung tâm văn hóa Việt Nam. Trường đại học Đông Dương là một cái lò đúc người, với mục đích là tạo ra được một số trí thức bản xứ biết kính nể và thần phục văn hóa Pháp.

Nhưng có một cái mạch nối chạy dài bên lề của khu buôn bán, bắt đầu từ Văn Miếu tức Quốc Tử Giám lên Cửa Nam, rồi thành đường Trường Thi, lên đến Hồ Gươm thì đổi tên là đường Tràng Tiền, đi thẳng vào khu phố Tây lên đến đường Bobillot của trường đại học.

Trường Thi xưa là nơi các sĩ tử Bắc Hà tụ tập để thi Hương và thi Hội. Đất này lúc ấy còn gọi là Phủ Doãn và ở bìa thành Thăng Long. Sau khi bãi bỏ các việc thi cử bằng chữ Hán theo nho, thì Trường Thi cũng bỏ hoang. Tây lập một nhà thương của thành phố cho dân bản xứ ở đó. Hội thánh Carmel cũng xây một tu viện trông thẳng sang nhà thương. Lúc đầu, các nữ tu Carmel cũng có trông nom các bệnh nhân trước cửa và luôn luôn túc trực để rửa tội cho những người sắp chết. Người bệnh vào nhà thương chết nhiều lắm.

Trường Tiền là nơi đúc tiền của nhà vua. Tây sang thì bỏ việc đúc tiền và các bà nội trợ không được đeo sủng sẻng những "quan tiền tốt" nữa. Tiền là do Tây in, giao cho ngân hàng Đông Dương (Banque de l'Indochine) phát hành.

Quốc Tử Giám bỏ hoang. Chỗ ngày xưa các học trò đến để bình văn, vua Lê chúa Trịnh mở hội tại đó; đến đời tôi đi học, vì nhà ở ngay trước cửa *Giám*, nên chủ nhật ngày hè, tôi thường trèo tường vào với một quyển truyện Pháp Văn, và dưới bóng các cây cổ thụ giồng từ đời Lí, cưỡi cổ một con rùa, lưng dựa vào một tấm bia đá khắc tên các vị khoa bảng đời Lê, tôi miệt mài với những mảnh đời ướt át, phong lưu hay mã thượng anh hùng của các tác gia ngoại quốc. Nhưng từ khi lên học toán ở lớp thầy Hãn trở đi thì thôi, không còn thì giờ nào mà vào làm bạn với đá với cây Long Giám được.

Lên học ở đại học, trong mấy năm tôi không đi về phía trường Bưởi nữa, và cũng không được gặp thầy Hãn. Nghe người này người khác kể lại, thì sau ngày Nhật ném hai quả bom ở gần Bạch Mai, các trường trung học trong thành phố đã được lệnh di tản, và trường Bưởi đã về Thanh Hóa. Ở Thanh, các học trò của thầy vẫn được nghe thầy giảng toán nhưng lại được biết thêm về một thầy Hãn nữa. Những ngày chủ nhật, thầy một mình đi thăm các di tích trong vùng, nhất là chùa chiền; về sau thầy dắt cả học trò đi theo, với cả giấy bút. Các hành động của thầy, thầy có giảng, nhưng phần nhiều các học trò giỏi toán và không hiểu thầy khi rời địa hạt toán học, thầy leo đồi, leo núi, rẽ lau vạch bụi để tìm một tấm bia, một lần gạch rồi dán giấy lên để tô lại những chữ nho đã mòn với nắng mưa. Các trò xin làm giúp thì thầy lại dậy cách vỗ giấy thế nào, bôi chì thế nào.

Đây là những tài liệu sử học, phần lớn là về đời nhà Lí, và nhất là về Lí Thường Kiệt. Học trò được nghe thầy nói chuyện về Lí Thường Kiệt, "một anh hùng dân tộc bậc nhất trong lịch sử nước ta", mới biết rằng về sử học, thầy còn biết nhiều hơn giáo sư dạy lịch sử, và tuy vẫn nói bằng một giọng trầm trầm ít thay đổi, nhưng không ai không hiểu rằng thầy mang tất cả tuổi trẻ có học phải thấy cái sự nghiệp rất lớn của một võ tướng Việt Nam và phải cảm phục "lòng dũng cảm, trí quật cường" có "một cỗi rễ rất xa xăm của dân tộc.

Một khám phá nữa về những bia tìm thấy ở các chùa là xen lẫn với chữ Hán, lại có, khi một khi vài, chữ lạ, chỉ có thể là những chữ nôm khi mới chập chững thành hình. Phải chăng đây là dấu tích của thủa khai sinh ra một quốc âm tự?

Tôi không được biết trực tiếp những hoạt động mới này của thầy. Thời kì này là một giai đoạn tang thương của đất nước, và cũng là một khoảng thời gian khổ nhất trong đời tôi, nhờ vậy mà tôi thành người. Trận đói Ất Dậu đang sửa soạn ở Phủ Lí, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, ở đây người ta không được ngửi mùi lúa nữa, là vì đồng ruộng phải trồng đay để quân Nhật có cellulose mà làm thuốc súng, chất nổ. Nhưng người ta cũng hãy còn gạo

tồn kho và thóc giống. Nhà nghèo bắt đầu phái gánh con nhỏ đi bán hay bỏ ở chợ để đỡ miệng ăn. Nhà giàu thì phải lo phòng thủ khi có tích gạo phòng đói. Chưa nhiều người chết đói. Đời sống ở Hà Nội đã ngột ngạt khó khăn. Nhà tôi phải dọn về quê, chỉ có rau má trừ bữa. Còn tôi vẫn cứ cố đi cái xe đạp bánh đặc từ nhà cũ lên trường và đến bệnh viện. Không kể lại làm gì những cảnh thương tâm bên lề đường, dưới gốc cây, trong lỗ cống của thành phố. Mỗi ngày mình thấy mình hãy còn sống và nhiều khi thấy lạ rằng mình còn sống. Có một thời gian tôi bỏ học đi lên miền trung du, được ăn, được làm việc. Về Hà Nội, viết báo, viết phóng sự, viết truyện khoa học giả tưởng, và viết chuyện tiếu lâm để cười những lố lăng của những thứ người mới trong xã hội; cũng có ăn, có khi còn được hai ba chục, đi bộ về làng ở Hà Đông để giúp nhà rồi lại vội vã ra ngoài tỉnh. Khi đến được nhà thương thì nhà thương nuôi, cho ăn, cho ngủ. Tôi không có thì giờ, cũng không có đầu óc để nghĩ đến chuyện khác. Cho đến khi Nhật truất Pháp, rồi Việt Minh cướp chính quyền, rồi Tây trở về, rồi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Bắt đầu từ lúc ấy, tôi mới tạm ổn định lại. Bị Pháp giam ở Sở Mật Thám rồi nhốt ở Hỏa Lò Hà Nội hơn ba tháng, tôi mới được tĩnh tâm để tự xét. Ở tù ra, tôi trở lại nhà thương Phủ Doãn trên đường Trường Thi và ở đấy làm sinh viên nội trú, mổ bệnh nhân và đọc sách, không làm gì nữa. Và tôi lại được thấy lại thầy Hãn.

Tôi sẽ kể về thầy trong chức vụ Bộ trưởng Bộ Giáo Dục (và Mĩ Thuật) của chính phủ Trần Trọng Kim, và nói qua về thầy trong hội nghị Đà Lạt sau. *Danh từ khoa học* cũng để lại, chưa nói đến.

Lúc này, từ ngày 19 tháng 12 năm 1946 đến năm 1951, ông bà Hoàng Xuân Hãn ở tại Dược phòng của bà trên đường Trường Thi gần Cửa Nam. Sát cạnh dược phòng là nhà ông bà Nguyễn Mạnh Hà. Trước cửa Dược phòng, bên kia đường, là hiệu bán sách Pháp của bác sĩ Phạm Khắc Quảng, một người anh em họ với ông Hãn và một người đàn anh của tôi ở trường I Khoa mà tôi kính trọng và khá thân hồi ấy. Cả ba ông được gọi là nhóm *Chùm Chăn*, vì cương quyết không cộng tác với Pháp ở Việt Nam và cũng nhất định không ra ngoài vùng kháng chiến.

Từ trước theo học thầy ở Bưởi, thầy là một người thân với tôi.

Sau đó ít lâu thì vì xa cách, với tất cả những trôi nổi của cuộc đời trong một thời loạn lạc, tôi mất thầy.

Đột nhiên sau đó, thầy lại trở lại trên dòng đời của tôi: Không còn là một giáo sư nữa mà là một người chính trị. Không phải là người chính trị vì thầy ra tham chính, mà vì thầy từ chối chính trị. Và thầy đã từ chối chính trị vì trong bản chất, trong nội tâm, thầy Hoàng Xuân Hãn là một nho sĩ. Một nho sĩ khoa học gia.

TRẦN NGỌC NINH



đính chính

(cho HỢP LƯU số 29, tháng 6 & 7, 1996)

ĐÍNH CHÍNH VÀ BỔ SUNG THƯ MỤC HOÀNG XUÂN HÃN

Trang 10
số
1-9 1954 **Chinh Phụ Ngâm**
xin đọc là...
1-9 1954 **Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca**

trang 16
4-7-8 Xin bổ sung: Phần tóm tắt bằng tiếng Pháp, do chính tác giả viết, mang nhan đề là "Calendrier et calendrier Vietnamien" trang 134-144.
In lại trọn vẹn cũng với nhan đề ấy, trong Etudes Vietnamiennes (Hà Nội), nouvelle série, số 6 (= số 76), năm 1984, trang 74-92.
4-7-10 12-13 1/86 Chuyện Ỷ Lan
xin đọc là 12 1/86 Chuyện Ỷ Lan

trang 17:
4-11 **Phỏng vấn Hoàng Xuân Hãn**
4-9-1 Tưởng nhớ bác Hoán (văn tế) Diễn Đàn số 1 (1/10/91), trang 19
4-11-2: Xin bổ sung thêm và đính chính.
Báo Bull'Dingue xin đọc là Bulledingue bài tiếng Pháp đăng trong Bulledingue có tựa là: Entretien avec Hoàng Xuân Hãn, Bulledingue, feiullet-Août 1986, page 14-20.
Jenvier-Mars 1987, p. 70-77.
4-11-3 Xin đọc lại là
Civilisation et Culture, trong cuốn Việt Nam, L'histoire la terre, les hommes, par Alain Ruscio, 19890, Ed. l'Harmattan, page 61-64

Trang 18
4-11-8 xin sửa lại là:

Confucianisme au Vietnam (entretien avec Hoàng Xuân Hãn) propos receuillis et notés par Đinh Trọng Hiếu et Lê Hữu Khóa, trong tạp chí Approches Asies, đặc san chủ đề: Confucianisme Permanence et Renouveau no-13, 1996, Ed. Economic.

THÊM:

- Dịch thơ Thái Hư Đại Sư trong báo Phổ Thông số 122. 15/3/64 trang 9. (lấy từ báo Tin Tưởng) Tin tưởng, tiếng nói của Phật tử Việt Nam ở hải ngoại.
- Ma Tuyết (thơ). Báo Đoàn Kết số 344 tháng 1/1983. Cũng số này, ở hàng 36-37, in lại bài "cô Kiều - bị bắt cóc vào ngày tháng giờ nào?" để báo Khoa Học, số 10 (1/10/1942).
- "Année du buffle bicéphale?" Báo Đoàn Kết, Paris, số 363 (10-1984) page 13-16
- "Cầm tinh con trâu hai đầu?", báo Đại Đoàn Kết, Paris, số 362 (9/1984) trang 2-4.
- Propositions pour la paix, Combat 24/9/1964. Báo tự tiện đổi nhan bài, nguyên đề là "A la recherche de la Paix au Vietnam", tác giả viết xong ngày 20/7/1964 nhân ngày kỷ niệm mười năm kí hiệp định Genève.

CẦN TÌM HIỂU THÊM:

- 1938, Vần Quốc Ngữ dạy theo phương pháp mới, cùng soạn với Trần Văn Giáp và Vũ Huy Trác.
- Sao chổi với tự phê bình, Đoàn Kết (Paris) số 338, trang 14-15.
- 1988 Nhớ lại Hội Truyền Bá quốc ngữ nhân kỷ nioệm 50 năm, Đoàn Kết (Paris số 405-406, trang 30-32
- Có một thư mục Hoàng Xuân Hãn (tóm lược) do N.T.N. lược ghi, Diễn Đàn số 53 (6/86) trang 18.

ĐÍNH CHÍNH: TRONG PHẦN NÓI CHUYỆN VỚI BÁC HÃN

Trang 73, dòng 7, đường Lombards xin sửa là: đường Lamballe và bỏ chú thích 1, cuối trang.
trang 81: dòng 17: Communiste à grand dessein xin sửa là Communoste claudestin
trang 81 dòng 29: Tsuchi Haschi xin sửa là Tsuchihashi
trang 88-dòng 27: Đại Nam Ku Si xin sửa là Dainam Kosi
trang 92 - chú thích 32: Khóa 1912 xin sửa là khóa 1922.



TRẦN VĂN KHÊ

khổng tử và âm nhạc



Năm 1953, trong khi soạn luận án về âm nhạc truyền thống Việt Nam, tôi đọc bài của ông Maurice Courant viết về nhạc Trung Quốc, để đối chiếu, đến trang 122, khi bàn về tiết tấu, tác giả viết.

Khổng Tử nói rằng: "Nhạc giả dã, tiết dã". Tức là Âm nhạc là tiết tấu, là nhịp điệu. Tiếp theo, là một đoạn Khổng Tử giảng thêm: "Tiết tấu là gì?" Khi người xưa hát lên một âm, thì chuông và khánh đánh mỗi thứ một tiếng, gợi lên hình ảnh của hai nguyên tắc âm và dương. Trong khi đánh mỗi tiếng chuông có 4 tiếng phách bảng, chia ra làm 4 tiếng mạnh, 4 tiếng nhẹ - nói theo ta thì 4 nhịp, 4 lái, gợi lên hình ảnh của bát quái".

Tôi giựt mình thấy rằng Đức Khổng Tử không phải chỉ là một triết gia, một người mà chúng ta thường biết qua những lời dạy: trai thì "tam cang, ngũ thường", gái thì "tam tùng, tứ đức", dạy cho ta biết thuyết trung dung, và học làm người theo cách "tu thân, tề gia; trị quốc, bình thiên hạ". Ngài lại còn luận về tiết tấu, một yếu tố quan trọng trong âm nhạc.

Đến trang 170, ông Maurice Courant còn ký âm một bài nhạc cho cổ cầm mà ông ghi rằng: "Bản nhạc này tên là "U lan" theo tương truyền do Khổng Tử sáng tác."

Như vậy, Khổng Tử chẳng những biết luận về âm nhạc, mà còn sáng tác được âm nhạc. Nếu Ngài sống đời nầy, người ta sẽ gọi Ngài là một nhà nhạc học, một chuyên gia lý luận về âm nhạc, và một nhạc sĩ sáng tác.

Năm 1956, tại hội chợ Paris, tôi qua gian hàng của Trung quốc, xem triển lãm các món hàng thủ công, bàn ghế chạm trổ, các thảm len tranh lụa, có cả

sách báo và dĩa hát âm nhạc. Tôi thấy trên bao dĩa hát về cổ cầm, có bản "U lan" do nhạc sĩ Quảng Bình Hồ diễn tấu. Phía sau, tôi thấy mấy dòng viết về bản U lan do Khổng Tử sáng tác. Thôi rồi! Trước đã xem qua hai đoạn ký âm. Bây giờ lại được nghe cả bản nhạc. Tôi mua dĩa hát và về nghe đi nghe lại rất nhiều lần.

Tôi đem việc ấy trình lại GIáo sư Emile Gaspardone, một trong ba người Thầy chỉ đạo cho tôi nghiên cứu để hoàn thành luận án Tiến sĩ về nhạc truyền thống Việt Nam. Thầy chuyên về Hán học và Việt học. Thầy cười mà nói: "Tôi cũng chỉ biết qua rằng trong Ngũ kinh có Kinh Lễ và một chương lớn về nhạc tên là Nhạc ký. Nhưng tôi chưa biết Khổng Tử giỏi nhạc đến đâu. Trò có thì giờ và muốn nghiên cứu thì tôi chỉ cho vài quyển sách để đọc. Rồi trò sẽ viết một bài khảo luận về Khổng Tử và âm nhạc, tôi sẽ nhận làm luận đề để bổ túc cho luận án Tiến sĩ của trò". Tôi cám ơn Thầy Gaspardone, và đọc sách Thầy giới thiệu, và năm 1957, trình cho Thầy xem bản nháp của bài về "Khổng Tử và âm nhạc".

Thầy Gaspardone cho rằng bài của tôi quá dài vì tôi đi sâu vào các vấn đề kỹ thuật như viết rất nhiều về những cây đàn mà Khổng Tử biết xử dụng, những điệu nhạc, điệu múa mà Khổng Tử có bàn đến; v.v... Thầy bảo tôi bỏ bớt hai phần ba bài đi, tóm tắt lại, và như vậy, đủ chứng minh công trình nghiên cứu về một đề tài mà chưa ai nói đến. Thầy lại nói thêm: "Nếu bài không quá dài, người ta mới in cho, và được phổ biến rộng. Sau nầy, đỗ Tiến sĩ, trò có viết thêm bao nhiêu cũng được." Đúng như lời Thầy nói. Khi bảo vệ luận án và các luận đề bổ túc xong, đến tám năm sau bài đó được đăng trong tạp chí "Trance-Asie/Asia" xuất bản tại Nhật Bản số 183, mùa xuân năm 1966. Bài đó tóm tắt công trình nghiên cứu của tôi.

Hôm nay có một số bạn khuyên tôi nên viết tóm tắt lại bài ấy bằng tiếng Việt cho người Việt mình biết thêm một khía cạnh độc đáo của một hiền triết mà ảnh hưởng về tư tưởng, học thuật và cách xử thế rất sâu đậm trong con người và xã hội Việt Nam ngày xưa và cả đến ngày nay.

Tóm tắt thì rất khó, vì chẳng biết nên giữ chuyện gì mà bỏ chuyện gì.

Thôi thì cứ tuần tự trả lời "ngắn gọn" những câu hỏi của vài bạn quen về đề tài này.

- Anh dựa trên sách nào để vẽ chân dung của Khổng Tử nhạc sĩ?

- Giáo sư Gaspardone khuyên tôi nên đọc Sử Ký của Tư Mã Thiên trong đó có một đoạn tiểu sử của Khổng Tử. Rồi chịu khó "liếc qua" Ngũ kinh, Tứ thơ là sách căn bản của Đức Khổng Tử và các môn sinh ghi lại lời giảng dạy của Khổng Tử về mọi vấn đề.

Trong phạm vi bài nầy tôi không thể nói qua, dầu cho sơ lược về nội dung của năm cuốn kinh Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu. Tôi chỉ nhắc đến Kinh Lễ mà các học giả thường gọi là Lễ ký - trong đó chương thứ 27 là Nhạc ký có rất nhiều điểm giúp cho tôi hiểu thêm về tư tưởng của Khổng Tử về nhạc.

Tứ thư là bốn quyển sách thuộc loại cổ điển: Trung Dung, Đại Học, Luận Ngữ, và Mạnh Tử. Trong bốn quyển ấy chỉ có quyển Luận Ngữ là có nhiều đoạn rất bổ ích cho đề tài nghiên cứu của tôi. Tôi vừa đọc bản chữ Hán vừa đọc bản dịch ra tiếng Pháp của ông S. Couvreur, xuất bản năm 1913, bản dịch ra tiếng Anh của James Legge xuất bản năm 1872.

- Sau khi đọc các sách nói trên anh đã biết gì về "nhạc sĩ" Khổng Tử?

- Tuy không biết chi nhiều, nhưng có đủ yếu tố để tôi khẳng định rằng Đức Khổng Tử là một nhạc sĩ với tất cả nghĩa rộng rãi của nó. Tức là Ngài vừa là nhạc công biết xử dụng nhiều nhạc khí, biết ca, lại biết sáng tác nhạc cho đàn cổ cầm, biết đặt bài ca, lại thông hiểu về lý thuyết âm nhạc, có những quan điểm rất rõ ràng về những liên quan của âm nhạc và mỹ học, âm nhạc trong xã hội v.v... Tôi xin tuần tự dẫn chứng những nhận xét của tôi sau khi đọc xong các sách nói trên.

1.- Đức Khổng Tử là một nhạc công
biết đàn cổ cầm, đàn sắt, đàn biên khánh, thổi ống sanh, và biết ca.

Có lẽ tôi phải tả sơ lược các nhạc khí ấy để các bạn có dịp biết qua nhạc khí Trung Quốc thời thượng cổ, vì chúng ta tuy không có các nhạc cụ ấy trong dàn nhạc truyền thống của chúng ta, nhưng chúng ta trong ngôn ngữ vẫn thường dùng để chúc cho chú rể, cô dâu được "đẹp duyên cầm sắt" chẳng hạn.

Theo tương truyền, đàn cầm do Vua Phục Hy chế ra. Phục Hy là một trong tam hoàng: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, trong thời kỳ khuyết sử của Trung quốc. Người ta phỏng đoán vua Phục Hy sống vào khoản gần 3000 năm trước Tây lịch. Ngài chọn cây ngô đồng để đóng đàn, vì cây ngô đồng là nơi chim phụng đậu.

Mặt đàn hơi cong như vòm trời. Đáy đàn thẳng như mặt đất, người Trung Hoa ngày xưa nghĩ rằng trái đất bằng thẳng chớ không tròn-.

Bề dài 3 xích, 6 thốn, 5 phân. Một xích ngày xưa dài lối hơn 30 phân tây ngày nay. Ba con số đó là số thiên đạo, là số ngày trong năm.

Bề ngang nhỏ 4 thốn hạp với bốn mùa. Bề ngang lớn 8 thốn là tám hướng gió. Đáy đàn có hai lổ hình chữ nhựt gọi là Long trì, phụng trì; ao rồng ao phụng. Ao rồng dài 8 thốn, ao phụng dài 4 thốn.

Đàn có 5 dây tượng trưng cho ngũ hành, Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, hay ngũ tạng, tâm can tỳ phế thận, ngũ sắc, xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

Đàn có 13 chỗ nhấn dây được ghi bằng ốc xa cừ. 13 là con số tháng của những năm có tháng nhuần.

Khảy đàn bằng ba ngón của bàn tay mặt. Nhấn dây bằng 4 ngón của bàn tay trái.

Đàn cầm là đàn của Dự Bá Nha khi xưa gảy cho Chung Tử Kỳ nghe. Chung Tử Kỳ là người tri âm của Bá Nha, nghe tiếng đàn, mà biết rõ rằng lúc Bá Nha đàn đến đoạn nào là nghĩ nước chảy, đoạn nào nghĩ đến mây bay

trong bài Cao Sơn Lưu Thủy, nên sau khi Tử Kỳ qua đời, Bá Nha đập đàn và từ đó không còn ai nghe được tiếng đàn tuyệt diệu của Bá Nha nữa.

Đàn cầm cũng là đàn của Tư Mã Tương Như đàn cho Trác Văn Quân nghe đến người góa phụ ấy, cảm tiếng đàn mà không thủ tiết với chồng.

Đàn sắt, theo tương truyền cũng do vua Phục Hy chế ra, lớn hơn đàn cầm. Đàn có 50 dây căng trên 50 con nhạn. Vua Huỳnh Đế bỏ bớt 25 còn lại 25 dây chia ra làm 5 nhóm mỗi nhóm 5 dây. 5 dây ở giữa đàn gọi là quân huyền, dây của nhà Vua, và sơn màu vàng.

Khánh là một tảng đá đẽo theo hình thước thợ và treo trên giá, dùng dùi gỗ mà gỏ.

Ống Sanh làm bằng bầu sau nầy bình của ống sanh bằng gỗ. Có 13 hoặc 17 ống sậy, cắm chung quanh miệng bầu, và trong mỗi ống có lưỡi gà. Mỗi ống sậy có lổ, ngón tay bấm vào lổ và thổi vào thì lưỡi gà run và có tiếng "giống như tiếng chim phượng gáy". Tương truyền rằng ống sanh do bà Nữ Oa chế ra. 17 ống sậy cắm vào bình giống như cánh chim phượng.

Theo sách Sử Ký của Tư Mã Thiên, thì Khổng Tử sanh trong một gia đình nghèo, vào năm 551 trước Tây lịch, tại nước Lỗ (ngày nay thuộc tỉnh Sơn Đông). Trước khi giữ chức vụ trong nước Lỗ, và dạy học thì lúc đầu Khổng Tử giữ kho lúa, và giữ những cây cọc để cột thú vật.

Tư Mã Thiên có ghi rằng năm Khổng Tử 27 tuổi học đàn cổ cầm với một ông thầy tên là Siang Tse (Tương Tử). Theo chúng tôi được biết qua sách Lễ Ký, thì có đoạn nói "năm ngày sau khi mãn đại tang của mẹ, Khổng Tử lấy đàn cầm ra đàn, mà lên đàn chẳng êm dây. Ý nói lòng còn chưa nguôi xúc động vì tang mẹ. Sử cũng chép rằng Khổng Tử mất mẹ năm 528 trước Tây lịch, tức là lúc Ngài được 23 tuổi. Ngài đã biết đàn cổ cầm trước nên mới so dây thử đàn sau khi mãn tang mẹ. Thì học năm 27 tuổi là học thêm, chớ không phải "bắt đầu học" như Tư Mã Thiên đã viết. Khổng Tử rất thích đàn cầm. Đi đâu, xa, gần, cũng đem đàn theo, và thường khi đàn cho học trò nghe và giảng cho học trò biết những cái hay của tiếng đàn cầm.

Sách Luận Ngữ có ghi lại hai lần về cây đàn sắt.

Một hôm có người muốn gặp Khổng Tử. Ngài không muốn tiếp người khách ấy nên cho học trò ra nói "Thầy hôm nay không được khỏe". Nhưng khi khách vừa bước ra thì Khổng Tử ca và tự đệm đàn sắt.

Một hôm khác Khổng Tử chợt nghe tiếng đàn sắt của Tử Lộ, nói với các môn sinh. "Lạ quá! Trong trường ta dạy chữ Hòa mà sao tiếng đàn của Do (tên của Tử Lộ) lại có tánh cách sát phạt, không đúng với lời ta dạy." Môn sinh tìm Tử Lộ để lập lại lời phê bình của Thầy, mới biết Tử Lộ đang đàn bổng thấy một con mèo rình bắt chuột. Do đó tiếng đàn có vẻ sát phạt.

Khổng Tử chẳng những biết đàn sắt lại biết nghe đàn đến nhận ra được sự giao động trong tâm của người đờn.

Sách Lễ Ký có ghi rằng 10 ngày sau khi mãn tang mẹ, Khổng Tử lấy ống sanh ra thổi thì nghe tiếng rất êm. Nhắc lại 5 ngày trước muốn đàn cầm mà

đàn không êm dây. Tiếng ống sanh tiếng như chim phượng. Ống sanh sau có dùng phụ họa theo bài tán trong Phật giáo Trung hoa. Tiếng sanh dùng trong dàn nhã nhạc đời Đường. Trong Văn Miếu, khi làm lễ có 6 ống sanh thổi, 3 bên tả, 3 bên hữu bàn thờ của Khổng Tử và hiện còn dùng trong đàn Gagaku (Nhã nhạc) của Nhật Bổn.

Sách Luận Ngữ có ghi lại chuyện Khổng Tử đang ở nước Vệ, một hôm thử gỏ Khánh. Có người đi ngang đang gánh giỏ để đựng cỏ - tức là một người nông dân- dừng chân, nghe tiếng khánh và nói: "Hữu tâm tai! Kích khánh hồ!" Người gỏ khánh có lòng, có chí lớn. Thường thì đàn biên khánh có 16 phiến khánh đá treo trên giá để đánh theo tiếng nhạc đại lễ cùng với tiếng biên chung, của 1 giàn 16 chuông nhỏ.

Khổng Tử biết ca và chịu cùng ca với những người khác. Trong Luận Ngữ có đoạn ghi rằng "khi Khổng Tử nghe người ta ca, bảo lập lại lời ca và Phu Tử cùng ca với họ".

Cũng trong Luận Ngữ có đoạn ghi lại việc Khổng Tử đang chấn chỉnh âm nhạc tại nước Lỗ, là nơi Ngài đã chào đời. Vua nước Tề hiến cho vua nước Lỗ 80 ca nhi nữ nhạc. Vua nước Lỗ mải mê nghe ca mà ba ngày không triều chính. Khổng Tử không chịu được nên rời nước Lỗ ra đi. Trước khi lên đường, có đặt một bài ca, và ca cho một ông thầy dạy nhạc tại nước Lỗ nghe. Bài ca đó có ghi lại trong Sử Ký của Tư Mã Thiên mà Ô. Edouard Chavennes đã dịch ra tiếng Pháp. Tôi tạm dịch ra tiếng Việt:

Miệng của ca nhi đuổi ta xa nước Lỗ
Họ đến đây gây tang tóc điêu tàn
Từ nay ta cất bước lang thang
Đến khi an nghỉ nơi suối vàng mới thôi.

2.- Biết đàn, biết ca, biết nghe đàn, lại biết đặt lời ca.
Khổng Tử còn sáng tác được nhạc cho đàn cổ cầm.

Trên bao dĩa hát "Trung quốc xướng phiến" in tại Bắc Kinh, trong lời giới thiệu bài "U lan" có đoạn: Theo sách "Tàng xuân ổ cầm phổ" thì "Thị khúc giả Khổng Tử sở tác". Khổng Tử đặt bản nhạc ấy khi được Chiêu Vương mời hội kiến, có lẽ muốn trọng dụng Ngài. Lúc ấy Khổng Tử đang gặp cảnh không vui. Không phải vì gặp cảnh khó được mời thỉnh mà xiu lòng, đổi ý. Và nghĩa rằng Người quân tử trau giồi cái đức mà tạo con đường cho mình đi, không vì nghèo khổ mà thay đổi khí tiết. Hoa lan sanh trong rừng sâu, không phải vì chẳng có ai ngắm mà mất cái hương thơm của nó. Do đó sáng tác bài "U lan" để nói thâm ý của mình.

Khổng Tử hiểu thấu nhạc thời xưa
và có những quan điểm rõ rệt về tính chất và công dụng của nhạc.

1.- Sách Luận Ngữ chép rằng: "Tử tại Tề, văn Thiều tam nguyệt bất tri

nhục vị". Khi Đức Khổng Tử ở tại nước Tề nghe nhạc của vua Thuấn sáng tác cả ngàn năm trước, xúc động quá đến trong ba tháng không còn biết vị ngon của thịt.

2.- Ngài thích nhạc Thiều hơn cả các loại nhạc khác: "Nhạc Thiều đẹp và êm. Điệu múa của vua Vũ đẹp mà không êm." Nhạc Thiều êm vì lòng nhân của vua Thuấn. Điệu múa của Vũ vương không êm vì tiếng nhạc nhắc lại chiến công lập quốc, mà Khổng Tử hiếu hòa hơn hiếu chiến. Sau nầy trong Văn Miếu, khi làm lễ chỉ dùng Văn vũ sinh với ống thược và lông trĩ chớ không dùng Võ vũ sinh với mộc và búa.

3.- Nói chung Khổng Tử thích nhạc xưa hơn nhạc nay. Nhạc xưa là nhạc thời Văn vương, Võ vương (thế kỷ thứ XII trước Tây lịch). Âm nhạc nay là âm nhạc đời nhà Châu (thế kỷ thứ VI, thứ VII trước Tây lịch). Ngài đã nói trong Luận Ngữ: "Có người cho rằng về lễ nhạc, người thời xưa không được văn minh, và người thời nay khôn ngoan hơn. Riêng ta, ta vẫn thích nhạc người xưa." Trong số môn sinh của Khổng Tử, Tử Hạ thích nhạc cổ như Thầy. Mạnh Tử cho rằng nhạc ngày nay cũng có hiệu quả không kém nhạc thời xưa.

4.- Khổng Tử trọng nội dung hơn hình thức của nhạc và lễ. Trong Luận Ngữ có ghi lại "Tử viết: Lễ vân lễ vân. Ngọc bạch vân hồ tai. Nhạc vân nhạc vân. Chung cổ vân hồ tai." Người ta nói đến lễ. Trong lễ há không có chi hơn ngọc và lụa? Người ta nói đến nhạc. Trong nhạc há không có gì hơn chuông và trống. Ngọc và lụa là hình thức bên ngoài của lễ cũng như chuông trống là hình thức bên ngoài của Nhạc. Người ta thường chỉ thấy hình thức mà quên nội dung.

5.- Nhạc tự trong lòng mà ra. "Câu đầu của Nhạc ký đã ghi "Phàm âm chi khởi, do nhân tâm sanh dã". Tiếp theo đó: Nhạc giả "Âm chi sở do sanh dã Kỳ bổn tại nhân tâm." Âm nhạc từ lòng người mà sanh ra. Khi lòng buồn, vui, giận, kính, thương, thì tiếng nhạc tùy nơi lòng mà thành âm. "Tình động ư trung, cố hình ư thanh".

6.- Theo Khổng Tử âm nhạc cốt đem đến cái "hòa", "Nhạc dĩ hòa kỳ thanh". Cũng có tánh chất trung dung nên Ngài mới nói tiếng nhạc tốt phải "Ai nhi bất thương, lạc nhi bất dâm". Buồn mà không làm cho quá bi lụy. Vui mà không đến sỗ sàng thất lễ. Đâu đó có chừng mực.

Bàn về nhạc Khổng Tử thường nhắc đến chữ hòa.

"Nhạc giả thiên địa chi hòa dã." Âm nhạc là sự hòa hợp giữa Trời Đất.

"Lễ tiết nhân tâm. Nhạc hòa dân tâm". Lễ làm cho lòng dân có trật tự. Nhạc làm cho lòng dân có hòa khí.

7.- Âm nhạc có thể thay đổi phong tục - có ẩn nghĩa là từ cái xấu chuyển thành cái tốt - "Nhạc khả dĩ di phong dịch tục".

Nhạc giả dã: Thánh nhân chi lạc dã, khả dĩ thiện dân. Nhạc là niềm vui của thánh nhân và có thể khiến cho dân hiền lành hơn.

Nhạc phải là tinh hoa của đạo đức. "Đức giả tánh chi đoan dã. Nhạc giả

đức chi hoa dã."

8.- Âm nhạc phản ảnh xã hội và là một yếu tố quan trọng trong việc trị dân.

Xã hội có trật tự, tiếng nhạc vui vẻ, ôn hòa.

Xã hội vô trật tự, tiếng nhạc phẫn nộ và oán hờn.

Dân mất nước tiếng nhạc buồn thảm và lo lắng "Vong quốc chi âm, ai dĩ tư".

Theo Khổng Tử, âm nhạc do xúc cảm trong lòng sanh ra. Ai biết được bí quyết của âm nhạc tức là biết cái bí quyết làm giao động lòng người. Ai biết được bí quyết làm giao động lòng người tức là biết bí quyết dẫn dắt con người. Ai biết được bí quyết dẫn dắt con người là biết được bí quyết cai trị con người. Và kết luận: Chỉ có minh quân, vua một nước mới có quyền tạo nhạc.

Khi Tử Hạ hỏi Khổng Tử: "Phải có đức tính gì mới đáng được gọi là cha mẹ dân?" Khổng Tử trả lời: Phải có nhiều đức tính tốt, nhưng trước tiên phải biết căn bản của lễ, nhạc mới đáng gọi là cha mẹ dân.

Khi Tử Lộ hỏi Thầy về đức tánh của một người quân tử, Khổng Tử cũng trả lời rằng phải có nhiều đức tính tốt, nhưng trước hết phải biết trau giồi lễ nhạc.

Khổng Tử đã dạy rằng muốn cho nước được trị an, thì vua phải dùng lịch của nhà Hạ, phải đội mão của nhà Châu, phải cho đánh nhạc Thiều của vua Thuấn, mà loại bỏ nhạc của nước Trịnh.

Khi Tử Trương hỏi Thầy về cách trị nước thì Khổng Tử trả lời: "Ta đã nói việc ấy bao lần rồi. Một vương giả chỉ cần biết rành Lễ và Nhạc và đem ra mà dùng đúng chỗ là được."

9.- Khổng Tử đã giảng rất rành mạch cho Tân Mâu Giã, là một nhạc sư thời bấy giờ nghe về ý nghĩa sâu xa của các điệu múa Văn, múa Võ, của thời xưa và Tân Mâu Giã phải nhìn nhận rằng Khổng Tử biết thấu đáo và chính xác ý nghĩa sâu của lễ nhạc thời xưa.

Khổng Tử rất quan tâm đến việc giáo dục âm nhạc.

Sách Lễ Ký còn ghi lại những chương trình dạy nhạc do Khổng Tử sắp đặt. Chúng tôi không chép lại chi tiết chương trình dạy lễ nhạc, thi ca, lịch sử, chỉ ghi lại vài điều:

Lễ, Nhạc là hai môn rất quan trọng.

Bắt đầu dạy học từ cấp tiểu học thì tuần tự phải dạy "Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số". Lễ trước, kế đến âm nhạc, rồi học bắn cung, cỡi ngựa rồi mới đọc sách và cuối cùng mới học toán.

Trong các trường lớn Lễ và Nhạc dạy trong mùa Xuân và mùa Thu vì trong hai mùa ấy khí hậu ôn hòa, có cử động để học các điệu múa cung đình không thấy mệt. Mùa Hạ và mùa Đông dạy Thi Ca và Sử. Có những cuộc thi về 4 môn ấy cũng gọi là "Tứ nghệ". Danh sách tên các học sinh không được chấm đậu cũng trình lên cho Vua.

Cuối tháng chót của mùa Xuân, có một buổi hòa nhạc lớn. Vua và cả triều thần đều đến dự.

Tháng thứ nhì của mùa hè, học sinh học sửa trống, lên dây đàn cầm đàn sắt, thử ống quản, ống tiêu. Cũng phải học sửa lưỡi gà của ống sanh, rửa chuông và lau khánh.

Khổng Tử cũng để ý đến việc
dùng nhạc hay không dùng nhạc cho đám cưới đám tang.

Sách Lễ Ký có ghi lại lời của Khổng Tử dặn: Gia đình cô dâu phải đốt nến trong ba đêm liền không để tắt, để tưởng nhớ đến sự chia ly của cô dâu với gia đình của mình. Gia đình chú rể thì không được tấu nhạc trong ba hôm. Câu "Hôn lễ bất dụng nhạc" ghi rõ ràng, nhưng trong dân gian, thường trong đám cưới đều có dùng nhạc.

Cũng theo qui định, khi một đại thần qua đời, vua không được ăn thịt, và sau lễ than khóc, không được tấu nhạc; Lúc tẩn liệm cũng không được tấu nhạc.

Về việc tấu nhạc theo 4 mùa thì sách Lễ Ký có ghi: Bạn đến nhà, khi đón mừng, nên tấu nhạc. Nhưng khi bạn từ giã thì không được tấu nhạc. Do đó, mùa Xuân đến, nghinh Xuân tấu nhạc. Mùa Thu đến là buồn vì mùa hè đi nên không tấu nhạc.

Khổng Tử cho rằng giáo dục âm nhạc rất quan trọng, nên Ngài nói khi đến một nước nào thấy dân lễ độ, hào hiệp, hiền lành, đạo đức, thì biết rằng trong nước đó, dân được dạy dỗ theo Lễ theo Nhạc.

Kết luận.

Khổng Tử là một nhạc sĩ lớn trong thời đại của Ngài, một nhạc sĩ với tất cả cái nghĩa của danh từ ấy, về bề rộng cũng như bề sâu.

Biết xử dụng nhiều nhạc khí đặc biệt là đàn cầm, đàn sắt, là hai nhạc khí do Phục Hy sáng chế, biết thổi ống sanh gỏ khánh đá, biết đàn, lại biết nghe đàn, thưởng thức tiếng nhạc Thiều, chê tiếng nhạc Trịnh, đã sáng tác bài U lan còn được truyền tụng đến ngày nay.

Biết nhạc không phải chỉ để giải trí trong lúc trà dư tửu hậu, mà dùng âm nhạc để giáo dục người, để dạy vua trị nước, dạy dân có đức.

Hiểu nhạc không phải chỉ bề mặt, bề ngoài, mà thấu hiểu cả nội dung sâu sắc của nhạc. Và nhạc lúc nào cũng đi đôi với Lễ mà Ngài cho rằng Lễ như ngưỡng cửa mà trên đời khi ra vào ai lại chẳng qua cửa đó; cũng như Nghĩa là con đường mà khi đi lại ai chẳng theo con đường ấy.

Tử viết: "Nghĩa lộ dã, lễ môn dã. Thùy năng vãng lai bất do thị lộ, xuất nhập bất tùng thị môn".

Biết tấu nhạc rồi lo tổ chức việc dạy nhạc, nhứt là khi Ngài có chức vụ trong nước Lỗ, rồi lại biết sáng tác nhạc. Biết ca rồi cũng biết sáng tác bài ca.

Theo ngày nay, Ngài vừa là một nhạc công (instrumentiste) đa năng, đàn được nhiều cây, lại là người biết lịch sử âm nhạc thời Thượng cổ (historien de la musique), hiểu cả lý thuyết của các bản nhạc (musicologue), đem âm nhạc vào cuộc đời, định vị trí của âm nhạc trong xã hội (ethnomusiccologue hay là sociologue), tổ chức dạy nhạc để đào tạo nhạc công cho Triều đình (éducateurs de la musique), rồi sáng tác bản nhạc, bài ca (compositeur).

Đời nầy dễ mấy ai mà có những hoạt động trong nhiều lĩnh vực của âm nhạc như vậy?

Chúng tôi chỉ không đồng ý với Ngài trong hai điểm:

Chỉ trọng nhạc ngày xưa mà coi thường nhạc ngày nay. Trong điểm nầy chúng tôi đồng ý với Mạnh Tử "Âm nhạc thời nay cũng có hiệu quả không kém nhạc thời xưa".

Thứ hai là Ngài cho rằng người biết sáng tác nhạc, là biết cách làm cho tâm con người bị xúc động, do đó có thể dẫn dắt và cai trị con người. Cho nên Ngài kết luận là chỉ có những bực minh vương, vua có đức trị vì dân chúng mới có quyền đặt nhạc. Điểm nầy chúng tôi không đồng ý với Đức Khổng Tử. Quyền sáng tác không phải chỉ trong tay người trị dân, mà trong tay của mọi người.

Dầu sao,

Đọc lại trong Nhạc ký có câu: "Tri thanh nhi bất tri âm, cầm thú thị dã: tri âm nhi bất tri nhạc, chúng thứ thị dã: duy quân tử vi năng tri nhạc." Biết tiếng động mà không biết tiếng nhạc, là hạng cầm thú. Biết tiếng nhạc mà chưa biết được nhạc là người thường trong dân giã. Chỉ có người quân tử mới biết được nhạc. Khổng Tử là quân tử trong giới nhạc.

Lại có câu: Biết nhạc đến dạy được nhạc là hiền nhân. Biết nhạc đến sáng tác được nhạc là "thánh nhân".

Theo nghĩa đó Khổng Tử có thể được coi là ông thánh âm nhạc của Trung Hoa thời thượng cổ.

Theo cách sắp loại về nhạc cụ, nhạc khí của người Trung Hoa, có 8 loại: Kim, thạch, ti, trúc, cách, mộc, bào, thổ, tức là chuông bằng kim khí, khánh đá loại thạch, đàn cầm đàn sắt dây tơ thuộc ti, sáo, địch, tiêu, bằng tre thuộc về trúc, trống mặt da thuộc loại cách, chúc, ngữ hai loại gõ bằng gỗ thuộc mộc, ống sanh có quả bầu thuộc bào, và ống huân bằng đất nung thuộc thổ.

Và để kết luận, mượn lời của Mạnh Tử nói về Khổng Tử:

"Khổng Tử như một bài nhạc lớn trong đó có đủ cả bát âm".

TRẦN VĂN KHÊ



LÊ THỊ THẤM VÂN

thúy kiều: nỗi ám ảnh bất hạnh.



LTS: *Là tác giả của hai hai tác phẩm đã xuất bản:* Đôi Bờ *(tập truyện ngắn) và* Mùa Trăng *(truyện dài), Lê Thị Thấm Vân mặc nhiên được xếp vào hàng ngũ những* người viết trẻ, *do hoàn cảnh xuất thân: chị sinh ra tại Việt Nam, nhưng trưởng thành trên quê người. Chị cũng như hầu hết mọi người* trẻ *khác, không hệ lụy sâu với quá khứ, ở nhiều mặt, kể cả văn học, nghệ thuật.*

Cho nên cái nhìn của chị qua bài viết dưới đây có thể sẽ không được tán đồng từ một số người. Tuy nhiên, phần nào đã nói lên quan điểm của đa số lớp người trên dưới ba mươi. Lớp người ấy, hai mươi mốt năm trước, khi bỏ nước ra đi, mới chỉ là những bé trai bé gái chưa thành niên. Ngày nay, họ đã trưởng thành, đã hiện diện trong mọi lãnh vực, với những chỗ đứng vững vàng, đầy tự tin. Tất nhiên tiếng nói của họ có một giá trị tiêu biểu nào đó.

Chúng ta có thể không đồng ý với quan điểm của Lê Thị Thấm Vân, nhưng chúng ta không thể phủ nhận quan điểm ấy có thật. Lịch sử là chuỗi dài những thành tựu và chối bỏ. Cũng có nghĩa, lịch sử đã và sẽ được làm nên bởi bàn tay và khối óc của những người đến sau. Đến sau, đồng nghĩa với Trẻ, *đồng nghĩa với phủ nhận, khai phá và mở đường.*

Hợp Lưu

*

Nhắc đến Kiều, tôi thường nghĩ ngợi, suy tư về thân phận người đàn bà Việt Nam. Có lẽ vì tôi cũng là đàn bà Việt Nam chăng?

"Đau đớn thay, phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
Phũ phàng chi bấy hoá công
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha."

Khi viết những câu thơ này, tôi thắc mắc, không biết Nguyễn Du có nghĩ tới mẹ ông, (cha ông có tám vợ) hoặc ba người vợ của ông không? Họ là những người đàn bà chia sẻ cuộc đời cùng ông, nhưng có số phận chồng chung. Hay ông chỉ nghĩ đến ả đào đàn hay trong quán rượu, hai mươi năm sau gặp lại, thân tàn ma dại, làm ông đứt ruột xót thương. Cô Cầm ở Thăng Long. Cô Nguyệt ở Triều Khẩu. Cô gái hầu ở nhà người em. Cô lái đò tình cờ gặp. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Hay Vương Thúy Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân ở xứ Trung Hoa?

Bởi dầu gì ông cũng biết rất rõ:

"Chém cha cái số đào hoa
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi."

Nghĩ ngợi, thắc mắc, ưu tư một chút thế thôi, chứ vào thời đó, đàn ông "năm thê bảy thiếp" là chuyện thường tình. Ông cố nội tôi có đến bốn bà vợ, trong khi anh rể tôi suốt đời chỉ biết một mình chị tôi.

*

Dưới ảnh hưởng của văn chương Trung Hoa, nước ta sản xuất ra được nàng Kiều. Rồi Kiều truyền qua nhiều đời, qua bao thế hệ, bằng nhiều cách thức khác nhau. Từ lẩy Kiều, vịnh Kiều, chú thích Kiều, ngâm Kiều, dạy Kiều, giảng Kiều, nghiên cứu Kiều, đố Kiều, tranh Kiều, án Kiều, trò Kiều, phim Kiều, dịch Kiều, và cả bói Kiều.

Nàng Kiều ngày trước của Nguyễn Du, tài sắc vẹn toàn. Đã đẹp lại đàn hay, bởi thế mà "bạc mệnh." Nàng Kiều ngày nay kém may mắn hơn, không tài hoa, không hương sắc mà cũng bị "bạc mệnh." Chinh phụ ngày trước cũng thế, chờ chồng trong tiếng khóc than, oán trách. Cố giữ lòng trung trinh tiết nghĩa cùng chồng, mà hoá thành đá. Chinh phụ ngày này, sáng sớm mắt chưa kịp mở đã xăn cao tay áo, nhảy ra lăn xả một hai với đời để nuôi con, thậm chí nuôi luôn cả chồng.

Nhắc tới Việt Nam, là nhắc tới *Truyện Kiều*. Người ta cho Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, và *Truyện Kiều* là một kiệt tác bất hủ bằng chữ quốc âm. Một công trình vĩ đại. Là người Việt Nam, ai cũng phải biết đến Kiều, như một công ước, một điều bắt buộc, *Truyện Kiều* được xem như thông điệp gửi gấm cho con cháu đời sau phải tìm đọc, học, và biết để mà hãnh diện. *Truyện Kiều* là cuốn kinh, thánh thư, phúc âm, là quốc hoa, quốc túy, quốc hồn của

dân tộc Việt. Nhà báo Phạm Quỳnh ngày trước đã từng tuyên bố, chỉ cần một *Truyện Kiều*, ta đã hơn cả Tàu lẫn Tây! Kiều còn được xem là bản cáo trạng cuộc đời, như cuốn sách giáo huấn dạy cách làm người, như bản ngợi ca tình yêu, gầy dựng niềm tin, bắc cầu thông cảm. Thậm chí, được dùng như một phương tiện dự báo, linh nghiệm để đoán giải về tương lai số mệnh con người.

"Từ án sách đến bờ tre, xưởng máy
Ra chiến trường vẫn còn thấy Kiều ngâm."

Vì cha nợ nần, Kiều phải tự bán mình để chuộc. Từ đó, cuộc đời ba chìm bẩy nổi, qua tay đủ hạng đàn ông. Bị thiên hạ lừa không biết bao nhiêu bận vẫn chưa học khôn. Cuối cùng, còn khuyên "bậy" chồng, làm chồng phải chết oan như bị trời trồng. Cuộc đời Kiều, từ đau khổ này tiếp nối đau khổ khác chỉ vì đạo hiếu làm con, bởi thế, hình ảnh Kiều luôn được ca ngợi, truyền tụng, trở thành một thứ role model, là tấm gương cho nhiều thế hệ phụ nữ Việt Nam soi.

Để rồi, thời của bà nội, bà ngoại nước ta có *L'Indochine,* mối tình chàng sĩ quan Pháp với cô gái Việt mồ côi nhưng xinh xắn, đẹp đẽ. Mối tình lãng mạn, lồng trong khung cảnh vịnh Hạ Long ngoài miền Bắc, trong giai đoạn lịch sử của những năm 30's khi đất nước còn bị thực dân Pháp đô hộ.

Qua thời Mỹ, tức thời của mẹ, dì, thím, bác, cô nước ta lại có *Heaven and Earth.* Nàng Kiều lọ lem Lê Thị Lý xuất thân từ làng Kỳ La, miền Trung đất cày lên sỏi đá. Nàng như quả bóng, ban ngày nằm trong vòng tay ôm của những anh lính quốc gia. Đêm về, lại nằm dưới thân xác của những chú bộ đội. Cuối cùng, được anh lính Mỹ mặt búng ra sữa, đến từ đế quốc tư bản đóng vai Từ Hải, ra tay nghĩa hiệp cứu thoát.

Mùa hè 1995, tôi về lại Việt Nam. Đi dọc từ Bắc vô Nam vòng ra Trung. Loáng thoáng trong những tiệm ăn trải khăn bàn trắng, trong khách sạn ba sao, trên vỉa hè trời chiều thoảng gió mát rượi, hay trong hộp đêm xông tỏa mùi mồ hôi, rượu mạnh, khói thuốc. Những nàng Kiều thời hậu chiến lại xuất hiện. Những nàng Kiều mặt trẻ măng, non choẹt, cửa mình bắt đầu có kinh, lông đang mọc, vú vừa nhú nhưng đã biết rõ, hiểu rõ, "chữ trinh đáng giá ngàn vàng." Các nàng tự đi tìm khách bán trinh. Biết vá đi vá lại màng mỏng tựa sương mù vài ba bận, không cần qua tay tú Bà như Kiều của cụ Tố Như ngày trước. Các nàng làm Kiều cho những tay thương gia đến từ Đài Loan, Singapore, Đại Hàn... chuyên trị mua trinh để lấy hên làm ăn buôn bán.

Cô bé làm nghề móng tay dạo trong khu Bàn Cờ tôi gặp ở những ngày đầu về lại Việt Nam. Những móng tay, móng chân của tôi được cô cắt dũa sơn phết cẩn thẩn, chỉ là cái cớ để cô tâm sự, và tôi thỏa tính tò mò, thích nghe chuyện. Cô kể cách đây hai năm, ở tuổi mười bẩy cô đã bị chính mẹ cô móc nối bán trinh cho một tay thương gia Đài Loan với giá ba trăm dollars. Nhờ

số "vốn" đó, mẹ cô tậu được chiếc xe bán bánh mì kê ngoài ngõ. Cô bé kể với giọng lúc nhanh lúc chậm, lúc lên lúc xuống, lúc rõ lúc không, tôi có cảm tưởng như câu chuyện đã xẩy ra cho cô ở tiền kiếp. Chuyện đổi chác xẩy trong khách sạn đầu ngõ, ở tầng hai. Tiếng "ái" và hàm răng cắn mạnh vào bả vai "hắn" sau gần nửa tiếng cố đâm thủng vào bên trong cô. "Em sợ quá nên hai đùi cứ khép chặt mà ông khách thì biểu banh rộng ra." Tôi ngồi lắng nghe, nhìn đôi mắt nhỏ màu nâu nhạt, gò má cao, trán đầy mụn lấm tấm, hàm răng màu đá vàng, vai mỏng rút lên như vai đứa bé mười hai tuổi. Sau biến cố đó, cô oán thù mẹ nên bỏ nhà đi xuống Rạch Giá ở chung bà dì họ một thời gian. Cô sợ hãi hết những người đàn ông đến gần. Rồi cô vén áo lên chỉ cho tôi xem vết sẹo chạy dài từ nách xuống dưới hông, phía bên trái, "Một hôm em phụ bà dì đi buôn hàng, đường xa, xe đò đang chạy bị hư, thay vì phải đợi cho nguội rồi mới mở ống nước, anh lơ xe mới vào nghề không biết, mở ra coi liền, nước nóng sôi phụt tràn vào người em, lúc đó em đang còn ngồi trong xe. Em phải nằm nhà thương một tuần. Bôi bao nhiêu thuốc mới đỡ được như vầy... Tôi nhìn, vết sẹo đặc quánh như dòng đất sét xệt, bám chặt trên mảng da trắng xanh. Tôi đưa tay rờ, nói nhỏ, "Em phải giỏi chịu đau lắm?" "Dạ, hồi mới bị đau ghê lắm!" Rồi cô kéo áo xuống.

Mấy tháng sau vụ phỏng, cô về lại với mẹ. Hiện nay cô làm nghề móng tay, gội đầu dạo trong xóm. Họ trả cô với giá rẻ nhất thành phố.

Cô còn kể thêm ba cô có tật nghiện rượu, mỗi khi lên cơn say là chị em cô khôn hồn phải chạy đi nơi khác chứ đứng đó, sẵn trong tay có gì là ông liệng vào người cái đó. Mẹ cô có máu mê cờ bạc, mấy lần cháy túi phải cầm quầy xe bánh mì, rồi được chị họ bên Canada gửi tiền về cho chuộc lại. Chuyện cô bán trinh, cả xóm ai cũng biết, vì mỗi lần ba cô về, nổi cơn say, má cô đuổi ra khỏi nhà, là ba cô đứng đầu ngõ chửi đổng lên, kể hết ngọn ngành cho cả xóm nghe. "Chắc em không lấy chồng... mà chắc chẳng ai cưới em... thôi em ở vầy với má phụ coi mấy đứa em." Cô nói, giọng nhỏ dần ở những chữ cuối. Khuôn mặt cố che đậy cảm xúc. Sự chịu đựng lâu ngày đã trở thành thói quen.

Việt Nam ngày nay chuyện gì cũng có thể xảy ra. Nhanh và không ngờ. Mảnh đất hope for the best, expect the worst. Tôi móc túi đưa cô xấp tiền không đếm, cô chụp đút nhanh vào áo lót, nhanh như chớp, nhanh như người tráo đổi mấy con bài. Suốt đêm đó, tôi nằm chập chờn với mọi thứ âm thanh diễn ra trong xóm lao động. Tiếng tụng kinh gõ mõ, tiếng rao hàng, tiếng giép, guốc kéo lê trên ngõ hẹp, tiếng chó tru, tiếng chửi thề, tiếng mèo rên rỉ trên mái nhà, tiếng máy xe nổ như muốn xé toạc trời... Rồi trời đổ mưa. Mưa lộp độp như đá ném, ầm ầm, rầm rầm. Người tôi vã mồ hôi như tắm, nhầy nhụa dưới gáy, dưới nách, ở háng, ở mỗi chân tóc. Mơ hay thực? Sao tôi lại nằm trong căn phòng xa lạ này? trên sàn xi măng. Người tôi rêm mỏi và đau nhức. Xi măng là tảng đá, tôi nằm trên đá mà tưởng tảng đá nằm chồng lên tôi. Cô bé hàng xóm làm móng tay dạo chui tọt vào người tôi nằm trong những giấc mơ ngắn, hiện ra liên hồi, đứt quãng, suốt cả đêm. Mỗi lần tảng

đá đè, lại hiện khuôn mặt người đàn ông trong đời chưa từng gặp. Tảng đá trắng hếu, hùng hục, cửa mình không đau mà tim tôi nhói, như lưỡi dao cùn cố thọc sâu, khuấy mạnh. Tôi muốn hét mà không được. Trời tối, gió thổi mạnh, tiếng mưa đập, tiếng sét lẫn sấm chớp. Trong lúc tuyệt vọng, đầu tôi bỗng hiện ra một buổi sáng đầu đông ở thành phố Garmisk, miền Nam nước Đức. Chín giờ sáng thức dậy, mở cửa, thấy tuyết trắng ngập xóa trời đất. Tuyết đổ cả đêm mà tôi nào hay? Trong khi nơi chốn này, quê hương tôi, cũng là nước từ trời đổ xuống nhưng sao xối xả như thác? Mảnh đất trời cố tình hành!

Nàng Kiều thời hậu chiến của *Cyclo* đạo diễn Trần Anh Hùng. Mất chiếc cyclo đồng nghĩa mất luôn sự ngây thơ và nhậy cảm của người con gái mới lớn. Thời kinh tế thị trường mở cửa. Thời tranh tối tranh sáng, người lạc quan cho là bình minh, người bi quan cho là chiều tà. Bao nhiêu năm khốn khổ nay mở bừng mắt nhìn thế giới bên ngoài, mở mắt học văn minh xứ người, bằng cách mở bar rượu, beer ôm, cà phê karaoke không đèn, hotels mọc lên như nấm sau cơm mưa. Thời làm gì cũng phải xin phép nhà nước, ngoại trừ thi hoa hậu. Lại còn được ưu tiên, khuyến khích là bảo tồn văn hoá. Thời thân xác người đàn bà Việt Nam lại được đem ra khai thác một cách triệt để. Hãy lắng nghe nàng kiều thuộc lứa con, cháu chúng ta tâm sự với đầy dẫy lý do đích đáng vì sao phải nối gót nàng Kiều. "Ông nội cháu già yếu bệnh hoạn. Ông ngoại cháu chết trong trại cải tạo. Bố cháu nghiện rượu. Mẹ cháu mê đánh bạc. Anh chị cháu vượt biên. Đàn em còn nhỏ dại ..." Nghe sao không rách lòng nát dạ.

Càng hiện đại bao nhiêu, Kiều càng rẻ rúng bấy nhiêu.

Càng "hiểu" Kiều bao nhiêu, càng chua chát bấy nhiêu.

Tại sao mỗi lần nhắc, nói, nghĩ, đề cập tới đàn bà Việt Nam là đưa ngay hình ảnh Kiều ra làm tiêu chuẩn, như một định đề bất di bất dịch. Phải chăng oan hồn Kiều vẫn còn vây khốn thân phận đàn bà Việt Nam?

Tôi quen chị bạn Mỹ, chuyên nghiên cứu đề tài văn hoá Việt Nam. Chị hiểu ngôn ngữ Việt khá rành nên đi tới đâu cũng thường "bị" người Việt mình chận hỏi. Lúc dõng dạc, lúc khoan thai, lúc ngại ngần, "Tiếng Việt chị rất giỏi, vậy chắc đã đọc Truyện Kiều rồi chứ?" Những lần đầu, chị bạn yêu tiếng mẹ đẻ của tôi lịch sự gật đầu, "dạ rồi, dạ rồi." Nhưng càng về sau, mỗi lần bị hỏi như thế, chị đâm cáu, "dạ rồi, thì sao? yes, so what?.."

Mà so what?... thật.

Vở kịch *Miss Sài Gòn* trình diễn cách đây mấy năm. Chuyện tình lãng mạn giữa anh lính Mỹ và cô gái điếm Việt Nam đã tạo ra nhiều đề tài sóng gió. Người bạn gái tôi chơi khá thân từ thời còn đi học, nhập theo đám Mỹ gốc Á Đông xuống đường phản đối kịch bản này ở San Francisco. Đám đông biểu tình đeo trên người mỗi lý do khác nhau. Anh bạn Mỹ gốc Đại Hàn đi chung với cô thì bực tức vì nhân vật chính đàn ông Á Đông trong vở kịch là người Mỹ da trắng chính hiệu. Thì ra anh ta đang học phim ảnh, nên sốt sắng tranh

đấu cho người Mỹ gốc Á Châu có được chỗ đứng trong mainstream phim ảnh kịch nghệ Mỹ. Cô bạn của tôi thì tức giận vì nhân vật chính là Kim, một phụ nữ Việt Nam làm đĩ. Cô bỏ ra một ngày trời đi biểu tình, về nhà bị những người trong gia đình la mắng một tuần liền. Bố cô bảo chỉ là nghệ thuật. Anh cô bảo sao ưa làm chuyện tào lao. Mẹ cô cảnh cáo, đừng bày trò. Bà ngoại ngâm nga ca dao ca tụng đức tính phụ nữ Việt Nam, tận lực lo gia đình chồng, nuôi chồng, dạy con.

Cô bạn tôi có quyền bực tức, hoặc như tôi cũng quá mỏi mệt cứ phải nhìn xem nghe thấy người ngoại quốc tạo nên những hình ảnh, nhân vật như Kim, như Kiều, như Lệ Lý... Những nạn nhân đĩ điếm đáng thương tội nghiệp để họ dơ tay nâng đỡ cứu vớt. Tôi ngồi nghe cô thao thao bất tuyệt vào tối khuya trong tiệm ăn Denny's không bao giờ cần chìa khoá ở dưới phố Mountain View. Hai đứa tôi, hai phụ nữ Việt Nam vật lộn với những cảm xúc, nhận thức đầy ứ trong lòng. Chua xót, tức giận, tủi hổ, xúc phạm, uất ức, tội lỗi, tuyệt vọng ... Tôi không chống vở kịch, nhưng tôi chống sự khai thác hình ảnh người đàn bà Việt Nam làm đĩ với mục đích quảng cáo kiếm tiền, thỏa mãn dục vọng lẫn quyền lực. Kinh nghiệm bản thân, cách đây hơn mười năm, khi còn là sinh viên, ban ngày đi học, ban đêm đi làm thêm ở nhà hàng fast food Tàu. Nơi những món ăn nấu sẵn, khách hàng chỉ món nào tôi xúc món đó. Một ông khách thường xuyên của tiệm, thỉnh thoảng khi trả tiền dúi thêm vào tay tôi một đồng tiền *tip*, tôi nhận kèm theo cụ cười cám ơn. Một buổi tối làm ra, ông khách đứng sẵn chờ tôi ở trạm xe bus, nói muốn chở tôi về. Tôi lắc đầu khăng khăng từ chối. Một lần khác, lúc trả tiền đĩa thức ăn, ông mở banh ví, cố tình để lộ hai tờ giấy một trăm mới toanh, đề nghị sau giờ làm việc, nếu đi chơi với ông, tôi sẽ được một trong hai tờ giấy màu xanh. Tôi nhớ lúc đó, giọng nói, khuôn mặt ông cực kỳ bình thản. Hai tay cũng chẳng run khi tỏ hành động đưa tiền ra dụ tôi. Còn tôi như có dòng điện chạy ngang sống lưng. Tôi xin phép chủ về sớm, đi bộ về nhà, đi như thế hơn một tiếng, băng qua những con đường mà nếu có chuyện gì xảy ra cho tôi lúc đó thì sẽ bị coi là "điếc không sợ súng." Đêm hôm đó, tôi loay hoay trăn trở mãi. Ở tuổi mười chín, "ăn chưa no lo chưa tới." Chưa ý thức lắm về thái độ mời gọi trắng trợn của gã cựu quân nhân Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam. Chỉ biết tức giận, xấu hổ vì cá nhân mình bị xúc phạm. Nghĩ lỗi tại mình vì hay cười, thích trò chuyện, niềm nở quá đáng. Phải đợi vài năm sau, đọc, nghe, thấy và suy nghĩ, tôi mới thấm thía thân phận người đàn bà Việt Nam được nhìn trọng giai đoạn cuộc chiến dưới nhãn quan người đàn ông nước ngoài, những kẻ có tiền đi với sức mạnh quyền lực.

*

Truyện Kiều ngoài giá trị văn chương nghệ thuật vì ngôn ngữ đẹp, bóng bẩy, nhạc điệu thi vị, tình cảnh éo le, Kiều đã đóng góp gì khác cho Việt Nam?

Văn chương nghệ thuật cũng có giá trị giới hạn như bất cứ lãnh vực nào khác. Nguyễn Du sau năm mươi năm sống trên đời, chứng kiến bao cảnh vật đổi sao dời, ngán ngẩm tình thế mà phỏng tác truyện cuả Thanh Tâm Tài Nhân bên Tàu. Mục đích chỉ để "mua vui cũng được một vài trống canh." Nguyễn Du không khiêm nhượng khi viết ra câu thơ này. Tôi nghĩ Truyện Kiều thực chất chẳng phải là cuốn kinh điển bàn về luân lý, chỉ dạy người đời sống thế nào cho phải đạo. Nguyễn Du là người thông hiểu Nho học, áp dụng tam cương ngũ thường, nhưng đồng thời cũng sùng bái đạo Phật. Quan niệm đạo Phật của Nguyễn Du ngày trước khác hẳn quan niệm đạo Phật của Richard Gere ngày nay. Không nhất thiết cứ phải là "chữ tài liền với chữ tai một vần." Nhìn quanh chúng ta, biết bao kẻ không tài, mà vẫn lắm tai ương, hoạn nạn, khổ đau. Xét cho cùng, người có tài, dù tài hoa hay tài trí, chắc chắn bao giờ cũng "đỡ" hơn người bất tài. Richard Gere là tài tử rất thành công, có vợ đẹp, đồng thời ông cũng được biết đến như là một tín đồ Phật giáo ngoan đạo thuần thành.

Một người bạn khác của tôi, qua Mỹ lúc còn trẻ, học rất giỏi, được vào trường lớn nhất nhì của Mỹ. Thay vì học luật, kinh tế hay y khoa, anh chọn ngành văn học sử Việt Nam. Anh nghiên cứu *Chinh Phụ Ngâm Khúc, Ca Dao, Ai Tư Vãn, Lưu Hương Ký*... và dĩ nhiên có cả *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Anh dịch ra tiếng Anh, trình cho ông thầy xem. Ông thầy là người am hiểu văn chương Tàu, đọc xong, phán ngay một câu, "Như vầy thì đâu có gì là vĩ đại? Vay mượn của văn chương Trung Hoa quá nhiều."

Đúng vậy, người Việt mình ai cũng biết *Truyện Kiều* vay mượn tiểu thuyết Tàu, chẳng phải nguyên thủy của Việt Nam. Nếu ta hãnh diện một, thì Tàu phải hãnh diện mười. Thử nghĩ một ngày nào đó, nhà văn Trần Thị A dịch truyện Dr. Zhivago của Boris Pasternak Dịch giả giữ nguyên cốt truyện, bản nhạc, nhân vật, chỉ đổi lại đoạn kết, cho có hậu, anh chàng Zhivago ôm ngực cố đuổi theo, miệng gọi tên Lara, Lara đi đang đi, nghe người gọi tên mình, nàng quay đầu lại, tìm kiếm. Như Kiều của Tàu nhảy xuống sông Tiền Đường tự vẫn. Nhưng Kiều của Việt Nam lại cho tái hợp cùng Kim Trọng.

Truyện Kiều có giá trị tương đối của nó trong văn học sử của một quốc gia—trong trường hợp này là Việt Nam. Ngày nay chúng ta đọc Kiều là để hiểu sự biến chuyển của văn học Việt Nam. Dĩ nhiên, người đọc để thuần túy thưởng ngoạn cái đẹp của văn chương cũng có quyền cảm nhận giá trị thẩm mỹ của *Truyện Kiều* theo quan điểm của riêng mình. Tuy nhiên, từ khía cạnh lịch sử có lẽ chúng ta cần nhận thức được rằng văn chương, văn hoá là giao lưu, ảnh hưởng, học hỏi lẫn nhau. Nếu ta chối bỏ tất những gì đã ảnh hưởng cuả Tàu, như ngôn ngữ, phong tục, tập quán, triết lý, ăn uống, thậm chí đến chiếc áo dài bấm nút bên phải, thì có lẽ chúng ta chẳng còn gì, e rằng sẽ như một giống dân nào đó vẫn còn tồn tại trên trái đất này, còn mang khố, nhuộm răng, tay cầm cung, chạy chân trần, ăn thịt sống, ở không cần nhà.

Một nước mà chỉ có văn chương là một nước nghèo, nếu không nói là bất

hạnh. Chúng ta cần phải có kinh tế, khoa học, kỹ thuật, triết lý, xã hội... Mọi ngành nghề kết hợp lại, may ra chúng ta mới có thể tìm cho mình một chỗ đứng trong cộng đồng thế giới. Tôi nghĩ chúng ta không có quyền tự cho mình đứng ngoài lề lối và tiêu chuẩn của văn minh nhân loại chỉ bởi vì nước ta có *Truyện Kiều.*

Mễ Tây Cơ có Octovio Paz, Nhật có Kenzaburo Oe, Chí Lợi có Pablo Neruda, Mỹ có Toni Morrison, Tây Ban Nha có Camilo Jose Cela... Nếu các nước này dùng tác phẩm của các tác giả này để dạy dỗ dân họ sống thế nào cho phải đạo thì chúng ta nghĩ sao? Dù tác phẩm ấy đã được thế giới công nhận là di sản qúy giá, đóng góp vào nền văn chương nhân loại. Ngày nay trong các đại học Anh Quốc Shakespeare vẫn được giảng dạy cũng như ở các đại học Đức Quốc các trước tác của Goethe vẫn được nghiên cứu. Dù vậy chẳng chẳng có người Anh hay người Đức hiện đại nào phải lấy những nhân vật trong các tác phẩm của Shakespeare và Goethe ra để làm mẫu mực trong đời sống của họ cả. Nếu như người Việt Nam ngày nay vẫn còn tự kỷ ám thị mình với *Truyện Kiều* và vẫn nhìn truyện Kiều—ngoài giá trị văn hoá sử của nó—như là chứa đựng những trí tuệ,"triết học Phật Giáo" cao siêu nhất, tấm gương liệt nữ sáng chói nhất thì có lẽ sự kiện này chỉ nói lên được một điều: đó là sinh hoạt văn hoá của chúng ta bước đi có hơi chậm quá.Và rồi tôi lại thắc mắc tại sao tất cả những vị cứu tinh cứu khổ, cứu thoát, những anh chàng đóng vai hoàng tử đánh thức cô bé lọ lem Việt Nam đều là đàn ông nước ngoài. "Đâu hết rồi đàn ông con trai Việt Nam?" Mãi lo giữ gìn giang san, mở mang bờ cõi, chống quân xâm lăng, xây mộng thanh bình cớ sao lại để ra nông nỗi này?

Biết đến bao giờ, xong trận mây mưa, khách làng chơi bỗng tò mò muốn biết, "Vì sao em ..." Kiều Việt Nam nhìn thẳng mặt khách, trả lời, "Làm đĩ là nghề tôi chọn. Trước là nuôi sống bản thân tôi, sau là giúp những người đàn ông không vợ, không bồ giải quyết sự dồn nén sinh lý."

"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn!" Đã đến lúc chúng ta có cần phải thẩm định lại câu nói truyền kiếp này chăng?

L.T. T. VÂN



VÀNH KHUYÊN & NHƯỢC TRẦN

văn minh thịt chó



Ban đầu thì đổ tội cho khỉ mang bệnh. Người Châu Phi nghèo khổ ăn thịt khỉ, đưa độc trùng AIDS vào cơ thể, rồi lây lan mầm giết người này vào các xứ giàu. Chưa hề nghe ai nói khỉ vương mầm bệnh quái ác nầy từ đâu. Chỉ biết rằng bệnh truyền đi qua đường máu, đường tình dục thiên nhiên và cả đường tình dục thời thượng, trên hai đầu ống tiêu hóa nữa chớ. Nhờ AIDS người ta mới khám phá ra sự khắn khít nồng nàn giữa các chủng tộc văn minh da trắng và người dân đen xứ nghèo Châu Phi! Chỉ có điều, dân đen thấp cổ bé miệng, lãnh đủ. Ai bảo sao chịu vậy, chẳng thể hé môi phân trần.

Rồi đến khi cơm không lành, canh không ngọt, các ông nhà giàu lớn miệng tố giác nhau. Bên này bảo bên kia chế hóa và xì món võ khí vi trùng này ra ngoài, từ các phòng thí nghiệm sinh hóa bí mật. Chỉ có trời mới biết đâu là sự thật! Cũng giống như trước đây, sau Đệ Nhị Thế Chiến, phe bại trận lãnh đủ. Đức Quốc Xã là tên đồ tể của nhân loại, với tội ác ngút ngàn. Sự thật quá rõ nên chẳng mấy khi người ta để tâm tìm hiểu sâu xa, nghiêm túc. Sau 40 năm lặng lờ, bây giờ bỗng dưng qua khứ chỗi dậy. Nhiều nghiên cứu gia uy tín đã tuyên bố: "Hitler không hề xây dựng phòng hơi ngạt; cũng không hề giết hại 6 triệu dân Do Thái vô tội". Ôi, đúng sai, chân giả mịt mờ!

Sự thật ra sao? Người ta bảo cứ chờ thêm...

Thân phận Việt Nam da vàng, từ bao giờ đến bây giờ, triền miên tủi nhục. Thân phận của những con vật bị đày đọa! Tôi bỗng đau nhói liên tưởng đến ngày Bốn tháng Mười Hòa Lan: Ngày Súc Vật (dierendag).

*

Nhớ người rồi lại nghĩ đến súc vật. Liên tưởng gì mà kỳ cục?

Có sống nơi đây, nơi vùng đất đầy mưa và gió nầy mới thấy thấm thía thân phận làm người. Có tham dự Ngày Súc Vật mới hiểu hết cái phi lý của cuộc đời.

Từ sáng sớm, xe cộ ra vào thành phố tại nhiều ngõ đường đã bị ngăn chận, để lấy chỗ cho súc vật. Dọc hai bên đường, từng tụm, từng nhóm gia súc được bày ra đủ loại. Nơi này dăm bảy chú gà con vừa mới nở, chim chíp trong chuồng sưởi. Đó đây chuột bọ, chim chóc chen chúc rộn ràng trong các lồng cây tuyệt đẹp. Rồi nào là thỏ, ngỗng, dê, cừu đứng nằm nghiêng ngã khắp nơi. Lại có cả các giống vật to lớn như bò, lạc đà, và đôi khi còn có tê giác nữa chớ. Nhưng phong phú và nhiều mầu sắc nhất vẫn là mèo và chó. Chó mèo đâu mà nhiều thứ, nhiều giống quá cỡ. Chúng có tên gọi cả đó chớ. Nhưng ai hơi đâu mà nhớ cho hết. Tất cả đều như tở mở, chộn rộn bên cạnh từng dòng người đông đặc khắp nơi. Chỗ nầy một anh râu xồm đang vuốt ve chú thỏ con, nơi khác một cô em mới lớn ôm hôn chùn chụt một chàng bẹt-giê mõm cụp. Cái hoạt cảnh của phiên chợ ngộ nghĩnh nầy còn được điểm xuyến bởi từng tràng rao hàng lanh lảnh. Họ rao bán gì vậy? Đừng dại dột hỏi mua súc vật mà bị hố. Hôm nay, ngày Bốn tháng Mười là để thiên hạ tôn vinh súc vật. Chúng được trưng bày để ai nấy được phép ngưỡng mộ, vuốt ve và tỏ lòng trìu mến. Người ta chỉ bán thức ăn và các tiện nghi phục vụ chúng mà thôi. Bên cạnh cơ man đồ hộp với đủ nhãn hiệu, còn có cả áo ấm cho chó, bồn ỉa cho mèo, ống và bình bú cho chuột, lồng chim, bồn cá, yên ngựa... Mọi thứ đều được đặc biệt đại hạ giá, theo lời quảng cáo của đám con buôn.

Người Việt mình tạm cư nơi đây, ban đầu cũng ngơ ngẩn trước sinh hoạt xa lạ nầy. Sau dần quen, chẳng ai buồn để ý đến nữa. Ngày Súc Vật có từ bao giờ? Thật sự để làm gì? Đố ai biết được. Chỉ biết hàng năm Hòa Lan có bốn ngày lễ truyền thống, trong đó ba ngày có trực tiếp truyền hình và làm phóng sự linh tinh : Ngày Mẹ (Moederdag 10-05-87), Ngày Thánh Sint Nicolaas (05-12) và Ngày Súc Vật (Dierendag 04-10). Chỉ có Ngày Cha (Vaderdag 21-06-87) là thầm lặng, ít ồn ào hơn cả.

Cha, Mẹ, Thánh và Súc Vật đều được nâng lên ngang hàng để làm lễ tôn vinh hàng năm. Có lạ lùng không chớ. Càng lạ lùng hơn khi Súc Vật và Thánh ưu tiên chia nhau chiếm giữ cố định hai ngày Bốn Tháng Mười và Sáu tháng Mười Hai hàng năm làm của riêng, trong khi Mẹ và Cha bị nhân tình thế thái tùy tiện gán ghép vào ngày Chúa Nhật nào đó trong tháng Năm và tháng Sáu.

Cũng chẳng thấy Cha Mẹ nào khiếu nại với Nhà Nước để đòi quyền bình đẳng. Ngộ quá chớ! Ngày Cha lại tiêu điều, tẻ nhạt hơn ba ngày kia. Tại sao vậy? Có lẽ Cha ít chịu mua sắm, ít chịu phung phí nên Tư Bản khó "quậy" lên để bán hàng chăng? Ở đây ai còn lạ gì các kỹ thuật rao hàng của con buôn. Lễ lộc có được duy trì, có được làm lớn thời túi tiền tư bản mới nặng lên được. Nếu vậy thiệt thòi cho Cha quá.

Trở lại Ngày Súc Vật, ngày mà truyền hình Hòa Lan ồn ào, sôi động, người ta sẽ nghe lại điệp khúc của những câu phỏng vấn vớ vẩn: "Giữa người và súc vật ông bà chọn bên nào?". Chưa hết, còn có những câu hỏi trực tiếp, người được phỏng vấn không cách nào tránh né: "Nếu phải chọn, hoặc chồng cô, hoặc con chó phải ra khỏi nhà, cô sẽ để bên nào ở lại?". Câu hỏi "quấy" không chịu được. Vậy mà trời đất, có bà đã ngơ ngơ trả lời: "Chồng đi, chó ở lại". Hết thuốc chữa!

Một người Hòa Lan, bạn quen với gia đình tôi, là bác sĩ thú y tại Delft, một thị xã nhỏ ở miền Tây. Ông ta chuyên trị chó, mèo và chim. Một lần được phép vào thăm phòng mạch, cho biết sự tình, tôi đã choáng người lên với phòng giải phẫu, dụng cụ và thuốc men tại chỗ. Mọi thứ đều hiện đại, ngăn nắp và sạch sẽ không thua một bệnh viện nào của người. Tôi cũng đã được xem các viên sỏi to, nhỏ đủ cỡ do bác sĩ mổ lấy ra được từ thận và bọng đái chó. Đã hết đâu, bác sĩ thú y cũng chia ca trực, cũng có xe cứu thương bí bo cho chó. Chó có hộ tịch hẳn hoi, sống được nâng niu chăm sóc, chết có chỗ chôn riêng, thỉnh thoảng được chủ dẫn đi "nhảy" để giải tỏa ẩn ức! "Chồng đi, chó ở lại" không phải là câu nói đùa.

- Đồng ý, nhưng đó chỉ là ý kiến của một vài cá nhân lẻ tẻ, không đáng kể. Người ta phục vụ chó chẳng qua vì lòng nhân đạo. Con người vẫn chưa bị bỏ quên mà.

Ai dám bảo con người ở đây bị bỏ quên. Tôi chỉ trình bày một hiện tượng có thật, trong đó con chó được nuông chìu quá mức. Chỉ cần dạo chơi một ngày ở thủ đô Amsterdam, đủ để thấy cứt chó là một thảm họa. Cứt chó vương vãi trên vỉa hè, trong công viên, trên bồn cỏ, và đôi khi cả trong vườn chơi. Chó "ị" ra tại chỗ thì được, nhưng nếu bạn hoặc tôi thử "làm" một lần xem. Có mà nghe chửi! Câu nói đã được nghe từ ngày chân ướt chân ráo trên xứ văn minh này: "Nhất con nít, nhì chó, thứ ba đàn bà, cuối cùng mới tới đàn ông" không phải hoàn toàn vô lý. Chỉ có điều chua chát, trong bản xếp hạng, không có bóng dáng người Việt tị nạn. Cũng là điều hay! Lại nữa, chó được xếp sau các mầm non tương lai, có khi chỉ vì dân tình ở đây ít chịu đẻ con, nhi đồng trở nên hiếm hoi nên được trân quí hơn chăng? Nhớ người lại nghĩ đến súc vật. Liên tưởng này có gì kỳ đâu?

- Ừ, thì không kỳ; Nhưng nhắc hoài tới chó thèm quá! Đã lâu lắm rồi, cơ

hồ quên béng mùi vị tuyệt vời ngày nào... Ôi nai đồng quê, cầy tơ, ta nhớ mi nhức nhối!

Ấy chết, đừng nói lớn. Nếu chưa chán đời, xin bỏ ngay thèm muốn đó đi. Ở đây, không giống bên mình đâu. Có một lần tôi thấy hai bà Hòa Lan xậm xịt với nhau khi bắt gặp phe ta ngồi "chén" hột vịt lộn đâu đó. Họ chẳng có phản ứng gì, chỉ to nhỏ với nhau ra điều ghê ghê, rồi bỏ đi. Họ bỏ đi vì tự thấy là thiểu số. Nhưng nếu bạn thử ra giữa chợ và "đớp" hột vịt lộn giống như ăn cá sống haring xem sao. Không thoải mái đâu. Tôi nhắc lại, nếu bạn còn yêu đời, xin đừng biểu diễn những món ăn mà người bản xứ húy kỵ.

- Phi lý quá. Mình thử vớ vẩn với nhau một chút xem sao. Hãy dùng con chó làm đối tượng. Tại sao không ăn thịt chó?

Nếu bảo rằng thịt chó không ngon, thì tội nghiệp Vũ Bằng quá đỗi. Trong món ngon Hà Nội, nhà đại nghệ sĩ ẩm thực nầy đã không ca ngợi thịt chó hết mình đó sao. Với Vũ tiên sinh, thịt chó là món ngon thần thánh: "người không thiết sống, chỉ cần một bữa chó là lại yêu đời ngay; thịt chó vướng vào kẽ răng, ba bốn ngày sau còn thơm...". Dầu sao ngon dở là cảm nhận của khẩu vị. Nếu có người chê bỏ thịt chó là tanh tưởi, là lợm giọng thì cũng tự nhiên thôi. Nhưng ít ra cũng một lần ăn thử thời khen chê mới thuận lý. Tưởng cũng không cần. Có khi chỉ mới nhìn, mới ngửi đến cái mùi, hoặc thậm chí mới nghĩ đến một món ăn người ta đã thấy tởm, không nuốt trôi. "Thịt người" chẳng hạn. Không ăn vì không ngon là điều hoàn toàn hợp lý, không cần phải giải thích. Nhưng nếu người khác thấy ngon thì sao? Họ cũng không được phép ăn vì chính mình cho là không ngon. Sao mà độc tài quá vậy?

Còn nếu bảo không ăn thịt chó vì phạm vào tôn giáo, thì không cần bàn cãi thêm. Nếu tôn giáo đặt cơ sở trên niềm tin, mà niềm tin này có người đã định nghĩa là "sự thật không chứng minh được"; thời cũng đừng thắc mắc tại sao Hồi giáo kiêng cữ thịt heo, Bà-La-Môn không ăn thịt bò. Niềm tin là niềm tin, đừng chất vấn lôi thôi. Vấn đề là: không phải ai cũng có niềm tin giống nhau. Buộc người khác niềm tin với ta phải chấp nhận không ăn thịt chó là vô lý quá.

Nhiều người bảo ăn thịt chó là vô nhân đạo. Thật vậy không? Vấn đề nầy không đơn giản, vì ý niệm về sự nhân đạo cũng lắm nhiêu khê. Hãy quan sát những người đến Viện Mồ Côi thăm các em cô nhi. Họ là những người giầu lòng nhân ái, sẵn sàng chia sớt thì giờ, tiền bạc và cả tình cảm của mình cho tha nhân. Nhưng sao lạ quá. Nhiều người chỉ thích nâng niu, khắn khít với những em bụ bẫm, kháu khỉnh, sáng sủa. Những em còn lại, thường vẫn chịu phận hẩm hiu. Vô hình chung, đã có sự phân biệt được áp đặt ngay trong tim các trẻ thơ bất hạnh này. Lòng nhân đạo đã có điều kiện! Tại sao gà vịt, heo bò không được hưởng lòng nhân đạo. Cứ phải là chó mới được. Ngày Vú tôi

còn sống, mỗi lần phải giết gà để làm thức ăn, vẫn áy náy không an: "mình nuôi nó, mến tay mến chân, cắt cổ nó không nỡ". Không nỡ, nhưng vẫn phải làm, đau lòng quá. Có người thề không giết gà, giết vịt vì sợ phạm tội sát sanh, bèn viện cớ này cớ nọ, nhờ ai đó làm dùm. Đổ vấy tội lỗi lên đầu người khác để giữ mình trong trắng, tưởng vậy sẽ được lên Niết Bàn. Buồn cười thiệt tình. Cũng tỉ như ăn chay để hãm mình, diệt dục, làm phương tiện tu tâm để mong đạt đạo, giác ngộ lẽ huyền vi, hầu còn có ngày giác tha phổ độ chúng sanh; vậy mà không ngại gia công chế biến đủ loại món ngon vật lạ trên đời: từ nước mắm, cá chiên, đùi gà, thịt quay, đến cả pa-tê, mắm thái nữa chớ. Dĩ nhiên là chế giả từ khoai, đậu, tàu hủ, mì căng. Và chính sự giả mạo nầy mới là điều tệ hại. Mục đích cũng chỉ để chìu chuộng khẩu dục, thị dục, tâm dục. Họ ăn chay bằng miệng, nhưng rõ ràng là ăn mặn bằng mắt, bằng tâm. Nếu "Phật tại tâm", mà tâm hãy còn động, còn chưa giác ngộ, phỏng giác ngộ nổi ai? Nếu ăn chay bằng heo quay mà chứng quả, thì quả ấy chắc chẳng phải quả bồ đề!

Một ông Hòa Lan, từng du lịch Việt Nam, thấy có bán thịt chó, bèn chắt lưỡi ra điều hiểu biết: "Chúng tôi thông cảm, đất nước các anh còn nghèo". Trời đất! té ra người mình phải ăn đến thịt chó chỉ vì nghèo. Lầm lẫn vô cùng. Nhiều người giàu có, của chìm của nổi, ăn đến giống gì chẳng được, lại cứ phải mê thịt chó, lại cứ phải là khách hàng trung thành ở ngã Ba Ông Tạ, Bảy Hiền, Hoàng Hoa Thám... Lại có nhiều nông dân, nghèo rớt mồng tơi, vốn liếng chỉ là chú trâu thân thương. Ngày trâu chết, cả nhà xót xa, mang trâu đi chôn, nhất định không xẻ thịt. Nghèo lỡ cho nghèo luôn, miễn giữ được lòng biết ơn. Đâu phải cứ nghèo là bạ gì cũng ăn. Người ta càng loay hoay bảo vệ mạng sống của chó qua lập luận lòng nhân đạo, lại càng phát sinh nhiều phi lý. Lòng nhân đạo nào cho phép người ta câu cá lên, tháo cá ra, ném trở lại sông, rồi câu tiếp. Đó là sự bạo hành súc vật có chủ ý, núp sau bình phong thể thao. Ta câu cá và ăn cá vì nhu cầu sống; ta không đùa giỡn trên sự đau khổ của chúng. Ta câu cá để ăn, chứ không phải để thỏa mãn thú tính.

Lúc này người ta bàn nhiều về môi sinh, qua những báo động của Hội Bảo Vệ Súc Vật, của Green Peace... Những ưu tư và lo lắng thực tiễn này hết sức đúng đắn, rất đáng ca ngợi. Bằng lập luận vô cùng hợp lý, các tổ chức cao đẹp này đã bỏ công, bỏ của để ngăn chận sự rối loạn thế cân bằng chân vạt giữa con người, cây cỏ và muôn thú. Duy trì được thế cân bằng nầy, là duy trì được môi sinh trên mặt đất. Người ta đã phản đối hành động tung vãi các chất cặn bã nhiễm xạ vào lòng biển cả, khuyến cáo các quốc gia không được đánh bắt cá con và xuất cảng ếch nhái... Dĩ nhiên, kêu gọi là một chuyện, chấp thuận và nghe theo lại là chuyện khác. Ngày nào mà Tây Phương vẫn còn ca ngợi đùi ếch, vẫn còn chịu bỏ tiền mua ếch, ngày đó người ta còn xuất cảng ếch.

Chỉ có điều, đôi khi tự kiêu hãnh với những hiểu biết sáng giá về môi sinh, người ta đã có chút gì ngúng nguẩy khi nhìn về những xứ nghèo. Nói quá hơn

một chút, người ta vẫn chưa cảm được sự hòa nhập giữa con người và thiên nhiên nơi những vùng đất chưa đạt đến trình độ công nghiệp cao như Việt Nam, nơi đó con người mới trân quí thiên nhiên và sống chết với thiên nhiên. Hình ảnh người nông dân, nhìn trời nhìn mây, để vui buồn hay lo lắng cho vụ mùa sắp tới đã là những gì hết sức tự nhiên. Gió xuân vừa phe phẩy, người ta đã chuẩn bị xây lò nấu giữa sân nhà, chuẩn bị đường đậu, củi lửa để quây quần thức canh bánh tét, bánh chưng. Củi cháy suốt đêm. Cả nhà chuyện trò và ngủ ngay giữa thiên nhiên, cũng suốt đêm. Người và thiên nhiên chan hòa, thân ái. Điều này giải thích được tại sao khi phải đi xa, người ta vẫn nhớ từng chuyến đò ngang, từng giàn hoa thiên lý, nhớ từng ngọn lúa đến dòng sông, từ nắng sớm đến mưa chiều; vẫn xúc động khi nghe nói tới quê hương làng mạc.

Tôi nhớ quê tôi lúa chín vàng
Dòng sông xanh biếc chuyến đò ngang
Bao nhiêu con trẻ reo ngoài nắng
Một sớm thu về tiếng hát vang
Và sáo diều lên bát ngát trời
Giàn hoa thiên lý nhớ thương ơi
Ra đi nghìn dặm còn lưu luyến
Ngoảnh lại âm thầm mây trắng trôi.

Với người dân xứ nghèo, tấc đất là tấc vàng, họ chăm chút tưới bón, hướng tâm tình và cả cuộc đời vào mảnh đất, qua câu chuyện hàng ngày, qua thức ăn độ nhật, và qua ngay cả màu sắc áo quần họ mặc trên người. Điều cảm động hơn nữa là nhiều người đến tuổi xế chiều, đã chuẩn bị trước nơi yên nghỉ. Khi rảnh rỗi vẫn thường viếng thăm và trải hồn mình vào mảnh đất, nơi mình ngày mai nằm xuống. Với người nông dân Việt Nam, môi trường sống cũng đồng thời là môi trường chết sắp tới. Gởi nắm xương tàn nơi quê nhà, đã chẳng là niềm ao ước lớn lao của mọi người dân Việt đó sao! Đừng bảo họ không có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi sinh mà tội nghiệp. Dù muốn dù không, lập luận bảo vệ môi sinh khó đứng vững trước hình ảnh con chó. Không thể so sánh con chó với cá heo, xí nga hay hải cẩu được. Chó đã được nuôi dưỡng, gây giống và phát triển quá mãnh liệt bên trong nhà ở, tách rời với thiên nhiên, để có thể còn là thành phần tự nhiên của ba thế chân vạt. Nếu có ngày nào giống chó bị biến mất trên mặt đất, ngày đó môi sinh vẫn không hề bị suy siễng.

Nếu quả thật ta không ăn chó vì lòng nhân đạo, thì rõ ràng lòng nhân đạo nầy đã bị điều kiện hóa; trong đó con chó được trân quí hơn các giống vật khác. Ta không thể tìm ra được ý niệm nào khác hơn là sự kỳ thị được áp đặt lên bên trong hàng ngũ súc vật. Mặc nhiên, chó đã được xếp vào đẳng cấp cao hơn gà vịt, thỏ dê, trâu bò, lừa ngựa... Ý niệm nầy khó chấp nhận quá.

Với dân Việt, người là linh vật thượng đẳng, tất cả còn lại đều là thú, bất kể giống nào. "Đồ thú vật", "Đồ chó" luôn luôn là những câu chửi nặng. Chỉ trừ những vật độc hại như rắn rít, ruồi muỗi, chuột bọ, sâu rầy là đáng ghét, phải bị tiêu diệt. Các giống vật khác đều được thương yêu và chia xẻ cùng người bầu trời quê hương. Thương yêu, nhưng không bao giờ cho chúng vượt lên làm người. Trái lại chúng phải phục vụ người, giúp đỡ người, và làm thức ăn nuôi người. Bên cạnh con chó giữ nhà, con mèo bắt chuột, còn có trâu bò cày bừa; ngựa voi kéo xe, kéo gỗ; con gà gáy sáng; chim én báo Xuân sang. (Còn Vành Khuyên? - "Chim Khuyên hót tiếng rảnh rang, Người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe". Không biết sao!). Thú nào việc nấy. "Lục Súc Tranh Công" không hề đưa công trạng con chó lên hàng đầu. Người là người, vật là vật. Điều đó đã hẳn. Trong hàng ngũ thú vật lại không có sự phân cấp, bên trọng bên khinh. Đó là cái độc đáo trong ý sống xử thế đối vật của ta. Ta yêu thương trâu bò, cất chuồng cho chúng ở, mắc mùng cho chúng ngủ, săn sóc khi chúng ốm đau, nhưng trâu bò vẫn là trâu bò. Danh từ "trâu bò" không hàm nghĩa mạt sát khi nói đến thú vật, nhưng nếu để ám chỉ người thì lại là một sự mạ lỵ không thể tha thứ. Đã bảo người là linh vật mà, sao lại có thể bị giáng xuống hàng súc vật được. Một cô bạn thân ngày nào đã kể lại mẩu chuyện vui có thật trong đời: "Một lần mình đã quá giận, lỡ lời với một cô bạn không quen, chỉ vì cô ta dựa thế người yêu là Cố Vấn Mỹ, bắt nạt người Việt làm công dưới quyền. "Cô trâu bò vừa vừa chớ!" Nhớ tới còn thấy ái ngại. Cô ôm mặt tức tưởi chạy mét bạn vàng bằng thứ tiếng Mỹ dịch nguyên con: "Nó nói tao là con water-buffalo!". Viên Cố vấn cũng xót xa cho người yêu, nhưng khó hiểu quá. "Water-buffalo thì tốt chứ có sao. Sao mầy giận nó?". Rồi bạn tôi kết luận: "Còn khuya hắn mới đau nỗi cái đau của người bị coi là trâu bò!".

Mẩu chuyện của tôi không vui như của cô bạn, nhưng đã có ít ra vài trăm người Việt tại Trại Hè Hùng Vương 87 từng nghe. Trong lời chào mừng dân mình, vị đại diện Thị Xã Vierhouten đã ví von: "Trong những ngày hè, mỗi người dân ở đây có trung bình một người khách và một con bò con!". Câu nói hồn nhiên, thể hiện tính khôi hài thâm trầm, đã làm mọi người bật cười vui vẻ. Ta bật cười vui vẻ vì người nói là dân bản xứ Tây Phương, vì ta đã hội nhập được hoàn toàn với phong cách sống và nề nếp suy tư của họ. Một ông Thị Trưởng người Việt chắc gì đã dám thoải mái như vậy, nếu không muốn bị rắc rối.

"Nhà trống ba gian,
một thầy một cô một chó cái
Học trò dăm đứa,
nửa người nửa ngợm nửa đười ươi"
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

đã là những tiếng thơ cay đắng, không hề có chút cười đùa hồn nhiên.

*

Nhiều người sẽ không ngại tuyên bố rằng chó là vật trung thành và có nghĩa. Ăn thịt chó là xem thường lòng trung nghĩa quí báu này. Lạ quá, vậy thời bò ngựa heo gà, con nào bất trung? con nào bất nghĩa? Có thiên vị quá đáng chăng?

Thật tình mà nói, mọi luận cứ để biện minh lý do thiên vị giống chó đều nghe không ổn. Nếu cứ loay hoay tranh cãi dựa trên những ý niệm về lòng nhân đạo, về quan hệ người, thú phân minh tách bạch, người ta để quên một sự thật: Chó đã là bạn thiết của loài người, nhất là loài người trong những xứ phát triển. Đã là bạn thiết thời không thể giết hại. Đơn giản vậy thôi. Ăn chó ở những xứ nầy là tội ác. Điều mà người viết không hề cổ võ. Xin nhớ cho.

Từ ngày rời quê hương ra đi, nương thân trên những vùng đất lạ, trong lòng mọi người dân Việt đều mang nặng u buồn. Buồn vì nhớ nhà, nhớ quê. Buồn vì cuộc sống nơi đây không hạnh phúc như người ta tưởng. Vật chất không thiếu, nhưng còn đâu những ân tình ngày nào. Nơi đây, đất nước của những nền văn minh cơ khí, văn minh điện tử; mỗi con người là một bộ máy nhỏ, tất cả đều phải chạy với tốc độ qui định. Sau giờ học, giờ làm, mọi người đều rút vào tổ kén riêng. Qua lại giữa con người ở đây thiếu hẳn sự thân tình ấm áp. Người ta lịch sự, nề nếp, tự trọng. Nhưng bên trong cái lịch sự, nề nếp, tự trọng đó là cả một bãi tha ma âm u khắc khoải. Người ta sống với nhau bằng lý trí, đối xử với nhau bằng luật, nhận định mỗi hiện tượng xã hội bằng khoa học kỹ thuật. Còn đâu con tim nồng nàn của tình người. Người ta sống rút trong nhà, nhiều hơn ngoài đường. Quan hệ giữa những người trong nhà lại thẳng thắn lịch sự một cách khô khan, công thức. Ai lại chẳng từng xem nhiều đoạn phim chướng mắt hàng ngày trên TV. Một ông chồng giàu, mua tặng vợ chiếc nhẫn kim cương quí báu. Cô vợ mừng rú lên, xúc động tất tả chạy nhanh đến hôn chồng. Nồng nàn quá! Nhưng cũng xa cách và kịch cỡm quá! Bên mình khác hẳn, có khi cô vợ cự nự, giận dỗi vì chồng xài hoang. Tài sản tiền bạc là của chung. Mua sắm gì cũng bàn bạc, hỏi nhau một tiếng. "Của chồng công vợ". Có đâu tự tiện sắm sanh như của riêng mình, rồi bày vẽ biếu tặng để nhận được lòng biết ơn... Vợ chồng còn sống với nhau như vậy, huống hồ người dưng. Đâu đó rập ràng, phân minh, tôi là tôi, cô là cô. Chỉ có ý niệm "chúng tôi", chứ không có "chúng mình".

Thế nhưng, đừng tưởng người dân Tây Phương không biết quí trọng tình người. Họ khao khát thứ đó vô cùng. Tôi đã từng chứng kiến cảnh hai bệnh nhân già cùng phòng, ngày xuất viện bịn rịn cho nhau điện thoại, địa chỉ. Cái bịn rịn đầy ắp tình người, như thuở còn trao nhau lưu bút thời học trò. Trong cái đau đớn vật vã vì cơn bệnh, họ vẫn hạnh phúc vì người cạnh họ hiểu họ, chia xẻ và thông cảm với họ. Những ngày nằm bệnh, lại oái oăm là những

ngày vui trong đời. Sau đó, khi quay về với cuộc sống máy móc thường lệ, chắc gì họ có được cơ hội sống với nhau thân tình như xưa. Cái cảnh cô đơn của người già nơi đây ai còn không rõ. Nhưng đừng tưởng chỉ có người già, cả người trẻ cũng bị dằn vặt vì cô đơn, biểu lộ bằng phản ứng đã trở thành hiện tượng xã hội: yêu cuồng sống vội; chích choác; tóc tai, trang phục sơn phết kỳ hình dị tướng...

Trong cái khắc khải cô đơn đó, họ rất cần bạn. Nhưng con người lịch sự quá, thẳng thắn quá, sống với nhau bằng lý trí nhiều quá. Con chó là một sự thay thế tuyệt vời. Chó là hình ảnh của người bạn thiết không có gì đáng ngạc nhiên. Chó dâng tặng người sống sự mừng rỡ hân hoan, khi người trở về nhà cô đơn, mệt mỏi sau những lao động nhọc nhằn. Chó ngoắt đuôi, cọ mõm, ư a an ủi họ trong những đêm dài mưa tuyết lạnh lẽo. Chó lại không biết nói, không biết lý luận, không biết phản đối. Chó chỉ biết nịnh và phục tòng. Có thứ gì trên đời sánh nổi bằng giống chó chăng? Ơi văn minh đồ hộp, văn minh ô-tô, chính mi đã mối lái, đưa đẩy giống chó lên làm người, hay ít ra ngang hàng với người. Một ông đồng hương với tôi, ý chừng cám cảnh thân phận bọt bèo, đã ai oán: "Con chó chỉ nhờ có cái lưỡi và cái đuôi mà được yêu thương". Cái đuôi để nịnh, biết rồi. Còn cái lưỡi? Sao lại có cái lưỡi ở đây? A! thì ra... Nhưng chuyện này ai mà dám cả quyết. Người viết cũng chẳng dám lạm bàn vì xấu hổ.

Không hiểu những nghĩ ngợi lan man vừa rồi, đã đủ giải thích được tại sao người dân ở những quốc gia mở mang đều trân quí chó. Không cứ gì ở Tây pPương; Nhật Bản, Đài Loan, Triều Tiên... hiện nay đều không ăn thịt chó. Chỉ còn có dân mình. Đáng vui hay đáng buồn? Cái buồn trước mắt là mình nghèo quá. Bên cạnh bao truyền thống cao đẹp với văn hóa phong phú, mình vẫn lè tè với nền văn minh trống đồng, văn minh ăn cá, hay văn minh miệt vườn. Địch sao lại với nền văn minh điện tử, văn minh khoa học kỹ thuật xứ người.

- Như vậy mình ăn chó vì nghèo rồi!

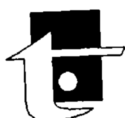
Không hẳn vậy. Ăn chó là triết lý sống độc đáo còn sót lại của dân ta. Ăn chó vì chó không bao giờ là người, chưa thế nổi người. Ta chưa cô đơn, chưa đánh mất tình người, nên chưa cần đến tình chó. Ngày nào dân ta còn "tắt lửa tối đèn có nhau", ngày ấy con chó còn bị giết thịt.

- Nhưng làm sao duy trì cho nổi tình trạng "tối lửa tắt đèn có nhau" khi xã hội trong tương lai tiến lên. Cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa, kỹ nghệ hóa. Sau bao nhiêu cái "hóa" đó, liệu dân Việt có thoát được thảm trạng "rô-bô" hóa với nhau không. Làm sao duy trì nổi bao truyền thống cha ông, khi con người bị cuốn hút quay cuồng như bộ máy vô tri trong nền công nghiệp hóa ngày mai?

Đây là vấn đề vô cùng quan trọng. Thời gian cấp bách lắm rồi. Chỉ sợ ta chưa kịp chuẩn bị tốt, nếu ta có cơ may thay thế CS lãnh đạo đất nước. Bên cạnh những đòi hỏi tiến bộ khẩn trương của quần chúng, người lãnh đạo phải thật sáng suốt. Phải yêu nước chí tình mới đủ can đảm công nghiệp hóa đất nước theo những tiến trình có tính toán hợp lý, sao cho khoa học kỹ thuật phải nằm trong lòng văn hóa, để phục vụ văn hóa. Không có hướng tiến bộ nào khác hơn là hiện đại hóa đất nước bằng nền công nghiệp lớn. Nhưng quá trình hiện đại hóa phải được điều tiết chi ly, chủ động cách nào để người dân: còn nhìn nhau như "đồng bào", còn thờ phượng ông bà tổ tiên, còn sống với nhau bằng tình người, còn đối xử với nhau bằng tấm lòng. Văn hóa ta đã sẵn rực rỡ. Chỉ ưu tư nhiều về văn minh. Nhưng nếu văn minh cao, mà văn hóa bị hủy hoại, mà truyền thống cao đẹp của cha ông bị tàn lụi, thời thà đừng văn minh còn hơn.

Ngày nào dân ta ngửng cao đầu, tự hào với nền văn minh mới của mình, ngày đó bạn hãy để ý xem dân mình có còn ăn thịt chó không. Nếu không, than ôi ta đã không còn là ta nữa rồi!

VÀNH KHUYÊN & NHƯỢC TRẦN



THANH TÙNG

chiều

Có bao nhiêu chiều trong một chiều
mà ngổn ngang mặt gió
Có bao nhiêu nhớ hòa trong nhớ
mà dáng cây nghiêng lệch cả hoàng hôn
Chiều căng ra ở giữa lòng buồm
Chiều vỡ vụn nơi đầu ngọn sóng
Chiều chết đuối trong mắt người mong ngóng
Chiều nén đầy đáy giếng góc vườn hoang

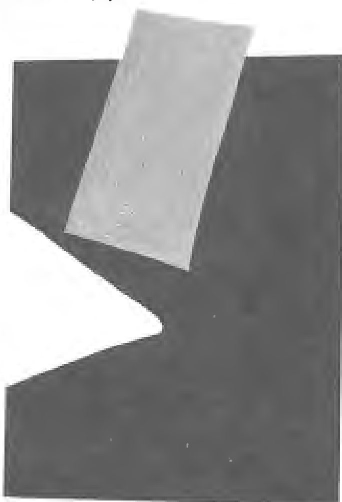
Tôi gửi lại ngàn xưa
tôi gửi tới mai sau
trái tim tần tã sương chiều

THANH TÙNG



ĐINH LINH

555(*)



LTS: *Như hầu hết các truyện ngắn khác, Đinh Linh thường dùng rất nhiều tiếng lóng trong nguyên tác Anh ngữ. Khi chuyển sang tiếng Việt,* Hợp Lưu *cố tìm những từ tương đương thích hợp, hầu giữ đúng văn phong của tác giả. Tuy nhiên, vì sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, có thể những từ ấy không lột tả trọn vẹn nguyên nghĩa của từ gốc. Rất mong tác giả và bạn đọc cảm thông.*

Hợp Lưu

*

Nhìn gói ba con 5 là biết ngay.

"Ê, cho cha kia một ly, tao trả". Tôi chỉ tay về phía người khách đàn ông ngồi kề máy tính tiền, có gói ba con 5 trước mặt. Chiều thứ bảy, mùa hè, bên quầy rượu có độ mươi người khách, hầu như đều hướng mắt về phía chiếc TV, theo dõi đội Lenny Dystra đang đương đầu với đội Maddux. Hai "balls", hai "strikes". Ván ba không điểm. Không có ai trên "bases ".

Suốt mười lăm năm lui tới quán McGlinchey's, lần này là lần thứ ba hoặc bốn tôi mới gặp một người Việt. Đại Hàn có, Tàu có, nhưng rất hiếm Việt Nam. Tôi tiến lần theo quầy rượu và đến ngồi kế anh ta. Tôi mở lời "Tôi tên Bùi".

"Tôi là Thanh."

"Đến đây lần đầu?"
"Ờ."
"Rượu quán này rẻ."
"Nhằm nhò gì chuyện đó." Anh ta đáp, lần bầm... Anh ta khỏng bốn lăm, da sạm nâu, mặt lầm lì, đôi mắt lé nhìn hoài một chỗ, nên có vẻ như đăm chiêu tư lự.
"Uống một ly nghen?" Tôi hỏi.
"Ờ."
"Uống gì?"
"Gì cũng được."
"Chớ anh đang uống gì vậy?" Tôi chỉ ly rượu cạn trước mặt anh.
"Không biết."
"Sao kêu được ly này?"
"Thì chỉ đại giống ly của cha ngồi bên kia quầy. Quê thiệt!" (1)
"Ê, Fergie, hai ly Jamesons."
Thanh nhìn tôi, mắt lé: "Ở Mỹ lâu mau?"
"Hồi mười một tuổi" Tôi đáp, "Từ 1975. Còn anh?"
"Bảy tháng."
Anh ta há miệng "Nè, răng cửa tiêu hết."
Đúng, anh ta không có răng cửa.
"Sao vậy?"
"Ở tù."
"Sâu răng hả?"
"Không, bị dộng gãy hết."
"Việt Cộng?
"Ờ, Việt Cộng."
Tôi cảm thấy khoái trá, rồi xấu hổ. Tôi đánh trống lãng. Mời: "Hai ly nữa nghen?"
"Lần này để tôi trả." Thanh phản ứng.
"Ê, Fergie, hai cái nữa."
Tôi nghĩ đến người đàn ông mình gặp, sau thời chiến, ở tù mười ba tháng trong một cái xà lim nhỏ, dưới đất. Phải xé lớp vải bông lót áo khoác để chùi đít. Khi Fergie bưng tới hai ly rượu, Thanh dúi cho hắn năm đô típ.
"Cho chi nhiều vậy?" Tôi thì thào khi người bán rượu quay đi.
"Đi chơi thì tiền bạc nhằm nhò gì." Thanh nói trỗng. Anh ta dụi tắt thuốc rồi lại châm liền một điếu ba con 5 khác. Chìa cho tôi một đô, anh ta bảo "Chú em bỏ vô máy hát, mở nhạc nghe chơi."
"Bản gì?"
"Bản gì cũng được."
Tôi đến máy nhạc, bỏ tiền vào, bấm nút bản của Nina Simone, Patsy Cline, Sam Cooke và Dylan, dẹp qua bên mấy bản léo nhéo. Khi tôi trở lại ghế ngồi, anh ta kể, "Bữa nay, tôi ra phố xả xú bắp."

"Gì?"

"Chọi đĩ ở phố Tàu."

"À."

"Ở đường mười một và Arch, có một động mát-xa. Đấm bóp, bốn mươi đô, hai mươi đô thổi kèn, năm mươi đô vô nhớt."

"Gì?"

"Vô nhớt. Chú em xa Việt Nam lâu quá không hiểu tiếng Việt..."

Tôi chỉ một lần tốn tiền chơi bời với một con nhỏ tóc đỏ ở Washington. "Bữa nay ra sao?"

"Tao lựa được một con Việt Nam, nhưng tao không chơi."

"Có em út Việt Nam hả?"

"Không, toàn Đại Hàn. Có mấy con Tàu. Nhưng không có Việt Nam.

"Cứ lãnh lương là tao mò tới đó - mỗi tháng một lần, suốt năm tháng liền. Em út ở đó mặt mày coi tàm tạm thôi, nhưng tụi nó chịu chơi, động cũng sạch sẽ."

Chỗ sạch sẽ và em út chịu chơi. Phải có người chỉ thì mới biết được. Động ấy nằm trên lầu hai và lầu ba, tầng trên của một văn phòng bán vé máy bay dán đầy bích chương quảng cáo du lịch Hồng Kông, Hán Thành, và thành phố Hồ Chí Minh ngoài cửa kính. Kế bên là nhà hàng Tàu bán Tiểu Xấm mỗi Chủ nhật. Dưới mặt đường, trên đầu cửa kính treo tấm bảng nhỏ xíu đề vỏn vẹn một chữ Tàu "Tập" (2). Sau cửa trống trơn, chỉ có một ngõ hẻm hun hút dẫn lên lầu trải thảm xanh. Trên cửa gắn máy thu hình hù dọa. Khách bấm chuông, chờ thằng Đại Hàn mở cửa lùa vô.

Thanh ngồi trên ghế đệm xanh, loay hoay với một lon Coke chủ mời. Buổi trưa bên ngoài nắng, nhưng trong phòng lúc nào cũng mờ mờ tối như ban đêm, vì các cửa sổ bằng kính sơn màu đậm. Ba đứa con gái ăn mặc lộ liễu, đi khách trên lầu xong, xuống ngồi lớ ngớ trên dãy ghế dọc vách đối diện, chân đong đưa. Một ả há miệng ngáp dài. Thức suốt đêm, chờ một giờ nữa, hết giờ, về. Thằng Đại Hàn gác động, lỗ tai nhét một xu quoa-tơ, miệng lần lừa cái tăm xỉa răng, ngồi bên bàn chăm chú lau khẩu súng nòng 22. Thanh cóc ưa ba món hàng trước mặt, hai người khách khác cũng thế. Cùng ngồi trên ghế đệm gần Thanh là thằng Tàu nấu bếp nhà hàng Ho Sai Gai, mặc áo bếp trắng, ố vàng. Phía tay mặt Thanh, một cậu trẻ tuổi, mặt non choẹt khá bảnh trai, độ hăm hai, ngồi trên ghế xoay. Hắn không ngã người mà chồn về phía trước, hai tay đặt trên đùi. Hắn sụt sịt lỗ mũi, ngửa tay quẹt mồ hôi và đang nhâm nhi một lon bia. Thanh thầm nghĩ "Sao thằng oắt này chịu trả cả một trăm đô đi chơi bời? Tìm đào không được hả?" Có một con nhỏ mới ra. Lùn. Ngực lép, mặt vui tươi ngây thơ, bận áo lụa xanh. Con nhỏ nhoẻn miệng cười. Thằng bếp và thằng oắt ngần ngừ, Thanh liền đứng dậy kéo con nhỏ đến bàn. Đếm bốn mươi đô, tháo giày, rồi theo con nhỏ lên lầu. Con nhỏ dẫn Thanh

dọc theo lối đi tới buồng, ngừng bên tủ lấy khăn lau. Kiểu động tác tiền trao cháo múc như thế này không tốn kém nhiều lời thật hợp với Thanh. Hắn có thói không lựa gái nào lần thứ hai. Chọi một con lạ hắn thấy lương tâm dễ chịu, không kịch cọt vờ vĩnh, hắn thích vậy - kín đáo, tự nhiên.

Căn phòng chỉ có một chiếc giường cỡ trung và một cái ghế để vắt quần áo. Bóng điện đỏ nhả ánh sáng tù mù. Có một vòi nước, không có cầu tiêu. Thanh vội cởi phăng áo T Shirt và tuột chiếc quần Levi's xuống, bước đến vòi nước. Con nhỏ xoay xoay tay vặn vòi nóng. Nước hơi nóng nhưng Thanh vẫn lặng thinh. Con nhỏ vẫn để nguyên áo và xì-líp, đứng một bên chà cục xà bông mới lên khắp người hắn. Xong ả chùi bằng miếng mút lau, loay hoay thật lâu chỗ thằng nhỏ của hắn. Dù cử động của con nhỏ quá lành nghề lão luyện, như người chùi rửa xe, như mẹ tắm con, hắn cũng thấy lòng nao nao vì sự chăm chút này. Thanh nhìn vóc dáng nhỏ thó, gầy còm của con nhỏ, chợt nhớ chuyện tối hôm qua: ai đó chạy xe ngang ném một quả trứng trúng chân hắn. Lòng đỏ trứng vỡ nhòe trên chiếc giày của hắn. Hắn chợt thấy một con Mỹ tóc vàng trong xe vụt qua. Miệng léo nhéo câu gì.

Con nhỏ vặn tắt nước, dùng khăn lau khô thân thể hắn rồi nắm tay dẫn đến giường, "Cho em ngủ chút" Con nhỏ nói "Tối qua thức trắng đêm. Cho em ngủ năm phút nghe. Rồi mình chơi."

Con nhỏ nằm úp sấp bụng, nhắm mắt, đầu xoay phía khác. Thanh, cứng ngắc, nằm sát ả. Hắn muốn ngửi tóc con nhỏ nhưng rụt rè. Hắn nhìn cái xì-líp màu trắng của con nhỏ, hồng lên trong ánh điện đỏ tù mù, rồi đưa tay lột phăng. Con nhỏ giựt lại: "Lạnh đít em."

"Đụ *me*!(3) Hắn thì thào.

Con bé quay lại, nhíu mày. "Anh là Việt Nam?" Ả nói tiếng Việt.

"Thì em cũng vậy."

Hắn chụp chiếc khăn che vội dương vật bỗng xìu xuống.

"Anh tên gì?"

"Thanh."

"Chào anh, anh Thanh."

"Thế tên em?"

"Hương."

"Tên thiệt hả?"

"Ờ, tên thiệt."

Cả hai cười. Mặt con bé tươi lên.

"Hương, em mấy tuổi?"

"Anh biết để mần chi?"

Hương có vẻ độ mười bảy tuổi. Thanh hỏi: "Có đi học không?"

Hương gật đầu.

"Em làm cái giống gì ở một chỗ như vầy?"

" Đây là nhà thổ, anh nghĩ em đang làm cái giống gì?"(4)

"Em phải ở nhà đi học."

Hương nhìn Thanh, ơ thờ. Bỗng, chỉ hai động tác nhanh như cắt, con nhỏ tuột phăng áo và xì-líp. "Làm nhanh đi". Nó nói "Em còn phải về."

Thanh bất động, tấm khăn vẫn che dương vật. "Ở trường học môn gì?"

Hương, chợt nôn nả, nói "Chỉ năm phút nữa, em phải xuống nhà."

"Anh không muốn chơi nữa" Thanh nói "Nhưng anh cũng trả em tiền."

Hương hớn hở "Em học môn Sử, Sinh Vật Học, Anh Văn, Pháp Văn."

"Chia động từ être (5) nghe coi."

"Anh tưởng em ngu hả?"

"Anh cho em thêm năm mươi đô nữa nếu em chia động từ être cho anh nghe."

Đôi môi Hương mím lại dấu vẻ kinh ngạc. Nó nghĩ ngợi rồi nói: "Em sẽ chia động từ être nếu anh thề một điều là cuối tuần đừng đến đây nữa."

"Sao vậy?"

"Vì em không muốn gặp anh ở đây nữa."

"Rồi, chịu."

"Je suis", Hương xướng giọng hăng hái, gằn từng âm, "Tu es, Il est. Nous sommes. Vous être. Ils sont. Elles sont."

ĐINH LINH

(*) Nguyên tác Anh ngữ: 555, bản dịch của *Hợp Lưu*

(1) Nguyên tác: "sham"(xấu hổ, ô nhục, sỉ nhục...)

(2) Nguyên tác "Gym" (phòng thể thao)

(3) Nhân vật chính mới sang Mỹ, tiếng Anh rất giới hạn. Có thể anh ta không biết chữ ấy tiếng Anh nói thế nào. Cũng có thể do quán tính, anh ta vọt miệng.

(4) Nguyên tác Anh ngữ: *"What do you think"* (*Anh nghĩ gì?*), hàm ý sấc. Nếu dịch đúng nghĩa đen, e độc giả không nắm trọn được ý của tác giả.

(5) Tương đương với động từ *"To be"* trong Anh ngữ.



PHẠM VIỆT CƯỜNG

ca khúc

Chính em đã ban cấp cho tôi giấy thông hành
đi vào mộng tưởng
Chính em đóng con dấu kỷ niệm lên mùa hè
nguy nga nắng
lên những tàng cây cao và những đám mây xa
lên những ngày đời tôi im vắng
nên bồi hồi gió hát
trời xanh bao la

nên xanh cả vầng trăng đầy
góc phố chờ khuya
tháng sáu
chính em là bóng tối là trăng là huyền thoại
chính em hư cấu một cõi miền xa lạ màu xanh
xanh nỗi sầu mênh mông
không nguyên cớ
xanh đêm luýnh quýnh hão huyền

chính em tạo ra những giấc mơ gần sáng
khắc khoải thơm hương
tiên báo mùa hè thứ nhất

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN QUANG THÂN

lục bình



Cái ấn tượng xô bồ nhất đập vào mắt gã là những tảng lục bình. Khi còn ở *trên kia*, nghĩa là giữa cái thành phố có từng dãy quán nhậu chen khít những hè đường lát đá lởm chởm với đám người đẫy đà, bụng phệ, lưng cánh phản, béo tốt nhờ thịt mỡ, trái cây và bầu không khí cực kỳ mát mẻ sau những trận mưa quá hào phóng, gã đã không hề nghĩ tới những tảng lục bình. Thằng Hai Tuộc đô con, dễ tính nhưng búa sua trong mọi sự đời đã dắt gã từ Sài Gòn xuống đó. Nó bỏ gã lại đó cũng dễ dàng như khi hứa hẹn cưu mang gã rồi bốc hơi giữa thành phố nhậu cùng với một cô điếm. Nó dúi vào tay gã mấy chục ngàn (gã đoán đó là số tiền đáy túi của nó) nói: "Cứ xuống đó đi, không sợ! Mày cắm xuống đất một cái nhánh khô thì nó cũng sẽ mọc ra một cây ăn trái liền." Gã nghĩ tới miền Viễn Tây nước Mỹ thời nào đọc thấy trong sách. Gã nhớ lại những huyền thoại về một vùng đất giàu có khi ra đồng phải đưa bốn lúa còn lúa thì dùng chạy máy hơi. Và gã đã đi đến đó, miền đất hứa của gã, một thằng có học mà thất nghiệp, đang đói rã họng.

Gã không hề nghĩ tới những tảng lục bình.

Nhưng chính đám lục bình đã hại gã. Con tàu đò chở khách từ Kinh Cùng rời bến lúc chiều muộn, chạy thâu đêm trên sông Cái Lớn đã tông phải những tảng lục bình. Không ai chết. Gã huơ mấy sải tay là đụng tới bờ. Đêm đó gã

ngủ lại nhà một nông dân tốt bụng cùng với những hành khách không may khác. Cái điều nguy hại nhất là gã mất hết. Mất cái túi xách trong đó có những đồng bạc cuối cùng, bộ quần áo cuối cùng, hy vọng và cả ý chí.

Đúng mùa mía đang thu hoạch, gã ở lại làm mướn cho bác Hai và cho cả hàng xóm của bác Hai nữa.

Những đống mía chất ngất bên bờ sông; dưới những gốc dừa vô chủ. Bác Hai nói cái đám đất doi mà bây giờ những người chủ mía dùng chất mía cây chờ xuống ghe trước đây là của một dòng họ giàu có tận miền Đông xuống lập nghiệp. Cuộc chín năm và cuộc chống Mỹ chà đi, xát lại, cái gia đình giàu có ấy chia đôi; nửa theo bên này; nửa đi với bên kia. Ngôi nhà bỏ không, những hàng sao duy nhất từ những hạt giống của rừng miền Đông được trồng ở đây hơn nửa thế kỷ nay vẫn cứ mỗi ngày cao vút lên thách thức với bầu trời mà không cần bàn tay ông chủ đang mải mê chiến trận. Chúng lấn át đám dừa mốc thếch bằng chiều cao lừng lững để rồi một ngày tháng ba năm đó, một đại đội công binh vùng 4 chiến thuật đưa cưa điện tới từng gốc cây phạt quang chống du kích. Bây giờ chỉ còn mấy gốc dừa vô chủ đó với móng nhà lẫn trong cỏ. Đám người làm mướn đã cho mía ra bờ sông mấy ngày nay mà chiếc ghe vẫn chưa tới như đã hẹn. Hai hôm rồi, gã ăn và ngủ trên đống mía, giữa đàn ruồi ban ngày và đàn muỗi ban đêm. Sau bữa cơm tối, bác Hai lò rò qua cái cầu khỉ bước tới, tay cầm một xị đế, đúng một xị không hơn, đến lai rai với gã. Như là an ủi cảnh cô đơn của gã và đỡ sốt ruột vì phải chờ chiếc ghe bội tín. Bác rù rì hỏi han gã về Hà Nội, về cái làng trung du Vĩnh Phú quê gã và vô cùng ngạc nhiên khi nghe gã kể là miếng vườn của ông nội gã để lại cho con cháu chỉ đủ đất trồng được một bụi mía phòng khi có người ốm và dỗ trẻ con. Bác Hai nói: "Thiệt là lạ? Tao trồng ba mươi công mía mà vẫn không sống nổi." Gã nói mấy đời nay, từ ông bà, cha mẹ gã chỉ mong có ba sào ruộng mà không làm sao có. Gã nói thêm với bác rằng ngay cả bọn Mỹ, bọn Nhật chúng cũng kêu là không sống nổi nữa là? Bác Hai khoái gã vì nhận xét đó tuy gã biết chắc, bác và chính cả gã nữa, cũng không hiểu sự đời ra làm sao mà đến nỗi thế. Đêm nay chưa thấy bác ra và bỗng dưng gã thấy nhớ ông già phúc hậu và tốt bụng ấy.

Trăng đã lên, một mặt trăng đỏ lòm, tròn trĩnh nhô lên khỏi bức thành cây đen kịt bên kia sông Cái Lớn, mỗi lúc mỗi vàng tươi và ban phát hào phóng ánh sáng nuột nà lên những đám dừa nước và những chùm lục bình đang bị thủy triều dồn vào các vịnh nhỏ. Bây giờ thì gã không còn mong lai rai với bác Hai vì chắc là bác không ra nữa mà mong một người khác. Gã nằm xuống đám lá mía và đợi.

Gã mở mắt, ngồi dựng lên vì có ai cù vào nách.

- Chèng ơi, tụi nó khuân hết mía rồi. Bộ ra đây nằm ngủ sao?

Người vừa thọc lét gã là Tư Thảnh. Cô quỳ lên đám lá mía, mặt quay về phía trăng, đôi con mắt một mí ban ngày màu nâu nhưng bây giờ vàng rực trên khuôn mặt hơi dài của các cô gái miền Nam, hai lọn tóc sơ sài thả xuống

hai vai, chấm vừa đúng đôi chỏm vú nhọn mà gã biết rõ không hề có áo nịt. Gã thấy nao lòng khi tình cờ phát hiện thấy Tư Thảnh không mang nịt vú bởi vì trên đường trôi dạt và gặp gỡ đủ các loại người, trái tim trai trẻ và hồn nhiên của gã bị nguội lạnh đi nhiều vì gã chỉ thấy những bộ ngực mang áo nịt. Điều đó xúc phạm trí tưởng tượng của gã, một chàng trai sinh ra ở đất Vĩnh Phú, nơi các cô gái vẫn tắm truồng với trâu ở bến sông Lô. Và hôm đó, giữa đám ruộng ngổn ngang những mía là mía gã bỗng thấy tim mình đứng lại và đau đớn khi chợt nhìn thấy một bộ ngực trẻ không có áo nịt. Gã nao lòng vì chợt gặp lại một thời thơ trẻ nghịch ngợm và thơ ngây đã vuột đi xa vời đối với gã, cả thời gian lẫn không gian. Giữa một nơi xa lạ, tứ cố vô thân, cái cảm giác quen thuộc đó đưa lại cho gã sự can đảm và hào hứng. Gã trổ hết khả năng khéo léo của đôi cánh tay vốn quen lao động từ nhỏ và được học hành, giúp đỡ Thảnh trong công việc. Gã làm bằng hai người, làm thêm phần của Tư. Rốt cuộc là bác Hai vừa lòng về gã, về Tư Thảnh và tất nhiên vừa lòng về sự quen thuộc với những bực thang tình cảm khá cập rập và đốt cháy giai đoạn của họ. Mùa mía đi qua với nhịp điệu dồn dập đã làm hai người phải hối hả thêm vì cả hai chỉ là những người làm mướn. Một chiếc tam bản với vài người bạn đang chờ Tư Thảnh trong khi trước mặt gã là một tương lai vô định. Giờ đây, chỉ còn đêm trăng và một nụ hôn, không phải cô gái gom mía với bộ quần áo xốc xếch mà một thân hình đang chín, gọn ghẽ trong bộ đồ có những chấm bông nhỏ xíu màu thiên lý. Gã nói:

- Tư ngồi xuống đi.

Thảnh ngồi bên cạnh gã. Gã chợt nhớ lại, một lần nào đó, không phải trên đống mía mà là rơm, rơm mềm mại, ngai ngái, sực nức mùi trời lẫn bùn đất, cũng một đêm trăng sáng, gã ngồi tính chuyện tương lai với một cô gái làng. Gã không dám đụng vào da thịt, thậm chí quần áo của cô ta nhưng gã đã chạm tới chiều sâu thẳm nhất của trái tim cô ta vì gã biết cô ta yêu mình, một cô gái làng không đeo nịt vú, đơn giản vì không có tiền mua, nghèo khổ như nhiều người ở đây nghèo khổ. Hồi đó gã đã học xong năm thứ nhất khoa văn trường Cao đẳng Sư phạm, cách nhà hơn năm mươi cây số. Bố gã nói: "Mày lấy nó thì tao cắt cơm", nghĩa là mỗi tuần gã không có quyền về nhà mang lên trường túi gạo, lạc rang và thường xuyên chống lại những cơn đói trong các giờ lên lớp. Xem ra hồi đó bố gã có lý của người nghèo đang "múc bụng mình ra nuôi con ăn học" để hòng thoát được cảnh nghèo như con chuột đói vùng vẫy khỏi cái bẫy định mệnh. Gã ra trường tốt nghiệp hạng trung bình. Mất cô gái làng, không nơi nào nhận gã dù chỉ với đồng lương bèo bọt. Và gã bỏ nhà đi kiếm sống, mất cả quê hương. Con chuột đói vẫn chưa thoát được cái bẫy.

Đêm qua, khi xị đế chỉ còn một nửa, bác Hai nói với gã:

- Không phải rượu nói mà tao đang nói với mày. Nếu mày chịu con Tư Thảnh, cưới nó, tao cắt dừa nước dựng cho căn nhà, còn ba công đất dưới doi Ông Mười, tao cho mày mượn trồng mía. Nghĩ mày nói cũng đúng. Người

nghèo như con chuột trong bẫy, tao mở cho mày cái chốt cửa, mày chịu ra không?

Gã không trả lời, uống cạn ly đế. Bác Hai tiếp:

- Mùa mía này người ta ăn giá rồi, tao tính cũng lời chút đỉnh nên mới mạnh miệng với mày. Chịu đi con!

Gã bảo còn phải hỏi Tư Thảnh. Và bây giờ gã đang nói với cô gái.

Thảnh ngồi dựa vào vai gã trong khi gã hào hứng nói lại lời bác Hai và còn tô màu tý chút vào bức tranh đã dần dà định hình trong đầu gã từ hôm qua đến nay. Gã nhận ra bờ vai cô gái run rẩy trên vai mình, cái rung động đã bắt đầu quen thuộc với gã sau những lần bộ ngực rắn rỏi nhờ những mùa làm mướn và những khát vọng trẻ áp vào ngực gã. Gã kết thúc bài diễn văn:

- Bác Hai nói khi có tiền mình sẽ mua đất. Rồi mình sẽ có đất Thảnh Tư à! Tư biết không, ở ngoài kia cả nhà anh chỉ sống với vài sào đất. Tư khỏi đi làm mướn cho ai. Rồi Tư đẻ cho anh một thằng cu, ăn thôi nôi cho nó xong là anh với Tư bế ra Bắc với nội liền!

Tư Thảnh quay hẳn người ra sang phía gã. Cô gái nắm chặt vai gã như muốn xô gã xuống đống mía, đôi mắt bướng bỉnh thoáng buồn bỗng trở nên rắn rỏi và kiên định.

- Anh có biết vì sao hôm nay bác Hai không ra nhậu với anh không? Bác đang thúi ruột vì ghe chưa tới, mà không biết thằng chả có tới nữa không hay là chả chờ mía của bác thành củi rồi ép giá. Ba năm đi làm mướn cho thiên hạ Tư biết rành không ai sống nổi với ba công đất mướn! Vậy mà anh còn nói...

Tư Thảnh lắc lắc hai vai gã rồi đứng dậy. Gã nhìn cô. Chưa bao giờ gã thấy cô gái đẹp như thế, vẻ đẹp ruột rà sinh ra từ đất.

Chiếc ghe đã lưng một bụng mía ăn ở đâu đó trên đường, cuối cùng rồi cũng tới. Trên ghe có ba người; ngoài vợ chồng chủ ghe còn một người đàn bà. Bà ta mặt hoa da phấn, không mập không ốm, sung mãn trong bộ muxơlin màu cẩm thạch. Gã rời đống mía đã bắt đầu héo như những đoạn củi, đưa khách vào nhà bác Hai. Bác Hai bảo gã:

- Ra ruộng kêu con Tư vô bếp giùm. Biểu nó đi tìm thằng Sáu Đò vô đánh giùm mấy bát tiết canh vịt xiêm mời khách héng!

Người đàn bà đi theo chủ ghe giả lả:

- Ờ, có phải cô Tư Thảnh mà anh chị Ba em nói là dễ thương một cây trong đám người làm mướn chỗ bác Hai không? Để em vô bếp với cổ!

Gã nhíu đôi lông mày. Bác Hai nói với bà ta:

- Nó có dễ thương nhưng thương không dễ đâu. Thôi, đi gọi tụi nó lẹ lên con!

Gã ra đồng gặp Tư rồi trở lại đống mía của mình như một người gác gian mẫn cán. Mặt trời lên sau những ngọn sao của nhà ai bên kia sông, những cây sao cuối cùng còn sót lại của một thời, một vùng đất hào hiệp được khai phá bởi những người dũng cảm và hào hiệp không kém. Gã nằm dựa lưng lên

đống mía, nghe mật chảy dưới lưng mình và trong không gian đang được hâm nóng lên dưới mặt trời tháng 7. Tiếng nhặng xanh và bầy ong vo ve làm gã buồn ngủ nhưng không thể nào ngủ được. Mình sẽ mướn ba công đất, tức là gần một mẫu ở ngoài kia, vợ mình sẽ là người đàn bà đẹp và nết na nhất miệt này, bác Hai nói chỉ vài năm trúng mùa là hai vợ chồng sẽ mua được đất không còn phải mướn nữa, rồi mình sẽ đưa vợ về quê nội, cô ấy nói năng có khó nghe tý chút, lũ trẻ con trong xóm tha hồ trêu chọc nhưng cái gì rồi cũng quen được. Ừ, giá như không gặp Tư thì mình có dừng lại cái bến này không? Cũng chưa chắc, có thể là mình sẽ đi làm mướn hoài hoặc là một ngày nào đó người ta sẽ gọi mình đi dạy học. Nhưng mình sẽ ở lại đây, chắc là thế. Mình sẽ thuyết phục cô ấy bằng được dù cột chân một con ngựa hoang thì đâu có dễ dàng gì, mà đây lại là một con ngựa hoang bướng bỉnh nữa...

Đúng trưa Tư Thảnh mang cơm ra bến cho gã. Trong cặp lồng có thịt vịt khìa, nấm rơm nấu thuôn. Gã không ăn ngay mà cầm đũa nhìn Tư. Trước mặt gã là một cô Tư khác, lạnh và buồn, như mới ốm dậy.

- Em bệnh sao? - gã hỏi.

- Không. - cô đáp - bác Hai có chuyện buồn. Ổng đang nổi sùng với hai vợ chồng vựa mía. Họ đòi xuống giá mía. Anh biểu có ức không? Bác Hai đập phá, chửi bới tùm lum cả lên. Với lại...

Gã vốn nhạy cảm và ít nhiều trải đời. Gã biết đang có chuyện gì xẩy ra trong lòng cô gái. Một màn ngăn cách vô hình, vô ảnh vừa dựng lên quanh Tư Thảnh, người mà hôm qua đây còn quá dễ hiểu, thân thiết đối với gã. Giờ đây gã thậm chí không dám mà cũng không muốn chạm nhẹ vào tay cô ta hay nói với cô ta một lời thân ái.

- Chuyện gì thế? - gã hỏi một cách lạnh lùng.

- Em lên Sài Gòn học may, anh Năm à!

Gã đặt đôi đũa xuống, đứng lên. Thậm chí cô ta cũng không ngỏ lời xin ý kiến mình. Mà mình đã là gì đâu mà cô ta phải xin ý kiến? Mới hai tuần lễ làm mướn cùng nhau...

- Đi với ai?

- Với chị Sáu, em gái ông chủ ghe đó. Chỉ tốt lắm, anh Năm. Chỉ bảo em muốn đổi đời thì theo chỉ. Em định rồi, ở đây không sống nổi, anh Năm.

Gã đột nhiên nhớ lại chiều hôm đó. Cái quán bia hơi rẻ tiền, bẩn tưởi sát nách chợ Bà Chiểu, thằng bạn trời đánh đã kéo gã đến đó, gã bị lôi đi như người ta lê đôi giày dưới chân, dấn thân vào mọi cung bực của cuộc đời. Gã đã gặp ở đó mấy cô gái miền Tây "lên thành phố học may" tức tưởi bán mình, tức tưởi khóc trong khói thuốc, trong hơi rượu, trong lớp bụi mờ nhạt của Sài Gòn bí ẩn. Gã thấy nhói trong ngực như gã đang lên máu, đang ngạt thở, đang bị nhấn đầu xuống bãi bùn. Nhưng gã bỗng phá lên cười:

- Đi học may? Ha! Ha! Đi học may! Cứ đi đi, rồi cưng tha hồ mà nhờ cậy lòng tốt của chị Sáu!

Tư Thảnh nhìn gã, quả thực cô không chờ đợi nhịp cười tàn khốc ấy của

gã. Đôi mắt màu nâu và đẹp đang muốn trần tình, cởi mở bỗng tắt ngấm. Không nói một lời, cô gái bỏ đi.

Bác Hai nhất định không bán lô mía đã đốn cho vợ chồng Ba Ngàn. Dẻo quẹo và dai như đỉa đói, Ba Ngàn đưa cả cha ông ra mà thề thốt, bảo lĩnh, bao giá. Gã đeo bác Hai suốt cả ngày nay, trông ông già sụt đến hàng ký, bộ mặt vốn đã teo tóp càng gầy guộc hơn, râu mép bạc một hàng. Gã biết bác đang bị cứa gan, cắt ruột. Với cái giá lão chủ ghe nài nỉ, bác chỉ còn nước mắc nợ sau vụ mía tưởng là lời "chút đỉnh" như bác mơ ước. Bác dẫm chân khi nghe cái giọng có mùi gỉ đường của tay chủ ghe; gã tưởng bác sẽ đấm vào bộ mặt mâm của lão.

- Không! Cái thứ ma lai rút ruột như tụi mày. Tao không bán.

Ba Ngàn và vợ neo ghe lại bến tới sáng để nài nỉ. Trong khi đó chị Sáu la cà với các cô gái và Tư Thảnh để ban phát lòng tốt của chị.

Gã không thể ngủ được, không phải vì trăng quá sáng mà vì những ý nghĩ nặng như đá trong đầu. Bác Hai đi đứt, cuộc đời Tư Thảnh đi đứt, giấc mộng mới nhen nhóm của gã cũng đi đứt. Trong khi mật dưới lưng gã đang khô lại trong đống mía, bầu trời miền Nam vẫn mênh mông và hứa hẹn trên đầu gã. Tư Thảnh đến vào lúc nửa đêm. Gã vờ lim dim ngủ.

- Anh Năm! Em đây!

Gã ú ớ, gập người ngồi dậy. Mùi thanh tân và cái nhìn đắm đuối của cô gái kéo gã ra khỏi mớ ý nghĩ u ám.

- Đừng giận em anh Năm! - cô gái nói.

- Trời ơi! - gã tru lê như một con chó - Bộ cô không hay mụ ta rủ cô lên thành phố học may là sao ư? Tôi tưởng cô khôn ngoan hơn thế này nhiều.

Tư Thảnh ôm quàng vai gã, ngả cái đầu xinh xắn mới gội vào ngực gã, nói với giọng đau đớn:

- Em biết chớ, anh Năm! Bốn đứa bạn em lên thành phố học may cả năm nay rồi, em biết chớ. Em ráng trụ lại đời làm mướn. Nhưng chịu không thấu rồi, anh Năm!

Gã không đáp lời, máu đang chảy nhanh hơn trong huyết quản. Tư dụi đầu vào ngực gã, mái tóc mềm và thơm dính như mật khi gã lùa vào đám ngón tay cứng queo như răng lược. Rồi gã cảm thấy nỗi đau của cô gái chuyển dần đến trái tim gã cùng những lời thổn thức. Vai Tư Thảnh run lên và gã bất thần ôm trọn trong cánh tay còn lại của mình một thân thể, một cuộc đời như đã chết mà còn nóng ấm.

- Tui với anh mà bíu nhau thì chết sớm, anh Năm!

Gã vẫn không nói gì. Bàn tay gã rời mái tóc xuống vai và gã bắt đầu ve vuốt những cơn nấc nghẹn của cô gái.

- Anh Năm! - cô gập người ngồi lên để cởi những chiếc khuy áo nhỏ như bông chim chim rồi cầm tay gã lùa vào bộ ngực không đeo nịt vú - Em cho anh đó. Anh là người đầu tiên em cho đời con gái của em đó. Vì em sợ không còn được gặp lại anh nữa.

Bây giờ thì gã hét lên:

- Không! Đừng đi, Tư!

Cô gái không đáp lại. Cô lăn lộn bên cạnh gã và cuối cùng như một sợi giây kéo quá căng bị đứt, gã bàng hoàng cúi xuống cô gái đang chờ đợi.

Tảng sáng hôm sau, chiếc ghe rời bến mang theo Tư Thảnh. Bác Hai chờ giá. Nửa tháng sau, một chiếc ghe khác ghé qua cho biết giá mía đã lên lại, nhưng đống mía bác Hai đã thành củi khô. Đêm ấy đống mía của bác cháy rụi. Gã biết ông già đã lụi cụi đổ lên cả một can dầu và gã lặng im; đáp một con tàu đò xuôi sông Cái Lớn.

NGUYỄN QUANG THÂN



HUY TƯỞNG

vô dụng hay diệu dụng?

Vào, ra
thấy vợ
thấy con
thấy mình
rêu phủ
như
hòn giả sơn!

trọ đây, nay ở mai về

Sinh ra: để chết
thế thôi
Cầu kỳ
chữ nghĩa
đắp bồi
nhiêu khê

HUY TƯỞNG



MARIA COFFEY

PHẠM TƯỜNG MÂY dịch

trăng rằm hội an



Cảm hứng từ tình bạn với một phụ nữ Việt Nam di tản hiện đang sinh sống ở Anh-Quốc, năm 1994, nữ văn sĩ người Anh, Maria Coffey cùng với chồng, Dag Goering làm một cuộc hành trình gian nan bằng ghe và xe đạp, đi dọc suốt chiều dài nước Việt. Những tâm cảm của bà trong chuyến đi được ghi lại thành du ký vừa xuất bản năm 1996: "Three Moons in VietNam". Trong suốt tác phẩm, chúng ta thấy tràn đầy những tình cảm thân ái và xúc động mà bà Maria Coffey đã dành cho nước Việt. Những tình tự này, ngay trong chúng ta mấy ai đã có ? Những đoạn dịch rời ở đây (chapter Full Moon in Hội-An) sẽ không đủ để phản ảnh tác phẩm, chỉ mong được làm một lời giới thiệu.

(Lời người dịch).

*

Đoái trông muôn dặm tử phần
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Nguyễn Du.

Sau suốt một ngày dài đạp xe trên quốc lộ Một, tôi đứng ngắm nhìn con đường hẹp đầy những tàng cây cổ thụ dẫn vào Hội-An. Con đường mở ra như một mời mọc quyến rũ. Hai bên đường, ruộng lúa lấp lánh vàng dưới ánh ráng chiều chạy dài mãi cho đến tận chân dãy đồi ở xa xa. Chúng tôi thơ thẩn

đạp xe có hơn tiếng đồng hồ trên con đường mười cây số dẫn vào thành phố. Hội-An trông như một ngoại-ô-buồn-ngủ với những ngôi nhà cổ đầy những vườn dâu um tùm lá. Đi đến ngã tư một con đường lớn hơn, đã thấy có những xe đạp và xe gắn máy nhưng tất cả vẫn đều không có vẻ gì vội vã. Dừng xe đạp trước một khách sạn của chính quyền địa phương, hàng chục những xe minibus chở khách du lịch đã đậu từ lúc nào trước cửa. Một anh chàng trẻ tuổi Hoa-Kỳ lại gần gạ chuyện: "Vậy, bà bữa nay từ đâu đến ? " Tôi ngập ngừng trong cổ họng cố moi trí nhớ: "Anh thấy đó, chúng tôi đi bằng xe đạp; À Sa-Huỳnh, phải rồi, tôi đạp xe đến từ Sa-Huỳnh." Gã thanh niên trợn tròn đôi mắt: "Đạp xe ? Từ đâu ? Đi đâu ?" Tôi kể vắn tắt đoạn hành trình của mình trong tháng vừa qua, cả đường bộ lẫn đường thủy, từ châu thổ sông Cửu-Long đến Nha-Trang, từ Bình-Định ra Quảng-Ngãi. Hắn lắc đầu: "Tôi đi bằng xe du lịch minibus, cũng đủ khiếp đảm." "Anh bao nhiêu tuổi ?" "Hai-mươi-mốt." Vừa đúng nửa tuổi của mình, tôi nghĩ thầm trong bụng. Đáng lẽ ra, người khách đi du lịch Việt Nam bằng xe bus có gắn máy lạnh dành cho những vị cao niên phải là tôi chứ đâu phải chàng thanh niên Hoa-Kỳ trẻ tuổi này.

*

"Chào bà, rất hân hạnh." Tháp nghiêng đầu cúi chào bắt tay tôi. Ông bác sĩ duyên dáng này nói rất thạo tiếng Pháp. Đôi mắt đen nâu, lưỡng quyền hơi cao và hàm răng trắng, đều đặn. Dag (chồng tôi) gặp Tháp ngày hôm qua khi gõ cửa phòng mạch của anh để hỏi thăm về tình trạng sức khỏe của tôi. Thuốc chống sốt rét gây chứng chóng mặt, trong hai ngày qua tôi không ra khỏi cửa khách sạn. Tháp cứ phải trấn an Dag rằng chỉ nội trong vài ngày tôi sẽ bình phục. Và, anh cũng mời vợ chồng chúng tôi cùng đi một chuyến thuyền ngắm trăng rằm trên sông Thu-Bồn vào tối hôm sau. Đây là một truyền thống ở Hội-An. Sức quyến rũ này đã kéo tôi ra khỏi giường bệnh. Trăng chỉ bắt đầu lên cao vào khoảng tám giờ tối. Chúng tôi dùng bữa chiều trong một tiệm ăn bên bờ sông. Người ta chèo những con thuyền nhỏ có vẽ hình cặp mắt người trước mũi thuyền, trôi chậm rãi về phía đảo Kim-Châm. Tháp nói: "Quí vị hãy tưởng tượng trong quá khứ đã từng có những con thuyền lớn ghé đến bến sông này. Những con thuyền từ Trung-Hoa, Nhật-Bản, Bồ-Đào-Nha, Ấn-Độ và cả Anh Quốc nữa." Đã có những hải cảng khác ở miền Trung từ thời vương quốc Chàm. Nhưng, vào thế kỷ thứ mười-sáu, Chúa Nguyễn ở Đàng-Trong vẫn cho thiết lập hải cảng ở Hội-An để phát triển kinh tế, tài trợ cho cuộc phân tranh với Chúa Trịnh ở Đàng-Ngoài. Hội-An phát triển nhanh chóng thành một vùng trù phú. Sản phẩm buôn bán gồm có lụa, thuốc lá, đường, vàng, quế, tổ yến, ngà voi và cả sừng tê giác. Địa phương có đủ sức đóng những con thuyền buồm chiều dài có đến ba-mươi thước. Con đường thương mại này phát triển dọc theo bờ biển Nam-Việt

xuống mãi đến tận Đông-Nam-Á. Từ Trung-Hoa và Nhật-Bản, cũng có những con tầu thương mại xuôi nam theo gió mùa Tây-Bắc và ở đó đến tận hè khi mà gió Tây-Nam lại thổi họ về xứ. Những thương gia này hợp quần thành những cộng đồng ngoại kiều ở Hội-An và kết hôn với đàn bà bản xứ. Từ đó, bắt đầu có những phố Tầu, phố Nhật ở Hội-An. Cũng từng có cả người Âu-Châu đặt chân đến nơi này. Vào năm 1688, nhà thương mại Anh-Quốc William Dampier có viết rằng: "Trong số những nhà buôn Tây-Phương, có rất nhiều người trở thành giầu có nhờ lấy vợ Việt, họ giao cả gia sản cho những bà vợ này trông giữ. Những người đàn bà này luôn luôn biết buôn vào, bán ra vào lúc thuận lợi nhất, và khi đã có một số vốn kha khá, họ dễ dàng làm giầu nhanh chóng." Cảng Hội-An thịnh vượng nhất vào thế kỷ mười-bảy, mười-tám. Sang đến thế kỷ mười-chín, sông Thu-Bồn bắt đầu bị bùn lấp. Thế rồi Đà-Nẵng phát triển trở thành một hải cảng thương mại lớn, đè bẹp Hội-An. Thành phố co mình lại trở thành một ngoại-ô-buồn-ngủ với hai-chục ngàn dân cư như bây giờ. Những con tầu lớn của quá khứ đã rời bến Hội-An nhưng thành phố như vẫn giữ lại cái phong cách của một thời. Bóng tối quanh chúng tôi như có mầu xanh, mềm. Bên kia đường, một tòa nhà hai tầng kiểu Bồ-Đào-Nha, tường bằng đá mầu hoàng yến. Tôi bỗng có ao ước được sống ở ngôi nhà nọ, hàng đêm ra ngồi ở ngoài hiên nhìn xuống mặt nước sông Thu-Bồn đen sẫm. "Trước đây thì chúng tôi chật vật lắm, " Tháp nói, "nhưng từ ngày có đổi-mới thì cũng dễ thở hơn. " Cầm lấy cây bút và mảnh giấy trong tay tôi, anh vẽ hình ba bộ chữ Tầu: "Chữ này có nghĩa là: 'Dừng lại', chữ này: 'Con dao' và chữ này: 'Suốt qua tim'. Ba bộ chữ hợp lại có nghĩa là: 'Dừng lại con dao suốt qua tim'. Và, nó cũng lại tạo thành một bộ chữ mới. Bây giờ thì chỉ cần một chữ đơn trong ngôn ngữ của quí vị cũng sẽ đủ để diễn tả hết ý nghĩa của bộ chữ mới đó, rất cần thiết cho Việt Nam trong giai đoạn lịch sử này. Quí vị có biết đó là chữ gì không ?" "Tình thương?" tôi đoán mò.

Dag: "Sự giải thoát?" Tháp lắc đầu: "Lòng kiên nhẫn. Đây là lúc chúng tôi cần có thật nhiều lòng kiên nhẫn ở Việt Nam này. Ngày trước, chúng tôi khổ sở vì chiến tranh, sau đó tiềm lực kinh tế vẫn chưa kịp phục hồi vì sự cấm vận của Tây-Phương và bây giờ thì, mỗi ngày, hàng loạt những chuyến bay chở các thương gia và khách du lịch đến đây để cưỡng bức đất nước này. Chúng tôi vẫn phải chờ đợi một thay đổi. " Xong bữa ăn, chúng tôi xuống thuyền buồm. Trong không khí ở Hội-An đêm ấy như có ẩn điều gì phấn khởi và hy vọng. Người ta đốt nhang trước mũi thuyền và ném đồ cúng xuống dòng sông. Dân chúng đón trăng rằm bằng cả những tràng pháo nổ. Bất chợt, tôi như đi lui về quá khứ của mười-bốn năm trước ở một nơi không gian cách đây hàng chục ngàn dặm. Hôm ấy, cũng một đêm trăng ở Manchester bên Anh-Quốc, tôi ngồi ngắm trăng với Hạnh. Đêm ấy, Hạnh đau cái buồn của người xa xứ. Bây giờ ngồi đây trên quê hương Nàng, thuyền đang trôi lơ lửng trên sông, tắm trong ánh trăng tuyệt vời với mùi nhang khói xông lên tận mũi và nghe như hơi nóng trong không khí âm ấm ở trên da, tôi mới hiểu tại sao

Hạnh khóc... Sáng sớm hôm sau, ngồi trên sân thượng khách sạn nhìn xuống đường Trần Phú, tôi cố tưởng tượng ra hình ảnh của thành phố vào thế kỷ mười-bảy, mười-tám. Linh cảm như cảnh vật cũng chẳng khác bao nhiêu ? Một người đàn bà gánh phở đi bán rong dưới đường, trên quang gánh là cả một cái bếp di động gồm luôn lò than đang cháy rực. Nhìn người đàn bà đi khuất về cuối phố, tiếng rao như còn vang vọng lại sau lưng, thấy thật dễ dàng để đi lùi lại quá khứ của ba-trăm năm trước... Một tiếng xe gắn máy vang lên bất chợt, kéo tôi về hiện tại của năm 1994, bây giờ thì không còn những con thuyền chở sừng tê giác sang Trung-Hoa nữa.

*

Thật là không thiếu những thắng cảnh để thăm viếng ở Hội-An. Vương quốc Chàm sinh tồn dọc theo bờ biển miền Trung từ thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ mười-lăm thì bị tiêu diệt bởi cuộc Nam-Tiến của người Việt. Trước đó, qua những giao thương với Ấn-Độ và từ những người Ấn di dân trong đó có cả những giáo sĩ, người Chàm theo Ấn-Độ giáo. Họ dùng Sanskrit như là một thứ ngôn ngữ thiêng liêng và về nghệ thuật cũng vay mượn rất nhiều từ Ấn-Độ. Mỹ-Sơn là đất thánh, nơi mà người Chàm đã sinh sống từ thế kỷ thứ tư đến thế kỷ thứ mười-ba. Cũng có thuyết cho rằng đây chính là nơi người Chàm đã chôn cất của những vị vua chúa của họ. Thánh địa này trường tồn gần như không suy suyển mãi cho đến ngày chiến tranh với Hoa-Kỳ. Bom dội xuống tàn phá khủng khiếp khi mà người cộng sản dùng Mỹ-Sơn làm căn cứ, cho đến nay thì chỉ còn vài ngôi tháp đứng vững với đầy dây leo mọc chằng chịt. Bên trong và chung quanh các ngôi tháp là những tượng điêu khắc các thần linh Shiva, Ganesh, Vishnu, lại cả những khối đá hình thù dương-vật có khắc chữ Sanskrit. Những khối đá đó ở đây còn to hơn cả những khối đá cùng loại mà tôi đã được xem bên Ấn-Độ. Bây giờ đã xế chiều, những ngôi tháp như đỏ rực lên dưới ánh mặt trời... Sáu giờ chiều hôm ấy, chúng tôi hẹn gặp Mai (mà tôi quen được trong một tiệm sửa xe đạp ngoài phố) và chồng nàng, Hoàng, ở một tiệm ăn quen của họ. Hoàng đẹp trai với cặp mắt thật xao xuyến. Mặc dù nói được chút ít tiếng Anh, Hoàng rất e lệ khi phải dùng Anh ngữ trước mặt vợ (Mai thì nói được thật lưu loát với giọng Mỹ). Tôi và Mai thích nhau ngay từ lúc thoạt nhìn. Chúng tôi cùng tuổi và cùng có chung một óc khôi hài. Nhưng chắc chắn là phải có thêm một tâm cảm nào khác nữa không thể giải thích, mà khiến tôi lại có thể hình dung thật dễ dàng những đau thương đã xảy đến cho đời Nàng, như thể là, tôi, ở tuổi bốn-mươi-hai, cũng đã phải chịu đựng một chiến tranh, cũng đã bị giam cầm và tịch thu gia sản. Bất cần thế nào là cái phải, trái của cuộc chiến, những con người như Mai đã phải chịu cái trừng phạt ngàn đời.

"Maria, Chị biết không? Tôi có thể chịu đựng hầu như mọi nghịch cảnh. Nhưng từ ngày Bố tôi mất và sách vở của mình bị thu đốt, tôi chẳng thể nào

hồi phục được nữa. Bởi thế, tôi đánh mất vĩnh viễn cuộc đời mình. " Trước khi chia tay, chúng tôi hẹn gặp lại vào bốn giờ sáng hôm sau dưới bãi biển, nơi tôi và Dag sẽ mướn tầu đánh cá đi Huế (việc này không hợp với luật lệ du-lịch). Mai căn dặn tôi đừng để cho nhân viên trong khách sạn biết về ý định này: "Cứ nói rằng phải khởi hành sớm vì chị sẽ đạp xe ra Huế. Nếu bị cảnh sát xét hỏi ở bãi thì bảo rằng chị đi ra biển chụp ảnh." "Chụp ảnh vào lúc bốn giờ sáng?" "Đừng lo, họ đã quen thấy khách du lịch làm những điều kỳ quặc như vậy." Vào lúc ba giờ mười-lăm sáng hôm sau, tôi và Dag đạp xe dọc theo đường Trần Phú. Chẳng bao lâu chúng tôi đã ra khỏi thành phố rồi lấy theo con đường hẹp dẫn đến làng đánh cá. Trăng vẫn treo trên cao nhưng nhiều bóng cây đổ dài ra đường thành những vũng tối lớn. Thỉnh thoảng xe đạp rơi vào những ổ gà trên đường, chuông xe vang lên leng-keng và tiếng chó lại sủa dội lên mỗi lần như thế. Tôi thấy Mai và Hoàng mặc quần áo đen đang đứng núp trong bóng tối. Cả bốn chúng tôi mò mẫm đi trên con đường dọc theo bãi ra bến tầu như những tên trộm. Dường như tất cả những chú khuyển trong làng đã đánh hơi được chúng tôi nên sủa rộ lên như thể muốn tố cáo. Lội nhanh xuống nước, người và hành lý được quẳng lên tầu thật lẹ làng. Trên bờ, chó vẫn sủa vang rân. Máy nổ, Hoàng đốt vài cây nhang cắm trước mũi tầu. Ngồi xuống sát bên cạnh tôi, Mai thì thầm, giọng Nàng nghẹn ở cổ họng: "Chị đi cẩn thận. Đừng quên tôi nhé, Maria."

Không tìm được lời để nói với Mai, tôi ôm Nàng, siết chặt. Mai thật bé nhỏ trong tay tôi.

*

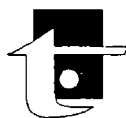
đoạn kết

Chúng tôi ra đến phi trường ở Hà-Nội thì chỉ còn vài phút. Sau những lời chào ly biệt thật vội vàng, phóng nhanh đến phòng kiểm soát thông hành. "Đừng buồn nhé, Maria." Có tiếng gọi vọng sau lưng tôi. "Chạy, chạy," người nhân viên ở cổng thúc giục. Thở hổn hển và mồ hôi ướt đẫm khi chúng tôi leo lên thang vào lòng phi cơ. Cửa đóng ngay lại và bất chợt, tôi thấy mình đang ở trong một thế giới mát lạnh và yên tĩnh. Các cô chiêu đãi viên hàng không đang phân phát những tấm mền len và những headphones. Nhạc êm dịu nhè nhẹ. Tiếng động cơ nổ và phi cơ chuyển bánh ra phi đạo. Thẫn thờ, tôi nhìn ra cửa sổ như vẫn chưa tin rằng cuộc hành trình Việt Nam đã hết. Bên cạnh tôi, Dag vẫn im lặng. Phi cơ cất cánh bay thật thấp qua một xa lộ nghẹt ứ, lấy thêm cao độ rồi nghiêng mạnh sang bên, đổi hướng. Tôi có thể nhìn thấy ở thật xa là vùng châu thổ, những mảnh ruộng phân canh và kinh rạch chằng chịt như những mạch máu, đỏ sẫm nước sông Hồng.

Nhìn xuống bên dưới, tôi tự hỏi phi cơ có bay qua Hải-Phòng ? Bên ngoài, mây mù đã bắt đầu che kín của sổ. Tôi thấy nghẹn trong cổ họng, nuốt xuống

thật khó khăn. Quay mặt vào bên trong, bắt gặp ở hàng ghế bên kia người đàn ông đang nhìn chằm chặp, tôi mới sực nhớ ra cái nhân dáng xốc xếch của mình. Thò tay vào túi xách tìm lược để sửa sang lại mái tóc, bàn tay tôi chạm phải một vật bất ngờ: Không cần nhìn, tôi cũng biết đó là kỷ vật của Bạc, đứa bé gái bảy tuổi hát dạo ăn xin, tay cầm thìa đánh nhịp ở Hải-Phòng. Bạc tặng tôi cái túi vải mầu hồng. Tôi ngồi im lấy thìa và túi ra đặt trên đùi, nhìn sững. Phía không gian bên dưới, Việt Nam rơi xuống thật xa. Tôi lấy cả hai tay ôm quả tim mình trong lồng ngực.

MARIA COFFEY



TƯỜNG VŨ ANH THY

mộng đá xanh

Tiếng hát
vươn mình hoang vắng
như nắng leo lên dậu mồng tơi
tôi lắng nghe lời thì thầm của kiến
của con ong vỗ cánh bay xa
tiếng hát xanh ra cùng với lá
tôi ngó trời ngó đất rưng rưng
từ vô lượng kiếp tôi từng khóc
tóc của nghìn xưa đêm nhớ nhung
dựng lên những đình chùa hương khói
tôi đứng yên lặng giữa vô cùng
mây chập chùng bay lùng quá khứ
sóng vỡ tan vạn thư kêu gào
tôi chào tiếng hát khua định mệnh
đổ xuống đời sau những chứa chan
tiếng hát vang vang tràn đẫm mật
như thật một lần chuông mõ ngân
tôi tần ngần đi vào trái đất
nghe mưa về lất phất đơm hoa
tiếng hát xa xôi đậu vào mấy nụ
nở khắp trần gian mộng đá xanh

TƯỜNG VŨ ANH THY



PHẠM TRUNG KHÂU

tiếng vạc sành



...Như đờn đứt dây

Quất bạn của Khản kể: Ở đây có một loài động vật kêu ròng rã suốt đêm. Tiếng kêu của nó là bản hợp tấu của sự đau đớn, cô đơn, một nỗi buồn da diết, là tiếng kêu thất thanh của nỗi đau mất hạnh phúc mà không do mình gây ra.

Truyền thuyết về nó cũng không xưa lắm. Đồn rằng, xưa có cặp vợ chồng trẻ. Người chồng như thiên thần. Vợ cực kỳ xinh đẹp. Họ sống trong ngôi nhà nhỏ, không rời nhau một bước. Đôi vợ chồng làm lụng cật lực kiếm miếng ăn, manh quần, tấm áo. Ngày lại ngày, niềm say mê nhau càng lớn rộ khi họ có thêm một đứa con. Họ có hạnh phúc thật.

Chiến tranh.

Người chồng phải xa gia đình, xa ngôi nhà đang cuốn tròn họ trong yêu thương. Hai năm sau được tin người chồng chết trận. Người vợ điên loạn suốt một thời gian. Nhưng tuổi trẻ, sức sống mãnh liệt. Cơn buồn rồi cũng nguôi ngoai. Vài năm sau, người vợ tái giá với một người cùng làng. Người chồng sau một mực gắn bó với vợ, với con người chồng trước.

Lúc nầy ở vùng đó, dân làng đồn có một con rắn lạ về ở. Vết nó bò in xuống mặt ruộng người ta ước lượng nó lớn hơn cây cột đình. Có người khẳng định thấy nó đầu quấn gốc cây bên này, đuôi quấn gốc cây bên kia, mình ép dẹp lép làm cái gàu "sành sạch" tát một cái ao lớn để bắt cá. Người khác kể đã

thấy đuôi nó cuốn tròn làm gốc, mình dựng đứng làm thân cây cổ thụ, lừa thú vật và người đi ngang qua bắt ăn thịt.

Cách đó mấy hôm người vợ đêm nào cũng nghe tiếng "tọc, tọc, tọc" ở lùm cây hoang sau nhà.

Chồng về, vợ kể và nghi chắc là tiếng huýt sáo của con rắn độc. Anh quyết rình bắn.

Y như lời nói, khoảng chín giờ tối tiếng "tọc, tọc" lại vang lên. Lúc to, lúc nhỏ, lúc như van lơn cầu khẩn khiến người lính cũng mủi lòng. Nhưng muốn trừ rắn độc anh vẫn ghìm súng chờ bên cửa sổ.

Chẳng chờ lâu, chừng hơn tiếng đồng hồ sau. Dưới ánh trăng mờ, con rắn thò đầu ra toan bò qua bụi chuối phía sau nhà.

Người lính ngắm kỹ, miết cò súng. Ba tiếng nổ vang lên. Con vật oằn oại trong ánh trăng. Nghe tiếng nổ người làng đốt đuốc chạy đến. Nhưng khi tới nơi mọi người sững sờ rồi run lẩy bẩy. Đó không phải con rắn mà là một con người. Một con người giống khuôn mặt quỷ. Ba viên đạn đều trúng vào ngực, hắn đang thoi thóp trên vũng máu. Khi gặp người vợ lính, hắn lấy một tay che mặt mình lại còn tay kia chỉ vào túi áo rồi tắt thở.

Người ta khiêng anh vào nhà. Móc trong túi thì ra là những bức thư của vợ anh gởi lúc trước và cả bức thư anh mới viết cho chị. Người vợ cũng nhận được chồng trước của mình qua cặp mắt và cái sống mũi thanh có vết sẹo từ bên trái.

Hóa ra, người chồng trước của chị bị thương rất nặng nên tất cả đồng đội tưởng anh chết. Anh sống. Lần đầu soi gương, trong kiếng hiện ra không phải gương mặt của anh mà là khuôn mặt dị dạng. Phía dưới cặp mắt sáng và cái mũi thanh là một phần trống hoác. Xương hàm dưới bị cắt một nửa. Răng trên gãy gần hết. Cái lưỡi rụt vào trong làm lộ cái miệng như một cái hang sâu hoắm, đỏ lòm trông rõ cả cuống họng. Khi nói chuyện, lời nói chỉ phát ra những tiếng "tọc, tọc" liên hồi cùng với đờm dãi rớt ra.

Ba năm.

Anh không muốn trở về quê hương với hình dáng gớm ghiếc. Nhưng nhớ gia đình. Anh quyết định về ban đêm. Đứng ngoài cửa sổ gọi, để gia đình không trông thấy mặt mình, còn anh trông rõ vợ con một lần, rồi gửi lại bức thư và ra đi vĩnh viễn. Đến quê anh biết vợ mình đang sống với người khác. Mấy đêm rồi, anh núp phía sau gọi vợ ra cửa sổ. Tiếng gọi tên người vợ hiền qua lưỡi trở thành tiếng "tọc, tọc".

Người vợ khi biết người chết là chồng trước của mình nên điên loạn trở lại, ít tháng sau té sông chết đuối. Người chồng sau bị bắt. Còn đứa con không cha, không mẹ trước tuổi còn thơ.

Riêng anh, dân làng đồn là hồn anh hóa thành con vạc sành, khoác đôi cánh màu xanh của người lính. Hằng đêm, với gương mặt xấu xí anh ẩn mình trong các lùm cây "tọc, tọc" ròng rã từ lúc chạng vạng tới sáng, lên tiếng kêu

đau thương để gọi vợ gọi con. Tiếng kêu xé lòng của hạnh phúc bị số phận đắng cay tước đoạt.

Nghe bạn kể xong. Khản buồn buồn nói:

- Tao trốn công việc, trốn cái ầm ĩ của thành thị về nông thôn để tìm sự thanh thản vài bữa. Mầy kể tao nghe chi chuyện đó buồn thảm quá!

Quát vỗ vai Khản:

- Buồn vui cuộc sống chỗ nào, nơi nào cũng có - Quát cười khì rồi tiếp - Tao giao cái nhà nầy cho mầy, một tháng, mặc sức nghiên cứu buồn vui. Gạo, nước mắm, bột ngọt, hột vịt, lạp xưởng, vợ tao để sẵn trong tủ. Muốn ăn đồ tươi phải đi chợ xã. Cần cứ mần mấy con gà. Muốn giải trí thì ra ruộng bẫy chim cu. Có thể chụp được vài con, nướng nhậu cũng đã lắm. Còn lưới chụp mầy phải tập cho thành thạo. Loài này khôn lắm. Sảy một lần khó bắt lại được.

Và đây là ngày thứ hai Khản làm chủ nhà thằng bạn. Đọc sách mãi đâm buồn. Sáng nay thấy mặt trời mọc đẹp quá. Khản chợt muốn ra đồng chụp lưới bắt chim cu.

Chưa tới sáu giờ mà ông mặt trời đã vạch đường xanh đậm ở tít xa để chui lên. Hôm nay, ông khoác cho mình những tia sáng chói lọi như những nan quạt hình ngọc lựu mà một nhà văn nào đó đã tả. Nhưng đẹp nhất có lẽ là những đám mây phía trên. Những đám mây phiêu diêu trong cổ tích với đủ hình dạng. Màu trắng lốp, được vừng sáng đỏ viền quanh, cộng với cái xốp ướt nước của mây làm cho nó lóng lánh khác thường. Khản nhìn nó với lòng cực kỳ thán phục và biết rằng một chút nữa cái trứng khổng lồ đó sẽ nhỏ hơn, ánh sáng đỏ bớt chói chang. Và sẽ mất đi một buổi sớm mai. Cho nên Khản bắt tay vào công việc một cách sốt sắng.

"Ở đời có bốn cái ngu. Làm mai, giải nợ, gát cu, cầm chầu". Lại nhớ lời thằng bạn nói. Gát cu có vẻ tiêu cực và công phu. Nào phải có những cái *lục*, một dụng cụ gát cu, *lục* phải chạm trổ tinh vi, phải ngụy trang sao cho cu bổ đừng ngờ. Nhưng khó khăn nhất vẫn là chuyện cu mồi. Một con mồi gát được ít nhất cũng phải huấn luyện từ ba đến mười năm. Cũng có thể cu mồi là những con gát bắt được. Đó là những con có mã tốt, giọng gáy say. Qua thời kỳ huấn luyện, phải biết nhận ra hơi chủ. Biết gióng lểu đôi, lểu ba. Biết chiêu, bo, gù rút khi người chủ ra hiệu lệnh.

Còn mồi giỏi nhất là khi thấy con bói đến gần *lục*, phải "rút" cho kỳ được đồng loại nhảy vào bẫy.

Thuyết xong về cách gát cu, bạn Khản nói tiếp:

- Cách gát này tao nghĩ thụ động quá. Lựa một cành cây, gát cái *lục* có con mồi lên, ngồi chờ. Cả ngày được một vài con là nhiều, thậm chí không có con nào nữa. Bởi vậy người đời mới xếp vào loại ngu thứ ba.

Nghe Khản nói, Quát ngồi hẳn xuống chiếc ghế dựa. Bật lửa, đốt thuốc. Quát thả những vòng khói tròn bay lên giữa trần nhà, mơ màng nhìn nó.

- Không đâu mày. Trò chơi nào cũng có cái đam mê của nó. Đời sống

không có ý vị gì, khi mình không có một đam mê. Biết rằng sẽ mất nhân cách khi uống rượu say nhưng vẫn có khối người say rượu. Cha tao hồi trước làm nghề hạ bạc, giàu lắm. Sau bỏ nghề về đây mua hàng mấy trăm công ruộng. Lên bờ ông lại sanh ra đam mê nghề gát cu. Ông đổi hai mẫu ruộng lấy con cu mồi. Một mẫu lấy một cái lục. Và hàng trăm công ruộng khác bay theo nghề gát cu của ông. Gia đình sa sút. Bệnh tật kéo đến đeo đẳng như dây bìm bìm. Đến lúc hấp hối ông vẫn ra dấu cho cu mồi rúc lên từng hồi gióng giả mới chết.

Nói xong thằng bạn Khản lại mơ màng nhìn theo khói thuốc. Ánh mắt đăm đăm về xa xăm. Khản biết nó cũng đang đeo đuổi theo một đam mê nào đó. Khản cắt ngang dòng suy nghĩ của nó.

- Sao mầy không theo nghiệp ổng?

- Cùng là loài cu thôi. - Quát trả lời - Nhưng có chút ít bổng lộc, chút gạo trắng nước trong, chút lồng son gác tía, thì lại dùng đúng ngôn ngữ loài mình sát hại đồng loại mình. Những thứ đó tao khác ba tao, một cắc cũng không mua.

- Vậy chứ chụp cu khác với gát như thế nào?

- Tao thực dụng hơn. - Quát nói - Chụp kiếm mồi nhậu. Con mồi không có tội khi đồng loại sa lưới. - Nói xong Quát lại nhìn khói thuốc.

Lưới chụp sẵn. Soạn thêm đồ nghề, cu mồi, cơm nước cho cả ngày, Khản vác, xách các thứ ra đồng.

Đi một hồi tới khu vườn hoang. Nghe tiếng chân người, bầy trao trảo trên cây ớt hiểm bay loạn xạ. Một con rắn hổ ngựa giật mình, chạy phăng phăng trên mặt nước của một ao to.

Chui qua đám nhãn lồng. Ruộng hiện ra. Những vạt lúa vừa cắt xong còn trơ rạ vàng tươi, mập mạp.

Khản chọn chỗ như lời bạn dặn, cắm cột, chăng lưới, giựt thử. Hai mảnh lưới chụp vào nhau nhanh như chớp. Các thanh tre nằm song song rất đều, hứa hẹn không sảy con bổi nào.

Làm xong cái tum bằng lá dừa, thả cu mồi, buộc *dây nhá*. Khản chui vào tum ngồi chờ.

Nghe theo lời Quát, Khản chừa bốn năm khe hở để quan sát.

Sáu con bổi từ hướng Bắc bay tới. Khản giựt *dây nhá*. Bầy cu trên không đang ngon trớn, bỗng thấy con mồi chớp cánh, nên đảo vòng. Khản chụp *dây nhá* giựt lia lịa, ý thúc bọn chúng đáp nhanh xuống. Bầy bổi định đáp xuống lưới, chợt thấy con mồi chớp cánh liên hồi. Con đầu đàn cất cánh bay lên, kéo theo năm con sau bay thẳng.

Khản tiếc rẻ. Ngồi chờ hồi nữa. Hơi nản, nên lục túi tìm hộp quẹt đốt thuốc hút. Khi quay lại, hai con cu đất không biết từ hồi nào, đã đứng gọn trong lưới.

- "Đố trời cho mầy thoát" - Khản nghĩ và chụp dây giựt thật mạnh. Vút. Hai cánh lưới úp nhanh vô cùng.

Quá đà Khản té ra sau. Khi ngồi dậy được, anh thấy hai con cu đất đang thảnh thơi bay về phương Nam. Nó lẹ hơn lưới chụp.

Không hiểu tại sao nó thoát được. Sửa lại lưới, Khản ngồi chờ một hồi nữa. Ngồi một lúc không thấy con nào. Anh định cuốn lưới. Trong lúc đang tính, anh chợt nghe bên tai mình có làn hơi thở mạnh và mùi mồ hôi pha mùi đất khen khét.

Quay lại, sát Khản, một gương mặt xương xương đen ngòm hiện ra. Nhưng ghê nhất là hai hàm răng. Nó nhỏ, đều, nhưng nhọn một cách kỳ lạ và đóng bợn vàng khè khiến Khản liên tưởng tới ma cà rồng.

Hắn cười tự tin và nói nho nhỏ nhưng chắc chắn, như ra lệnh với Khản.

- Xê ra chút coi, để tui chụp cho vài con. Chớ giờ tới chiều chú không bắt được con nào đâu. Tôi thấy mắc tức chết mẹ!

Tự động Khản xê ra, nhường chỗ cho thằng nhỏ. Và không biết tại sao mình lại nghe lời nó.

Thằng nhỏ lại ra lệnh:

- Xê ra chút nữa, ngồi sát vào vách tum

Khản lật đật làm theo.

Bây giờ, nó chễm chệ ngồi vào chỗ Khản. Nó vạch rộng hai lỗ quan sát, giựt thử *dây nhá*, rồi tỉnh bơ nó rút một điếu trong gói thuốc thơm của Khản, quẹt lửa, thản nhiên thở khói.

Nó rít từng đợt thật sảng khoái. Khản nghe như cả tiếng khói thuốc đảo giòn giã trong hai lá phổi của nó.

Chậm rãi rít thuốc, độ nửa điếu, Khản nghe nó nói nhỏ:

- Cu đất ba con, phía Bắc.

Chú ý dữ lắm mới thấy ba chấm đen lao tới, Khản quay lại nhìn thằng nhỏ.

Nó vẫn phì phả khói, đoạn đặt điếu thuốc xuống ruộng, hơi xê mình ra sau một chút.

Ba con cu trên cao, đang đà bay hướng khác.

Khản nóng lòng định giựt *dây nhá*. Nhưng thằng nhỏ quyết liệt nắm tay Khản lại:

- Đừng!

Nó nói và đợi ba con mồi gần đến, thò tay kéo một cái, con mồi ở giữa chớp nhẹ đôi cánh, chỉ có một lần. Nó buông *dây nhá*, nắm sợi dây giựt.

Ba con mồi trên đà bay, thấy con mồi chớp cánh. Chúng đảo lại sà bay xuống lưới chụp. Đợi chúng còn cách lưới chừng bốn năm tấc, thằng nhỏ nắm sợi dây giật một cái. Hai mảnh lưới ụp vào nhau cũng không nhanh lắm nhưng ba con cu đất đã nằm gọn lỏn trong lưới, chúng nhảy lung tung tìm đường bay lên.

Không kềm được sự vui mừng, Khản khoái chí vỗ tay đèn đẹt.

Thằng nhỏ mỉm cười ta lệnh:

- Chú lại gỡ đi. - Nói vậy, nhưng nó vẫn cùng đi.

Khản định thò tay kéo lên.

- Chú đừng kéo vậy rách lưới.

Một tay lồng phía dưới nắm gọn con cu đất mập ú, tay trên cầm cái mỏ ấn xuống và ngón út đưa xuống mắt lưới ngoéo lên. Con cu đất sút khỏi lưới. Nhẹ nhàng nó kéo ra đưa cho Khản và dặn:

- Coi chừng sẩy.

Bỏ xong mấy con cu vào lồng, giờ Khản mới quan sát thằng nhỏ với vẻ thích mến thật sự.

Nó độ mười ba, mười bốn tuổi. Người khô đét. Móng tay, móng chân đầy ngấn bùn đen. Bộ đồ nó mặc, chẳng có hình dáng gì gọi là quần áo. Giẻ lau nhà Khản sạch hơn gấp trăm lần.

Khản ái ngại nhìn nó.

Riêng thằng nhỏ, biết Khản đang đánh giá mình. Mặt chẳng để lộ cảm xúc nào, nó nhìn Khản nói:

- Tui lạ lắm không?

Khản chợt giật mình khi nghe câu hỏi đó và hơi thẹn.

Nó móc lấy bịch thuốc rê, quấn hút. Khản đưa cho nó điếu thuốc thơm.

- Thuốc đó thơm nhưng của chú. Giúp chú khi nãy lấy một điếu là huề. Còn tôi quen thứ *rê chảng* nầy rồi.

Nó đứng dậy nói tiếP:

- Cu đàn mỗi ngày ăn ăn ba lần. Hừng đông, trưa và sẩm chiều. Trừ ngày nào có mưa lớn. sau mưa chúng mới đi ăn dậm, nhưng ít gặp lắm. Chú có thể ăn cơm hoặc ngủ đợi trưa chụp nữa. Nhưng chắc chú không chụp được đâu. Nó khôn hơn quỷ. Tui mắc vào nhà anh Bầu chịu mối mai đào mương. Chứ không tui ở lại chỉ cho chú. Chú ở xa đến phải không? - Nói xong chẳng chờ Khản trả lời, nó đứng dậy phủi đít rồi đi về phía cái nhà lá bên kia ruộng.

Khản muốn rủ thằng nhỏ ăn cơm, nhưng nhìn bộ răng nó, Khản không giữ lại.

Đồng trống, gió từng cơn phẩy vào người. Hương rạ ngát. Một khoảng trống mênh mông yên ắng. Bữa cơm đạm bạc nhưng ngon.

Ăn xong, Khản lấy miếng vải bạt trải ra. Nằm nghỉ đợi trưa chụp tiếp. Anh quyết phải bắt được vài con, chớ không bao giờ chịu thua loài hai cánh tầm thường nầy.

Nằm thoải mái trên rơm, Khản mới tức cười. Lâu nay, không nói ra nhưng Khản vẫn tự hào với học vị tiến sĩ của mình và đã từng ra lệnh cho người ta. Nhưng hôm nay nơi thôn dã, Khản lại răm rắp nghe lệnh một chú nhóc lên mười. Và, phải học khôn nhiều hơn mới có thể bẫy được loài động vật có cánh chỉ sinh tồn bằng bản năng tự vệ. Khản lại mỉm cười và nằm yên lặng.

Xa, lũy tre xanh cuối làng, có tiếng gà eo óc. Một con gáy, hai con gáy. Tiếng gà lưa thưa đếm bước chân thời gian đưa hồn Khản bay về giấc kê vàng xa xôi trầm lắng.

Đến gần hai giờ chiều mới thức giấc. Khản cố nằm nán lại và hé mắt nhìn. Năm sáu con se sẽ. Bốn con dòng dọc đầu vàng nghệ đang xúm xít chung

quanh chân Khản mổ những hột lúa của bọn cu mồi làm rơi. Chúng xem Khản như khúc gỗ vô tri chứ không phải một con người mà mỗi chữ ký quyết định đến hàng trăm số phận người khác. Khản vui vẻ ngồi bật dậy "hù" một tiếng. Cả bọn bay tán loạn.

Anh chui ra khỏi tum, vươn vai, khoan khoái hít lấy những luồng không khí trong lành.

Xa xa, bụi chuối xiêm ra hoa đỏ khiến anh chú ý. Dưới gốc có một người đang nằm. Hình dáng ấy, không ai khác, chính thằng nhỏ hồi sáng.

Khản đi đến đó.

Nó xê ra những cái thân chuối cho Khản ngồi.

- Hồi nãy, tui có lại thấy chú ngủ mê quá. Có hai bầy khá đông, nêu chú thức tui sẽ chụp giùm được. - Nó nói.

Chụp nhiều hay ít Khản không quan tâm. Cái háo hức chính của Khản là muốn biết tại sao mình làm như nó, mà không chụp được dù hai con cu đã đứng gọn trong lưới.

Khản hỏi:

- Cháu tên gì?

- Tui tên Nhọn.

- Nhà gần đây không?

- Nhà cháu cách nhà thầy Quát bảy cây cầu.

- Cháu biết chú ở đó?

- Tui còn biết chú ở đây chơi cả tháng nữa. Anh Bầu nói lại.

Khản sang chuyện khác:

- Tại sao chú cũng làm như cháu mà không chụp được con nào hết?

Nhọn cười. Khản tránh không dám nhìn hàm răng nó.

- Tui đã ngồi xem chú chụp từ khi vác lưới ra kia. Nghề chụp cu chú dở ẹt.

- Tại sao chú cũng nhá mồi mà nó không đáp xuống lưới?

- Cái ngoắc tay gọi bạn với cái ngoắc tay cầu cứu nó khác xa lắm. Con cu mắt nó tinh, trên cao nó thấy con khác xa hàng cây số. Đợi nó lại gần chú giựt dây nhá cho con mồi chớp cánh một cái nhẹ. Đó là cái chớp gọi bạn. Còn chú giựt liên tục, bắt buộc con mồi chớp cánh lia lịa vì sợ hãi. Đó là cái chớp báo sự nguy hiểm. Dù giống vật nhưng nó có thèm sa xuống chỗ chết đâu!

Khản thấy tim thắt lại vì sự thiển học ở cuộc sống nông thôn của mình và bắt đầu thán phục sự am hiểu của Nhọn.

Khản móc thuốc mời Nhọn với vẻ trân trọng đặc biệt. Lần nầy nó cầm.

- Cháu năm nay bao nhiêu tuổi?

- Tui mười hai, mười ba gì cũng quên mất.

- Còn cha mẹ cháu?

Nhọn giả vờ mượn cái hộp quẹt đốt thuốc và khen nó đẹp. Khản biết nó không muốn nói về chuyện gia đình. Nên đặt vấn đề khác.

- Có con đã đứng sẵn trong lưới rồi, sao chú giựt nó vẫn thoát được?

Nhọn rít một hơi thuốc, thong thả:

- Đã nói với chú nó khôn hơn quỷ. Chú để ý xem khi nó đậu xuống đất không bao giờ mổ lúa ăn liền. Nó đứng liếc mắt quan sát xem có nguy hiểm không mới mổ ăn. Cho nên khi nó đậu xuống lưới, khó mà chụp nó được vì lưới nhanh, nhưng không nhanh bằng đôi chân, đôi cánh nó. Chỉ động một chút là nó bay mất. Muốn bắt được, phải canh nó lúc nó xuống cách độ vài tấc, chú giựt đố con nào thoát. Cái trớn nó đang sà xuống muốn đảo lên thì không được, vì quá sát đất nếu đảo lên bất ngờ, nó cũng phải té xuống. Cuối cùng nó phải nằm gọn trong lưới chú.

- Vậy mà chú tưởng dễ xơi nó lắm. Hèn chi...

- Ở đây tụi tui không có tiền. Nên bắt buộc phải theo dõi bọn nó để kiếm cái ăn hàng ngày. Chú phải biết cách sinh sống mới bắt được nó. Tui đố chú tháng ba tìm được ếch ngoài đồng hay dưới mương rạch. Còn người sành ăn ếch chỉ ăn có lúc này vì thịt nó ngon và thơm hơn thịt gà. Nhưng muốn bắt, chỉ có tụi tôi thôi.

Và để chấm dứt câu chuyện Nhọn nói:

- Giờ chúng sắp sửa đi ăn buổi chiều, chú rình chụp được rồi.

Khản lắc đầu, vỗ vai Nhọn:

- Chú chụp chơi chớ không muốn bắt nhiều. Cháu lại đây.

Nhọn theo, Khản bắt ba con cu chụp được lúc sáng đưa cho Nhọn. Nhọn lắc đầu:

- Không! Chú đem về nướng đi. Tụi tui ăn hoài.

Khản nhìn Nhọn, tiếp:

- Cháu xách về làm sạch treo đó. Chiều chú lại chơi. Chú cháu mình nướng nó và tâm sự thêm về chuyện chim cò. - Khản cười.

Nhọn e dè cầm lấy, rồi hỏi:

- Chừng nào chú lại?

- Chiều chiều.

- Làm món gì để tui lo. Chú uống rượu không?

Khản lưỡng lự một chút rồi nói:

- Có chút rượu cũng được. Tiền đây. Còn cu thì nướng.

Khản nghĩ chắc gia đình Nhọn có trục trặc gì đây, nên có ý muốn tối nay đến chơi. Vả lại ở nhà Quất một mình cũng buồn. Và Nhọn đang thực sự thu hút Khản.

Khản lui cui cuốn lưới, nhổ cọc rồi đưa mắt tìm Nhọn.

Cái dáng nhỏ thó của nó đã khuất sau đám bắp xanh rờn.

*

Sự sạch sẽ, giàu sang lịch sự của người khách lớn tuổi làm Nhọn chăm lo chút đỉnh cho bản thân mình.

Cái áo rách lúc sáng được thay bằng cái áo màu đỏ, đỏ trông đến kì cục,

và cũng đã có vài chỗ rách. Cái quần dài sờn hai đầu gối, ở mông có một miếng vá. Còn hàm răng được nó đánh kỹ.

Ba con cu làm sạch sẽ treo ở chái bếp. Còn nhà chẳng ra nhà. Vì nó có mái không có cửa, có vách không có ván lợp. Một bàn thờ, một giường nằm. Trên cái bàn ăn nhỏ bằng tre, dọn sẵn chén đũa, rau, nước mắm. Một li uống rượu. Toàn bộ chỉ có bấy nhiêu. Riêng đĩa rau mới nhìn đã thấy ngon lành.

Khản đến. Nhọn cười vẻ thèn thẹn vì sự nghèo nàn của mình.

- Chú ngồi chơi nghen. Tui nướng nó, chim nướng một lửa ăn mới ngon.

- Sao cháu không ướp cho thơm?

- Nó mà ướp gia vị, mất mùi chim. Để tui làm lát chú ăn sẽ biết.

Nhọn gạt lửa bắt đầu nướng.

Ngồi không, Khản đi vòng quanh nhà người bạn nhỏ.

Dưới bàn thờ, có một hộp thiếc cũ khá to. Trong đựng nhiều đồ chơi Nhọn nặn bằng đất. Khản ngồi xuống lấy từng vật trong đó ra quan sát.

Một con trâu cỡ cườm tay nằm thảnh thơi ngơi nghỉ. Nó đưa cặp mắt bằng hai hột đậu đen nhìn xa vắng để nhớ lại thời làm lụng cực nhọc đã qua. Miệng nó ngậm ngang một bông lúa nhỏ. Bông lúa hơi khô chứng tỏ con trâu nầy được nặn cách đây không lâu.

Thầy trò Tam Tạng đi Tây Trúc thỉnh kinh. Đường thiên lý xa xôi muôn dặm mà thân hình Đường Tăng chỉ lớn hơn ngón chân cái. Gương mặt thầy hiền hòa đầu đội mũ tỳ lư làm bằng những hột lúa dựng ngược thật đều và khéo. Thầy đang cưỡi con ngựa trắng, tay cầm cây thiên trượng bằng nhánh trúc nhỏ, trên cắm ruột trái mù u khô. Cạnh là chú Sa Tăng đeo một xâu sọ đầu bằng hột thầu dầu trộng thật dữ tợn. Còn anh Trư Bát Giới ham dâm với hai con mắt ti hí, hai lỗ tai heo bằng lá nhãn khô dựng đứng, hai tay ôm cái bụng phệ nung núc mỡ, có cái lỗ rún sâu hoắm. Trư đang lười biếng nằm cạnh gốc cây khò khò ngủ. Riêng bác Tề Thiên có lẽ tác giả tốn công với bác nhiều nhất. Bác vận quần da hổ, áo thầy Tam Tạng may cho, y như trong phim. Hai tay bác cầm ngang cây thiết bảng bằng một cành tre nhỏ. Cây thiết bảng được nối với một thanh nứa dài uốn cong theo lưng bác bằng một sợi dây nhợ.

Thấy ngộ, Khản cầm ngang lưng bác đưa lên cao. Bất ngờ thanh nứa động đậy giựt sợi dây run lia lịa. Thế là, hai chân bác Tề Thiên đong đưa. Tay bác nâng cây thiết bảng lên, lúc thì gạt bên này, lúc thì lia bên kia. Lúc giơ lên cao, lúc thẳng tay đập xuống. Bác đang đi một bài hầu quyền tuyệt diệu. Nếu lúc này nam tài tử Lục Tiểu Linh Đồng thấy chắc cũng phải khen tài đối với bác.

Khản say mê nhìn. Quên luôn Nhọn, quên luôn mùi cu nướng thơm lừng.

So với chiếc xe hơi, chiếc máy bay điều khiển bằng điện tử từ xa Khản mua cho những đứa con, nếu mang vật này về thì chắc chắn chúng sẽ bỏ hết để chọn bác Tề Thiên.

Khản quỳ một chân xuống bên con trâu, tay nâng nó như một báu vật. Con trâu đất bỗng hỉn mũi như nhận được hơi người chủ cũ, nó phình to lên

như con trâu thật và ngoác miệng ra nhìn Khản cười. Nụ cười kéo tới tận mang tai, nửa thương, nửa khinh. Nó nói:

- Có phải ông tiếc những ngày xưa phải không? Khi ông cưỡi tôi, nhàn nhã rong chơi khắp đồng không mông quạnh. Lúc đó lòng ông trong sạch như bông sen trắng. Còn bây giờ... ha ha... ha ha...

Nói đến đây, đầu nó ngước cao và cười thành tiếng "ha ha" "ha ha". Nó cười đến hàm răng trên ta tả rụng hết nó mới thôi cười và ngâm nga:

Con trâu có một hàm răng
Ăn cỏ đất bằng, uống nước bờ ao

Ngâm xong miệng lại cắn ngay bông lúa và từ từ biến nhỏ lại thành đất nằm gọn trong lòng bàn tay Khản.

Ôi! Cái thời xa xưa của Khản, cái thời quá vãng ào qua lạnh buốt. Khản thấy rưng rưng và day dứt trong lòng.

Tiệc bày xong.

Nói là tiệc nhưng chỉ có hai người.

Hai chú cháu ngồi ngang nhau. Không ngần ngại Khản làm một ly rượu nếp rặc vừa nồng vừa thơm, khà một tiếng nhỏ. Đoạn, Khản xé một đùi chim béo múp, nóng hổi chấm nước mắm, bỏ vào miệng. Ngắt thêm vài đọt rau thơm, cắn nửa trái ớt hiểm, Khản bắt đầu nhai. Mỡ chim tươm ra đầy môi. Cái béo, cái ngọt, cái nồng, cái cay cộng với mùi chim nướng nó quyện tê đầu lưỡi.

Khản uống luôn hai ly với hai cái đùi chim. Anh bạn nhỏ, ngồi nhìn Khản ăn, mỉm cười nói:

- Tui đâu có nói trật, chú ướp rồi nướng ăn không ngon hơn đâu.

Vị ngon của rượu nếp rặc vẫn chưa tan, Khản gật gù:

- Không bữa tiệc nào ngon hơn.

Nhọn sung sướng nói:

- Nhằm nhò gì chú. Chim này thịt long nước ăn không ngọt hung. Bữa nào ra giữa đồng đem rau rượu, nước mắm theo. Cháu làm cho chú món chim ướp sình nướng rơm. Món đó còn ngon hơn nữa.

Đợi cơn khoái cảm qua, Khản mới trở lại ý chính là mình muốn tìm hiểu hoàn cảnh người bạn nhỏ ở đợ này, vì càng lúc càng thấy mến nó hơn.

Nhưng hỏi thẳng thì nhớ lại cái lẩn tránh của nó lúc ban trưa, Khản suy nghĩ tìm cách khác. Anh vào đề:

- Rượu ở đây ngon quá!

- Cái này là của thằng bạn, nó gởi cho tui và chú. Rượu nếp rặc. Nó còn gởi thêm một mớ phèo heo đang luộc nữa kia. Đợi hết chim tui chú sẽ làm tới món đó.

- Nãy giờ cháu chưa uống li nào. - Khản muốn Nhọn uống vai li. - Vậy mà cháu nói, cháu với mấy thằng bạn uống hoài.

Con chim nướng trong chén Nhọn còn nguyên. Nó rót rượu thật gọn. Bọt rượu sôi tràn thành li và nổ tanh tách nhưng không rớt ra ngoài một giọt. Nó

xé một đùi chim đút vào mõm con chó cò, rồi mới xé đùi kia bỏ vaò miệng, đánh ực một ly rất thạo.

Giờ Khản mới chú ý đến con chó.

Con chó háo hức nhai miếng thịt chim, đuôi ngoáy lia lịa. Toàn bộ cơ thể nó thật thiểu não, có thể nói chỉ còn một khung xương với dúm da bọc. Chỉ có cặp mắt nó sáng quắc. Khản biết nó đói và chợt nhớ tới một người bạn mình đã nhận xét là khi đói mắt người ta sáng lạ thường và trở nên hung dữ hơn. Ăn xong nó thè lưỡi liếm mép rồi liếm bàn tay Nhọn.

- Bạn tui đó chú. Thầy trò tui không lúc nào rời nhau. Nó giỏi lắm, nhưng lúc này thiếu cơm nên ốm nhom, ốm nhách, tội nghiệp. Nó bắt "ông đen" số một. Chú biết không, bữa hổm nó bắt một con lớn hơn cườm tay chú nữa, dài gần hai thước. Con rắn hổ đen phùng bàn nạo với nó, cháu thấy cháu còn sợ. Hai con thủ thế. Con rắn trườn tới, nó thối lui; con rắn thối lui nó nhào tới. Một hồi, nó đưa chân trái tới gần miệng con rắn, dứ một cái, con rắn mắc lừa mổ liền xuống đất. Lợi dụng phút đó, nhanh như chớp nó nhào tới cắn ngang cổ cúp con rắn, quay qua, quay lại lia lịa. Nó nhả ra, con rắn nằm im không nhúc nhích được. Tui chỉ cần lấy cái mác vớt khứa cổ đem về. Thầy trò nấu nồi cháo đậu xanh rồi cùng với mấy thằng bạn làm một bữa bí tỉ.

- Tiền đâu mấy cháu mua rượu?

- Đứa nào dư thì mua, không có thì thôi. Tụi cháu làm mướn. Ngày nào không ai mướn thì săn chuột, thổi quốc, hay nặn đồ chơi chơi.

- Cháu làm gì?

Thằng Nhọn đưa bàn tay to bè, chai sần. Những đốt tay phù lên như những đốt tre, cười hồn nhiên:

- Đủ nghề hết, mần cỏ, đào mương, cuốc đất.

Nói xong, để chứng minh, nó vào buồng ôm ra lỉnh kỉnh vá, cuốc, dao, cái nào cái nấy sáng giới vì cọ sát với đất. Chứng tỏ nó lao động cật lực. Nhọn tiếp:

- Bây giờ ít ai mướn làm quá. Người lớn như anh Bầu làm một ngày, ăn cơm chủ, chủ trả mười ngàn. Tui làm giỏi như ảnh nhưng chủ chỉ trả sáu ngàn mà anh Bầu phải lãnh giùm người ta mới mướn. - Nói xong, nó ôm con chó lên. Con chó thè lưỡi liếm gò má nó. - Nhọn tiếp - Tội nghiệp con này nó theo cháu hàng ngày. Nhưng mình ăn cơm chủ, cho nó ăn nữa thì chủ không chịu, thỉnh thoảng cháu lén đổ cho vài muỗng, nên nó ốm nhom - Nhọn lại cười.

- Còn ba má cháu đâu?

Nhọn nhìn xuống đất hồi lâu nói:

- Ba má cháu thôi nhau bảy năm rồi. Cháu ở với ba, nhưng ba buồn đi rượu chè đôi ba tháng mới về. Còn mẹ thì đi luôn. - Nói xong, nó vẫn nhìn xuống đất.

- Cháu sống như vậy thì sao sống nổi?

- Biết làm sao giờ chú! Cháu van vái ba má cháu về. Rồi, cháu sẽ làm cật

lực để có đủ tiền mua một bộ đồ hớt tóc. Nghề đó học nhanh và dễ làm ra tiền lắm. Với lại nó ít cực hơn nghề làm mướn của cháu. Chớ chú nghĩ, cháu có học hành gì đâu mà làm nghề khác được?

Khản nhìn mãi ngọn lửa bập bùng trong bếp, thằng Nhọn đứng dậy nói tiếp:

- Cháu xắt lòng heo, chú cháu mình làm tiếp.

Khản đưa tay ngăn:

- Không! Chú không uống nữa. Cháu dẹp đi. Đêm nay chú ở đây ngủ chơi với cháu.

- Phèo non ngon lắm.

- Không - Khản trả lời dứt khoát.

Nhọn nghe lời:

- Nếu chú ở thì chú ngủ giường cháu. Cháu ngủ ngay bàn này.

- Cháu ngủ chung với chú. - Khản nói.

- Không, cháu nằm chỗ nào cũng được, với lại cháu ngủ đâu con cò này theo ngủ đó.

Dọn dẹp xong, nó trải chiếu cho Khản nằm, rồi ra sân ôm mấy khúc củi bự vào.

Khản hỏi:

- Cháu làm gì vậy?

- Hun muỗi. Ở đây muỗi nhiều lắm chú.

Khản nằm im trên giường. Men rượu nồng lâng lâng mạch máu. Những ngày trước uống cỡ này dễ ngủ say lắm. Đêm nay lạ chỗ Khản trằn trọc mãi.

Đêm sâu, ánh trăng sót lại rớt ở hiên nhà. Những lùm cây xung quanh không còn trông rõ hình dáng, bếp củi Nhọn nhúm gần tàn, thỉnh thoảng cơn gió thoáng qua, nó bùng lên uốn éo một điệu múa lạ rồi tắt ngay. Qua ánh lửa, Khản thấy Nhọn nằm co ro trên cái ghế ăn cơm, con chó cò nghếch cổ nằm ngủ trên kheo chân Nhọn.

Khản chắc mấy ly rượu đã làm cho nó ngủ say. Anh định khi về đến thành phố, anh sẽ mua tặng liền cho nó một bộ đồ hớt tóc hiệu Pháp, loại tốt nhất. Chợt có tiếng Nhọn ho. Khản hỏi:

- Cháu chưa ngủ à?

- Đêm nào cũng vậy chú - Nhọn trả lời - Buồn quá. Nhất là tiếng con vạc sành nó kêu "tọc, tọc" suốt đêm. Cứ nghe hoài cháu không ngủ được. Đó, chú có nghe không?

Từ lúc chiều đến giờ Khản không chú ý, giờ nó nói, Khản yên lặng nghe "tọc, tọc, tọc". Tiếng kêu đều đều phát ra từ những lùm cây quanh nhà.

Nằm nghe nó kêu Khản thao thức mãi, chợt đầu anh chạm vào một gói gì nho nhỏ dưới gối. Khản lấy ra và quẹt lửa nhìn. Đó là một tấm ảnh cũ của ba má Nhọn và Nhọn. Người đàn ông trong ảnh đang cười, để lộ ra những chiếc răng nhỏ đều, nhọn một cách kì lạ y như hàm răng của Nhọn.

Khản rùng mình choàng dậy.

"Tọc, tọc, tọc". Khản biết giải quyết vấn đề Nhọn bây giờ không phải đơn giản là mua một bộ đồ hớt tóc loại tốt, mà chính là tiếng vạc sành của truyền thuyết ngày xưa.

Khản len lén đứng lên lấy cái mền đắp cái hình hài tiều tụy của nó. Rồi anh bước hẳn ra ngoài trời trở về nhà bạn mình.

Ánh trăng khuya làm ướt cả đường đi.

"Tọc, tọc, tọc" đâu đâu cũng có bản hợp tấu đau đớn, da diết, bi thương đó. Tiếng kêu thất thanh của nỗi đau nhất đời người, nhưng không do mình gây ra.

"Tọc, tọc, tọc". "Tọc, tọc, tọc" Khản chợt nhìn thấy chùm tóc lòa xòa trước trán mình bỗng bạc trắng và ngàn tiếng vạc sành như những chiếc răng nhọn hoất cấn xé trong tim mình.

"Tọc, tọc, tọc". "Tọc, tọc, tọc". Anh đi như chạy dưới ánh trăng tai tái.

PHẠM TRUNG KHÂU



DU TỬ LÊ

điều duy nhất / cuối đời / em nên biết/

* gửi t.anh/trúc, toàn, lệ, ngh.trí, ngx.hoàng, & t.

1.

khi em tới, băng ghế này đã có người ngồi
phố thay da và, cây áo mới
dù rất muốn, những con chim bồ câu già, lười chảy thây
cũng chẳng thể nói gì với em
về kỷ niệm sót, rớt của đôi ta
hạnh phúc: những cọng rác chừng gian; mục trong tổ ấm hoác

chỉ riêng trái tim ta
còn nguyên băng ghế trống
em có thể trở lại bất cứ lúc nào
điều duy nhất /cuối đời / em nên biết/

2.

khi em tới ngôi quán kia đã treo bảng closed
sorry we're closed
vĩnh viễn closed
nghe đâu
vợ chồng chủ nhân ly dị
những món ăn hợp với khẩu vị và sự kiêng khem của em
(thí dụ: ít đường, muối và mỡ...)
đã theo họ (mỗi người) về một nơi chốn khác
dù rất muốn, đám bàn, ghế thất nghiệp

cũng không thể kể cho em nghe
những lần một mình anh tìm đến

chỉ riêng trái tim ta
có ngôi quán
mở cho những người mang khẩu vị và sự kiêng khem như em
(thí dụ: ít đường, muối và mỡ...)
chẳng bao giờ đóng cửa
em có thể trở lại bất cứ lúc nào
điều duy nhất /cuối đời / em nên biết/

3.

khi em tới, ngôi nhà kia đã có chủ mới
viên gạch rêu dưới vòi nước rỉ còn đấy
chỉ những con dế cư ngụ nơi hàng rào xi măng bị bệnh đậu mùa
(ca hát suốt bao nhiêu mùa hè của tình yêu ta)
là không còn
chúng đã chết
dường chỉ ít ngày
trước khi con mèo tam thể của ông bà Smith
hàng xóm ta
bị tai biến mạch máu não
(ngay giò phong lan treo dưới mái hiên xám
cũng còn không sống nổi giữa đợi chờ bặt, bặt
nói chi tình yêu)

chỉ riêng trái tim ta
còn giữ nguyên ngôi nhà xưa
giữ nguyên mưa, nắng, cũ
chẳng một ổ khóa nào được thay
dù thời gian có thể đã rỉ cứt sét trong chúng
em có thể trở lại bất cứ lúc nào
điều duy nhất /cuối đời / em nên biết/

4.

khi em tới, thành phố này đã đổi thay nhiều quá
em có thể đi lạc
em có thể không tìm ra cái ngã ba, ngã tư
nơi chúng ta giận nhau/hôn nhau/chửi nhau/cắn nhau/ôm nhau/cùng khóc...
dù rất muốn, nhưng không ai đủ kiên nhẫn nán chờ
để kể em nghe
chuyện một người rất giống anh
đã sống thêm nhiều năm ở đây
và, tiếc thay
chính ông ta lại là người bỏ đi...trước nhất

chỉ riêng trái tim ta:
thành phố không bao giờ thay đổi
(nên chẳng ai bị đi...lạc bao giờ)
em có thể trở lại bất cứ lúc nào
điều duy nhất /cuối đời / em nên biết/

5.

khi em tới
bất cứ nơi nào
nhớ cất trong xắc tay; hay trong túi đeo vai
những chiếc lá khô bứt xuống từ cành cây tình yêu ta
bất hạnh

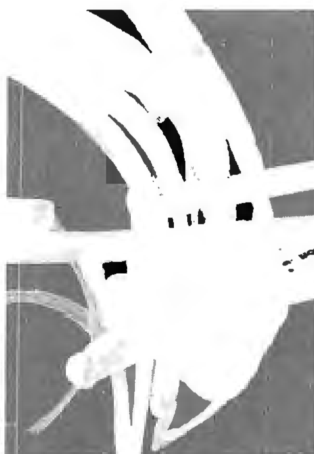
điều duy nhất /cuối đời / em nên biết/
giống như ta, chẳng có được bao người?!!!

DU TỬ LÊ
(June, 96.)



THUẬN ÁNH

a và b



Chương một

Tuổi: bốn mươi
Giới tính: nam
Chiều cao: một mét bảy mươi
Sở thích: hai phần ba các sở thích như đàn ông cùng tuổi
Kinh nghiệm tình cảm: tỉ lệ nghịch với số lần thất bại

Đầu mùa hè. Người đàn ông đi đến điểm hẹn. Điểm hẹn có màu vàng.

Con đường nhỏ đầy cát nhiều kiến vào mùa này và gió là sinh vật duy nhất còn sót lại. Nhưng gió cũng im lặng. Từ xa, anh đã nghe thấy nhịp tim gấp gáp của cô gái trẻ, người đang đợi anh. Cô còn rất trẻ so với anh, hầu như chẳng có kinh nghiệm trong tình yêu nhưng lại luôn bi quan. Cô gầy và bé nhỏ, trong tay không còn như trái táo xanh tươi mà xưa kia cô thường mua cho anh, ngay cả những ngày giữa mùa đông. Nét duy nhất trên gương mặt làm người ta không thể lầm cô với một cậu con trai là đôi môi đỏ rực mà giờ đây cũng đang chuyển dần sang màu tím giống như chiếc váy cô đang mặc. Có thể kỉ niệm, có thể lạnh. Người đàn ông nhìn thấy dáng run rẩy của cô nhưng mà chỉ vì gió, gió có màu vàng như điểm hẹn và sự run rẩy của cô gái, niềm yêu thương cũ kỹ vừa trở lại đã vội quay đi.

"Cô không hiểu gì về thành phố của tôi"

"Nhưng em yêu nó, đôi môi tím mấp máy"

Hội thoại được kết thúc như thế. Hội thoại có tên là A.

Chương hai

Trong căn phòng nhỏ có những bức tường làm bằng bìa của những thùng các tông cũ. Màu sắc và hình khối khác nhau nhưng chúng đều có nhiệm vụ gánh chịu hậu quả đến từ những phút giây mềm yếu nhất của chủ nhân căn phòng. Chủ nhân đó là tôi.

"Em tin là bọn mình không hợp nhau, tôi nói với anh như thế"

"Anh nên quay về với bộ sưu tập các kiểu áo dài của anh, tôi tiếp tục"

"Em ôm chặt lấy anh, như thế em sẽ không bị ngã và anh cũng đỡ sợ"

Độc thoại không bao giờ chấm dứt. Tôi gọi nó là B.

Tôi cần đến anh không phải vì một cơ thể nam đầy sức sống và một niềm lạc quan có đủ. Anh và tôi là những cá thể đối lập. Anh cười vào mũi những cái tôi đi tìm còn tôi đau khổ trước những điều không thể thiếu được trong cuộc sống của anh. Anh chắc chắn còn tôi bấp bênh. Anh có lí luận còn tôi luôn thiếu cơ sở. Anh hay tha thứ nhưng lại khe khắt trong tình cảm còn tôi, lòng độ lượng chỉ dành cho tình yêu.

Không bao giờ tôi tự hỏi anh có cần đến tôi không. Điều đó không có nghĩa là tôi sợ sẽ bị thay thế bởi các mode quần áo và đầu tóc. Ngược lại tôi luôn tìm cách để chỉ là giá trị tương đối trong cuộc đời anh, đứng thứ hai sau bất kì một điều gì đó.

B đến và đi rồi quay về nhưng không ở lại, một hành trình ngôn ngữ kiên nhẫn nhưng thiếu đức tin. Tôi luôn bị hành hạ khi ở bên anh trên chiếc đi văng màu đen, đồ vật duy nhất trong căn phòng. Không phải vì anh, vì cơ thể nam đầy sức sống hay niềm lạc quan có đủ mà vì B. Những phút anh say sưa thì tên tôi đang được gọi lên mãnh liệt nhất cũng phải nhường bước trước sự yếu đuối nhưng ngây thơ của nó, của B.

"Em có yêu anh không?"

"Nhiều lắm"

A được kết thúc như thế, bao giờ cũng được củng cố bằng một ít hạnh phúc chất bóp nơi anh và một ít ân hận không thật thà nơi tôi.

Chương ba

Hà Nội. Tháng một mặt trăng. Nhiệt độ của phố giảm đi trong khoảng cách giữa buổi trưa và buổi chiều khi người ta bỏ phố lại một mình để đi ngủ không phải vì thói quen mà vì mùi bột mì rán, món điểm tâm của cả thành phố đánh dấu một bước trong quan hệ hợp tác giữa nước sở tại và một nước châu Âu. Bột mì rán được nói đến ở khắp mọi nơi, trong lớp học, ở công sở, giữa cuộc gặp gỡ bên bờ hồ, các cặp tình nhân cũng dành cho nó một vị trí đáng kể xen kẽ giữa những nụ hôn và những động tác ít được luyện tập.

Mùa đông trả lại vẻ lười biếng cho phố, nỗi vô dụng cho chính số nhà và

sự thờ ơ cho hai trăm bảy mươi ba nhân khẩu. Phố bắt đầu bằng một cái chợ nhỏ chỉ bán độc hai thứ là rau cần và hoa cúc và chấm hết bằng nhà ga nổi tiếng mang tên một loại cỏ, có những con tàu đi hai ngày ba đêm hai nghìn cây số để đến thành phố hứa của tất cả các nhân khẩu trong phố. Nỗi vui buồn của phố là kết quả của một dãy phép tính cả cộng lẫn trừ những tình cảm vừa mang tính truyền thống vừa đặc sệt sự bộc phát và tính cá nhân của hai trăm bảy mươi ba nhân khẩu theo một qui luật yêu ghét hoàn toàn phụ thuộc vào khoảng cách. Cuộc họp phố vào tối thứ bảy cuối tháng chỉ đạt được mục đích duy nhất là xác định tình cảm của phố không phải đối với các nhân khẩu trên mà với kẻ đến từ bên ngoài bao gồm những mái tóc dài và mọi đồ vật trừ rau cần và hoa cúc. Điều này giải thích cho tính cả tin của đàn bà và nỗi trầm tư của đàn ông trong phố.

Mùa đông làm cho phố có màu vàng sậm hơn màu vàng cố hữu của những bức tường. Nhưng màu của phố chẳng được ai biết đến. Hai trăm bảy mươi ba nhân khẩu thờ ơ trong những đôi tất màu vàng bán theo phiếu vải quí trước và hoa cúc đầu phố cũng chẳng lấy đi nổi một phút trong giấc ngủ tám tiếng đúng qui định.

Chương bốn

Phố không có A và B.

Hà Nội.

... tôi đã đến thành phố này, những cô gái đẹp như trong mơ...

Tôi ngồi sau xe máy, tay ôm eo Hằng. Mày ôm chặt lấy tao. Như thế mày không bị ngã và tao cũng thấy đỡ sợ.

Hằng bạn tôi da trắng tóc dài váy ngắn áo vét tất đen giày Ý. "Mày mới đi về tao biết làm gì có tiền". Chúng tôi ngày đi ăn đặc sản tôm chua ốc gừng, bê thui cơm huế cơm niêu, tối đi hát ka-ra-ô-ke hồng sơn thanh tuyền chế linh mai kơn. Hằng làm thư kí sở tây mỗi tháng lương chính hai trăm đô chưa kể các khoản phụ. Người yêu Hằng tên Hùng tốt nghiệp đại học bách khoa hiện làm tiếp thị công ty liên doanh điện tử. Hùng Hằng yêu nhau mười năm nhưng chưa được cưới vì cha mẹ Hằng bảo thời gian tìm hiểu chưa đủ và còn chưa có cả thời gian thử thách lứa đôi, ý muốn nói đến thời gian chiến tranh mẹ đã đợi cha ròng rã hai mươi năm tròn không có cuộc tình nào khác dù đơn phương hay đa phương. Chủ nhật Hùng mặc quần xoóc trắng phông cá sấu trắng giầy trắng tất trắng đánh gôn sân gôn Quảng Bá, Hằng áo bơi hai mảnh tất dài da chân thể dục nhịp điệu câu lạc bộ Thanh Niên. Buổi tối cả hai gặp nhau nhà Hương sinh nhật nhà Khánh thôi nôi con trai nhà Huệ ăn hỏi nhà Lan đám cưới nhà Minh tân gia khách sạn mini Gia Lâm.

Trong căn phòng nhỏ của gia đình tôi dĩ nhiên Hùng và Hằng không bao giờ ngồi lại quá mười phút không bao giờ có sinh nhật không bao giờ có hoa

tân gia dạ vũ sau những bữa tiệc, không có A vì sự hiện diện của cha mẹ không có B cũng vì cha mẹ. Hạnh phúc tràn trề sáu mươi năm lại quay lại một lần song chẳng ai dám nhận vì chẳng biết trút bỏ vào đâu. Cha mẹ bảo hạnh phúc là sự xa xỉ thói phù phiếm. Anh tôi bảo là sự ăn bám vào đạo đức. Chị cả thì bảo là hạnh phúc quá đơn sơ không thuộc nhu cầu của chị. Tôi hai mươi tuổi lần đầu nhìn thấy hạnh phúc sáu mươi năm mới lại quay về kể từ ngày cưới ông bà ngoại tôi nên kinh tởm mà bảo đấy là sự vô liêm sỉ. Hùng Hằng cười khẩy. Hạnh phúc nhón gót đi ra đến cửa không quên mượn tạm đôi giày tám khuy của Hằng sáu mươi năm sau mới quay lại trả. Chị cả kêu lên đồ mất dạy tôi thì tưởng chị chửi cái hạt bí thôi, Hằng thì tưởng chị chửi Pao-la nhân vật nữ chính của phim truyền hình bảy mươi hai tập quà viện trợ Bra-xin. Năm ngày sau Hùng mới nói là nó tưởng câu chửi là để dành cho nó lúc ấy đang tìm cách nhìn vào phía bên kia chiếc cúc áo thứ ba từ dưới lên của chị tôi. Năm ngày sau Hằng bật cười rất to và còn giữ mãi nụ cười thông cảm cho tới khi cả hai đều bị ngã xe máy, Hùng đằng trước Hằng phía sau. Hậu quả là hai chiếc đèn hậu bị vỡ còn thủ phạm dĩ nhiên là người chị cả của tôi. Lại nói về chuyện đạo đức. Cha mẹ tôi bảo Hằng phụ nữ không được đi xe máy vì phải ngồi dạng chân. Cha và mẹ bao giờ cũng có chung ý kiến, nên tôi gọi thành một chữ kép, chữ cha mẹ. Anh tôi bảo đạo đức cũng có nhiều loại, đạo đức giả và đạo đức thật. Chị cả nói chị gìn giữ đạo đức của chị bằng cách kẹp chặt hai đùi vào thành xe. Tôi không tham gia vì chưa biết đi xe máy, mà chỉ hỏi cha mẹ: thế còn danh dự?

Danh dự là cái mà chả ai có, anh tôi nói, còn chị cả thì chữa lại, là thứ mà chả ai cần. Hùng bảo trước mặt đàn bà thì có. Cha mẹ bảo chúng tao đều là đảng viên nhưng cũng chưa thấy người ta nói đến, nhưng danh dự ấy à, ấy là không ăn cắp hủ hóa xem phim cấm. Hằng cười to bảo chúng cháu phải đi đây thế mà đã gần mười phút rồi. Trước kia tôi thường đi theo Hùng Hằng và chứng kiến những vụ va chạm của mỗi bộ phận mang tính giải phẫu của chúng. Đại loại môi có thể va vào môi, hông có thể vào mông còn tay thì tương đối tự do hơn. Bây giờ tôi từ chối vì cảm thấy tự do của tôi bị xúc phạm, lại còn cả danh dự nữa chứ. Ra đến cửa Hằng mới biết bị mất đôi giày tám khuy. Nó đành đi tạm đôi giày của tôi đếm đi đếm lại cũng chỉ có mỗi khuy mỗi bên. Nó sẽ đem trả tôi sau sáu mươi năm nữa khi hạnh phúc quay về.

Những cuộc đi chơi riêng của tôi với Hằng còn thú vị hơn. Không có chỗ cho đạo đức và danh dự. Không có cha mẹ. Nhất là không phải làm chứng cho các cách diễn đạt tình yêu của hai kẻ khác. Không có Hùng những va chạm thân thể trước kia mang tên Hùng Hằng thì bây giờ được gọi là Hằng Tôi, không mục tiêu, không chứng minh cho điều gì cả. Chị cả tôi bảo tất cả mọi người yêu đều phải làm những cố gắng để yêu. Những va chạm cố gắng. Những vuốt ve cố gắng. Những nụ hôn cố gắng. Để chứng minh cho tình yêu. Tôi hai mươi tuổi chưa một lần yêu đương. Tôi trinh trắng bất chấp tất cả các cố gắng của tôi từ năm mười ba tuổi. Tôi buồn mà giữ kín cái bí mật này,

thì ra tôi cũng cần danh dự, không phải chỉ trước mặt đàn bà, mà cả đàn ông lẫn đàn bà, trừ cha mẹ. Người bị tôi trút bỏ vào đấy những mặc cảm dĩ nhiên là Hằng, cô bạn vô tư đem đi cho hết từ năm mười bốn tuổi ngay sau tia mắt đàn ông đầu tiên chẳng phải ai xa lạ chính là Tri-khô-nốp nhân vật đẹp trai nhất trong mười bảy khoảng khắc của mùa xuân. Còn sau đó là các bạn trai cùng lớp, Hùng là người đến sau cùng, cũng là người ở lại lâu hơn cả, cũng vô tư yêu nhất là môn bóng đá yêu nhì là Hằng.

Tôi chưa có ai để yêu, hoặc đúng hơn chưa có ai có tôi để yêu, nên tin rằng chỉ những người yêu mới làm A và B. Trong quán ca-ra-ô-ke tôi hỏi Hằng giữa hai điệp khúc có biết A và B là gì không. Hằng bảo: biển hát tự bao giờ, mà như thấy trong mơ, không A cũng chẳng B, chỉ có anh và em, chỉ có anh và em. Nhạc dạo, trước lúc vào đoạn ba tôi lại hỏi Hằng khi chỉ có Hùng Hằng nếu không làm A và B thì còn làm gì. Mùa thu mùa thu. Rất dịu dàng. Mày là con ngốc. Hằng đáp. Nếu không làm gì thì làm chuyện ấy. Nói chung là như vậy. Còn nếu không làm chuyện ấy thì làm chuyện ấy khác. Nói chung cũng là như vậy. Không tuyệt vời như hạnh phúc của ông bà ngoại mày song nói chung cũng thích lắm. Nắng vẫn còn nắng. Sao em ngẩn ngơ. Rồi quay một trăm tám mươi độ để kết thúc một lần cuối điệp khúc, lần này là lần thứ ba và phải cất cao lên ở câu cuối cùng, kéo dài hơn, nhỏ dần vào nỗi đau câm. Phong cách TL. Nói chung là có chuyện ấy nhưng không có A và B, lại một trăm tám mươi độ theo chiều tiếp tục kết thúc ở cái mặt đần độn của tôi, nói chung là lớp trẻ chúng ta không làm A và B. Còn đôi giầy của mày, mày cho tao mượn thêm thời gian nữa, chưa đủ tiền mua lại đôi tám khuy hôm nọ, và nói chung đôi giày của tao đắt gấp tám lần đôi của mày, số tiền và số khuy là một tỉ lệ thuận.

Có tiếng khuấy chân dưới ghế. Tôi không đoán là chân Hằng. Chẳng nhẽ ai đó lại tìm chân tôi? Chân tôi hay chân Hằng? Một va chạm bằng hai chiếc tất chân, một chắc chắn là của tôi. Lại một va chạm nữa. Hằng không tham dự cuộc chơi vì đang chuẩn bị hát lại bài hát vừa rồi theo nó chưa thành công vì những câu hỏi của tôi vì những câu trả lời của Hằng. Lần này thì chiếc tất chân của tôi có nguy cơ tụt mất do những khuấy động phía bên dưới ngày càng vật chất hơn. Cũng có những tín hiệu dịu dàng rồi hết sức dịu dàng. Cũng có những cọ xát dịu dàng rồi cũng hết sức dịu dàng. Sau đó là cả một chuyển động của rất nhiều chân và tất nhưng không biết là của ai vì đèn tối, vì ai cũng hát chỉ trừ mình tôi chưa bao giờ hát trước người khác và, vì nói chung lúc bấy giờ tôi cũng không nhìn ai cả. Mắt đỏ. Tim ngừng đập. Tôi uống chiếc cốc rỗng không. Lỗi là ở tại cà-phê hết. Thế nhưng chỉ có vậy thôi. Tôi đã chẳng nhìn ai. Chẳng phát tín hiệu trả lời vì sợ một cử động nhỏ nơi tôi sẽ phá vỡ các chuyển động đang nâng dần độ cao, từ không xăng-ti-mét, đến mười xăng-ti-mét rồi năm mươi xăng-ti-mét. Điệp khúc đầu kết thúc. Biển hát từ bao giờ, mà như thấy trong mơ, rồi kết thúc. Hằng lôi tôi đứng dậy bảo đồ mất dậy, giọng như chị cả tôi, không biết là để cho ai, kết thúc

luôn cả những chuyển động những tín hiệu cọ xát, cả những dịu dàng và không dịu dàng dưới chân ghế. Ra đến ngoài đường nó còn nói đồ mất dậy, những đứa lợi dụng nghệ thuật để dở trò mất dậy. Vậy là ở đây cũng không có A lẫn B.

Chương năm

Tuổi: hai mươi
Giới tính: nữ
Chiều cao: một mét năm nhăm
Sở thích: ba phần hai sở thích của phụ nữ cùng tuổi
Kinh nghiệm tình cảm: tỉ lệ thuận với số lần thất bại

Hai mươi năm trước tôi sinh ra ở Hà Nội. Khao khát đầu tiên là chắp từ để làm đối thoại. Lúc đó tôi chưa hiểu đấy là A. Chữ đầu tiên mà tôi nói cũng là a song không đến từ mẹ, cũng không đến từ cha. Chữ đầu tiên mẹ dạy tôi là mẹ. Chữ đầu tiên cha dạy tôi là cha. A đến từ bẩm sinh. Kỷ niệm đầu tiên là những a được trao cho các thiên thần vây quanh nôi. Từ lúc mới sinh cho đến tuổi mười ba ai cũng là thiên thần. Giấc mơ đầu tiên là bé đất và quỷ đá cũng những kêu khóc a. Bài hát đầu tiên là a cái con cò đáng chê. Bài hát đó mẹ hát. Cò là tôi. Câu hỏi đầu tiên là vì sao bảng chữ cái lại bắt đầu bằng a, mẹ không giải thích, cha bảo mẹ con đang tìm chân lý. Nhiều năm sau có thêm sự giúp đỡ của cha mẹ vẫn còn đi tìm chân lý, không phải để cho a, mà để cho xã hội học. Cha mẹ bảo đời người mà tìm được năm chân lý là đời người có nghĩa. Cha mẹ bảo chân lý là cái khách quan, nằm ở gần đường chân trời. Còn đối với tôi chân lý chính là cha mẹ. Trong nhà cha mẹ luôn là người có lý, như hai dòng kẻ song song kể từ năm này sang năm khác và chúng tôi ba chị em chuyển dòng trong hai dòng kẻ đó, cũng từ năm này sang năm khác. Nỗi buồn đầu tiên là những cố gắng của cha mẹ để làm đối thoại. Không phải là những cố gắng để chắp từ. Không phải là A như trong công thức của tôi. Cha mẹ giống nhau cùng thói quen đi ngủ sớm dậy sớm. Cùng đạo đức. Cùng hát một bài hát yêu thích mỗi khi trống trải, nếu có. Cùng chiến đấu không mệt mỏi chống mê tín dị đoan ở cả ba chị em chúng tôi. Thành công đầu tiên là làm cho tôi hiểu rằng bóng tối không phải là nơi trú thân của ma mà của kẻ cắp. Thất vọng đầu tiên là không sao hiểu được bằng cách nào tôi đã được sinh ra, cũng là lời từ chối đầu tiên tôi nhận được từ phía cha mẹ về cùng một đề tài. Thành phố đầu tiên mà tôi đến từ Hà Nội cũng bắt đầu bằng chữ a, ý nghĩa thì khác, và kết thúc bằng một phụ âm, không có nghĩa. Người thầy đầu tiên là một phụ nữ luôn tự giới thiệu mình bằng chữ công dân không kèm theo giới tính. Người bạn đầu tiên không cùng lứa tuổi, bất đắc dĩ, theo yêu cầu của cha mẹ, là chính cha mẹ. Một người bạn kép hai giới tính hoặc không

giới tính. Tôi đã khát khao có một đứa bạn, bỗng dưng có cả hai. Nói chung cha mẹ đền bù cho tôi tất cả mọi thiếu thốn chủ yếu về tinh thần và đạo đức bằng cách đứng vào chỗ trống. Câu thơ đầu tiên là nụ cười không biết của ai. Chẳng nhẽ lại là nụ cười của cha mẹ? Tình yêu đầu tiên là một công dân không biết là ai. Chẳng nhẽ cũng là cha mẹ? Lần sinh nhật đầu tiên là sau này, không nằm trong phạm vi thời gian của câu chuyện, cũng không nằm trong cùng một không gian đã được định vị là Hà Nội. Trong gia đình không bao giờ có sinh nhật. Không ai nhớ nổi năm sinh cùng ngày tháng sinh của những ai còn lại trong nhà. Cũng giống như hạnh phúc, sinh nhật là sự xa xỉ thói phù phiếm, là thứ ăn bám vào đạo đức và không thuộc về nhu cầu châu Á. Hai mươi năm trời tôi đã dự hàng vô vàn những sinh nhật, mười một lần của Hằng, mười lần của Hùng, năm lần của Lan Anh và sáu mươi lần của Nhài Huệ Cúc Hồng Hướng Dương Phong Lan Thủy Tiên Tầm Xuân Trúc Đào toàn bộ các loài hoa không phải lần nào cũng mang theo quà. Và tại sao không một lần của tôi? Chữ đầu tiên học ở trường vẫn là a, giống như a trong bẩm sinh. Ngày đầu tiên đến trường trùng vào ngày quốc khánh, cảm giác để lại là rất đông người, kiến thức để lại là chữ a, những thứ khác không được bẩm sinh chấp nhận được trả lại ngay tức thì cô gái công dân, đổi lấy một thành kiến buồn bã đi theo tôi suốt bốn năm học cấp một. Trong suốt bốn năm tôi không tồn tại dưới cặp mắt vốn dĩ sẽ rất đẹp nếu như không bị lồng dưới kính hai

phần bốn phân của cô giáo công dân. Quà tặng đầu tiên là nụ cười hiền của cha mẹ không có lời không nguyên cớ, nhưng thật dài, kéo từ cửa ra vào lách qua năm chiếc ghế đến đậu trên bậu cửa sổ như chực nhào ra ngoài để làm lại một vòng nữa. Nụ hôn đầu tiên được đặt trên đôi mắt búp bê bốn mươi ba tuổi, sở hữu của mẹ từ lúc mới sinh. Giọt nước mắt đầu tiên được trao cho cha mẹ. Để chứng minh cho cái nữ tính trong tôi, khi còn là thiên thần. Chẳng nhẽ lại đem cho ai khác? Dấu hiệu giới tính đầu tiên là lúc trút bỏ đôi cánh thiên thần để trở thành người. Mười ba tuổi một ngày. Và tại sao tôi không mãi là mười ba tuổi? Và tại sao người không bao giờ trở lại thiên thần?

Chương 6

Thân yêu tặng B và những người tên bắt đầu bằng B.

Tôi không hiểu lần này sẽ gọi nó là gì, sau ba năm kiệt quệ vì seri người tình tên B chỉ để có được một kinh nghiệm cay đắng tên và người chẳng có liên quan gì đến nhau. Một kinh nghiệm mang tính quốc tế và phải trả một giá quá đắt. Tên của anh nằm ngoài phạm vi Bình Bằng Biên Boris Bernard Benoit và Bill. Anh chẳng đòi hỏi tôi phải nơi ở, dẫu là một con phố, phải vượt ngàn dặm để tìm lấy hạnh phúc hay mang cả vấn đề quốc tịch ra để

chứng minh tình yêu. Đơn giản anh và tôi chung một số nhà. Nhưng xin được nói trước để bạn đọc đừng chờ đợi tình cảm mơ mộng như bài thơ nổi tiếng của P.T.T.N. đã được phổ nhạc ghi băng có hương hoa quỳnh trong buổi tiễn đưa người ra trận. Anh và tôi cũng chẳng có để làm bạn đọc nhớ đến chuyện tình bi thảm gây xôn xao dư luận một thời như bộ phim Pháp "Cô hàng xóm" toàn diễn viên siêu sao đảm nhiệm. Lộn lại gia tài văn học dân tộc thì tôi đây người viết thấy tài mọn xấu hổ mà chẳng dám so mình với tác giả bài hát "Cô láng giềng" đã mãi mãi đi vào lòng cả hai thế hệ ông bà và cha mẹ tôi. Anh và tôi chẳng có gì để khoe với thiên hạ cũng không có gì để giới thiệu với nhau. Tiểu sử nhau chúng tôi nắm đủ hơn cả công an hộ tịch khu phố. Và những thói quen. Ôi những thói quen mà chỉ đứa trên gác đứa dưới nhà mới thông để chẳng bao giờ phải chạm trán nhau ở máy nước, buồng tắm hay hố xí công cộng trừ những lúc không ghìm được nữa. Chuyện tình của chúng tôi ngay từ đầu đã gây cấn ngang biệt động Sài Gòn hay X30 phá lưới, cả anh cả tôi đều đơn phương và nằm ngay trong lòng địch. Địch đây muốn nói đến các bậc phụ huynh chứ không phải vợ như thuật ngữ phổ biến hiện nay. Hồ sơ xích mích và xô xát cộng thêm thư nặc danh và đơn tố cáo nếu phải đi đôi với bản đăng kí kết hôn của chúng tôi chắc sẽ gây một vụ xì-căng-đan lớn dẫu mẹ anh là cán bộ phụ nữ và bố anh trong quyển hồi kí mới xuất bản có đưa ra một chi tiết (xuất hiện với tỉ lệ cao trong các hồi kí ở ta) là giác ngộ cách mạng đã đến đúng lúc giúp ông thoát khỏi một cuộc tảo hôn, chi tiết này đặc biệt quan trọng được phân tích kĩ lưỡng từ nguyên nhân đến kết quả và nêu ra ý nghĩa, đại để tự do hôn nhân là vấn đề có tầm vóc chiến lược trong công cuộc cách mạng của dân tộc. Từ phía nhà tôi nào có kém cỏi, cha tôi luôn luôn tuyên bố, khi thì có vẻ nửa đùa nửa thật, lúc lại dưới dạng tâm sự: "Trẻ nhà này muốn lấy ai thì lấy tôi và bà ấy không bao giờ ngăn cản". Phần mẹ thì khác, đơn giản ở chỗ là mẹ không ngờ, mới đây mẹ vừa cho ra đời công trình nghiên cứu qui mô một đời viện sĩ: "Vấn đề khoảng cách trong tình yêu", trong đó ngay từ phần giới thiệu mẹ đã đánh giá cao vai trò giáo dục nhà trường và xã hội trong việc lựa chọn tình yêu của giới trẻ ngày nay bằng cách đưa ra một thống kê cứ mười thanh niên được hỏi thì chín phẩy một trả lời đã tìm vợ hay chồng ở cơ quan, trường học, nhà máy, công trường, câu lạc bộ, qua bạn bè. Không phẩy chín còn lại làm mẹ yên tâm. Tôi đo độ yên tâm của mẹ bằng số lần trong ngày mẹ rủa "quân vô học". Ngày xưa đều đặn hai lần một ngày bẩy giờ sáng và bẩy giờ tối. Lần đầu khi mẹ đang đếm cà xếp vào hai cặp lồng cơm một cho cha và một cho mẹ gặp lúc thằng em anh đi học qua huýt sáo bài "Triệu triệu bông hồng". Lần sau để chửi "quân vô học" không bao giờ cho mẹ được thấy trống đồng Ngọc Lũ tròn trịa trên vô tuyến truyền hình. Tờ Nhân Dân bao giờ cũng phải hứng cái lườm từ mẹ sang cha, hứng luôn cả cái hậu ý bên trong "Mỗi việc mua cái suýt-vôn-tơ không xong. Nó quấn lại dây điện lù lù thế mà cũng rước về". Bây giờ khi cơm bụi và sông Đà lấy đi hai lần chửi trong ngày rõ ràng và có qui tắc, điện thoại lại mang

đến vô số lần chửi cũng rõ ràng nhưng không theo qui tắc. Còn cái lườm lần này không phải nhằm vào cha mà ba chị em chúng tôi, hậu ý cũng chẳng có tờ Nhân Dân để hứng nên tuôn ra xối xả: "Nuôi chúng mày tốn cơm tốn gạo ba đứa lớn tồng ngồng mà chẳng đứa nào lắp được cho cha mẹ cái điện thoại". Theo mẹ đó là một cách báo hiếu. Cha bảo: "Điện thoại giúp người ta đỡ cảm thấy cô đơn". Anh tôi nói: "Cha chỉ có sách vở, ở nước mình làm gì có cô đơn và đang thiếu nỗi buồn". Chị Cả cắt ngang: "Mày biết gì tao đang buồn đây hơn ba mươi rồi mà chẳng có thằng nào rước đi". Tôi không nói gì, buồn vui của tôi đang ở cả trên gác. Tôi cố gắng lắng nghe bước chân anh thay cho những lần gặp mặt. Dù sao cũng tự nhiên, đàng hoàng và không hao tổn thần kinh. Không phải bước chân thằng em anh lúc huỳnh huỵch lúc bay bướm như đang trên sàn khiêu vũ, cũng không phải bước đi mạnh mẽ của bố anh hay rón rén của mẹ anh, những bước còn lại là của anh, ngay lập tức tôi biết chúng là của anh. Tình cảm hơn, tha thiết hơn, có lẽ anh biết tôi đang ở dưới ấy. Ngoài những lúc phải vắng nhà để bảo đảm tám giờ vàng ngọc cộng với nửa tiếng đi nửa tiếng về, chúng tôi đều ở nhà, như thế cũng được coi là ở bên nhau. Tôi còn nhớ những buổi tối khi mọi người đi ngủ hết, tôi se sẽ ra ngồi một góc và tin chắc trên kia anh cũng đang ngồi ở góc ấy. Nhà tôi không có sân và nhà anh không có ban công để chúng tôi có được một khoảng của riêng mình, ít ra cũng có thể thở chung một bầu không khí ngoài sự hiện diện của các cha mẹ. Chưa bao giờ tôi yêu như thế, đầu óc tôi chỉ có hình ảnh anh. Những bức thư tôi viết cho anh ngày một nhiều. Tôi đợi một ngày nào đấy tôi sẽ đưa tất cho anh. Thế nhưng ngày ấy chẳng bao giờ đến khi bỗng một hôm tôi chẳng còn nghe thấy những bước chân của anh, tình cảm và tha thiết. Có lẽ anh đã ra đi như tôi ngày xưa, chỉ để tìm B. Có biết bao giờ anh lại trở về?

THUẬN ÁNH
Paris, tháng 3 năm 96



LÊ BI

hà nội 95

dấu cả căn cước
cho nó thành vô hình
20 năm trở về nhìn hình nước
Hà Nội mở cửa cho tôi bằng tờ giấy thông hành.

đổi những đồng đô la xanh
hội nhập vào đất đai, con người, cây xanh, thành phố
tôi chưa kịp tới Sinh Từ
trời tháng 5 đã căng đầy biểu ngữ.

tôi biết Hà Nội qua sử sách văn chương
bây giờ ôm tận mắt bên hồ Hoàn Kiếm
không thấy rùa không thấy kiếm
chỉ nghe rực tiếng ve cùng tiếng còi xe lấn đất dành đường.

giữa tổ quốc tôi vẫn mất mình
và ngờ ngợ như người vô tổ quốc
thì thầm tiếng Việt
trên chính thân thể mình.

chấm than

tôi không là gì kể cả sự quên lãng
của dấu chấm than
tình cờ rớt xuống.

ai cũng có thể là diễn viên có thể là khán giả
hoán chỗ cho khoảng trống
giữa những vở kịch về già.

tôi vẫn sống bằng một nghề khác
là con
là chồng
là bác
là cha
là anh
là bạn
là hàng mã
ngả ngớn giữa thế giới vô danh.

tôi không là gì kể cả những dấu hỏi
lấy lẫn nhau
cứ đuổi theo cuộc đời

lăn lộn giữa bánh vẽ và hiện thực
những cuộc cách mạng đã kiệt sức
thiếu áo quan chung.

không màu cờ nào còn mới
tôi buồn như thế kỷ
ôm không hết phù du.

gảy đàn

mỗi ngày nghỉ cuối tuần nếu còn mở mắt ra tôi đều ngạc nhiên
như kẻ sống sót
nằm trễ giữa tiếng chim
muốn vào một thế giới khác
tôi tự đậu thai
giữa những dòng chữ co quắp
rồi động tình như Thúy Kiều
gảy đàn cho đời sau.

LÊ BI



AN PHÚ VANG

địa chấn, ví dụ một



LTS: *An Phú Vang làm thơ đã lâu, dưới bút hiệu Nguyễn Nam An, thơ anh xuất hiện khá đều trên vài tạp chí uy tín tại hải ngoại.*

Gần đây, An Phú Vang cho ra đời liên tiếp hai thi tập, và chuẩn bị lên khuôn tập thứ ba. Gần hai thập niên ở với thơ, An Phú Vang không nghĩ mình đã mỏi. Tuy nhiên, hôm nay anh muốn đến với văn xuôi, như một thử nghiệm. Thành công hay thất bại còn tùy thuộc thời gian và nỗ lực tự thân của người thơ ấy.

Riêng chúng tôi, qua truyện ngắn dưới đây, nhận thấy giữa thơ và văn xuôi An Phú Vang có cùng một mẫu số chung: bình dị, thật thà, nhiều tự sự. Đó là ưu điểm của anh. Chúng ta thường nể phục một trí tuệ, nhưng chúng ta sẽ yêu mến và rung động trước một tấm lòng.

Hợp Lưu hy vọng nhận xét trên sẽ được độc giả chia sẻ.

Hợp Lưu

*

● *Gởi Mẹ và em Tâm*

Sau trận địa chấn ở Northridge, gia đình Mễ vội vã mua đồ phòng ngừa

thiên tai. Mễ nửa đùa nửa thật *mất bò mới lo làm chuồng!* Ki bảo có còn hơn không. Bây giờ nàng đã biết sợ. Khuya, hai vợ chồng ôm ba đứa con nhỏ đứng lóng ngóng trước cửa phòng ngủ, hoảng loạn. Ki lâm râm cầu Trời khấn Phật. Bé Tí ngái ngủ trên tay Mễ. Ki ôm gọn Quỳ trong lòng. Duy lớn nhất nắm áo cha. Phòng ngủ trên lầu. Mỗi lần có cơn chấn động, sàn phòng chao qua chao lại làm mọi người khiếp đảm. Bên ngoài, đèn đường lung linh ma quái trên bóng lá, lúc tỏ lúc mờ theo từng cơn vặn mình hung dữ của đất.

Sáng ra Ki vội gọi mạ. Đêm qua bà cụ sợ khiếp hồn. Hai mẹ con nói chuyện cho đến lúc con nhỏ người Đức láng giềng sang bấm chuông. Ki ngưng điện thoại, mở cửa. Lại chuyện động đất! Mễ đưa cho Duy - con trai đầu của vợ chồng Mễ - hộp đồ ăn trưa. Thằng bé học lớp một. Mỗi ngày con nhỏ Đức đưa hộ đến trường. Buổi trưa Ki đón. Hai người đàn bà, một Đông một Tây có vẻ tâm đầu ý hợp. Họ gặp nhau hàng ngày và nói với nhau đủ mọi chuyện trên trời dưới đất. Chuyện chợ búa gạo mắm; chuyện nhà cửa, xe pháo; chuyện âm nhạc, hội họa. Ki đem khoe những bức tranh sơn dầu mình vẽ lúc còn ở trung học, đại học, hoặc dạo một khúc đàn tranh... Chả biết con nhỏ nghĩ gì khi nghe từng giọt thánh thót nỉ non? Nhưng nhìn vẻ mặt, Mễ có cảm tưởng nó cũng thấm lắm. Âm nhạc vốn không biên giới mà.

Nhớ ngày nào vừa cưới nhau, thỉnh thoảng Mễ mang đàn theo vợ đi trình diễn "chùa". Mấy bản đàn tranh cô Minh Đức Hoài Trinh dạy, Ki luyện nhuyễn. Nàng có khiếu âm nhạc. Đoàn Phật Tử Lâm Tì Ni thiếu bài ca hiệu đoàn, Ki viết luôn... Mễ thỉnh thoảng gạ vợ "sao em không phổ thơ anh!". Ki cười, "Thơ chồng nhạc vợ, tung hứng trắng trợn thế không sợ thiên hạ chế giễu ư?". Những tối cuối tuần, Mễ bỏ thói quen đàn đúm với bạn bè, ở nhà nhìn vợ ngồi trước dương cầm, vừa đàn vừa hát. Hình ảnh Ki với mái tóc dài, với hai bàn tay lướt êm trên phím luôn gây cho Mễ cảm giác êm đềm. Mễ biết rõ mình đang hạnh phúc. Một mái gia đình, một tình yêu... Cuộc sống tuy đơn sơ, bình thường, nhưng Mễ mong nó sẽ tồn tại, mãi mãi.

Tháng năm qua đi, những đứa con ra đời, cuộc sống vợ chồng vẫn trôi êm, duy có điều Ki không còn thong thả như xưa, đến nghề nghiệp chính của mình, Ki cũng bỏ ngang. Ki muốn dồn hết thì giờ lo cho các con. Đó là lý do Ki có dịp giao hảo nhiều thêm với láng giềng. Họ phần đông là người ngoại quốc.

Thời gian sau này, khi Mễ đưa được gia đình sang sau gần mười mấy năm xa, Ki không được vui. Có thể vì thế Ki thân với đám bạn của nàng hơn?

Thành phố này hơi mới với dân bản xứ. Hình như được dựng lên vài ba năm trước ngày dân tị nạn đến định cư. Bốn mùa thung lũng Irvine tươi mát với màu xanh, chạy dài về hướng dãy núi Saddleback phía Đông. Lên chút nữa là Irvine Regional Park. Nơi đây đi đâu cũng gặp vườn cam. Dọc theo

các con đường lớn còn có những hàng khuynh diệp cao chót vót, từ thuở nào đó được trồng để ngăn gió mùa, bảo vệ vườn tược. Những rặng khuynh diệp tuổi đời có lẽ gấp đôi tuổi Mễ. Mùa gió Santa Ana thổi về, lá khô lá xanh, cành nhỏ cành lớn, gãy đổ vướng vít trên mái ngói, rớt đầy sân sau, cả nhà phải quét dọn mệt nghỉ. Ki yêu những cây khuynh diệp này lắm vì nàng hay bệnh vặt. Mệt trong người, trúng gió là *anh ơi bẻ cho em ít lá để xông*. Mễ chơi bóng rổ về, choáng váng mặt mày, lập tức những cành khuynh diệp dưới thấp bị Ki khai tử. Lại nấu, lại xông, lại cạo gió! Ki lạm dụng lá khuynh diệp còn hơn bà nội bọn trẻ. Dầu khuynh diệp Bác Sĩ Tín, từ những ngày còn ở quê nhà đến bây giờ, trên đất Mỹ, với bà, vẫn luôn luôn là "thần dược" trị bách bệnh.

Con đường lớn sau lưng nhà Mễ dẫn vào phi trường El Toro của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Những ngày đầu ở Mỹ, tụi em Mễ nhớ nhà không ít vì hai hàng cây khuynh diệp chạy dọc hai bên con đường này. Chúng gợi nhớ một thời. Thời mộng mơ còn đầy, thời muốn làm người lớn, thời thích ngồi trầm ngâm trong quán, trước mặt là ly cà phê đen, chiếc gạt tàn, sợi khói vươn cao ẻo la; trong đầu là hình ảnh những lòng đường phủ ngập lá me (từng đọc thấy đâu đó trên những trang báo Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc) hoặc "con đường Duy Tân cây dài bóng mát" (từng nghe hàng ngày, đến thuộc, trong nhạc Phạm Duy.)

Nhưng với má Mễ, mới qua Mỹ hai tuần, thì thành phố này buồn quá! Buồn thiu! Bà cụ vẫn khăng khăng cho rằng nơi này "thua xa xóm mình", vì "lúc nào cũng vắng heo vắng hắt như bãi tha ma!

Có hôm bà thắc mắc:

– Chợ Việt Nam nằm chỗ mô rứa bọn bay? Ở nhà, tao bước ra là gặp chợ Đống Đa. Đi xích lô chỉ mười phút là đến chợ Cồn, chợ Hàn.

Bà cụ thở dài, tiếp:

– Thằng Mễ đi lâu quá rồi chắc chẳng nhớ chi. Mấy chợ đó vui lắm (Bà nhấn mạnh chữ vui). Còn bên ni răng mà chán! Đi bộ hết khúc đường ngoài nớ (bà đưa tay chỉ ra ngoài) tao thấy nhà mô nhà nấy đóng cửa. Gặp láng giềng ai nói... người nấy nghe!

Tâm, em áp út trong gia đình, biết mẹ sắp sửa vào mục "quê nhà yêu dấu", nó khéo léo hóa giải:

– Ở riết cũng quen mạ ơi. Mai mốt con đưa mạ đi chợ Tàu Diho ngoài này. Vui lắm.

Bà cụ quay nhìn con. Tâm pha trò:

– Chỗ đó anh ba xin cho tụi con làm việc bữa trước. Mạ biết không, tên ông chủ là Michael. Anh Ngọ "cồ" làm cho Michael!...

Nó cười hì hì, tiếp:

–Hai cái " cồ " gặp nhau chắc chợ Diho buôn bán phát đạt.

Ki tủm tỉm nhìn chồng. Cái chữ " cồ " biệt danh đứa nào đặt cho thằng em trai thứ ba trong gia đình làm nàng thắc mắc không ít. Ngọ "cồ ", quậy

nhất nhà hồi còn bên xứ. "Xa quê hương nhớ mẹ hiền - Về gặp mẹ hiền chôm tiền đi xa", hai câu "thơ" Mễ nghe đâu đó trong bàn rượu chưa đủ lột tả cá tính thằng em. Mễ từng đọc "chân dung tự họa" của một nhà văn, muốn bắt chước ông ta dựng cho Ngọ " cồ " một cái tiểu sử, đại khái: Sinh năm Ngọ (xuống hàng). Đi học (du đãng chút ít khi anh không có nhà). Đi bộ đội. Đào ngũ. Đi tù. Đi Mỹ (diện ODP). Ở Việt Nambáo bà già. Qua Mỹ "cải tà qui chánh" chút ít nhưng vẫn thừa khả năng làm người bảo trợ điên đầu! Vậy mà mạ lại cưng "thằng trời đánh" nhất nhà.

Một hôm Ki gọi chồng vào phòng riêng nói nhỏ:

–Thằng Ngọ bê bối quá. Nó uống bia vất lon trong phòng ngủ. Hôi quá trời!

Mễ nhìn vợ. Lần đầu tiên nàng phàn nàn chuyện nhậu nhẹt của cậu em chồng. Mễ cũng hơi bực mình:

– Bia ở đâu nó nhậu?

– Hômcuối tuần đi chợ trên Bolsa, mạ xách luôn một thùng hăm bốn lon! Em đâu dám cản...

– Sao Ki không cho anh biết?

–Anh biết, rồi làm sao?

Mễ thở dài. Thương vợ, thương mẹ, thương em, nhưng Mễ hiểu để làm vừa lòng tất thảy, chẳng phải dễ. Thời gian gần đây Mễ có hơi ngộp thở với những xáo trộn nhỏ trong gia đình. Chuyện nhà, chuyện công công việc ở hãng... Bao nhiêu thứ phải lo lắng. Mỗi sáng vào sở, mở máy lên, đọc e-mail. Mễ chóng mặt vì đủ thứ"oan trái"; về nhà, lại chuyện dài không đoạn kết mẹ, vợ, em... Tự dưng Mễ đâm quạu:

– Mạ cưng chiềuthằng Ngọ quá mức! Bộ không có bia nó chết à? Nhậu nhẹt kiểu đó hèn gì tiền gửi về bao nhiêu cũng hết.

Lúc nộp đơn xin bảo trợ gia đình sang Mỹ, Mễ nào ngờ có lúc phải lo đến những vấn đề như thế này. Ai cũng nói dễ quá mà? Cứ mang hết sang đây, mọi chuyện đã có Mỹ lo!

– Để anh tìm cách nói với mạ và tụi nhỏ.

– Thôi Mễ à. Nói ra, má buồn.

Mễ mệt mỏi thả người xuống mặt nệm. Anh hiểu chuyện chỉ mới bắt đầu, chắc chắn còn lắm gay cấn. Lượng dung nham đang âm ỉ bao giờ thì bùng lên thành địa chấn? Nguyên nhân chỉ tại Mạ nuông chìu Ngọ thái quá. Thằng Từ, đứa em út, cũng tỏ thái độ bực mình. Hồi còn ở Việt Nam, đã bao nhiêu lần anh em cãi nhau, rút cục chuyện đâu vẫn ì ra đấy. Anh ba và chị dâu vẫn phải đều đều gửi tiền về tiếp tế vì không thể làm ngơ trước những lá thư cực kỳ bi thiết Ngọ viết sang.

Một hôm Từ rủ Mễ đi uống cà phê. Nó mách với anh:

– Ở bên nhà ông Ngọ phá phách tàn bạo luôn! Bao nhiêu tiền anh chị gởi về đem đãi bạn đãi bè, nhậu nhẹt li bì. Mà bạn bè ông ấy thì toàn thứ gì đâu không à. Mỗi lần mạ đi Sài Gòn lãnh quà về, ngó chưa nư con mắt ổng đã vồ

đem bán, đốt hết vô bài bạc. Chiếc xe đạp của chị Nhỏ, ổng mượn chạy chơi rồi cầm luôn. Chị ấy khóc quá trời, chẳng khác chi bị chặt mất một cái chân!

Mễ nghe, chán ngán:

–Vậy mà thư cho anh, cái nào nó cũng than vãn...

– Tại hồi nhỏ anh thương ổng quá. Anh không tin những gì tụi em nhắn trong thư. Còn mạ mình thì khỏi nói, cứ binh ông Ngọ như gì. Trong nhà một đống con trai, vậy mà cái người học hành bê bối, lại hoang đàng, uống say chuyên làm bậy, thì chìu như chìu vong! Anh biết mạ nói gì không ? Đừng cho anh chị tụi bây biết, tụi nó buồn!

– Chỉ buồn thôi à? Anh muốn bể cái đầu đây này.

–...

–Mà rán chịu chứ biết sao giờ. Hy vọng nó lo được thân cho mạ đỡ khổ.

Sau ba tháng ở Mỹ, má Mễ cứ nằng nặc đòi trở lại Việt Nam, "Giao khoán" ba đứa con trai cho vợ chồng Mễ. Kiểu này Ki với Mễ lãnh đủ. Hai vợ chồng nhìn nhau khó xử. Thằng út đùa:

– Mạ về chi gấp vậy? Tiền vé máy bay anh chị trả nợ chưa xong thì mạ... lại dông! Mạ về rồi tiền già ai lãnh? Lúc ký giấy đi Mỹ sao mạ không nói trước với phái đoàn phỏng vấn?

Bà cụ thật thà:

– Nói làm chi rủi họ không cho đi thì sao. Tao mà không đi tụi mi làm răng có mặt chỗ ni! Chừ tao ưng, tao ở. Không ưng, tao về. Ai cấm cản được?

Thằng út cười:

– Mạ đi một mình, rũi phi cơ lạc qua Trung Cộng, anh chị ba làm sao tìm cho ra.

Má có vẻ lo. Bà cụ nhìn con dâu, người lớn cùng phái trong nhà, như cầu cứu. Ki an ủi:

– Chú út đùa đấy má. Năm ngoái má con cũng về Việt Nam mà có sao đâu.

Mễ nghe được tiếng thở phào nhẹ nhõm của bà cụ. Hắn biết thằng em muốn giữ mạ ở lại Mỹ lâu thêm một thời gian, dần dà mạ sẽ quen... Hy vọng bà cụ không đòi về xứ bất tử nữa. Mễ nháy mắt khích lệ nó. Cái nháy mắt "toa rập" giữa hai anh em không qua được mắt Ki! Thế là tối hôm đó:

– Mễ à, bộ anh thích má về lại Việt Nam sớm hả ?

Mễ xoay nghiêng ôm vợ:

– Đâu có, Ki. Nhưng mà mạ ở bên này buồn quá...

Giọng Ki khởi sự găng:

– Thử đặt trường hợp anh là em, anh sẽ tính sao? Bên nhà nghĩ thế nào về em, khi thấy má bỏ về lại sau ba tháng ở chung với con dâu?

– Em hỏi khó quá làm sao anh trả lời !

Mễ tiếp, giọng bông đùa:

– Em là dâu hiền nhất thế giới mà. Không tin hỏi mạ anh thử coi. Bà ấy thương em còn hơn thương anh. Em tất bật giúp anh mang cả gia đình sang đây. Nợ tiền máy bay trả chưa xong giờ sắp sửa nợ thêm cái vé nữa cho mạ về...

– Anh chỉ chúa xạo. Mang gia đình qua làm gì. Nhà chỉ có ba phòng làm sao ở hết chừng này người.

Ki hất nhẹ tay chồng sang bên. Có tiếng thở dài trong đêm.

– Em ích kỷ!

– Đó là anh nói.

Cái gối có dịp lăn ra nằm giữa hai người.

Sáng hôm sau vào sở Mễ nghĩ lan man đến ngày mẹ về xứ. Mễ buồn da diết ! Buồn như cứa vào da... Ngược lại, bà cụ vui hẳn, từ lúc thấy thằng con lục đục lo thủ tục hành chánh cần thiết . Sau bữa cơm chiều Mễ không thấy mẹ ngồi coi phim bộ, coi cãi lương như mọi khi. Hỏi ra mới biết bà cụ đã cho hết băng vào một cái thùng nhỏ, dán lại cẩn thận. Mễ nhìn mẹ nửa đùa nửa thật:

– Mạ mang mấy thằng chệt Hương Cảng với bà Kim Cương khóc lóc thảm thiết này về làm gì?

Bà cụ cười móm mém:

– Tao mang về cho mấy đứa bên nhà coi.

– Coi chừng cả nhà sẽ giống mạ. Vừa coi vừa khụt khịt, hai con mắt đỏ hoe như bị nhiễm trùng!

Giọng mạ bỗng nghiêm trang:

– Mai con kiếm cho mạ vài cái thùng.

– Thùng cỡ nào hả mạ?

– Độ chừng này (Bà cụ dang thẳng hai tay).

Mễ tròn xoe mắt:

– Trời đất! Làm gì to dữ vậy. Chỉ mang được tối đa 150 cân Anh thôi mạ ơi!

– Rứa con tìm cho mạ ba cái cũng được. Mạ muốn mang ít đồ chơi cũ của con con về cho mấy cháu bên nhà.

Mễ ngăn mẹ:

– Đồ tụi nhỏ không chơi cũ với hư hết rồi. Mạ mang về làm chi cho nặng. Con sợ tụi cháu bên nhà sẽ buồn...

– Ở đây bỏ nhà xe nhưng bên nhà tụi nhỏ quí lắm.

Rồi mạ nhắc lại chiếc xe hơi bằng nhựa do ba tàu Chợ Lớn làm, thô kệch, "xấu òm" mạ mua cho Mễ ngày còn nhỏ. Vậy mà thuở đó Mễ quí như của gia bảo. Giọng mạ ngùi ngùi khiến Mễ rưng rưng cảm động.

Vợ con Mễ tản ra, lên lầu. Bà nội lại sắp sửa phát thanh chương trình "tiếng vọng quê hương". Mấy chữ này thằng con yêu quí nào đã tặng cho mạ sau một tuần bà cụ đến Mỹ, khi thấy mạ ngồi nhớ nhà, kể chuyện từ con

đường Gia Long có ty Cảnh Sát đến bến cá Bạch Đằng ngày ngày vang vọng tiếng phà qua lại Đà Nẵng Hà Thân. Từ chuyện lúc "anh ba tụi bay" còn bé, bị té xe jeep bể đầu, mạ đưa xuống phòng mạch bác sĩ Thái Can gần trường Tây, phải đi qua một khu vườn cam rộng...

Những lúc mạ hồi tưởng, không đứa nào làm bà cụ ngưng nói được. Mạ mô tả cái chuồng heo, mẹ vẽ lại con kiệt trong xóm trên cao chằng chịt dây điện, nơi lũ chim sẻ làm chỗ đậu mỗi ngày, mẹ kể chuyện nhà bác Thiện, bác Cháu, bác Lăng, bác Bộ...

Nương theo giọng kể của mạ, trí nhớ Mễ hồi phục. Xóm cũ... Nơi Mễ lớn lên, đi học, bắt dế, bắn chim, tạt lon, đánh đáo, đá banh giấy (vo lại bằng giấy vở học trò)... Là nơi tụ bè kết đảng làm loạn sứ quân, xóm này đánh lộn với xóm khác; xách bồ khèo đi hái trộm ổi nhà ông bốn Vỹ; bẻ chuối nhà bà Hào... Là những trận đòn, những lần quì ê ẩm hai gối. Tuổi nhỏ, ba chết trận, mạ tần tảo nuôi con... Mễ quay đi, anh không muốn mạ nhìn thấy hai con mắt đỏ hoe của mình.

Vợ Mễ nhìn mân cơm, lưỡng lự không muốn ăn. Nàng đứng dậy, vừa mở tủ lạnh lấy bó bông cải vừa nói với chồng:

– Má nấu đồ ăn gì nhiều dầu mỡ quá. "High cholesterol" phải biết!

Thằng Duy đưa tay chỉ miếng thịt nướng trên bàn. Ki nhìn con:

– Ăn khôngđược đâu con. Đợi luộc xong bông cải hẳn ăn.

Thằng bé buồn thiu. Mễ cảm thấy da mặt nóng rát. Ông thầy chùa làm chủ lễ cưới ngày nào có hình dung ra cảnh này không. Mễ nựng con. Bé Quỳ chen lại ngồi trên chân cha. Mễ nhìn vợ, hắn cảm thấy đuối lắm. Mẹ kiếp, "nhất vợ, nhì trời - động đất, trời gầm - nhất trời, nhì vợ". Nói thế chứ vợ Mễ cao hơn nhiều. Người lãnh phần thưởng danh dự của ba viện Quốc gia Nghĩa Tử Sài Gòn ngày xưa mà. Người nữ học sinh có mộng muốn làm tổng thống Việt Nam Cộng Hòa trong tương lai như Ki một lần kể lại. May quá, lưu lạc rồi không thì khổ cả lũ đàn ông!

Ki đến cạnh Mễ, cố lấy giọng bình thản:

– Sao mạ không xuống ăn cơm, Mễ?

– Anh không biết.

– Mạ có buồn chi mình không?

– Chuyện ăn uống coi bộ nhà mình lúc này không ổn lắm. Hay mình lấy cơm tháng? Mạ quen cách nấu nướng bên nhà rồi. Với lại anh thấy nhiều dầu nhiều mỡ ăn ngon miệng hơn...

Ki ngắt lời chồng:

– Anh thấy ngon thì ăn trước đi. Để em nấu riêng cho các con ăn.

Mễ thở dài. Nếu không có các con, nhất là Duy (thằng bé đã đến tuổi biết suy nghĩ), có lẽ Mễ đã lớn tiếng. Công việc trong sở vẫn còn lẩn quẩn trong

đầu, giờ thêm chuyện ăn với uống. Mễ nhìn vợ:

– Sao em khó quá vậy. Em nên hiểu bà cụ xa con gần hai chục năm. Dù bây giờ anh đã trưởng thành, nhưng trong mắt mẹ thì anh vẫn là một đứa bé, bà cụ muốn săn sóc. Em đang làm mẹ, hẳn nhiên em hiểu rõ tình thương của mẹ đối con cái nhiều khi vượt ra ngoài lý luận bình thường. Chìu mạ một chút có chết... thằng Tây nào đâu!

Lũ con tản ra, ngơ ngác nhìn cha mẹ. Vợ Mễ chuyển qua "subroutine" khác:

– Bà nội không thương cháu bằng bà ngoại!

– Sao em nói vậy?

– Vì... má không tỏ vẻ gì muốn săn sóc cháu cả! Hễ dỗ tụi nó là cho kẹo. Hết "bubble gum" đến "chocolate". Còn chi răng cỏ tụi nhỏ.

– Mạ già rồi. Mang mạ qua đây đâu phải để giữ con cho mình...

Ki lại chuyển chủ đề:

–Má em gặp cháu là ôm hôn liền. Xoa đầu nựng nịu, thăm hỏi rối rít! Còn anh nhìn bà nội thử xem. Có bao giờ má nói năng ngọt ngào với cháu hay cả với anh? Suốt ngày gặp tụi nó cứ lịt lịt! Má qua mấy tháng rồi em chớ có thấy má ôm hôn đứa nào con mình.

Mễ lắc đầu ngao ngán. Làm thế nào giải thích để Ki hiểu, rằng từ lúc chồng chết, mạ buôn thúng bán bưng nuôi cả đàn con, chưa kể lúc thằng Ngọ "cồ" phá phách muốn tan nhà nát cửa nhiều lần, mạ vẫn nhẫn nhục chịu đựng. Làm sao giải thích cho Ki hiểu được, người mẹ quê mùa ấy đã một đời hy sinh bản thân và hạnh phúc riêng tư của mình, để lo cho sáu đứa con có được miếng ăn, ôm được sách vỡ đến trường trong thời buổi gạo châu củi quế?Một người mẹ như thế, dĩ nhiên không thể thích nghi với cung cách "văn minh" của thế giới phương Tây. Với bà, cắn một quả cà pháo trong xó bếp hạnh phúc nghìn lần hơn gắp một miếng cao lương trên bàn ăn sang trọng. Huống chi bắt bà biểu tỏ tình thương bằng tay siết, môi hôn! Làm sao giải thích cho Ki hiểu được, rằng so sánh lối ứng sử giữa mẹ Mễ và mẹ Ki là một điều bất khả, không công bình. Má vợ Mễ sống trong môi trường khác, bà quen với kiểucách chào đón, nựng nịu, chúc tụng... tân tiến. Thêm nữa, sống lâu trên xứ sở này, bà đã được điều kiện hóa gần như hoàn toàn... Dưới mắt Ki, không ôm hôn cháu là không thương cháu. Chấm hết !

Mễ ngồi trầm ngâm. Anh thèm một điếu thuốc. Nhưng sợ con bị dị ứng. Thằng Tí thể chất không được tốt. Cơm nước còn trên bàn không ai muốn đụng tới. Thấy Mễ im lặng, Ki được thể phạng tiếp:

– Trong nhà có bà nội mà phải mướn người giữ con! Đêm chúa nhật họ không đến là thứ hai... chạy vắt giò lên cổ. Phải mang qua gởi cho bà ngoại.

Nàng hứ một cái sau câu nói rồi chuyển mũi tiến công qua lũ em chồng:

– Bao giờ tụi nó có " job ", anh bảo ba đứa trả lại tiền vé máy bay cho tui. để bỏ vào "college fund" cho con! Thằng Ngọ " cồ " từ lúc mượn tiền mua xe, có được việc làm là vờ luôn. Cuối tuần đi biệt tích! Về nhà thì đàn đúm bạn

bè ăn nhậu om sòm. Hút thuốc nhả khói mù mịt... Con còn nhỏ lại bị dị ứng chịu làm sao thấu!

Mễ nhẫn nhục đứng dậy đưa các con đi tắm. Trong đầu Mễ đầy ứ, lùng bùng những lời chì chiết của vợ. Mễ đâm oán ông thầy bói coi tuổi cho hai đứa trước ngày cưới, hận ông sư làm lễ cưới trên chùa, hận mình trong mấy con bồ sao chọn trật lất!

Hôm mạ về Việt Nam, Ki cũng dắt con theo chồng ra phi trường. Ba thùng giấy tổ chảng vượt quá trọng lượng ấn định. Anh em Mễ loay hoay lấy bớt đồ cho vào hai thùng mới.

Thằng Tâm cằn nhằn:

– Mạ mang chi mà mang dữ rứa. Toàn đồ chi mô không à!

Mễ nhìn những món đồ chơi mạ đóng thùng từ lúc nào. Có cái đã cũ. Có cái khả dĩ còn chơi được nhưng tụi nhỏ con Mễ chê... Bà nói như phân trần với con, với dâu:

– Mạ không có tiền mua quà cho cháu. Lục trong nhà xe được mớ đồ chơi của Duy với hai em nó, thêm một thùng quần áo con nít cũng còn mới, mạ đem về cho tụi nhỏ bên nhà. Tụi nó thấy mấy cái ni chắc thích lắm.

Rồi bà quay sang nói nhỏ với Mễ:

– Tao không qua nữa đâu!

Mễ nhìn thiên hạ tấp nập qua lại, nhìn vợ, nhìn con, rồi nhìn tụi em. Mễ muốn ôm hôn mạ một cái nhưng không làm được. Ba mươi năm hơn mình đâu có thói quen đó! Mễ bước ra bên ngoài. Bé Duy gọi ba ơi ba ơi phía sau. Mễ đốt thuốc rít dài mấy hơi liên tục. Mễ nhìn những chiếc "shuttle bus" thả khách xuống, đón khách đi. Mễ nghe tiếng xe tắc xi thắng gấp, tiếng phi cơ lên xuống, tiếng người lao xao. Đầu óc Mễ lùng bùng. Chợt Mễ thấy mình nhỏ lại, như ngày nào nói với mẹ, con chọn đơn vị Nhảy Dù lúc đứng dưới mái hiên nhà, mẹ khóc! Mễ thấy mình thương mạ vô vàn. Có thể bỏ cả vợ!

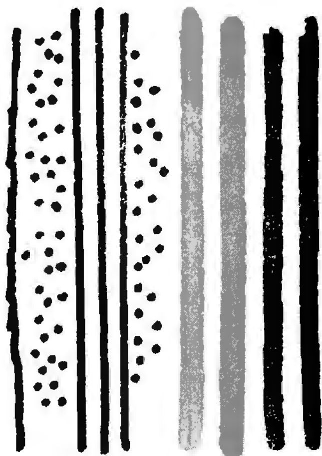
AN PHÚ VANG

(14/4/95-6/7/96)



ANDREW LÂM

giấc mơ việt kiều



Người bán hàng rong thân hình ốm nhom quan sát kỹ mặt mũi tôi. Cậu ta nói: "Anh Hai à, mặt anh đâu phải là mặt người Việt. Nét mặt đó chưa hề nếm mùi đau khổ." Rồi sau một tiếng thở dài não nề, cậu nói tiếp: "Anh Hai à, phải chi em cũng được vượt biên đi Mỹ thì chắc em cũng có nét mặt như vậy — nét mặt của một Việt Kiều."

Việt Kiều là những người Việt sống ở ngoại quốc — nhất là những người ở Mỹ — trở về Việt Nam để trở thành một thứ gương soi mơ mộng mà toàn dân nhìn vào để đo lường tiềm năng mà họ đã bị mất. Câu "Phải chi tôi đã vượt biên đi Mỹ..." trở thành câu nói phàm tục tương đương với thành ngữ thông dụng trong tiếng Việt (do ảnh hưởng truyền thống Phật giáo): "Khi nào tôi tái sanh vào kiếp khác..."

Ở Việt Nam, nét mặt và thân thể tôi bỗng có những tầm cỡ thần thoại. Một người anh em họ hãnh diện giới thiệu tôi cho một anh bạn, một người đã từng tìm cách vượt biên cả chục lần nhưng đều thất bại. "A, Việt Kiều đây mà," người vượt biên thất bại reo lên khi anh chồm tới để nhéo bắp vế tôi. Tôi hiểu rằng đây chỉ là một cử chỉ vô tâm chứ không có gì sỗ sàng. Hình ảnh về những xa lộ hai tầng và những tòa cao ốc bằng kiếng không chừng có thể moi ra từ da thịt Việt Kiều. Không chừng nhéo mạnh thêm chút nữa thì anh sẽ thấy được khu giải trí Disneyland.

Vì thiên hạ cho rằng một Việt Kiều thì phải biết hết mọi chuyện, cho nên trong một bữa tiệc người ta yêu cầu tôi giải thích về những rắc rối của ngành hiện thực ảo, về chính sách đối ngoại của Mỹ, và về kỹ thuật di truyền. Một

lần khác, cuốn sổ thông hành Mỹ của tôi được mấy người bà con đem ra đọc chẳng khác gì một cuốn truyện bằng tranh. Khi thấy trên đó những dấu ấn của các nước như Hi Lạp, Pháp, Mễ Tây Cơ, Thái Lan, và hơn một chục quốc gia khác, hiện ra như những cánh bướm muôn mầu, cô em bà con của tôi nói: "Anh sung sướng quá há. Chẳng khác chi anh có cánh để bay vậy đó."

Nếu trong 3,000 năm qua người ta thường cho rằng tâm hồn người Việt ràng buộc vào nơi chôn nhau cắt rốn thì trong hai thập niên vừa rồi một tư tưởng mới đã lấn át truyền thống ca tụng sự chịu đựng khắc khổ: Vượt biên. Trong hai thập niên qua hai tiếng "vượt biên" chắc hẳn phải có lúc hiện ra trong trí mọi người Việt. Khi cộng đồng Việt kiều hải ngoại bắt đầu thành hình vào lúc kết thúc trận chiến tranh Việt Nam, tinh thần quốc gia — thứ khí giới vũ bão đã giúp dân tộc Việt đánh bại người Trung Hoa, quân Mông Cổ, người Pháp và người Mỹ — dường như ngày càng tàn tạ vì tuổi già.

Biên giới đâu có thể cầm giữ được người ta. Các ông lãnh tụ người Việt già nua không ngớt đề cao sức mạnh tập thể, họ nhắc nhở tới những ký ức về chiến tranh chống ngoại xâm. Thế nhưng giới trẻ người Việt ngày nay đã xa lánh cái đầu óc thiển cận *ta và họ*. Nếu Bác Hồ ngày xưa từng có lúc rao giảng về độc lập và tự do cho đồng bào thì ngày nay chính các Việt Kiều — những người đã bị các đàn em của Bác Hồ hành hạ đến nỗi phải bỏ nước ra đi — đang phát tiết tinh anh của tự do và độc lập.

Vì là Việt Kiều, ở đây tôi không còn là một cá nhân mà là một biểu tượng đối với sự vô vọng, một nhân vật được dịp đi trên con đường thênh thang, cho nên nhiều người Việt có thể mượn cuộc đời tôi để sống trong mơ tưởng. Có những giai thoại kể lại về chuyện Việt Kiều lừa gạt được các viên chức cộng sản tinh ranh nhất. Lại cũng có những chuyện kể lại về những Việt Kiều giầu tình thương đã giúp cho những điều mơ ước của những người Việt nghèo túng trở thành sự thật.

Ở Việt Nam người ta tưởng rằng tôi là ông già Noel. Một cậu bé bụi đời 12 tuổi tên Tâm tỉnh bơ hỏi rằng tôi có thể nhận cậu làm con nuôi và cho cậu đi học được không. Một thiếu nữ tên Phương nét mặt bị xấu xí vì vết chàm, yêu cầu tôi giúp: "Anh có thể thực hiện một phép lạ, hãy trả tiền giùm em để em giải phẫu." Và tôi không còn nhớ đã bao nhiêu lần những người hoàn toàn xa lạ — nào là các nhân viên quan thuế, các bác phu xe xích lô, mấy ông chủ tiệm, và cả đến các cựu du kích Việt Cộng — cứ đòi gả con gái cho tôi.

Trong khu phố cổ ở Hà Nội, một cô láng giềng của bà dì tôi, một nhạc sư dương cầm trẻ tuổi, bỗng yêu tôi. Chỉ cần một lần tôi trả lời "Vâng, tôi cũng rất thích Chopin" cũng đủ khiến cô nghĩ rằng tôi muốn tỏ tình. Thế là sau đó nhạc của Chopin cứ vang vọng hàng giờ từ ngôi nhà bên cạnh, tràn lan trong không khí ẩm ướt để lọt vào cửa sổ phòng ngủ của tôi.

Tôi nhớ lại, ở Việt Nam khi còn nhỏ tôi cảm động vì lời ca trong bản quốc thiều kêu gọi "nợ nước lấy máu đào đem báo." Tôi còn nhớ mình cảm thấy lòng rạt rào khi nhìn những cánh đồng lúa chín. Tôi dễ dàng ý thức được rằng

tại sao mẹ tôi đã bỏ cuống rốn và nhau của tôi vào một cái nồi đất để chôn sâu trong vườn nhà sau khi tôi chào đời.

Nhưng chuyện đó đã xưa quá rồi. Đối với tôi, cũng như đối với nhiều người Mỹ gốc Việt khác cùng thế hệ, những ràng buộc với sinh quán đã bị cắt lìa và sự trong trắng của chúng tôi đã chết khi chúng tôi chạy sang Mỹ.

Tôi đã bỏ lại đằng sau những gì nhiều hơn là một quê hương xứ sở. Cùng với đất nước Việt Nam, những quan niệm xưa cũ đặt trên căn bản văn hóa nông nghiệp về đạo đức và tinh thần của tôi đã biến mất. Việt Nam không còn chế ngự linh hồn tôi nữa.

Ngày nay trở lại Việt Nam, tôi thấy có một hố ngăn cách mở ra giữa những người đồng hương và tôi. Nếu đối với họ tôi là ông già Noel hay nhân vật Ulysses, thì chính tôi lại cảm thấy mình bất lực, đành khoanh tay đối với sự cực khổ của quần chúng.

Ở Saigon một cuốn phim mới thực hiện — với nhan đề "Tình Dân Tộc" — quảng cáo rằng nó đã được quay cả ở Việt Nam lẫn ở Mỹ. Trong cuốn phim đó một ông bác sĩ Mỹ gốc Việt bị vỡ mộng vì nếp sống Mỹ nên trở về quê hương để tìm tình yêu và sự cứu chuộc. Lối kết cấu câu chuyện thật dễ tiên đoán vì do nhà nước viết ra. Nhưng nó thu hút rất ít khán giả.

Tôi cho rằng ảo tưởng thầm lặng của người Việt trái ngược với nội dung cuốn phim này. Sự ngây thơ trong trắng của quốc gia chúng ta đã chết cách đây 20 năm với sự ra đời của Việt Kiều. Điều mơ mộng của người Việt ở thế kỷ 21 không liên hệ tới đất đai mà là đời sống không biên giới.

Trên lưng tôi đâu có mọc cánh. Tuy nhiên tôi đã đem về Việt Nam được một phúc lợi: chính bản thân tôi. Vì tôi là bằng chứng cho người đồng hương thấy rằng thế giới bên ngoài là có thật.

ANDREW LÂM

(NNM chuyển ngữ)

CHIA VUI

Được hồng thiệp báo tin

Cháu LÊ PHƯƠNG ĐÔNG

(*Trưởng nam của hai nhà thơ, nhà văn* Trần Dạ Từ, Nhã Ca)

sẽ kết duyên cùng

cháu THÂN THỊ TUYẾT VÂN

(*Thứ nữ của bà quả phụ* Thân Văn Hợp)

Hôn lễ cử hành tại tư gia vào lúc 11 giờ sáng, thứ Sáu ngày 26/7/1996.

Tòa soạn Hợp Lưu thành thật chia vui với hai cháu và gia đình.



SÔNG PHỐ

quê người



1. - Ông đập chết tôi đi! Đập đi. Tôi không thiết sống nữa. Ông đi mà lo cho nó... Đi! Đi!

Tiếng mẹ vang lên từ phòng bên. Tiếng bàn ghế xô đẩy. Tiếng ba gầm gừ đe dọa. Mấy chị em Thi giật nẩy mình như bị điện giật. Thằng Cảnh đang nửa nằm, nửa ngồi trên bàn, vụt ngồi thẳng lên, sửa quyển sách trước mặt lại ngay ngắn dù không ai đòi hỏi nó làm chuyện đó. Nó ngước nhìn Thi lo lắng. Thi lảng tránh cặp mắt em. Cánh tay cô đang cầm thước kẻ định khẻ vào tay Vân, em cô, cũng đã hạ xuống từ bao giờ. Con Vân thấy chị không đánh nữa, định giựt tay lại chạy ra xa, nhưng không hiểu sao nó cũng không nhúc nhích nổi. Hai bàn chân nó tê cứng dưới gầm bàn, nó cũng không dám duỗi ra. Tiếng khóc kể của mẹ làm nó sợ. Bao giờ trẻ con cũng thấy sợ hãi khi thấy người lớn khóc. Giống như Cảnh, nó lấm lét nhìn chị Thi chờ đợi.

Thi năm nay 14 tuổi. Cái tuổi nửa người lớn, nửa trẻ con đôi khi làm Thi lúng túng. Nó muốn tỏ rõ vai trò chị lớn của nó. Nhưng cũng không giấu được sự sợ hãi khi nghe tiếng mẹ cha cãi vả. Mà hình như từ ngày đặt chân đến đây, ông bà Hai, cha mẹ lũ trẻ, cứ cãi nhau sằng sặc. Tại sao lại cãi nhau nhỉ? Mẹ và cha trước chuyến đi này đã chẳng kêu tụi nó lại dặn dò đủ điều sao? Ba nói: "Cha mẹ đã quyết định đi ra xứ người sinh sống. Tất cả là vì tương lai của tụi con. Tụi con càng phải thương yêu, đùm bọc nhau hơn". Mẹ vuốt đầu Thi

khuyên "Con là chị lớn, phải phụ mẹ mà lo cho các em. Nội già, nội không đi xa được". "Vậy Nội sống với ai?" Thi hốt hoảng hỏi. Nó sợ cho Nội. Lúc không có Thi ai lấy dầu cù là thoa chân cho Nội. Nhất là những tối trời mưa Nội kêu nhức tưởng như chỉ có bẻ mấy ống xương tay xương chân quật quiệu mới thấy đã. Rồi Nội còn biết kể chuyện đời xưa cho ai nghe đây. Chỉ có Thi là cứ nghe hoài những sự tích con trâu, còn thằn lằn, chuyện cây tre trăm mắc, chuyện... mà không thấy chán. "Ối toàn mấy chuyện cũ rích. Con biết hết. Con Tấm bị chị xúc cá nè.. Lát nữa có ông tiên hiện..." thằng Cảnh hay phá đám kiểu đó. Mồ tổ cái thằng. Không để con Thi nghe nghe. Con Thi biết ngoan gải lưng Nội. Đã ngứa lắm. Nội chỉ khen mình Thi. Nó thích cái cảm giác khi mấy ngón tay khô gầy của Nội xoa trên tóc nó. Tóc rối nhưng nó thích. Thích như Nội được xoa lưng, bóp chân. Thi uất ức nghẹn ngào. Nó có cả trăm câu hỏi để hỏi mẹ. Tại sao phải đi chứ. Tương lai là cái gì? Thi và các em vẫn đi học. Học rồi lớn lên có bằng cấp, có việc làm... thì có tương lai chứ gì. Như mấy chú, mấy cô Thi hồi trước. Ba dỗ: Nội đã có chú thiếm Bảy lo. Thi nhớ là hồi đó Nội hay nói: Con đông như Nội chứ không đứa nào nuôi tao tử tế như ba má con. Thi hỏi: "Chú thiếm Bảy thương Nội bằng ba má không?" Ba chưa nói gì, má đã nạt "Con nít không biết gì hỏi lôi thôi ăn đòn bây giờ. Mau đi tắm em đi".

Hôm trước khi đi. Thi ngủ chung giường Nội. Nó chui rúc vào ngực áo Nội, tấm áo ướt đẫm nước mắt nó, để hít lấy cái hơi quen thuộc của Nội. Không biết bao giờ bà cháu lại gặp nhau. Không chừng lúc con về thăm Nội, Nội đã đi rồi. Nội đi đâu. Nó hỏi. Nhưng Nội bảo nó ngủ sớm mai còn lấy sức lên máy bay.

2. Người ta chia cho gia đình Thi ở một apartment có 5 cái phòng, trong một foyer (chung cư) dành cho người tỵ nạn, vì gia đình Thi đông nhất so với các gia đình di dân khác. Ba mẹ có đến bảy đứa con. Bảy đứa? Ông Tây, trưởng đoàn chìa bảy ngón tay bự xự vào mặt ba, nói một tràng dài. Nhìn mặt ba ngớ ra trong tiếng cười của một đôi người biết tiếng Pháp, hắn lắc đầu nhìn ba, rồi nhìn mẹ cười làm mẹ đỏ mặt. Chiều về ba chưởi thằng Tây già vô duyên. Không biết có đến tai hắn không, nhưng hắn đì ba hết chỗ nói. Hôm đó ông Tây già cho người lên gọi ba xuống văn phòng có việc. Con đi với ba. Có gì con làm thông dịch cho rõ ràng. Ba có vẻ lo lắng. Trước khi đi ba ăn mặc cẩn thận. áo trắng bỏ vô quần. Tóc ba sức bi-dan-tin đen bóng. Mẹ nói: Đây xuống văn phòng có mấy bước mà diện dữ vậy? Ba nói "Phải cho nó biết mình đâu phải dân cùng đinh, đến xứ nó ăn xin. Đẻ bao nhiên tôi vẫn nuôi đầy đủ. Mắc mớ gì nó hạch sách tôi trước mặt mọi người?..." Thi bụm miệng cười. Chắc đã có ai đó dịch lại cho ba những lời ông Tây trưởng đoàn nói bữa nọ, nên ba vẫn còn tức ổng. Ba quay lại nạt: "Xong chưa? Đi nhanh lên, cười gì?... Ráng dịch cho trúng nha con."

Hai cha con Thi rụt rè bước vào phòng, lí nhí nói: "Bonjour Monsieur". Ông Tây già ngẩng lên, sửa lại cặp mắt kính trễ xệ trên sóng mũi cao sững, rồi lại cúi xuống đống giấy tờ trên mặt bàn, càu nhàu nhiều việc mà không ai giúp. Ông Tây già nói bằng cái giọng lè nhè như người say rượu. Thi phải nghiêng mình, lóng tai nghe tiếng được, tiếng mất để dịch lại cho ba. Cái vốn tiếng Pháp ít ỏi nó học được trong các trường bà Soeur, bỗng biến nó thành một nhân vật quan trọng trong gia đình. Ba đã thôi không còn hay cốc đầu nó mỗi khi nó lý sự với ba. Giờ nó là tiếng nói của gia đình, hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Tự nhiên cái trở ngại về ngôn ngữ bỗng biến ba thành rụt rè, thiếu tự tin. Hình như ba hỏi ý nó về nhiều vấn đề, về mọi vấn đề, đôi lúc quên nó chỉ là đứa trẻ. Không hiểu sao nó buồn. Nó muốn ba của nó lúc nào - ít nhất là trước mặt nó - cũng phải oai nghi, đường vệ, uy quyền. Nó cần một người cha như thế để bước theo bóng người. Thi thấy thương ba mà cũng giận ba vì sự sụp đổ của ông trong mắt nó.

Thi nhớ lại ngày hôm ấy.

"Sao? Nó bảo ba đi làm thợ khuân hàng ở chợ à? Con thấy tao đào đâu ra sức. Con có nói với nó ba là thợ sửa TV, radio không?... Phải biết tiếng mới làm được à?... Con nói chưa? Cho nó biết bà từng sửa những cái máy hóc búa kỹ sư còn bó tay... Con hỏi coi khiêng đồ nặng quá không? Con thấy sao?...".

Thi nhìn ba nó ái ngại. Ba đã gần năm mươi rồi. Thi nhìn đôi vai ba. Nó nhớ đến các chú bốc xếp ở chợ gần nhà. Những bắp thịt cuồn cuộn. Những bộ ngực săn chắc. Còn ba? Nó đoán chắc là dưới làn vải phẳng phiu, che đậy những bắp thịt đã nhão, những gân cốt dòn như mấy nhánh củi khô trên cây mùa đông chực gãy đổ vì một cơn dông nhỏ. Nó thở dài. Sự im lặng của nó chẳng giúp gì được cho ba. Ông Tây lại càu nhàu dân tị nạn kén cá chọn canh, lúc nào cũng đòi việc nhàn hạ. Dân Pháp còn làm culi, huống hồ... Ba cầm cái giấy giới thiệu từ tay ông Tây. Hai cha con đã ra đến cửa ông Tây gọi tên ba lại:

- Ông Kim!

- Oui?

- Đi học tiếng Tây đi. Ở đây không biết chữ không làm được việc tốt đâu.

Ông Tây nói bằng tiếng Việt sành sỏi như một người Việt chánh cống. Ra ông biết tiếng Việt nhưng không thèm nói. Lúc trở về Thi thấy ba bước lên cầu thang bằng những bước dài như chạy, lặng thinh không trả lời những câu hỏi của mẹ, ba vào phòng, cánh cửa đóng rầm sau lưng.

Sáng hôm sau trời có mưa tuyết nhẹ, Thi nằm trong phòng nghe tiếng ba mẹ lục đục dậy khi trời hãy còn mờ tối. Ba phải lấy xe buýt xuống chợ. Cửa hàng bán trái cây ba sắp đến làm ở trong khu phố dưới chợ. Mùi cà phê mẹ pha bay vào phòng Thi ngào ngạt. Tiếng mẹ "Ông mặc thêm cái áo ấm, đội mũ nữa. Khéo không bịnh phổi trở lại thì khổ." Đi khuân vác, mặc gòn gọn chứ ra đó thì móc áo, móc nón ở đâu?". Thi nghe tiếng cửa mở, rồi tiếng những bước chân ba xa dần. Còn lâu lắm mới đến giờ Thi dậy sửa soạn đi học.

Thi lăn trở trong chiếc giường ấm, nghĩ ba đang co ro cô độc đứng đợi xe buýt trong sương lạnh buổi sáng. Không biết ba có nhớ trạm xuống không? Hai cha con hôm qua đã lấy xe buýt đi trước để hôm nay ba có thêm tự tin. Không biết ông tài có đủ tử tế để nhắc nhở ba. Không biết... Thi thấy hai mắt mình ấm nước mắt. Tại sao phải thế này chứ? Ở quê nhà dầu gì ba cũng là chủ tiệm sửa TV, radio. Mấy người học trò học nghề lúc nào cũng quấn ở chân. Bà cần gì chỉ hô một tiếng là họ vội vã làm vừa lòng ba. Ra đường người này kêu anh Kim vô uống cà phê, kẻ móc thuốc lá mời. Còn bây giờ hình như ai cũng có thể nạt nộ, lấn át ba. Có lần trong chợ khi xếp hàng trả tiền, ba vô ý đạp lên chân một cậu thanh niên. Dĩ nhiên là đạp nhẹ, nhưng gã thanh niên cao hơn ba một cái đầu, xô trả ba chúi nhủi, và luôn tay phủi như ghê tởm về sự đụng chạm hơn là sự đau đớn. Không biết ba mẹ đã bắt đầu ăn năn về quyết định ra đi của mình chưa? Thi ước gì mình có thể quay trở về với Nội. Nó nhớ trường, nhớ thầy cô, những bạn bè thân thiết... những đứa bạn ở đây luôn tìm cách trêu chọc sự khác lạ của mấy chị em Thi. Đứa vuốt cái mũi xẹp của Chi, đứa chê cái chân hơi có tật của Cảnh. Có lúc Cảnh sợ bị chọc phá đến nỗi cậu bé vào trường là đứng chết dí một chỗ chứ không dám di chuyển. Những đứa hiền nhất cũng cười cái giọng nói tiếng Pháp "quê mùa", không phải Parisienne của Thi.

Thi nhớ nhất là Nội. Không biết Nội đã nhận được lá thư đầu tiên của nó gửi về chưa? Mẹ bảo "Đừng có viết tùm lum làm Nội buồn nghe chưa?" Nên Thi chỉ kể về cái thành phố nhỏ bé nó đang ở. Chỉ có một tuyến xe buýt mỗi ngày đậu ở trước cổng chung cư bắt lên và thả xuống những người phụ nữ lúc nào cũng mệt mỏi. Họ là những người đàn bà Ả Rập, và Việt Nam đi làm trong các hãng làm thịt gà. Công việc của họ mỗi ngày chỉ đứng tuốt những lớp da nhầy nhụa mỡ ra khỏi các con gà đã được mổ bụng treo dốc ngược đầu xuống. Cô Dung ở tầng trệt làm ở đó. Cô bảo bây giờ nhìn thấy thịt gà cô ngửa cổ, buồn nôn không ăn được. Tối ngủ cô mơ thấy những đàn gà trụi lông, chìa những cái cánh nhỏ xíu, chạy le te đến, bâu vào rỉa rói da thịt cô. Cô khuyên mẹ Thi đừng nên làm ở đó... Sau Thi biết cái Foyer này chỉ chứa những người di dân nghèo khó từ các nơi đến. Tập trung ở đây để chuẩn bị hội nhập vào xã hội đó. Đông nhất là người Algerie và người Việt Nam. Người Algerie đã đến sớm hơn người Việt. Buổi chiều họ - dĩ nhiên là đàn ông - trải chiếu ngồi dài dài ngoài sân, ồn ào nói với nhau bằng thứ tiếng nghe chẳng êm tai chút nào. Người Việt Nam - cũng là cánh đàn ông - thường chiếm những cánh cửa sổ, nhìn xuống. Họ gọi đám người kia là Rệp. Thi hỏi tại sao? Ba bảo vì họ ăn nhiều thịt cừu quá. Họ hôi như Rệp. Thi nghĩ không biết đám người kia sẽ gọi lại dân Việt Nam là gì. Chắc là Cá vì người Việt hay ăn nước mắm làm bằng cá. Có lẽ vì sự hôi hám đó mà hai dân tộc này ít giao thiệp qua lại. Dầu số phận họ rất giống nhau. Họ cùng là thứ đồ dơ dáy trong con mắt của người dân ở đây. Vậy mà họ vẫn dè bỉu, chê cười nhau. Thi thấy người lớn thật buồn cười. Trẻ con giành nhau đồ chơi. Người lớn dành nhau những danh dự hão.

Ai ra đường cũng hếch mũi lên trời và tưởng rằng mình là tột đỉnh. Dân tộc mình là nhất. May mà chưa có xung đột gì. Những người Việt Nam không có ai để làm chiến tranh, thường quay vào gây gỗ với chính trong gia đình mình.

Như ba và mẹ của Thi.

Ba đi làm được đúng một tuần. Sau đó. Một buổi chiều lúc Thi đang dẫn tụi con Vân thằng Cảnh đi nhặt hoa, nhặt cỏ chơi bán hàng, Thi nhìn lên thấy ba đang từ cổng đi vào. Ba đi đầu cúi xuống như đang tìm kiếm vật gì. Ba không nhìn thấy đám con. Thi kêu: "Ba!", linh cảm một sự chẳng lành. Ba giật mình ngó lại. Vẻ mặt ba vui lên một thoáng, rồi chùng xuống, nụ cười như mếu. Thi dám đoan chắc là nó thấy đôi mắt ba ươn ướt. Ba mở miệng ra định nói gì đó, rồi im bặt. Lại bước những bước dài vội vã lên cầu thang như chạy trốn.

Khi Thi đã gọi được các em lên nhà thì cuộc cãi vả của ba mẹ đã ở hồi quyết liệt. Đứng ở ngưỡng cửa mấy chị em Thi nghe tiếng ba la lối:

- Bà muốn tôi phải làm sao? Quỳ xuống lạy chúng nó van xin cho tôi ở lại làm việc chắc? Bà có biết nhục không? Bà có biết nó gọi tôi là gì không? Bà biết là gì không?... Đồ ăn cắp. Phải đồ ăn cắp... khi tôi thấy những cây cải nó bảo vứt còn có thể xử dụng được, nên giữ lại... Tôi tức quá, tôi không nói được. Giá mà tôi có súng..."

- Để làm gì? Bắn người thì ông ở tù. Tưởng giỏi lắm. Nhịn chút có chết không chứ?

- Nhịn nè. Nhịn nè... Tiếng ly tách vỡ trên nền gạch chát chúa. Chị em Thi mở cửa ùa vào, kêu khóc như đám giặc. Đứa ôm chân ba, đứa níu áo mẹ:

- Tụi con lạy ba. Tụi con lạy ba... Như thế chúng đang van xin cho tội lỗi của chính chúng. Có lẽ chúng mường tượng được sự có mặt của chúng đã là một nguyên nhân xa gần nào đó. Ba gạt chúng ra, đi vào phòng, đóng cửa lại. Mẹ ngồi phịch xuống ghế, hai hàng nước mắt tái tê. Thi và mấy đứa em lặng lẽ đi quét dọn. Thi thấy nghẹt thở. Sự câm lặng như một khối đá vô hình đè lên ngực cô. Giá mà Thi có cánh để bay về với Nội. Khu vườn nhà Nội chắc vẫn đầy bóng mát của những cây ổi, cây xoài, bông sứ... Gió vườn nhà Nội chắc vẫn mát như quạt những buổi trưa hè. Sao những làn gió đó quá hiếm hoi ở nơi này. Chỉ có thứ "gió độc" như Nội vẫn nói từ những cánh quạt sắt quay đi, quay lại...

3. Mẹ đã có việc. Ông Tây nhờ mẹ phụ văn phòng, dầu mẹ có ái ngại về cái vốn tiếng Pháp nghèo nàn của mình. "Dễ ợt, Madame đừng có sợ. Tôi sẽ giúp mà...". Ông nói đánh máy, lưu trữ hồ sơ... cũng dễ ợt. Mà có lẽ cũng dễ thật, mẹ đã làm hơn hai tháng vẫn chưa bị đuổi việc. Ông Tây lại đặc biệt dành cho gia đình Thi những quyền lợi như: được lựa đồ trước trong đám quần áo của người ta gửi đến cho người tỵ nạn. Thức ăn trong hộp thì được những thứ chưa quá date. Và có tin tức gì về quyền lợi của đám dân tỵ nạn

mẹ cũng biết trước. Địa vị của mẹ trước mắt những người Việt tỵ nạn bỗng khá,c bỗng sáng sủa hơn. Họ hay đến thăm căn phòng của gia đình Thi vào mỗi buổi tối sau khi cơm nước xong, để nghe ngóng tin sốt dẻo, để nhờ "chị Hai" để ý dùm hồ sơ xin nhà, xin việc, xin tăng trợ cấp... của họ đến đâu rồi. Nhà Thi hình như lúc nào cũng có khách. Có bữa ba ngồi ở sofa đọc báo, nhưng Thi thấy ông cứ dừng lại, để tờ báo xuống đùi, liếc về phía bàn ăn chỗ mấy bà hàng xóm xúm xít quanh mẹ:

- Mợ Hai thiệt là giỏi. Kể như trong nhà bây giờ một tay mợ rồi...

- Ủa, bộ ba con Thi cũng chưa có việc à. Hay biểu ổng đi lột da gà với tụi tui đi. Tụi này đang thiếu đàn ông đây... Người đàn bà mập với hai bắp tay chảy thịt, cười lớn tiếng, ném cho ba một cái nhìn khiêu khích. Ba thở dài đứng dậy, nhìn vào trong bếp như tìm mẹ. Nhưng mẹ đang kể chuyện gì coi bộ vui lắm, mấy bà bạn bò ra cười. Ba ra cửa, vò đầu Thi nói: "Ba lên nhà bác Tuyền. Tụi con ăn cơm trước với mẹ. Đừng chờ ba". Thi nói dạ, muốn kêu ba ở nhà mà không dám.

4. Gia đình bác Tuyền ở trên tầng ba. Hai bác đã lớn tuổi, được lãnh tiền già, nên không phải bận tâm gì. Năm cô con gái. Bốn cô đã đi làm ở hãng gà. Cô Ngọc, lớn nhất, 24 tuổi lại không đi làm. Người ta bảo cô Ngọc tâm thần vì phải bỏ người yêu lại Việt Nam. Suốt ngày Thi thấy cô ngồi ở cửa sổ lầu ngó xuống đất. Cô ngồi nghiêng người, mái tóc đen xõa phủ. Có lúc Thi tưởng cô là một hình nộm được đặt ngồi đấy để canh đám bồ câu không đậu vào bệ cửa ỉa bậy. Đôi khi bác Tuyền gái muốn nhập với "hội phụ nữ" của mẹ cũng dẫn cô theo. Những lúc ấy nhìn cô mà tội nghiệp. Hình như không ai để ý đến sự có mặt của cô. Cô ngồi cam chịu giữa những người đàn bà ồn ào, soi mói. Nhưng cũng vì thế, cô như một điểm sáng nổi bật lên trên cái nền đen tối. Điểm sáng đó làm ba chú ý. Thỉnh thoảng ba nhìn cô nghĩ ngợi. Ba nói cô là tiên mắc đọa.

Tháng trước hai vợ chồng bác Tuyền phải đi xa thăm người bà con. Mấy đứa em cô Ngọc mỗi sáng đi làm "gửi" cô Ngọc ở nhà với ba và mấy chị em Thi. Mẹ nói: "Dầu gì anh ấy cũng ở nhà trông mấy đứa con, ngại gì. Với lại cô Ngọc đặt đâu ngồi đó thì phiền hà gì...".

Hôm đó cô Ngọc mặc áo lụa trắng. Tóc cô thắt bính thả trước ngực. Một lớp phấn hồng nhẹ trên đôi má trắng xanh. Cô đứng ngồi e dè, ngập ngừng như sợ lũ trẻ con và người đàn ông nghiêm nghị trước mặt. Tất cả ở cô gợi lên sự mỏng manh, dễ vỡ. Thi thấy ba nói đúng. Cô Ngọc giống như một cô tiên trên các bức tranh lụa Nội treo trên vách nhà. Cô ngồi ở phòng khách nhìn mấy chị em Thi học. Ba bảo Thi làm cho cô ly nước cam, rồi ba đứng lên đi vào buồng như sợ sự có mặt của mình làm cô Ngọc thêm mất tự nhiên. Thi và mấy em học bài nhưng con mắt cứ liếc nhìn cô Ngọc. Thi sợ cô lên cơn bất ngờ như những người bịnh tâm thần Thi gặp ngoài đường. Họ có thể bất

thần chạy xổ đến trước mặt ai đó sững sộ. Hay bỗng khóc bỗng cười. Thi hồi hộp như đang đi trên con đường tối đầy những bóng ma tưởng tượng. Con Vân thì thào hỏi: "Cổ có biết nói không chị?". Thi suỵt suỵt, sợ cô Ngọc nghe, buồn. Ba đi rồi, cô Ngọc men đến ngồi bên lũ trẻ. Cô mỉm cười nói "Giống mấy em tôi hồi nhỏ quá." Cô nói giọng nhỏ nhẹ nên Thi thấy không sợ. Nó đưa bàn tay ra nhè nhẹ sờ lên bàn tay trắng trẻo, có những ngón thon dài. Bàn tay cô rất mềm, lạnh. Thi có cảm tưởng mình vừa cầm lên một nhúm bông gòn ngâm nước lạnh. Từ bữa đó mỗi ngày cô Ngọc xin được xuống ngồi xem chị em Thi học. Thì ra cô cũng có học. Có bữa cô chỉ cho Thi cách đặt câu tiếng Pháp, dạy con Vân một phép tính. Thi thấy người ta bịa đặt về cô quá. Cô đâu có tâm thần chút nào. Chỉ có điều khi có mặt người khác cô câm lặng, xa vắng như thể người mất hồn. Từ ngày có cô, chị em Thi rất thích, vì có người để nhõng nhẽo. Mẹ lúc nào cũng bận, cũng mệt. Từ lâu rồi mẹ không còn thì giờ để trò chuyện với chị em Thi nữa. Lần trước con Vân, thằng Tùng xề lại bên mẹ để khoe mấy cái bảng khen ở trường bị mẹ gạt ngang. "Được rồi. Được rồi, mấy đứa giỏi rồi. Đi ra ngoài cho mẹ nghỉ. Mẹ mệt lắm." Hai đứa em Thi tiu nghỉu quay ra... Bây giờ cô Ngọc xem bài mỗi đứa, vỗ đầu, hôn trán. Thi hay nhìn cô ngồi bên mình. Cô Ngọc đúng là Tiên.

Ba cũng thích có cô Ngọc đến nhà. Giờ ba không còn bỏ vào buồng nằm khi có cô đến. Ba vẫn ngồi nguyên chỗ đọc báo - bổn phận hàng ngày của ba - để chiều khi mẹ về hỏi ông có đọc báo kiếm việc hôm nay không. Ba sẽ gật đầu. Điều đó đủ làm mẹ hài lòng. Hình như hỏi cũng chỉ là một bổn phận còn lại của mẹ đối với ba. Mẹ không còn lo cơm nước mỗi ngày cho ba như hồi xưa nữa. Bây giờ ba tự làm hết mọi chuyện trong nhà. Thi có cảm tưởng như ba là cái cô gì chun trong quả thị ra. Ba như ông vua đã mất ngôi. Không còn đợi mẹ về đặt những chén cơm bới sẵn đến trước mặt. Không còn chờ mẹ khâu lại mấy cái áo đã đứt khuy của ba. Thi thấy vừa thương vừa giận ba. Nó thấy ba của nó như bị mụ phù thủy nào thu nhỏ lại. Ba nhỏ lại trước mẹ. Trước mọi người. Thi muốn khóc khi thấy ba xỏ sợi chỉ qua cây kim mấy lần không được. Cái bàn tay to bự của ba nắm chặt sợi chỉ như sợ nó vuột mất. Mồ hôi trán ba rịn ra, mà bàn tay cầm cái kim cứ như không chịu đứng yên cho sợi chỉ được luồn qua. "Để con làm cho". Nó nói, đưa tay ra. Ba gạt đi. Ba phải tập làm chứ con. Bây giờ đâu phải ngày trước nữa. Cô Ngọc cũng nhìn ba. Rồi cô đưa tay ra. Ba hơi ngạc nhiên nhìn cô, rồi như sợ phật lòng khách ba miễn cưỡng trao cho cô cây kim và chiếc áo. Cô Ngọc tự nhiên ngồi ngay dưới chân ghế chỗ ba đang ngồi. Ba cầm tờ báo hình như để đọc. Cô Ngọc nhanh nhẹn đưa cây kim lên xuống trên tấm áo. Thi vẫn nhìn trộm hai người từ xa. Không hiểu sao nó thấy hồi hộp như thể mẹ sắp bước chân vào nhà. Sự im lặng trong căn phòng hình như lại ồn ào, xao động. Nó linh cảm như sắp có chuyện gì xảy ra. Nhưng không. Ba vẫn ngồi im. Ngoài kia nắng chiều đang rực rỡ. Nắng óng ánh trên làn tóc xõa dài của cô Ngọc. Mái tóc đen mượt mà như mời mọc một bàn tay ve vuốt. Ba thở dài khi cô Ngọc đưa

trả cho ba chiếc áo đã vá xong.

5. Hôm qua cả Foyer ồn ào, náo động. Xe cứu thương, có cái đèn đỏ trên mui quạt qua, quạt lại luồng ánh sáng màu đỏ, như bàn tay xô đuổi đám đông tò mò, tọc mạch. Bao nhiêu người bỏ ngỏ cửa - mà ngày thường lúc nào cũng khóa chặt, sợ tụi "Rệp" chôm đồ- ào lên lầu theo sát chân hai ông Tây mặc áo trắng, mặt khẩn trương, tràn đầy vào nhà bác Tuyền chỉ chỏ, bàn tán:

- Không... không biết sao nữa. Cô Ngọc uống thuốc ngủ tự tử.

- Chết chưa? Cứu được không? Hồi nào vậy?

- Thiệt dại. Cha mẹ già... Hay thất tình thằng nào?

Bao nhiêu tiếng thở dài. Chặc lưỡi.

Đám đông lại ào tràn trở xuống dưới đường. Chiếc xe cứu thương và tiếng còi đinh tai đã khuất hẳn ở ngã rẽ vào xa lộ. Đám đông lóng ngóng thêm chút nữa, rồi từ từ giải tán. Ở đàng sau mỗi cánh cửa đóng lại là câu chuyện lại nổi lên với bao nhiêu điều thêu dệt.

Sau cánh cửa đóng ở nhà Thi.

Ba xấn tới, xô đẩy mẹ, "Bà nói cái gì để người ta tự tử?".

Mẹ mặt tái xanh, lắp bắp: "Nói... cái gì? Hồi nào? Đừng... có đổ thừa kỳ cục."

Ba đưa nắm tay lên nhấp nhứ trước mặt mẹ.

Chị em Thi ào vào, khóc lóc. Nắm tay, níu chân ba. Công việc có lẽ đã trở thành quá quen thuộc với lũ trẻ. Tiếng khóc là thứ khí giới duy nhất chúng có thể xử dụng được để ngăn chặn cuộc chiến tranh thường xuyên giữa ba mẹ chúng. Chỉ có tiếng khóc của chúng mới làm cho người cha, người mẹ như chợt tỉnh sự sân si của mình.

Ba vẫn đứng chắn trước mặt mẹ. Tia mắt ba Thi chưa thấy bao giờ. Như có lửa. Như căn thù, khinh bỉ. Mẹ rùng mình, quơ tay ôm thằng Út vào mình như cái khiên chống đỡ:

- Tôi... thế nào? Ông nói đi? Tôi thế nào chứ?

Cái nhìn của ba vẫn chưa dứt rời mẹ. Bất ngờ ba nhổ phẹt nước miếng xuống thảm. Quay ra cửa ba nói: "Đi mà hỏi thằng xếp Tây đó!". Cánh cửa đóng rầm. Mẹ đổ xuống như cành cây gãy.

Đó là những tháng ngày gia đình chỉ còn như một chỗ trọ của ba. Ba có mặt đó mà lúc nào cũng xa vời. Không hiểu sao Thi có cảm tưởng như ba biết lý do vì sao cô Ngọc tự tử. Thi tự hỏi không biết hai người có yêu nhau? Nghĩ vậy nhưng trong lòng Thi không hề trách ba. Thi thấy mẹ đã phần nào có lỗi khi mẹ suốt ngày "Ông Tây lịch sự... ông Tây thương người...". Lại thường xuyên làm thêm giờ? Không lẽ mẹ quên ba vẫn là một người đàn ông.

6. Lại mùa đông. Gia đình Thi chuẩn bị đi Mỹ đoàn tụ với cô Bích, em ba. Mẹ là người vui nhất nhà. "Vài hôm nữa ăn Noel bên Cali rồi. Bên đó không có lạnh cóng như bên này đâu. Ông... đã sắp xếp valise xong chưa?" "Bà khỏi lo cho tôi." Ngoài cửa, những hạt tuyết rơi như ai nắm những nắm bông vải

thả xuống bầu trời. Tuyết trắng trên những nhánh cây, trên những mái nhà, nóc xe. Vài người đi lom khom, cẩn trọng trên mặt đường trơn trợt. Thi không thích cái xứ lạnh lẽo này. Cô Bích bảo bên Mỹ sướng lắm. Có bao nhiêu đồ chơi. Có biển. Có núi... Nhiều thứ lắm, nhưng chỗ cô ở không có tuyết, khí hậu giống Việt Nam. Càng thích. Mấy chị em Thi đã náo nức trông chờ cái ngày đi đến một chốn thiên đường khác.

Cô Ngọc cũng đã xuất viện. Nhưng hình như cô không bao giờ ra khỏi nhà nữa. Đôi khi Thi thấy cô ngồi bên cửa sổ, nhưng chưa kịp chào hỏi thì cô đã vụt mất như con chim nhút nhát trong vườn sợ hãi vút cánh bay khi có tiếng chân người. Thi muốn lên thăm cô Ngọc nhưng sợ mẹ. Cả ba cũng thế. Từ ngày cô Ngọc trở về, ba cũng chưa một lần bước lên thăm. Có lẽ ba không dám khơi động lại một vết thương vừa mới lành da.

Ngày gia đình Thi đi khỏi Foyer. Trời không có nắng. Hai cánh cửa sổ nhà cô Ngọc đóng kín. Ba nhìn lên đó khi chất những chiếc valise dầy cộm lên xe. Ai cũng đã vào xe, trừ ba. Ba loay hoay ở cửa. Ông tài đã nhấn những tiếng còi sốt ruột.

- Tôi lên chào gia đình bác Tuyền. Cuối cùng ba nói. Rồi không đợi mẹ trả lời. Ba bước những bước dài lên cầu thang. Như chạy. Mẹ quay nhìn ra cửa xe. Trong sân đám trẻ nít Ả Rập đang chơi tuyết. Những nắm tuyết bay qua lại trong tiếng cười dòn giã của lũ trẻ.

Trong xe, mẹ, bảy chị em Thi và bác tài không biết nói gì với nhau. Thời gian chờ đợi tưởng như vô tận. Thi hồi hộp nhìn lên cánh cửa sổ khép ở tầng ba. Không biết cô Ngọc có tiếp ba lần cuối. Cô có biết gia đình Thi sẽ đi rất xa. Hay cô không còn nhớ gì nữa cả. Cô không còn bận tâm gì nữa cả. Tất cả cũng giống như những cánh chim hay bay lên, đáp xuống ở cửa sổ nhà cô.

Như thế mà hay hơn.

Đó là những ngày Thi sống ở Valence, miền Nam nước Pháp.

SÔNG PHỐ

3/96



SEAMUS HEANEY

chiếc nơ mùa gặt

Khi ngồi bện chiếc nơ mùa gặt
Em im lặng gửi gắm niềm im lặng dịu trầm vào bên trong em,
Trong những nhánh lúa mì không xạm rỉ
Lại cháy sáng lên khi xiết lại từng nút thắt một
Thành một vòng ánh sáng có thể nhận biết được,
Một chiếc nơ rơm thắt nối tình yêu để vất đi ngày cưới.

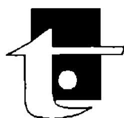
Đôi tay đã đánh ngời thời gian trên những gậy chống gỗ tần bì, gậy trúc
Đã vỗ vào cựa một đời những con gà chọi
Trở lại với linh khiếu của tay và làm việc tỉ mỉ chăm chú
Cho tới khi những ngón di chuyển trong giấc mộng du:
Tôi kể chuyện và sờ chạm nó như chữ nổi braille,
Nhặt lượm từ vật có thể chạm sờ này điều không thể nói,

Và nếu tôi nhìn trộm vào những vòng cuộn cháy vàng của nó
Tôi có thể nhìn thấy chúng ta bước đi giữa những dốc nghiêng đường tàu
Vào một buổi chiều hôm cỏ dài và muỗi mắt,
Khói xanh dựng thẳng tắp, những giường ngủ cũ,
những lưỡi cày xếp thành hàng,
Một giấy nhãn auction *trên mặt tường chái nhà ngoài -*
Em với chiếc nơ mùa gặt trên viền ngực áo,

Tôi với chiếc cần câu, đã bắt đầu nhớ nhà
Nhớ những buổi chiều hôm đã dâng trào lớn rộng, khi chiếc que của em
Đánh bay những đầu rong những đầu lá
Đánh ra khỏi thời gian, và đánh, nhưng dấy động
Không một điều gì: vùng châu quận ngày đầu
còn cứng lưỡi trong những nhánh rơm tay em kết bện.

Cuối cùng của nghệ thuật là yên bình
Có thể là phương châm cho vật thể mong manh này
Tôi đã đính cài trên chiếc tủ áo gỗ thông của chúng mình -
Như một chiếc bẫy đã giăng
Mới bị đẩy trượt đi vì linh hồn của ngô bắp
Nhưng lại được đánh ngời bóng lên bởi đường đi qua
Của hồn linh ấy, và vẫn còn hơi ấm

THƯỜNG QUÁN chuyển ngữ



LÂM CHƯƠNG

bức tranh vân cẩu

Cơn gió lớn thổi ta lìa cội
diều đứt dây bay lạc xứ người
giữa xa lạ làm tên quái khách
sống dở hơi trông cuộc đổi đời

ta vẫn thường chắp tay sau đít
đứng coi những thằng trốn lính ngày xưa
ngoác mồm lên hô hào chống cộng
chuyện thiên nan mà nói như đùa
phường bị thịt túi cơm ở đâu cũng thế
đánh giặc mồm trăm trận không thua

cuối tuần, ta cũng thường rỗi rảnh
đi tà tà qua mấy đám đông
thấy thiên hạ đang bày tiệc lớn
vá biển lấp trời quang phục quê hương
ta nhớ mặt bọn này, một thuở
sống ươn hèn núp ở hậu phương
giặc chưa đến mặt đà nhớn nhác
chạy cong đuôi bỏ phố bỏ phường

lịch sử ta có lắm anh hùng
cũng không thiếu những thằng đốn mạt
thay hình mang mặt nạ đi đêm
giấu chân tướng làm tên phản quốc
trong bóng tối thông đồng với giặc
miệng rêu rao chung sức chung lòng

có kẻ hỏi đời ta chưa tận
sao thờ ơ ngoảnh mặt với đời?

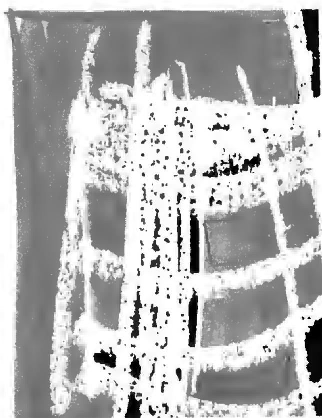
ta con ngựa già thất thế
bầm ruột gan không trải được lòng
thân xiêu tán cõi ngoài muôn dặm
mùa đông về gió bấc căm căm
dài cổ ngóng quê nhà, con ngựa hí..

LÂM CHƯƠNG



NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

không có cha



Như bao nhiêu đứa trẻ con khác thời ấy, con bé lớn lên chẳng biết mặt bố nó ra sao. Có người bảo: - *Có khi con bé chẳng biết bố nó là ai nữa...* Điều ấy không đúng. Ngày nào chả vậy, cứ có cơ hội là mẹ nó lại nói với nó về bố. Con bé biết bố nó đi bộ đội đánh nhau ở trong miền Nam, nó phải ăn ngoan, chóng lớn, nghe lời mẹ, nghe lời cô giáo... Bao giờ chiến thắng bố nó sẽ về, mua cho nó áo hoa, quần hoa, cho nó nhiều bánh, nhiều kẹo. Con bé hay thắc mắc, hay hỏi vặt, những điều không giải thích nổi mẹ nó bảo: - *Thôi, đợi bố về...*

Nhà con bé ở đường đất đỏ, gần nhà ga. Đấy là một ngôi nhà tranh nhỏ xíu, vách đất. Trong nhà, trên bốn bức tường xung quanh mẹ nó dán đầy những tờ báo đủ các loại. Con bé biết đánh vần, rồi ê a biết đọc những chữ đầu tiên là ở trên những tờ báo ấy. Nó thấy khắp nơi đâu đâu cũng có chữ *nhân dân... công an nhân dân, quân đội nhân dân, giáo viên nhân dân...*, Cái gì cũng *nhân dân...*

- *Nhân dân* là gì hả mẹ ?- Con bé hỏi.

Mẹ nó trả lời:

- *Nhân dân* là những người như bà, như mẹ, như con, như bác Đa, cô Na, chị Xuyến..., nhiều nhân dân lắm.

- *Nhân dân* có nhiều đến một nước không hả mẹ? - Con bé tưởng tượng ra, đối với nó *nước* có nghĩa là *rất nhiều*, cãi nhau với bạn bè, phải đợi đến lúc thật bí nó mới nói - *Tao có cả một nước đồ chơi cơ, chúng mày có mấy triệu, thấm vào đâu...*

- U - Mẹ nó trả lời. - Cả nước này là nhân dân.

Hôm khác, con bé lại hỏi:

- *Quân đội* là ai hả mẹ

- *Quân đội* là bố, là bác Hùng, bác Dũng, bác Quyết, bác Chiến...

- Thế *quân đội* cũng nhiều phải không, mẹ

- Nhiều.

- Có gần bằng *nhân dân* không?

- Gần bằng - Mẹ nó nói liều.

Dần dà rồi con bé biết *công an* là mấy chú mặc quần áo vàng cầm cái gậy đứng chỉ đường ở các ngả tư, ngã năm, cũng có *chú công an hộ khẩu* tối tối hay vào nhà nó xin lửa hút thuốc, hay vào nhà mấy bà có con gái lớn ngồi uống nước chè. Nó cũng biết *giáo viên* chính là thầy giáo, cô giáo dạy anh Huy, chị Ngọc, chị Hòa..., còn *giáo sư* thì lại là thầy giáo dạy chú Chí, cô Thủy..., cô Thủy, chú Chí... là *sinh viên*

Một hôm khác, con bé lại hỏi:

- Liên xô là ai hả mẹ?

- U, Không phải là ai mà là một nước - Mẹ nó giải thích - Nước Liên xô to lắm, nhưng ở tít tận bên châu Âu kia, phải đi bằng máy bay mới đến được.

Cứ như thế, nó biết thêm được khối nước khác. Nó biết Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Nhật Bản..., ở châu Á, Liên xô, Anh, Pháp, Đức..., ở châu Âu, Mĩ ở châu Mĩ...

Một hôm khác, con bé lại hỏi:

- Liên xô với Việt Nam là anh em hở mẹ ?

- Ừ, là anh em.

- Ai là anh, ai là em hở mẹ ?

- Chắc là Liên xô. Mẹ nó hơi phân vân.

- Thế ai đẻ ra Liên xô với Việt Nam?

Điều này thì mẹ nó chịu, thị nói với con bé:

- Thôi đợi bố về, bố đi nhiều chắc là bố biết.

Một hôm khác, con bé lại hỏi:

- Đảng là ai?

Mẹ nó suy nghĩ một lúc mới trả lời được:

- Đảng là ông Toản với bác Khiết ấy.

Trong đầu con bé hiện lên một ông Toản móm, mắt toét nhèm, gù lưng đi đâu cũng phải chống gậy và một bác Khiết lưng dài như chó liếm cối, mặt lưỡi cày, có bà vợ mặt rỗ như tổ ong. Ong Toản là bố bác Khiết, còn bác Khiết là tổ trưởng của mẹ nó...

Giải phóng miền Nam, hai mẹ con con bé được nghỉ hẳn một tuần để ở nhà ăn mừng chiến thắng. Hôm mồng một tháng năm mẹ con bé được chia đến gần hai ki-lô vừa thịt, vừa xương lợn... Những cái gì có liên quan đến nửa chữ *mỡ* thị qui thành nước hết, cất biến vào chạn để giành, số còn lại vừa kho, vừa xào để nấu canh dần sao cho con bé có thức ăn *tươi* đúng một tuần nó

được nghỉ.

Ngoài một buổi chiều đưa con đi chơi cầu trượt ở vườn trẻ, một buổi tối khác dẫn nó đi xem bắn pháo hoa ở bờ hồ, mấy ngày *nghỉ* còn lại mẹ con bé biến suốt. Tay Khiết tổ trưởng có một cái *chồi*, xây tường, đổ mái bằng cho nhà một bà béo trong phố, nhân mấy ngày nghỉ gã kéo cả bọn đi đánh.

Hàng ngày con bé mang mấy thứ đồ chơi ra trước cửa ngồi. Vừa chơi nó vừa ngóng ra đường chờ bố về. Con bé thấy từ trên tàu bước xuống nhiều bộ đội lắm. Chú nào cũng đeo một ba lô chật căng, trong đó thế nào mà chẳng có mấy bộ quần áo hoa với rất nhiều bánh kẹo... Trên ba lô của chú nào cũng thấy buộc vắt vẻo một con búp bê, con bé thích búp bê, thích em bé lắm, bao giờ bố về mẹ sẽ đẻ một em bé nữa làm *nhân dân* cùng chơi với nó. Con bé còn thấy nhiều chú mang theo cả khung xe đạp nữa. Nó ước gì bố cũng mang về một chiếc như thế. Mẹ con bé đã mua được đôi vành, đôi lốp xe, mấy thứ phụ tùng..., còn treo cả trên mái nhà, chỉ chờ bố nó về lắp vào khung là xong, cả nhà sẽ được đi ra đường bằng xe, tha hồ thích.

Nhưng con bé cứ chờ mãi, chờ mãi... Hàng năm sau, mãi đến khi lại thấy các chú bộ đội lên tầu vào Nam đánh nhau với bọn Pôn pốt ở biên giới tây nam vẫn chẳng thấy bố nó đâu... Mẹ con bé cũng mong chồng lắm, thị khóc đến sưng cả mắt, người gầy tọp đi, mặt mày hốc hác. Lác đác chỉ còn một vài anh thương binh, bệnh binh xuống tàu trở ra. Gặp ai hai mẹ con cũng bám lấy rồi đưa cái phong bì có ghi số hòm thư của bố con bé ra hỏi, nhưng ai cũng lắc đầu chẳng biết gì.

Một hôm có hai chú bộ đội tự xưng là cán bộ *chính sách* từ trên *thành* xuống nhà con bé. Họ trịnh trọng giao cho hai mẹ con cái ba lô lép kẹp và mở giấy tờ rồi làm ra vẻ thiểu não thông báo rằng bố con bé đã hi sinh, *-Anh ấy chiến đấu kiên cường lắm, nhưng một viên đạn của kẻ thù ở biên giới Tây nam...*, họ nói cứ như kịch trên đài vào những tối thứ bảy ấy.

Hai chú kia về rồi, mẹ con bé mới lăn ra giường khóc đến ngất đi, nó phải lay gọi mãi mới tỉnh. Thị còn rầu rĩ như thế đến cả tháng sau mới nguôi ngoai, mới cầm lại được con dao, cái bay, theo gã mặt ngựa đi *đánh chồi* lớn, *chồi* nhỏ. Con bé lúc đầu cũng nhớ bố nó lắm, nhưng nó chưa sống với bố ngày nào, mặt bố cũng chưa biết nên cái nhớ dần dần rồi cũng biến mất... Nó lại chơi đùa như cũ, có mỗi một điều khác là ở lớp cô giáo và các bạn gọi nó là con liệt sĩ, từ nay không phải đóng học phí tám hào một tháng nữa.

Đêm đêm lúc ở trên giường ngủ con bé thích mẹ nó kể đi kể lại mãi một câu chuyện *Em bé quàng khăn đỏ*. Một hôm đi chơi về nó thấy cửa nhà khang khác. - *Hay có con chó sói nào nuốt chửng mẹ, xong lại đắp chăn nằm trên giường rồi...* con bé nghĩ vậy và cảnh giác lúc mở cửa bước vào nhà, nó lăm lăm con dao cùn, định bụng nếu gặp con sói thì chém, giống như bác thợ săn ấy...

Con bé không thể tưởng tượng được tại sao con *sói* trên giường của mẹ con nó lại chính là bác Khiết. Bác Khiết đen trùi trũi, trần như nhộng đang

ôm ghì chặt lấy mẹ, hai người ngấu nghiến nhai mồm, nhai miệng nhau. Cái ba lô của bố mà mẹ nó vẫn dùng để gối đầu xổ tung ra, quần, áo, giấy tờ vương vãi mỗi nơi một mảnh. Con bé hoảng sợ, vứt con dao cùn xuống nền nhà rồi bỏ chạy ra ngoài.

Cả đêm ấy con bé lang thang ngoài đường, mệt quá nó vạ vật rồi ngủ thiếp đi dưới một gốc cây. Mẹ con bé tìm thấy nó, mang về nhà lúc nào nó cũng chẳng biết nữa.

Sau đấy ít lâu, một hôm mẹ con bé bảo nó:

- Dạo này công ti không có việc trong thành phố nữa, mẹ phải đi làm xa, chẳng biết ngày nào mới xong công trình..., con về quê với bà, bà nuôi.

Con bé về quê ở với bà nội. Nhà bà nội ngày xưa cũng đàng hoàng, có sân gạch, có vườn, có cây cam, cây na... có cái chum hứng nước mưa từ cây cau, dưới bếp có chuồng lợn, chuồng gà, trên nhà có con chó mực... Từ ngày bố nó đi bộ đội, cái nhà cứ nhỏ dần, nhỏ dần rồi biến mất. Bà nội xuống bếp ở, nhưng rồi cái bếp cũng teo dần rồi biến luôn, vì bà không tìm đâu ra cái lợp. Hợp tác cấy toàn một giống lúa cây ngắn hơn gang tay, nhũn nhèo nhèo, đun bếp được nhưng đưa lên mái nhà, mái bếp chỉ một trận mưa là thối... Cả làng này đã ngói hóa hết, chỉ còn có nhà bà vì không có đàn ông nên đành chịu vậy.

Hai bà cháu con bé ở trong một cái lều dựng trên nền bếp cũ. Trong lều có cái ổ rơm làm chỗ nằm, ba ông đầu rau bằng gạch làm chỗ đun nấu. Đồ đạc của hai bà cháu vứt hết trên cái ổ rơm, thứ nào cần dấu diếm thì để xuống dưới chiếu... Mấy cái cọc tre đóng trên vách lều để treo mấy cái niêu đất nấu cơm, nấu rau.

Hàng ngày, con bé mang giỏ, mang rổ theo bà nó men theo mấy bờ ruộng móc cua, móc cáy, hay đắp bùn ngăn một con ngòi cạn lại để bắt mấy con tép, con cá con... rồi mang ra cái chợ dưới gốc đa đầu làng bán, được đồng nào thì mua gạo về nấu cơm.

Con bé đã có bạn mới trong làng. Nó cũng chẳng thèm học hành gì nữa. Chiều chiều tắm rửa xong nó nhập với bọn bạn mới xúc đất vào những vỏ sò, vỏ hến đem bày đầy dưới gốc đa chơi bán hàng, chờ bà nội nấu xong cơm thì gọi về ăn.

Một buổi chiều như thế. Lúc con bé cùng với chúng bạn đang mua mua bán bán dưới gốc đa thì bỗng thấy trong làng khói lửa quận lên mù mịt. - *Cháy nhà...*, chúng reo lên rồi kéo nhau chạy về xem. Ở làng chỉ sẵn đám đánh nhau, chửi nhau, chứ chẳng mấy khi có đám cưới, đám ma, đến những đám cháy nhà, cháy bếp lại càng hiếm lắm.

Lúc con bé chạy về đến nơi thì cái lều của bà nó chỉ còn là đống than nóng hầm hập. Dân làng đứng hết vòng trong vòng ngoài. Mấy người đàn ông trong làng đang xoay sở tìm cách mang bà lão bị cháy thui từ trong đống than lửa ấy ra.

Con bé vật vã, gào thét đến khản giọng. Tiếng khóc của nó làm động lòng

ông lão già chuyên cắt cỏ thuê cho mấy nhà có nhiều trâu bò trong làng. Lão già đưa nó về, nhưng ngoài tấm lòng tốt lão chẳng còn gì hơn... Con bé muốn ăn thì phải làm. Lão tìm trong mấy chiếc liềm cùn một cái tàm tạm đưa cho con bé cùng cái bao tải rách để nó đi cắt cỏ.

Gần chục năm trôi qua, con bé bây giờ đã lớn, đã có dáng dấp của một cô gái. Ông già ân nhân của nó đã già lắm, không đi cắt cỏ nổi nữa, một mình con bé phải lo hai suất làm, hai suất ăn. Nó chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ra khỏi ngôi nhà cũ kĩ tồi tàn của ông già. Con đường đất đỏ của cái phố ga nho nhỏ đối với nó chỉ còn là một kí ức xa vời. Một đôi khi nó cũng nghĩ đến mẹ, nhưng nghĩ đến khuôn mặt dài ngoẳng của bác Khiết thì sợ. Những lúc ấy nó nhắm nghiền mắt lại, cố xua đuổi cái hình ảnh xấu xa ấy đi.

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Mùa cỏ mọc 1996



SEAMUS HEANEY

làm nhà

● Tặng bạn như một lời tạ lỗi.

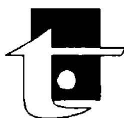
Những người thợ nề khi xây một tòa nhà
Thường đắn đo từng cây khung dựng giàn giáo
Sao cho giàn đừng bung
Ở những nơi chập chùng công việc

An toàn từng cây thang
Chặt chẽ từng mối nối
Tất cả đều bỏ đi, khi việc xong
Tường đá lộ ra, uy nghi, sùng sững.

Bạn thân ơi, đôi khi có vẻ
Những cây cầu xa xưa gãy đổ giữa chúng ta

Đừng sợ. Hãy để cho giàn giáo rụng xuống
Tâm đắc một điều, ngôi nhà của chúng ta
Đã dựng xong

QUÁCH TƯỜNG phỏng dịch



HOÀNG XUÂN SƠN
tà huy

Nhắc hoài chuyện cũ
thêm đau
sợi tóc có bạc
cũng màu tư suy
ngẫm ra
thiên địa còn gì
cỏ khâu ử cỏ xanh rì
mốt
          mai
lửa
tan muôn triệu
hình hài
mộng còn hát giữa trần ai
điệu buồn
lên đồi vắng lạnh hồi chuông
kéo dây sinh tử
ru nguồn cội
                                        xa
về thầm
trong cõi mẹ cha
tà huy nhìn ánh trăng già
thiết thao

HOÀNG XUÂN SƠN

SỬ MẶC
phùng

Trên đỉnh núi ngự bình thông reo
gió ngàn năm mảng thơ về tam giang phá sóng
biển vẫn thét gầm mà
núi già trấn u uất
không
ở hồ tây trúc bạch vẫn ngõ
lá liễu chuối mắt cuối đời ngấn lệ

áo quan và bút sắt
đẹp ưa tâm vọng dội ngang tàng
ơi
tửu hứng thi đóa ngời thạch bích
ba mươi năm đóng chốt tim người
quẩn quanh cơn nạn
lời mẹ dặn vang vang
chém sắc
đá
đêm cấm thành nhạt nhòa
đêm trăng hoàng cung
giọt rơi tầm tã

SỬ MẶC



LUÂN HOÁN

đi ngang

em nằm phơi rốn với chân
chiều đờ đẫn trải một sân nắng vàng
đúng vừa lúc tôi về ngang
con mắt cứ níu hai bàn chân đi

đố em tôi đã nghĩ gì?
hình như trục trặc cái chi trong lòng
nắng trời ai bẻ cong cong
cái tâm bằng phẳng là không phải người

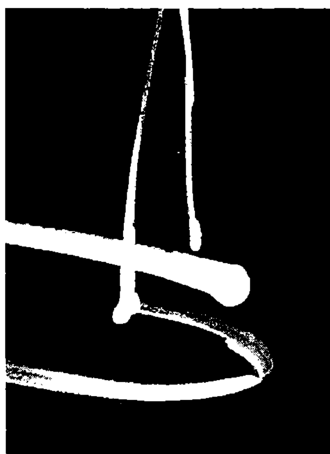
tại sao tôi phải hổ ngươi
câu thơ chợt mọc từ đùi nắng thơm
em nằm hương tỏa hoa đơm
tôi thu nhãn lực viếng thăm ngọn ngành
...
mượn thơ, thưa thốt loanh quanh
vẫn tôi, giấu vụng cái manh tâm mình

LUÂN HOÁN



NGÔ NHỰT TÂN

tình mạng



Hưng ở với hãng AD Systems Consulting vậy mà đã gần năm năm. Hình như - nếu anh không lầm- đây là nơi đầu tiên Hưng làm lâu đến thế, từ ngày sang định cư tại Canada, năm 1978.

Hưng thích thú khi làm việc tại AD Systems Consulting. Thứ nhất, công việc không phải nói hai thứ tiếng trẹo cả họng, đôi khi phải lấy cớ chạy lung tung để tránh khỏi phải nói tiếng Pháp. Thứ hai, lương hậu hĩ. Thứ ba, được hãng in thiệp và phát miễn phí. Trên mặt thiệp lại không ghi chức vụ gì cả. Từ chủ tịch trở xuống chỉ có tên (Hưng thích chí phần này nhất, vì anh có thể tha hồ... "nổ").

Đang làmchung một nhóm với những người chuyên môn lo phần hành quản trị những căn cứ dữ kiện (Cụm từ "quản trị những căn cứ dữ kiện" có lẽ do mấy ông bạn thất nghiệp, ở nhà hưởng trợ cấp "welfare" của Hưng họp bàn, chuyển ngữ, khi tụ tập tán phét cuối tuần, không biết có phải được chính thức chấp nhận từ nhóm chữ *"Database Administrator"* hay không?), Hưng gây gổ lớn với một anh bạn đồng nghiệp, người Gia Nã Đại gốc Hoa. Hưng xin ra khỏi nhóm. Trong lúc về lại văn phòng, ngồi *"on the beach"*, một danh từ riêng dùng để chỉ những người đang trong tình trạng chờ đợi để được phân phối đến các dự án mới, Hưng được một tay quản lý nhiều năm trong nghề kéo vào nhóm của anh ta, và nhóm này chuyên môn đi *"travel"*. Hưng thích thú với công việc này lắm. và tự cho mình là người có phước. Anh đi mây về gió. Ăn thực phẩm trên phi cơ, ngủ khách sạn. Tuần này Hưng có mặt tại Halifax, tuần sau anh lại khăn gói bay sang Chicago. Ôi cuộc đời sao mà hên lạ!

Còn gì thú vị hơn!. Mỗi chuyến đi, ngoài tiền phi cơ và tiền khách sạn công ty đương nhiên phải trả, anh còn được lãnh thêm tiền phụ trội hàng ngày. Hưng để dành thêm được khá tiền nhờ những chuyến đi này. Thêm vào đó anh lại được cấp riêng một máy vi tính cầm tay. Anh có thể gửi điện thư bất kỳ nơi nào anh đang có mặt trên thế giới. Anh lại được cấp phát một "trương mục liên mạng", lại dịch bừa từ chữ *"Internet Account"* đây, để xử dụng khi cần thiết. Ít khi nào Hưng dùng đến trương mục này vì rắc rối quá, mặc dù anh có nghe từ bạn bè rằng, nếu biết, anh có thể tìm xem những hình ảnh dâm tình rất linh động. Tuy thích lắm, Hưng cũng chẳng chú ý nhiều đến những chỉ vẽ từ đám bạn cô hồn. Anh bận bịu với quá nhiều công việc.

Hôm về lại Ottawa, trong thời gian một tuần nghỉ ngơi chờ đi Trung Quốc với ông chủ, rảnh rỗi, Hưng tò mò, máy mó trương mục liên mạng của mình.

Netscape đưa Hưng vào homepage của hãng. Màn ảnh đầy màu sắc với chữ Yahoo lớn, đậm nét, trình bày trang nhã, làm Hưng hứng chí tò mò hơn. Phải mất một ngày Hưng mới làm quen được với cách thức di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Đôi lúc cảm thấy quá rắc rối phức tạp, Hưng muốn bỏ quách đi, nhưng càng quen thuộc với mạng anh thấy càng thích thú. Hưng đọc được tin tức khắp nơi trên thế giới. Anh không ngờ được khả năng truyền đạt tin tức trên hệ thống mạng lại ích lợi đến thế. Hưng nghĩ, những người bị chứng *"computer phobia"*, hay những kẻ ngại khám phá, thăm dò cái mới, nếu đã chịu khó mất chừng hai ngày để làm quen với liên mạng, thì chắc chắn sẽ không thể nào tránh khỏi chứng "ghiện mạng" hay *"net addicted"*, như Hưng hiện giờ. Cũng khó mà không nghiện khi, mới vừa đọc xong chuyện Thủ Tướng Chretien của Canada đã thộp cổ cái anh chàng dân ngu khu đen, lấn tới trước mặt ông ta, tính làm trò trống gì không ai biết, trong một chuyến công du trong nước cách đây vài hôm, vài giây đồng hồ sau đã biết được tin *"mad cow disease"* của Anh quốc, rồi chuyện nước Tibet vân vân và vân vân...

Một tối sau khi ăn qua loa cho xong buổi chiều, Hưng chợt nẩy ý tìm những người Việt có trương mục trên mạng. Chẳng biết ai cho đích xác, Hưng đánh đại vào chữ Dương. Và vô cùng ngạc nhiên khi được trả lời có hơn ba mươi hai "match". Anh đi từng người một, đọc thoáng về lời giới thiệu của mỗi người, địa chỉ gửi điện thư v.v... Thật tuyệt. Dương Tuấn đang làm việc tại Úc. Dương Thiện Toàn tại đại học California. Dương Thúy Hoa đang ở Hòa Lan. Dương Tâm đang là chủ tịch một hãng tư vấn tại Canada. Khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên có một tên làm Hưng đặc biệt chú ý. Dương T. Mỹ Thiện. Chữ T chắc là một thị mẹt rồi. Các cô gái Việt thời mới sau này hay ỏng ẹo ghét chữ "thị" lắm. Hàng chữ *"Want to know more about me"* càng làm Hưng thích hơn. Anh cười khẩy một mình, thòng thêm một câu bằng tiếng Anh *"off course"*.

Mỹ Thiện tự giới thiệu mình hơi nhiều, nhưng điều làm Hưng không mấy ưng ý: tấm ảnh kèm theo lời giới thiệu ấy là ảnh hai chị em gái, trạc độ 7 hay

8 tuổi, mặt quần áo trông nghèo nàn, đang ôm nhau. Bức ảnh lúc đưa lên mạng không được rõ lắm, màu đỏ quá nhiều, trông lem nhem đến khó nhìn. Hưng trở lại trang đầu, thấy mình là người thứ bảy mươi sáu đọc trang giới thiệu này. Cô ta vừa *"update"* lý lịch mình chưa đầy một tuần lễ. Dương T. Mỹ Thiện lại mời gọi những ai muốn gửi điện thư cho cô ta... thì cứ. Hưng chẳng chần chờ lấy một giây, gửi ngay điện thư cho cô bé mà anh vừa mới đọc biết, hiện đang học năm thứ hai ngành tâm lý, tại trường đại học Michigan.

Northbrook, Illinois. Hưng được gửi sang làm việc tại đây đã hơn năm tuần lễ. Nhiệm vụ anh không mấy gì khó, so với tay nghề trong những năm vừa qua Hưng đã học được. Phải nói Hưng rảnh rang nữa là đằng khác.

Hãng anh đang bằng mọi giá, để thắng cho được một dự án dùng máy vi tính kiểm kê trang thiết bị phi cơ, do không lực Mỹ gọi đấu thầu. Nguyên, không lực Mỹ vẫn còn dùng loại máy cũ IBM nên, việc kiểm kê, theo dõi, đặt thêm hàng mới cho trang thiết bị phi cơ không được hiệu năng lắm. Nay hãng Hưng, có văn phòng trung ương đặt tại Chicago, muốn trúng cú thầu lớn này, bèn tập trung nhân lực thiết kế một hệ thống giống như yêu cầu của bộ tư lệnh không quân Mỹ, và biểu diễn hệ thống này vào tháng tới cho ông khách xộp Mỹ xem... trước khi dụ thêm.

Nhiệm vụ Hưng, chẳng có gì khác hơn là thiết kế một căn cứ dữ kiện, dùng sản phẩm cung cấp từ công ty Oracle, vì sản phẩm của Oracle có ưu điểm là rất an toàn về mặt an ninh. Sau đó anh chỉ việc tà tà bay đến những căn cứ quân sự của không quân Mỹ tại Florida hay Boston, lấy dữ kiện từ các hệ thống IBM cũ, đem về Chicago, đưa vào căn cứ dữ kiện do chính anh tạo dựng, thiết kế, đảm bảo săn sóc thế nào để đừng bị dữ kiện... dổm lọt vào.

Mất chỉ một tuần lễ, Hưng đã lo xong mọi công việc. Hưng có nhiều thì giờ nhàn rỗi. Anh ở tại khách sạn Doubletree, thuộc khu vực Glennview. Phòng ốc khang trang, đầy đủ tiện nghi. Chiều về sớm, đôi khi Hưng không biết phải làm gì. Anh đi lội, tắm hơi, cử tạ. Hưng không ngủ sớm được, nên đọc sách. Đọc chán, lại coi truyền hình. Đến quá nửa đêm mới ngủ. Có những đêm không ngủ được, Hưng coi xi, hết phim tình dục này sang phim tình dục khác, không biết chán. Mặc dù anh phải trả thêm đến bảy đồng cho một phim vớ vẩn như thế.

Chính sách của AD Systems là nhân viên đi công tác, trong khu vực của Bắc Mỹ, được quyền bay về thăm nhà mỗi cuối tuần, và phải trở lại nơi làm việc tạm thời, vào ngày thứ hai. Hưng chẳng bao giờ bỏ mất những cơ hội đó, anh tận hưởng đtối đa những quyền lợi công ty dành cho mình, mặc dù lúc ngồi máy bay, anh sợ lắm. Đặc biệt Chicago, được mệnh danh là *"the windy city"*. Chưa có một ngày thứ hai nào lúc trở lại làm việc, mà phi cơ đáp xuống phi trường O'Hare dưới một bầu trời quang đãng cả. Không gió cũng mưa. Hoặc có những lúc phi cơ cứ bay hoài trong mây, bánh xe đã hạ xuống ầm ĩ

để sẵn sàng đáp, một nửa phần sau của hai cánh phi cơ đã xếp xuống nhiều, vậy mà cũng chẳng thấy phi đạo đâu cả. Những lúc như thế, Hưng hay tự nhủ, thứ sáu đến sẽ không về nữa.

Nhưng rồi Hưng lại về. Ở lại, anh chẳng biết đi chơi đâu. Từ khách sạn phải mất cả giờ đồng hồ mới đến được phố Tàu bằng tàu hỏa, lại chẳng mấy an ninh, nhất là sau nửa đêm. Về lại Canada thế mà vui hơn. Đặc biệt Wayne, người bạn lâu năm của Hưng, đã chính thức bỏ Chúa và giáo hội, không chọn cuộc đời linh mục nữa. Họ đi chơi xả láng, đến ba, bốn giờ sáng. Khi thì Wayne ngủ lại phòng Hưng. Nhưng thường thường Hưng hay ngủ lại phòng Wayne, ở đó có bọn da đỏ nhậu nhẹt, tán dốc cả đêm, vui hơn. Tuần nào Wayne bận học, Hưng tụ tập đám bạn Việt, mua vài chai cổ chắc, nhậu tì tì đến sáng, hút thuốc, nhả khói mù mịt.

Một buổi sáng, trên đường trở lại làm việc tại Chicago, khi phi cơ bay trên vùng trời Michigan, Hưng mỉm cười vì chợt nảy ra một ý nghĩ. Mà anh cho là hay.

Hưng quen Thiện đã gần 7 tháng. Họ chưa bao giờ gặp nhau, từ cái thời Hưng tò mò gửi cho Mỹ Thiện một điện thư, và hai ngày sau đó được Thiện phúc đáp. Hưng chẳng quan tâm mấy đến cô bé anh chưa từng... bản lai diện mục. Chỉ khi nào thật rỗi Hưng mới đùa đùa tống đi vài dòng thư. Nhưng lúc nào Thiện cũng trả lời. Qua trao đổi, Hưng được biết, Mỹ Thiện sang Mỹ được gần tám năm. Năm năm đầu, Thiện bận bịu với sinh kế tại vùng đất mới Orange County. Vừa đi học tiếng Anh vừa đi làm. Học xong kha khá có thể đàm thoại và đọc sách được, Thiện cầy đến hai *"job"*. Vừa để giúp đỡ tài chánh cho gia đình, đang túng quẩn tại Tuy Hòa. Vừa dành dụm để sau này đi học. Thiện tâm sự với Hưng, vì thế cô ta không có thì giờ cho chính mình. Và cũng quên luôn cả chuyện "người thương" mà Hưng đã xa gần dò hỏi.

Sau hơn hai năm tại "Sài gòn nhỏ", Thiện quyết định theo một vài người bạn di chuyển xuống Michigan định cư, vì nơi đây cuộc sống không xô bồ, lại dễ kiếm việc hơn, lương cũng cao hơn. Làm thêm gần ba năm nữa, bao nhiêu đều đổ hết về nhà gầy dựng vốn cho gia đình. Nay thì Thiện đã yên tâm quay lại trường học. Thiện chỉ học bán thời gian. Đi làm bốn ngày, để vẫn giữ vững điều kiện sống về tài chính, tiếp tục giúp đỡ gia đình. Cà rề như thế, bây giờ cũng gần xong năm thứ hai ngành tâm lý học. Thiện bảo Hưng, quay lại học lúc già như thế này, vẫn còn hơn không. Chả lẽ đời cứ mãi thế này. Gặn hỏi lắm, Hưng biết Thiện trở lại cầm sách khi vừa tròn hai mươi chín tuổi.

Trong thâm tâm, Hưng không thích trò chơi tìm bạn bốn phương này. Ngày xưa anh vẫn chửi những kẻ chơi trò này là "nẫu". Nhưng không biết vì những thôi thúc nào, Hưng tiếp tục gửi điện thư cho Thiện mãi. Có lúc Thiện hỏi khi nào thì Hưng mới cho Thiện nghe giọng vịt cồ của Hưng, anh chỉ trả lời trong điện thư vỏn vẹn một hàng chữ *"ha ha ha ha! Whenever I feel like it"*. Và hôm nay thì Hưng *"feel like it"*.

Cuối tuần ấy, sau nhiều ngày liên tiếp nói chuyện với Thiện trên điện thoại từ Northbrook Technology Center, thay vì về lại Canada, Hưng đáp máy bay đến Michigan để gặp gỡ Thiện.

Chiều thứ Sáu. Mới sáu giờ bốn mươi lăm phút. Bầu trời Michigan âm u nên thành phố như tối hẳn lại. Gió thổi thật mạnh. Khi chợt thấy thành phố với xe cộ chạy đan như mắc cưởi, chiếc phi cơ bỗng rú lên thật mạnh. Nhìn từ dãy ghế phía sau đuôi, Hưng thấy rõ những hàng ghế đầu chênh lên cao với một độ dốc lớn. Tiếng máy gầm rít chát chúa. Trống ngực Hưng đập thùng thình. Đầu anh bấn loạn, nóng hổi. Miệng anh niệm Phật Di Đà như sẵn sàng vãng sanh. Ý nghĩ "chắc chết vì gái rồi" đến mạnh hơn danh hiệu Phật. Tiếng nói trầm tĩnh của viên phi công xin lỗi hành khách vì đài kiểm soát cho lầm phi đạo đáp giúp Hưng với nỗi lo, mặc dù ngực anh vẫn nặng chịch. Nhìn xuống, Hưng thấy phi cơ đang lượn vòng thành phố. Viên phi công thông báo phi cơ chuẩn bị đáp.

Hưng chỉ thực sự hoàn hồn khi nhìn thấy phi đạo trước mặt. Sân bay loáng ướt nước mưa. Anh biết Thiện đang chờ.

Họ nhận ra nhau dễ dàng nhờ "tín hiệu" đã thông báo trước cho nhau: Thiên, áo sơ mi dài tay màu tím nhạt, Hưng, áo ngắn tay trắng, có sọc thẳng đứng, màu đen và màu xanh da trời chen lẫn.

Hưng trầm tĩnh chăm chú nhìn Thiện. Trong khi Thiện chạy đến bên Hưng với dáng vẻ thật nồng nhiệt.

"Chào ông khách", Thiện vừa nói vừa cười thân mật.

Hưng nhận thấy ngay hàm răng cô ta hơi hô, nhưng trắng phau. Giọng Nam, mắt sáng long lanh, gương mặt nhỏ nhắn bao bọc bởi mái tóc đen hớt ngắn, kiểu bum bê. Da mặt Mỹ Thiện khó tả. Trắng chẳng ra trắng, đen chẳng ra đen. Dáng ôm ốm thon thả. Lúc nói chuyện thì chớm lúc có duyên, lúc lại vô duyên. Tâm trạng Hưng bình thản, khó tìm một hình dung từ nào để diễn tả cảm xúc lúc mới đầu gặp Thiện. Hưng nhờ Thiện trông dùm xách, vào phòng vệ sinh rửa mặt. Hưng bắt gặp mình đang nói vụn trộm "thảo nào chẳng có chồng".

Chiều hôm ấy, trong chiếc xe Toyota bốn cửa do chính Hưng thuê, Thiện hướng dẫn anh lái chạy vòng vòng khắp nơi. Đêm ấy hai người đi ăn khuya. Thiện dành trả, cô ta bảo Hưng, "anh là khách". Và chợt đổi lối xưng hô, nhìn vào mắt Hưng bảo "còn em là chủ". Hưng chẳng buồn đóng vai hào hoa. Cũng đêm ấy, Hưng tự động về phòng Thiện. Và họ làm tình với nhau suốt đêm, như đã gặp gỡ và yêu nhau từ lâu lắm. Hưng chỉ hôn nhè nhẹ vào môi Thiện, chứ không ngậm lưỡi nàng. Anh cảm thấy... sợ hàm răng hơi hô ấy, nhất là sau buổi ăn tối có món cá sống shushi của Nhật. Nhưng Mỹ Thiện thì như tận hưởng trọn vẹn. Nàng bấu hai cánh tay trần của Hưng đến sướt cả máu. Và cắn chặt răng rít lên the thé những âm thanh không ra hồn, khi cảm nhận được những chất âm ấm đi sâu vào thân thể Thiện...

Năm lần bảy lượt Thiện mời gọi lắm, đến khan cả cổ, Hưng mới sang Michigan một lần. Có những lúc Thiện giận lẫy không gọi, Hưng cũng chẳng buồn gọi lại. Người làm lành lúc nào cũng là Thiện. Hưng rất hiếm khi gọi điện thoại cho Mỹ Thiện. Mọi đối thoại anh đều dùng liên mạng. Mỗi lần gửi điện thư, Hưng lại chấm dứt bằng cách kèm một câu chuyện tiếu lâm, hay hỏi Thiện những điều mà Thiện hay trách Hưng "anh này ...tục quá". Năm thì mười họa, nếu gọi cho Thiện, Hưng hay xoay quanh đề tài làm tình của hai người kỳ trước. Nghe mãi, Mỹ Thiện kết luận Hưng thuộc nòi... dâm, nhưng nghe hoài cũng thấy... vui vui.

Hôm mùa Đông năm rồi Hưng bị cúm đến liệt giường. Wayne giúp Hưng gửi vội cho Thiện một điện thư. Thiện gọi sang, Hưng thì thào nói không ra lời. Chiều hôm ấy Thiện đáp vội máy bay sang với Hưng. Và ở đó gần hai tuần lễ săn sóc cho Hưng thật bình phục. Đêm, trước khi về lại Michigan, Hưng đòi làm tình với Thiện nhưng nàng không cho. Thiện nói như khóc: "anh vô tình lắm, có khi nào anh nhớ đến em đâu. Cho anh rồi lỡ em bị mang bầu, anh bỏ hai mẹ con em à?". Hưng tát Thiện một cái đến nẩy lửa. Mắt trái Thiện đỏ lên, sưng vù. Tay ôm mắt, nhưng Thiện không khóc. Đêm ấy Hưng ngủ ngoài phòng khách, trên chiếc ghế salon dài. Ngày hôm sau, Thiện lủi thủi ra phi trường một mình bằng taxi. Hưng không tiễn. Lúc đến sở làm, Hưng kể cho Vũ, một người bạn thân đồng nghiệp, nghe mọi chuyện, rồi kết luận "Mỹ Thiện xấu, hơi già, nhưng có tình lắm".

*

Phải mất hơn mười ngày, mắt Thiện mới xẹp xuống và gần như trở lại bình thường. Nhưng sau đó thì Thiện cảm liên tục. Người mệt mỏi, biếng ăn. Đi khám bác sĩ hoài cũng chẳng thuyên giảm. Cuối cùng Thiện được giới thiệu vào bệnh viện Michigan General Hospital khám máu, thử nghiệm.

Một buổi chiều, trong phòng riêng, dưới cặp kính trắng gọng vàng, bác sĩ nhìn thẳng vào mặt Thiện, nhỏ nhẹ: "Chị bị bệnh Aids, thời kỳ thứ ba rồi".

Hôm ấy cũng chiều thứ Sáu. Bảy giờ kém mười lăm phút. Bầu trời Michigan âm u nên thành phố như tối hẳn lại. Gió thổi thật mạnh. Khí hậu giống như buổi chiều đầu tiên Hưng đáp phi cơ của hãng hàng không American Airline, từ Chicago sang thăm Thiện

NGÔ NHỰT TÂN



NGUYỄN TÔN NHAN

mười tám bài lục bát ba câu

1 *Hỡi ôi con mắt đui rồi*
ngó ngang chẳng thấy sinh sôi những gì
chỉ nghe tiếng ngáy tử thi

2 *Em như mười tám nhánh cành*
Còn anh bốn tám mùa tanh hơi người
chạm vào một chút rã rời

3 *Cõi này là để chơi hoang*
Mai kia cõi ấy dịu dàng lặng câm
Rỗng rang chẳng chút vọng âm

4 *Trên cao có vọng tiếng gì*
âm u gió cuốn mây gì tả tơi
chín mươi ngàn hạt mưa rơi...

5 *Xuống ga lửa táp vù vù*
Con tàu quái vật đui mù lao đi
khói lên càng nhớ vân vi

6 *Nói lời giã biệt nực cười*
hai ta như sắp câm rồi phải không?
lệnh anh hay của em cồng?

7 *Bên sông có câu hò dài*
nghe như tiếng hú cọp nai rùng mình
trời ơi anh sắp động kinh

8 *Hôm nay nằm ốm nhà sàn*
mai sau không biết sẽ quàn tận đâu
hay là sửa soạn cạo đầu?

9 Chưa xa em đã nhớ vùi
lỡ xa biết lấy gì chùi đau thương
đành thôi ngủ dưới gầm giường

10 Dưới cành mai lại có mai
dưới em lại có bốn vài tinh khôi
máu hay xương đỏ rợn người

11 Tịch hề liêu hề rỗng hề
đi thì xa lắm mà về gần bên
chi bằng ở lại muôn niên

12 Tự nhiên trời đất tối hù
phương đông mặt nguyệt lù lù nhoi cao
rồi chưa kịp thở đã nhào

13 Huyền chi lại gọi Hựu Huyền
thình không nửa tỉnh nửa điên rống gào
rõ ràng trời thấp đất cao

14 Đổ nhào trái rụng đầy vườn
bên sông em hé chút lườn trắng xanh
đổ nhào trúng cả hồn anh

15 Khói lên ngột bít chín chiều
tiếng chuông nghe sớm iu xìu nước non
còn đâu gọi xác với hồn?

16 Bàn tay chẳng nỡ đập ruồi
ngồi im bất động. Cả lười lơ mơ
thế gian lặng ngắt như tờ

17 Hẹn hò chi nữa. Trăng ơi
tối mai anh sẽ suốt đời động kinh
và lên cõi ấy một mình

18 Tình cờ có ngọc Ma Ni
tâm thân chẳng bợn cái gì nhỏ nhen
chỉ còn tí chút hờn ghen

NGUJYỄN TÔN NHAN



ĐẶNG TIẾN

bài ca ngất ngưỡng



Nguyễn Công Trứ, con người, cuộc đời và thơ (1) là một cuốn sách hay, thuộc loại hiếm có những năm gần đây trong ngành biên khảo Việt Nam, gồm những tư liệu rút từ một hội thảo chuyên đề về Nguyễn Công Trứ, tại trường viết văn Nguyễn Du cuối năm 1994 tại Hà Nội.

Sách gồm ba phần: 1. Tiểu luận, nghiên cứu. 2. Tuyển Thơ. 3. Tư liệu về văn bản, tiểu sử, quê hương Nguyễn Công Trứ. Phần trích tuyển yếu, vì thiếu sót và in lỗi nhiều. Phần ba có nhiều bài hay. Nguyễn Ban viết về quê hương Nguyễn Công Trứ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thanh giới thiệu đất Thái Bình, sinh quán nhà thơ, Trần Quang Hải nói đến huyện Kim Sơn, do Nguyễn Công Trứ lập ra, là những tác giả địa phương viết nghiêm túc với nhiều xúc cảm.

Quan trọng nhất là phần đầu, 13 bài tiểu luận ngắn, giá trị không đồng đều, nhưng nói chung là nghiêm chỉnh, có thể xếp thành 4 loại:

1. Những bài tóm tắt sự nghiệp văn chương, như của Trương Chính, *Phong cách Nguyễn Công Trứ*; sau khi nhắc qua văn bản, Trương Chính đưa ra những nét lớn. Nguyễn Công Trứ chỉ làm thơ nôm, nặng phong cách bình dân - chữ bình dân lâu lắm mới được nghe lại - giàu tinh thần lạc quan và phóng khoáng của một người năng nổ hoạt động; thơ ông ngay thật, gắn bó với cuộc đời thật, nhiều thăng trầm đưa đến thái độ ngất ngưỡng về sau; cuối cùng, ông là người khai phá thể ca trù phóng túng "có thể xem đó là *một thể thơ tự do*" (tr. 74). Bài của Trần Ngọc Vương đối chiếu hai phong cách *anh*

hùng thời loạn và tài tử phong lưu, uyên bác hàm súc và tài hoa. Tác giả còn trẻ, hăng say và góc cạnh; ông nhấn mạnh ở *tính cách khiêu khích, chọc giận đạo nghĩa* của Nguyễn Công Trứ, một cách *tìm kiếm tự do tư tưởng* trong một xã hội phong kiến, của *người tài tử lân la gây sự với các tín niệm đạo đức cố hữu* (tr. 62). Mấy chữ *lân la gây sự* hứa hẹn với chúng ta một ngòi bút biên khảo sắc sảo và dũng cảm.

2. Những bài nhắc lại sự nghiệp kinh tế, chính trị của Nguyễn Công Trứ. Phan Đại Doãn nêu lên công tác khai hoang hai huyện Tiền Hải, Kim Sơn (Nam Hà) trong kế hoạch *xây dựng đồng ruộng, khu dân cư, hệ thống thủy lợi, giao thông, phân giới (tr.19). Kèm theo với công tác văn hóa, lấy cấp huyện làm đơn vị, lấy quan hệ làng xóm làm điểm tựa: "Trong lịch sử khai hoang nước ta đến nay, đây là một hiện tượng độc đáo, có một không hai*" (tr. 22). Đặng Huy Báu còn đi xa hơn nữa khi khẳng định Nguyễn Công Trứ đã *khởi xướng nhiều chính sách kinh tế xã hội mới mẻ đi trước thời đại* (tr. 29) từ việc giáo dục, đến thuế khóa, quản lý lương thực và giá cả. Về chính trị, ông *có tầm nhìn xa rộng vượt thời đại về lĩnh vực quan hệ đối ngoại giữa các quốc gia (...) chống xâm lược áp bức*" (tr. 35).

Thật ra, những điều này, chúng ta đều có biết qua, nay được nghe các bậc thức giả nhắc lại một cách hùng hồn, và cô đúc, chúng ta vẫn thấy khoái, như những ẩn ức được giải phóng. Ngoài ra, chúng ta sung sướng được nghe lại giọng bình văn ngang tàng của sĩ phu Bắc Hà, tưởng chừng đã tắt.

3. Những bài đặt tác phẩm Nguyễn Công Trứ vào một bối cảnh văn hóa rộng lớn hơn. *Tính hiện đại của Nguyễn Công Trứ* (Vương Trí Nhàn) *Thơ hành lạc của N.C.T. với dòng... an lạc thế giới* (Phạm Vĩnh Cư), *Nguyễn Công Trứ và văn học dân gian* (Nguyễn Xuân Kính): những đề tài hấp dẫn và cần thiết, nhưng rộng quá các tác giả không đủ thì giờ và tư liệu để quán xuyến. Thậm chí, có tác giả còn ngay thẳng thú nhận "*Trực giác nói với chúng ta rằng...*" (tr. 132). Loại bài này khó viết, vì dễ bất cập hay thái quá, trong một nước chưa có một xã hội văn học ổn định.

4. Những bài minh oan cho Nguyễn Công Trứ, một danh nhân từ nửa thế kỷ nay bị loại ra khỏi văn học vì tội "đàn áp nông dân" khi ông cầm quân dẹp loạn Nông Văn Vân và Phan Bá Vành. Nói chung, toàn bộ cuốn sách đều minh oan cho ông, nhưng có vài bài tập trung vào đề tài này, đặc sắc là của Hà Văn Tấn. Chỉ trong hơn một trang sách (tr. 15) tác giả đã đưa ra 5 luận điểm sử học để bác bỏ bản án nói trên, chủ yếu là vì "*Không chắc các cuộc nổi dậy của nông dân đều có nghĩa tiến bộ (...) có khi làm phương hại sự thống nhất đất nước;*" Và Hà Văn Tấn kết luận "Cho nên khi xét thái độ của kẻ sĩ thời xưa (...) chúng ta phải thận trọng, không thể xuất phát từ quan điểm "chính" và "tà" hết sức chủ quan của chúng ta ngày nay. Và đặc biệt với

nhiều danh nhân, trong đó có Nguyễn Công Trứ, không nên kết tội là "đàn áp khởi nghĩa nông dân" *Thật là vô duyên.* (tr. 16).

Hau chữ *vô duyên* của Hà quân hay tuyệt, dân dã, hàm súc và kiêu bạc. Quê tôi, người dân phát âm thành *dô diên*, âm vang còn mạnh hơn.

Một bài giải oan đặc sắc khác, do Vũ Ngọc Khánh, cùng với Hà Văn Tấn, là đồng hương với Nguyễn Công Trứ. Từ nửa thế kỷ nay (1946) ông đã tìm tòi, suy nghĩ, và đã viết một tác phẩm hay về Nguyễn Công Trứ (2). Bài viết chỉ mươi trang có tính cách tổng hợp những bài khác, vừa cô đọng và thoáng mát, nhờ kiến thức và tấm lòng của tác giả, mà cũng nhờ hành văn tài hoa. Vũ ngọc Khánh sử dụng văn biên khảo hay, biết cách chọn chữ, ngắt nhịp, pha giọng, tạo không khí cho mỗi đoạn văn. Trong những điều kiện khó khăn, ông đã chủ biên một bộ *Từ Điển Văn Hóa Việt Nam* (3) rất... văn hóa.

Mở ngoặc: trong bài, Vũ Ngọc Khánh có trích thơ Phan Bội Châu ca ngợi Nguyễn Công Trứ (tr. 43).

Sao như Uy Viễn Tướng Công nhỉ
Say dắt cô đầu lên với sư

Ông không cho biết câu này, nguyên tác bằng chữ Hán, như đã có ghi trong sách trước kia (4). Có lẽ ông ngại chữ Hán làm nặng bài văn, nguyên là một tham luận khẩu chiếm; trường hợp đó, cần ghi ở phần cước chú để người đọc khỏi nhầm khi tham khảo. Đó là nguyên tắc. Thực tế thì ta sẽ tránh được ngộ nhận khi in sai:

Tay dắt cô đầu lên với sư (tr. 43)

Chữ "tay" thay vì chữ "say" làm câu thơ nghèo đi, lại dung tục, nhưng vẫn có nghĩa, người đọc không biết đâu mà lần. Nếu có nguyên tác:

Hà như Uy Viễn tướng công thú
Túy ủng hồng nhi thượng pháp môn

người đọc dù kém chữ Hán cũng đoán ra được *túy* là *say* chứ không thể là *tay*.

Điều tinh tế hơn nữa là: câu thơ dịch, chắc là của Vũ Quân, đặc sắc ở hai âm S đầu câu (*sao, say*) và một ở cuối câu (*sư*) tạo cảm giác sật sừ, say sưa, sờ sẩm, sổ sàng một tí, kết hợp với cụm từ *lên với* nghịch ngợm đùa cợt *với sư*, gợi ý sư sử sự... Chữ *tay* đánh vỡ cuộc say...

Nhưng đọc sai đôi khi cũng thú. Ví dụ tựa đề Vũ Quân: Nguyễn Công *Trứ, một cá nhân, một danh nhân văn hóa* (trang 36) tôi sật sừ đọc nhầm, đọc ngược *danh nhân* thành *nhân danh*, biến cá nhân Nguyễn Công Trứ thành một biểu tượng văn hóa, ngang tầm với Nguyễn Trãi, trong khi Nguyễn Du,

Nguyễn Khuyến chỉ là những biểu tượng văn học.

Chuyện phù phiếm, nhưng cái thú văn chương là đây. Còn chuyện Nguyễn Công Trứ lớn lao, thì nói ngay, mình biết cả rồi. Mở ngoặc, tầm phào, cũng là để gửi đến Vũ Quân niềm tri kỷ tha phương. Đóng ngoặc.

*

Dĩ nhiên sách cũng có bài yếu, như bài Ngô Văn Phú. Về thi liệu dân gian, Nguyễn Xuân Kính viết xa đề, ít bột nhiều hồ. Về tính hiện đại của Nguyễn Công Trứ, Vương Trí Nhàn viết không vững. Ông có thiện chí duy tâm hóa Nguyễn Công Trứ để đưa nhà thơ đến gần với bạn đọc trẻ ngày nay, điều này rất tốt. Ví dụ hai khuynh hướng đối lập ở Nguyễn Công Trứ: công danh và nhàn lạc, Vương Trí Nhàn gọi là "phân thân" trong nghĩa "thiếu nhất trí". Ông cho rằng *"sự phân thân là hướng phát triển bắt buộc mà mọi người hiện đại phải có"* (tr. 83). Tôi không biết Vương Trí Nhàn đào đâu ra chữ "phân thân", có lẽ mượn từ những khái niệm tâm lý học phương Tây: dédoublement de la personnalité, dépersonnalisation... có người dịch là nhị hóa nhân cách. Nhưng đây là những bệnh trạng tâm thần khá nặng, rất xa dụng ý xưng tụng của tác giả. Vương Trí Nhàn còn cho rằng *Nguyễn Công Trứ đi rất gần với một quan niệm hiện sinh, chỉ thấy cuộc đời này là quan trọng..."* (tr. 83); tôi e Vương Quân dùng từ theo mặt nổi, mặt thông dụng, trong khi một bài biên khảo nghiêm túc đòi hỏi ở những chữ "phân thân", "hiện sinh" một định nghĩa chính xác hơn nhiều. Ông còn ca ngợi người xưa kiểu *N.C.T. rất mới mẻ, rất "tây" rất gần với con người hiện đại. Chúng ta nhìn vào ông như nhìn vào chính mình...* Lời xưng tụng thấm thiết, nhưng tiểu nhân nó đem ra phân tích, băm vằm, thì Vương quân lại sẽ thêm một lần chịu đòn hội chợ.

Nhưng trong toàn bộ, bài dở nhất là bài dẫn nhập của Nguyễn Khoa Điềm, Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn. Câu chữ luộm thuộm, ý tứ vớ va vớ vẩn. Đại khái, đoạn cuối độ 20 dòng, người đọc thưởng thức:

Trong cái ánh sáng đầy kịch tính (?) *của thời đại, N.C.T. đã đem đến... Vì vậy nhân dân dễ dàng đồng cảm, yêu mến ông, bỏ qua khuyết tật của ông* (?). Khổ quá, suốt nửa thế kỷ nhân dân (của ông Điềm) có được đọc N.C.T. đâu mà đồng cảm? Văn chương này sử quan xếp vào loại "vô duyên".

Quan tiếp lời: *Có Nguyễn Công Trứ cây đàn VN có đủ dây Vũ dây Văn, mà ông chính là sợi dây Vũ cường tráng luôn luôn rung lên những âm sắc nam nhi* (?) *sảng khoái làm phong phú cung đàn văn chương đất nước*". Ghê quá. Qua những lời lẽ hùng hồn kia, người đọc tự hỏi ông quan đã đọc *Bình Ngô Đại Cáo* chưa, thậm chí có đọc truyện Kiều toàn văn hay không. Văn chương này, "nhân dân" xếp vào loại vô công rỗi nghề.

Rồi ngài kết luận:

Nguyễn Công Trứ là một type (?) *trí thức khá gần gũi với người trí thức hôm*

nay. Đánh giá đúng Nguyễn Công Trứ là một điều hết sức cần thiết. (tr. 11)

"Người trí thức hôm nay" không ai "đánh giá" ai cả, y compris (!) Nguyễn Khoa Điềm.

Ôi xa rồi, xa lắm rồi, cái thời *bẻ củ sắn, chia đôi điều giản dị.*

ĐẶNG TIẾN
15.4.1996

---

(1) Nhà xb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1995, 300 trang, giá 48F
(2) Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Công Trứ, NXB. Văn Hóa, Hà Nội 1983
(3) Nxb Văn Hóa Thông Tin, 1993
(4) Vũ Ngọc Khánh, Sđd, tr. 237



ĐỖ QUANG NGHĨA

em

Em - một buổi chiều anh không tự biết mình yêu
Ngày cay đắng thốt nhiên mềm mại lại.

Em - một mùa xưa Hà Nội mù sương
Mùi hoa sữa bồn chồn không thể nào chịu nổi
Người con gái yêu anh đã bỏ anh đi
Cũng bỏ anh đi những ham muốn thành công
nỗi buồn thất bại
Lòng bải hoải
Anh ru mình vào em...

Có những ngày không buồn không vui
Em như một nỗi dịu dàng anh muốn có
Nhớ miên man
Một sắc xám ngày đông nhiều gió
Một chao nghiêng lá sấu bên trời.

Em như trăng trong mưa lạnh
Anh tìm về cho dịu lửa đời trai.

ĐỖ QUANG NGHĨA

PHAN NHIÊN HẠO

bài ngày mùng một

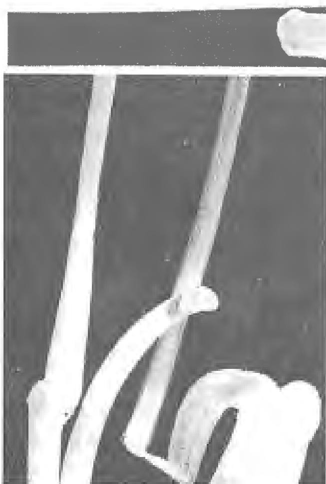
Ngày mùng một ở West Hollywood
Mua thuốc lá trong tiệm tạp hóa của người Nga
Đứng bên kia đường
Đôi tình nhân đen kêu tiếng quạ
Thành phố rác bay và cây ngã xuống
Trận gió lớn đêm qua
Những người Do Thái râu dài
Mắt đen và đội mũ đen
Ngày mùng một của một người không tổ quốc
Múa lân dọc con tàu
Con hải cẩu cố bơi về phía Đông
Nhưng thành phố đã bọc quanh cửa kính
Chỉ còn ngửa lên cao
Mặt trăng có thể làm gì
Với ngọn đèn câm lặng
Bóng đêm có thể làm gì
Với những viên pháo ẩm
Giao thừa với người này
chỉ là một trận bóng chày với người kia
Ngàu mùng một
Bạn có muốn tôi đi chợ Tàu và coi phim chưởng
Để tỏ lòng yêu quê?

PHAN NHIÊN HẠO



HUỲNH HỮU ỦY

mấy câu hỏi với họa sĩ phan nguyên



– Xin anh cho biết một vài nét về tiểu sử ?

– Tôi sinh quán Hà Nội, di cư vào Nam năm 54, thuở nhỏ học trường Tây, lên đại học theo ban Triết, sang Pháp học sư phạm, rồi dạy học. Có thời gian mở trường dạy Pháp văn và làm cố vấn một trung tâm huấn nghiệp tại Paris. Trong giai đoạn chiến tranh VN, tôi không cầm súng một ngày nào. Tự lập rất sớm, làm đủ thứ nghề để kiếm sống từ khi còn là sinh viên, và xuyên suốt những giai đoạn này là vẽ, mày mò tự học, là vọc sơn không ngừng.

– Như vậy anh vẽ tranh từ lúc nào ?

– Con đường đến với hội họa của tôi có phần gay go khổ cực hơn vì không được đào tạo ở trường ốc nào cả. Tự học là chính, thầy của tôi là những bạn bè họa sĩ tây và ta, là sách vở, viện bảo tàng, những cuộc triển lãm tranh tượng quốc tế hàng năm. Có điều tôi thích vẽ và mê tranh từ khi còn nhỏ, ngồi đâu vẽ đấy, bạ gì vẽ nấy. Đến lúc sang Pháp tôi mới được tiếp cận thực sự với hội họa phương tây, được xem tranh các bậc thầy trên thế giới một cách có hệ thống. Đến khoảng những năm 80 tôi mới bắt đầu sáng tác.

– Anh theo đuổi hội họa như một nghề tay trái ? anh có đủ thời gian để tập

trung cho việc sáng tác hay không ?

– Nếu hiểu nghề tay phải là nghề kiếm sống, miếng cơm manh áo, thì hội họa là nghề tay trái nhưng sinh hoạt này từ lâu đã tốn nhiều tim óc nhất cuả tôi. Hiện nay tôi đang chuyển sang tay phải để có thể dành tất cả thời giờ cho hội họa và sống bằng những tác phẩm mình làm ra. Hơn nữa, có thời gian để làm hết những gì mình muốn rất khó, đặc biệt vẽ tranh lại càng khó hơn, phải rảnh rỗi nhiều ngày liền, tâm can phải thanh thản, bứt ra được những lo âu phiền toái hằng ngày trong cuộc sống, phải làm việc ở một nơi cố định (tôi may mắn có được một xưởng vẽ tại gia, vỏn vẹn hơn 20 thước vuông), nhưng mình vẫn phải làm vì vẽ là một nhu cầu, đối với tôi như ăn, như ngủ, như hơi thở vậy thôi.

– Chắc anh cũng theo dõi các trường phái lớn trên thế giới, vậy tranh của anh chịu ảnh hưởng của trường phái nào ?

– Vâng, ở Paris tôi có dịp tìm hiểu sâu hơn những giai đoạn phát triển của hội họa, từ cổ điển đến hiện đại, từ dã thú, biểu tượng, ấn tượng, siêu thực, lập thể, trừu tượng và nhiều xu hướng khác hiện nay, gần như một điều bắt buộc và cần thiết cho những ai muốn sáng tác. Nó giúp cho người họa sĩ biết mình đang đứng ở chỗ nào và đang đi về đâu. Tôi đã thử nhiều bút pháp, chịu nhiều ảnh hưởng ở mỗi lúc khác nhau, thử nghiệm nhiều lối vẽ. Hiện nay theo một số nhà phê bình, tranh của tôi thuộc trường phái trừu tượng trữ tình với chiêu pháp của nhóm action painting. Nói trữ tình là để phân biệt với xu hướng trừu tượng hình học của Mondrian. Nhưng sáng tạo bao giờ cũng là kế thừa, tiếp nối những cái cũ, tìm tòi, cố gắng khai phá những cái mới và qua đó thể hiện bản chất của chính mình một cách tự do, nếu không thì chỉ là sao chép.

– Anh có cho rằng vẽ tranh trừu tượng dễ hơn tranh hiện thực hay không ? và khi vẽ anh dựa trên nguồn cảm hứng nào

– Ở đây có hai vấn đề : vẽ tranh trừu tượng dễ và nguồn cảm hứng khi sáng tác. Có thể nói chuyện hằng giờ nhưng xin ngắn gọn như thế này : vẽ kiểu gì thì vẽ, dễ hay không là do cái tạng của mỗi người. Vẽ tranh trừu tượng dễ mà không dễ, coi vậy mà không phải vậy, nhiều người nghĩ rằng cứ đổ sơn lên vải rồi bôi lung tung là có trừu tượng. Sự thực, tranh trừu tượng nó có cái nguyên lý của nó trong nhịp điệu, màu sắc, bố cục, nét vẽ,v.v...Nó là thơ của không gian, là nhạc không lời, và cái chất thơ, nhạc của không gian này cũng không phải đơn giản, dễ cảm nhận, nắm bắt được ngay. Những bậc thầy của phái lập thể khi xưa như Braque, Picasso cũng đã đứng trước ngưỡng cửa của trừu tượng nhưng phân vân không bước vào, có lẽ vì họ cho rằng bỏ tất cả hình thể đi thì tranh không còn là tranh nữa. Nhưng hội họa cũng như âm nhạc, có nhất thiết phải tượng hình hay không ? Câu hỏi này đã được giải quyết từ lâu và tranh trừu tượng đã phát triển như một tất yếu lịch sử của hội

họa gần trăm năm nay. Dĩ nhiên cũng phải có cặp mắt khá sành nghệ thuật mới phân biệt được tranh trừu tượng và những mảng màu đổ lên vải mà hồn tranh không có. Mỗi họa sĩ khi vẽ một bức tranh trừu tượng, như ném thêm một nhịp cầu để xem bên kia bờ hiện thực nó là cái gì ? Thế thôi ! Tôi thấy vừa dễ, vừa khó lại vừa nguy hiểm, vì không khéo anh có thể trở thành 'dễ dãi chủ nghĩa' lúc nào không hay.

– Còn nguồn cảm hứng của anh khi sáng tác ?

– Giải thích thế nào ?....thực ra, cảm hứng có thể đến từ nhiều phía, từ không gian ngoại cảnh tác động vào tâm hồn mình, từ những bức xúc nội tâm mà bật ra, từ trực cảm, từ tâm cảm, nhiều khi linh cảm được điều gì đó thì chụp bắt nó ngay, nó là quá trình đi từ vô thức đến nhận thức, từ độc thoại đến đối thoại. Khi xưa tôi vẽ những gì tôi nhìn thấy, bây giờ tôi vẽ những điều tôi cảm thấy. Khi ngồi trước gía vẽ, tôi không chuẩn bị một ý nghĩ nào cả ngoại trừ sơn cọ phải sẵn bên tầm tay và im lặng tuyệt đối. Khi một tín hiệu nào đó bất chợt rung động tâm can mình, thì màu gọi màu, nét nọ gọi nét kia, không biết đang làm gì nhưng cứ thế tranh nó kéo mình đi, như nói chuyện một mình, như đối thoại với tranh. Có thể kéo dài nhiều ngày và chỉ ngưng khi thực sự thỏa mãn hoặc biết mình không thể làm hơn được nữa. Được một bức tranh đẹp thì vui không tả được... Nhưng ngẫm cho cùng, cái vẽ nó không nhất thiết nằm ở đề tài, ở trường phái này nọ, hiện thực hay trừu tượng, hữu hình hay vô hình, nó cũng không nằm ở những chất liệu được sử dụng như sơn, vải, gỗ, giấy; tất cả chỉ là cái cớ, là phương tiện phục vụ cho cái tâm anh có hay không trong động tác vẽ mà thôi ! Được cái tâm ấy đã là hạnh phúc lắm rồi.

– Theo anh thế nào là một bức tranh đẹp ?

– Cái đẹp thường là một tình cảm chủ quan, tự giác và tự do của mỗi người, nó vô cùng. Một bức tranh đẹp thường phải có tác dụng làm cho người xem thấy một khoái cảm nào đó, nó tác động trực tiếp vào thị giác, tri giác, trực giác và thỏa mãn những hứng thú tinh thần của người xem. Cái đẹp là một thế giới ảo, nhưng một bức tranh đẹp phải có khả năng đánh thức những gì còn ngủ yên trong tâm hồn và làm rung động lòng người, vì xem tranh cũng như nghe nhạc người ta cần cảm nhận hơn cần hiểu. Mặt khác, sáng tạo nghệ thuật luôn luôn là một hoạt động chủ quan của nghệ sĩ. Cái đẹp trong tác phẩm chỉ phản ánh những khái niệm đẹp của người làm ra nó. 'Le laid peut être beau, le joli jamais'* câu này là của Gauguin.

– Nhiều người cảm nhận được tính chất VN qua những tác phẩm của anh, vậy khi sáng tác, anh có chủ tâm thể hiện tính chất này hay không ?

– Tôi rất vui khi có ai cảm nhận được tính chất ấy, nhưng thú thật tôi không bận tâm mấy , cũng không chú trọng một cách đặc biệt, nếu có tính

chất VN thì tự nó sẽ hiện ra trong tranh, vì tranh cũng là người. Có quan niệm cho rằng phải thể hiện tính chất VN bằng những hình ảnh đầy ắp tình tự quê hương như : mẹ bồng con, mẹ nằm võng, áo dài, guốc mộc, chùa chiền, đình miếu v.v... Cũng hay, nhưng tôi nghĩ tâm hồn người VN rất phong phú, rất đa dạng, đa tầng, đa chiều mà chúng ta cần phải khám phá và khai thác, nó nằm trong từng mạch máu của mỗi người chứ không chỉ ở những biểu tượng ước lệ kia. Tóm lại khi vẽ, tôi không cố tình áp đặt một tính chất nào cả. Tranh của tôi chỉ là một sự gợi ý, người xem tranh có thể đến với tất cả hỉ, nộ, ái, ố, tham, sân, si cùng gốc rễ của họ. Tranh vẽ xong, nó không còn là của tôi nữa.

– Anh có dịp về VN chưa ?

– Tôi có về một vài lần, để thăm gia đình, bè bạn.

– Nhận xét chung của anh về hội họa VN như thế nào hiện nay ?

– Tôi thấy có nhiều họa sĩ tài hoa, kỹ thuật điêu luyện. Nhưng có cảm tưởng họ ít tìm tòi những cái mới. Có thể vì giao lưu văn hóa còn hạn hẹp, họ ít được ra nước ngoài và ảnh hưởng của nền kinh tế du lịch quá mạnh chăng ? (đây chỉ là cảm tưởng qua một vài chuyến đi, do đó có thể không chính xác). Hiện nay ở VN, họa sĩ sống được, họ vẽ ra tiền, tôi không chơi chữ đâu ! Họ sống khá giả hơn trước và tập họp thành những nhóm sáng tác ở khắp ba miền. Mâu thuẫn, đố kỵ nhau cũng nặng nề, nhiều khi chỉ vì ranh giới, địa phận chứ không phải thuần túy nghệ thuật. Nhưng nói chung, hội họa VN đang có một sức sống rất lớn, vì cái anh vẽ vời được tự do hơn cái anh viết lách. Tôi tin rằng, một vài năm nữa, hội họa VN đối với thế giới sẽ không là một câu chuyện ngoài lề. Muốn được như vậy, đội ngũ những nhà phê bình nghệ thuật phải mạnh mẽ hơn, người buôn tranh phải làm ăn quy củ hơn, không thật-gỉa, vàng-thau lẫn lộn, tác phẩm và tác quyền cần được bảo vệ tích cực hơn, nghĩa là dần dà chúng ta phải bắt kịp những tiêu chuẩn quốc tế, về mọi phương diện.

– Anh thích tranh của họa sĩ VN nào nhất ?

– Những họa sĩ xưa và nay, trong và ngoài nước mà tôi thích cũng nhiều, mỗi người mỗi vẻ, phong cách bút pháp rất khác nhau. Cho tới nay, tôi vẫn chưa thấy ai vượt qua Nguyễn Phan Chánh với tranh lụa hay Nguyễn Gia Trí với sơn mài, hai vị này vẫn là những đỉnh cao thách thức thời gian về mặt kỹ thuật truyền thống. Riêng về sơn dầu, có tranh của Võ Đình, Lê Bá Đảng, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em, Nguyễn Trung, Đinh Cường, Bửu Chỉ, Nguyên Khai, v.v... Tôi mến cái tài, và rất phục cái tâm, cái trí cùng nỗ lực của họ đối với hội họa.

– Những họa sĩ khác trên thế giới ?

– Picabia, Wols, Pollock, Zao Wou Ki, Tapies.v.v..

– Anh thích nhà văn, nhà thơ VN nào nhất ?

– Hiện nay tôi thích cái chất nhân bản trong truyện Nguyễn Huy Thiệp, cái chất khai phá thử nghiệm, cố gắng làm mới văn chương của Phạm Thị Hoài, cái chất nghịch ngợm tàn bạo và trí tưởng tượng phong phú của Trần Vũ, cả ba đều độc đáo trong thể truyện ngắn và sẽ để lại dấu ấn trong văn học VN. Còn những tác phẩm chói sáng qua lăng kính chính trị một thời thì....một thời rồi thôi. Dĩ nhiên còn nhiều văn tài khác như Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh v.v...Riêng về thơ, tôi vẫn mê Bùi Giáng, Xuân Diệu, Hoàng Cầm và đang tìm cái hay, cái mới lạ, cái chất 'hậu hiện đại' ở những nhà thơ trẻ như Chân Phương, Trân Sa, Hoàng Hưng, Khế Iêm, Đỗ Kh.

– Anh có một loạt tranh mang tên 'Fractus', anh có thể cho biết tại sao ?

– Đó là những bức tranh khổ nhỏ bằng hơn bàn tay, vẽ trên giấy những lúc có ít thời giờ, lâu ngày nhìn lại thấy cũng vui, vì chúng là những dấu tích trong một khoảnh khắc nào đó trong cuộc sống của mình, là những cảm xúc rơi rớt nên tôi đặt là 'Fractus' (mảnh vỡ). Nhiều người lầm tưởng là những phác thảo, những esquisse để vẽ lại tranh lớn nhưng không phải, đây là những bản chính và duy nhất. Lắm khi tôi yêu những bức tranh khổ nhỏ này hơn cả những tấm lớn hai, ba thước.

– Anh đã triển lãm được bao nhiêu lần và có gặp những khó khăn trở ngại nào ?

– Tôi bầy tranh rất ít, được vài lần cá nhân, tham dự các salon và triển lãm tập thể thì không nhớ bao nhiêu, còn trở ngại thì có nhiều. Hiện nay ở Pháp, cũng như Âu Châu nói chung, nền kinh tế đang xuống dốc, nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng, tâm lý làm ăn rụt rè tính toán rất kỹ, cho nên các chủ galerie cũng ít dám mạo hiểm với nghệ sĩ, là người buôn bán, họ chỉ bầy tranh khi nắm chắc lợi nhuận trong tay và ngay lập tức chứ không dám đầu tư lâu dài như xưa. Nhưng nếu có tiền, anh cũng có thể bầy tranh bất cứ nơi nào, và rồi ai xem ai mua ? Mặt khác thị trường tranh ảnh ở Pháp rất bảo thủ so với Mỹ hay Nhật Bản, Paris sẽ không còn đóng vai trò tiên phong và ngã tư văn hóa của thế giới mà là Tokyo hay New York. Nhưng cái khó nhất đối với một họa sĩ vẫn là vẽ và tác phẩm, nó là một cuộc tình khó hiểu và đầy cạm bẫy, tốn công tốn của, biết thế nhưng nhiều người vẫn lao vào để 'bỏ mạng' cho vui.

– Theo anh phải làm những gì để trở thành họa sĩ ?

– Phải vẽ thực lòng, phải dám sống chết với hội họa, không chơi chơi mà chơi thật. Tôi nghĩ không ai 'trở thành' nghệ sĩ mà có 'là' nghệ sĩ hay không từ khi lọt lòng mẹ. Nó là bản chất, bản năng trời cho của một con người, ta thường nói cái 'máu nghệ sĩ' là vì vậy; và dĩ nhiên, với thời gian, qua học tập,

tu luyện, khổ luyện anh mới phát huy được những khả năng ấy, có vậy thôi.

– Anh có muốn nói thêm điều gì về hội họa hay nghệ thuật nói chung ?

– Ở thời đại ngày nay, mọi người đều nhận thấy một điều : là nghệ thuật đang trên đà bị 'quốc tế hóa'. Liệu sẽ có nguy cơ làm giới hạn mọi trí tưởng tượng, nghèo nàn hóa mọi bộ óc sáng tạo, dẫn đến một nền hội họa đồng phục, đơn điệu, na ná như nhau hay không ? và rồi nghệ thuật sẽ đi về đâu ? Những lo âu này có cái lý của nó nhưng tôi nghĩ rằng : nghệ thuật chỉ hiện hữu khi thực sự có những bộ óc sáng tạo, dù ở bất cứ chân trời nào, và một người sáng tạo đích thực bao giờ cũng là một tài năng cá biệt, độc nhất khả dĩ thoát ra được những lề thói thông thường ở thời đại mình sống. Người nghệ sĩ, dù muốn hay không vẫn có một quê hương, gốc rễ cội nguồn, vẫn phải sống trong cõi đời này với tất cả những hệ lụy của nó, với những trào lưu cũ mới, với những hoài nghi, thất vọng, mơ ước, sợ hãi của ngày hôm nay và những hy vọng của ngày mai. Hơn nữa, một trường phái hội họa, một trào lưu văn học chỉ là phương cách biểu hiện thực tại sống trong một không gian thời gian nhất định nhưng chắc chắn không ổn định, bất biến vì cuộc sống là sinh động, biến thái không ngừng. Mọi thể chế chính trị rồi cũng sẽ bị thay đổi, mọi nền văn minh đều có thể tiêu vong, mọi hình thái nghệ thuật rồi cũng sẽ suy tàn và sự hiện hữu của chúng ta hôm nay, cũng chỉ là một ánh chớp trong cõi vô cùng.....Nghệ thuật sẽ đi về đâu ? chả biết, chỉ biết còn con người thì còn sáng tạo, còn sáng tạo thì còn nghệ thuật, bài học duy nhất mà nghệ thuật cho tôi là bài học nhân ái.

HUỲNH HỮU ỦY *thực hiện*

Tạm dịch : (*) Cái xấu có thể đẹp, cái xinh xinh, không bao giờ.



NGUYỄN XUÂN THIỆP

tôi cùng gió mùa

Trong cuộc hành hương về nơi bình minh ẩn náu
cuộc đi nối tiếp những con đường từ bóng tối
trong màu đỏ rạng của ráng trời
khi tôi về qua khu phố nhỏ
thì gió mùa cũng đã trở về
giữa ngã ba chiều
gặp lại nhau

Gặp lại nhau
tôi cùng gió mùa
khi những chiếc lá khô lăn tròn mặt nhựa
cuốn theo chút nắng cuối trời
người phu quét đường
quét bóng hoàng hôn nẻo phố
khi lá chín rụng nhiều
trẻ con sẽ nhặt làm kèn
thổi qua một mùa đông xám tới một mùa thu vàng đầy khói
thổi qua hồn tôi

Gặp lại nhau
tôi cùng gió mùa
cho nên trong ly rượu chiều nay uống bên quán lá
có thêm chút cay đắng của giọt lệ nào
và lời vi vu của nhiều hạt bụi

Này em chưa đan xong chiếc khăn quàng cổ
thì gió mùa đêm nay đã đến đầy phòng
thổi rung liếp cửa
em có nghe tình ta âm vang dưới bầu trời hun khói
âm vang qua đồng cỏ xanh

Gặp lại nhau
tôi cùng gió mùa
để đêm nay có người lục lại gối chăn trong hòm cũ
tìm lại chiếc gương xưa
để sớm mai
hồng má trẻ con
se môi thiếu phụ
để người đi xa một sớm quay về

Hơi gió mùa
đã đến trong cây
đã nói cùng với lá
rằng ta yêu nỗi cùng khổ của kiếp người
cả những điều tuyệt vọng
rằng khắp nơi trên mặt đất mùa đông này thiếu lửa
nhưng dưới mái tranh nghèo quê hương ta chiều nay
đã ấm lại tình hoa cỏ

Hơi gió mùa
đã cùng ta gặp lại
nhớ không lần đầu tiên chia tay cùng người
mà lịch sử đã có dư nghìn tuổi
mà hôm nay ta lại gặp ta
đời lại gặp đời
trong nỗi bàng hoàng
trong cơn sốt vỡ da

Hơi gió mùa
đã thổi từ cội nguồn xa tới cửa hiện thời
thổi qua những rặng núi, những dòng sông,
những xóm làng, thành phố quê hương tôi
đã đến đây chiều nay gặp lại
trong ký ức âm u của đời tôi
đã có những cơn gió mùa chợt dậy
đã có cơn gió mùa thổi qua thành quách cũ
thấp thoáng bóng ngọn cờ
đã có cơn gió mùa thổi qua hàng bia mộ
những mặt người thiên thu

Gió mùa
gió mùa
thổi qua
thổi qua
qua những tầng cổ tích, những lớp đá ong, những tàng thạch thảo
như tù và. như tiếng trống thành xưa vang động.
như tiếng độc huyền dưới những hạt mưa
thổi qua
thổi qua
một mình góc phố chiều nay
tôi nghe gió mùa đi qua lục địa

thổi qua những biên thùy, rào cản, những ước định của người,
những tâm hồn mê sảng
những màu da
những dòng nước mắt
gió mùa
gió mùa
thổi qua
thổi qua
thổi từ lịch sử của từng chủng tộc
tới nỗi riêng của mỗi phận người
trong cơn oan khốc
thổi từ tử hải tới bờ hiện sinh
qua sa mạc hằng hằng lớp cát
tới bờ biển đông
thổi trên những nền móng mới
những bàn tay tiếp tiếp lên trời
gió mùa
gió mùa
thổi qua
thổi qua

Hỡi gió mùa
giữa những bình minh và những hoàng hôn
cười khóc
người đã nghe gì. đã thấy gì
từ trong Thánh kinh và Nam Hoa kinh
và triệu triệu những trang kinh vàng óng
trên cây vô ưu
và cành nhân sinh
có con chim nào hót
có không một chỗ dừng chân
cho loài người suốt cuộc hành trình về trong tĩnh lặng

Hỡi gió mùa
đã đến trên quê hương ta chiều nay
để thêm một lần gặp lại
xin hẹn cùng ta
xin hẹn cùng người
một mùa đông ấm lửa

NGUYỄN XUÂN THIỆP



TRẦN NGỌC TUẤN

hỏi chuyện nhà phê bình văn học thụy khuê

– Chào chị Thụy Khuê! Phỏng vấn là "nghiệp" của chị, cũng như phê bình là "nghề", nên hôm nay chị bị... quả báo. Xin được bắt đầu từ một câu... soi mói. Chị bắt đầu viết phê bình văn học từ lúc nào? Động cơ gì thúc đẩy chị lao vào cái địa hạt mà ngay cả các đấng mày râu, chữ nghĩa đầy mình cũng "rất ngán"?

– Những phân tích bông đùa trên đây của anh, có phần đúng và cũng không hẳn như thế. Nếu gọi phê bình văn học là cái "nghề", theo đúng nghĩa của nó, thì nó phải nuôi sống người làm "nghề" ấy. Đối với tôi, "nghề" phê bình không mang lại lợi tức nào cả. Còn phỏng vấn cũng không hẳn là cái "nghiệp". Thật ra thì việc phê bình dẫn tôi đến sự nhận lời phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật trên đài RFI. Việc phê bình, tạm gọi là có tác dụng lâu dài, tuy cho một số ít người đọc đương thời, nhưng số ít ấy, có thể tái hiện trong tương lai. Công việc truyền thanh mang lại tác dụng tức thời, đến với nhiều thành phần thính giả và đòi hỏi tính cách đa ngôn, đa giọng và đa dạng ... tức là càng nhiều tiếng nói phát biểu trên đài càng tốt. Đó là sự khác biệt sâu xa giữa đài phát thanh và báo chí. Tóm lại, đối với đài phát thanh, số người cộng tác tuy bất biến, nhưng những giọng nói trên đài, những dòng ý tưởng phát biểu trên đài phải luôn luôn thay đổi, và tiêu biểu cho nhiều thành phần trong xã hội. Hình thức phỏng vấn là hình

thức phù hợp với đài phát thanh, nói lên tính cách đa nguyên của đời sống, tính cách dân chủ trong cấu trúc xã hội, và đối với riêng tôi, đó là những tất yếu của các chặng đường làm việc của mình.

Trở về câu hỏi: Viết phê bình từ lúc nào? Bài đầu tiên tôi viết trên nguyệt san *Tự Do* ở Bỉ về cuốn *Tiếng Kèn* của Nhật Tiến, năm 1986, sau đăng lại trên tạp chí *Văn Học* tại *Hoa Kỳ* số 19, tháng 8 năm 1987.

Về động cơ thúc đẩy, thì có nhiều. Sâu xa là chuyến về nước năm 1984 đã để lại dấu ấn đậm trong tôi: Tôi xa nhà từ năm 1962, lúc 18 tuổi, từ Sàigòn đi Pháp du học. Lần trở lại Việt Nam đầu tiên là năm 1974, nhìn thấy một Sàigòn phồn vinh giả tạo, không che lấp được những u khuất, chết chóc của chiến tranh phía sau. 1984, trở lại nước lần thứ nhì, đất nước đã thống nhất được 9 năm, Sàigòn không còn thần sắc cho dù giả tạo-. Hà Nội, với những nét mặt không cười, lưng áo vá chằng vá đụp, như những hố bom rạn nứt, cùng khắp trên thân người phụ nữ, bịt mặt, gò mình vặn bù loong, xoáy lại chiếc cầu Long Biên đang long ra từng mảnh. Tôi chợt thấy những u tối trong cuộc sống ích kỷ, không nhìn thấy chung quanh, của mình. Và từ đó, tôi muốn được nhìn, được biết thêm... Lúc ấy, chưa có một ý niệm rõ ràng về việc viết lách, nhưng chắc chắn là muốn mở mắt, nhìn ra, nhìn về đất nước và con người.

Khi sang lại Pháp, tình cờ đầu năm 85, có người bạn làm tờ báo *Tự Do*, ngỏ ý nhờ tôi viết một bài ký về chuyến đi vừa qua. Tôi nhận lời và viết báo từ năm 1985 đến bây giờ.

Động cơ gần, phát sinh từ một câu của nhà văn Võ Phiến, trong bài Tựa cuốn *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, đại ý "Văn học miền Nam không có phê bình, văn học miền Nam đang bị tiêu hủy". Ông nói rất tha thiết; và lời nói ấy của ông Võ Phiến ở thời điểm 1986 rất có hiệu lực. Tôi nghĩ rằng, ở hải ngoại, nhiều người cố gắng viết phê bình, có lẽ phần nào, cũng chỉ vì những lời tâm huyết trên đây của ông Võ Phiến. Trước đây, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, và sau này Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Văn Trung cũng có những phát biểu tương tự: "Văn học Việt Nam không có phê bình."

Sau cùng, tôi không nghĩ là ngành phê bình hay bất cứ ngành nào khác, thuộc về trí óc, phải dành riêng cho phái này, phái kia. Có những nghề chân tay, nặng nhọc, vượt quá sức mạnh thể xác của người phụ nữ như phu khuân vác, xưa ta gọi theo Tây là cu-li, thì người phụ nữ không làm. Còn về các công việc trí óc, hình như chưa có ai chứng minh một cách xác đáng là môn này, môn kia... không thuộc khả năng của người đàn bà.

– Khi viết phê bình một tác phẩm văn học (thơ, truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết...), chị chú ý đến nội dung, kỹ thuật thể hiện, hành động của chữ nghĩa, sự đi lại, nói năng, khóc cười của nhân vật, không gian, thời gian mà tác giả tạo nên, hay một yếu tố huyền bí nào khác mà chỉ có những nhà phê bình mới giải mã được?

– Khi đọc một tác phẩm, tôi chú ý trước tiên tới ngôn ngữ trong văn bản. Khi thấy ngôn ngữ ấy thoát ra cái gì mới lạ, khác khuôn sáo bình thường, tôi mới tiếp tục khảo sát. Sự khảo sát văn bản sẽ dẫn đến những ánh sáng về tâm lý nhân vật, về xã hội, về con người; đôi khi cả về tâm lý tác giả, về môi trường sống của tác giả, về nhân sinh quan của tác giả v.v... Tóm lại, đối với tôi, hồng tâm là văn bản, rồi từ văn bản đó, phát hiện ánh sáng soi rõ các điểm khác. Đấy là về mặt đại cương.

Đi vào chi tiết, nếu là thơ thì tôi đi sâu vài địa hạt cấu trúc: hình ảnh, cảm xúc, âm, nghĩa, v.v... Nếu là truyện ngắn, tôi tìm hiểu về cách kể, cách viết, về đối thoại (nếu có), về biểu tượng, bố cục, v.v... những yếu tố có thể dẫn đến tính cách đa âm, đa nghĩa của tác phẩm. Nếu là kịch, sự khảo sát dựa hoàn toàn vào đối thoại: Tức là chính ngôn ngữ của nhân vật sẽ nói lên tính chất của nhân vật, nói lên tư tưởng của tác giả, nói lên môi trường sống mà tác giả muốn tạo dựng v.v... Nếu là tiểu thuyết, tôi xem toàn bộ, từ văn phong đến ngôn ngữ, hành động của nhân vật, đến sự xây dựng cốt truyện (nếu có cốt truyện), đến những tương quan xã hội giữa các nhân vật trong truyện v.v... Theo tôi, một trong những khác nhau giữa truyện ngắn và truyện dài là ở chỗ: Truyện ngắn là một mẩu sinh hoạt của cuộc đời, được chiếu kính hiển vi vào chi tiết. Truyện dài là cả cuộc đời, hay ít nhất cũng là một quãng đời, trải dài trong chiều rộng, chiều dài và chiều sâu, với các tương quan giữa những nhân vật và xã hội mà họ đang sống.

Truyện ngắn và truyện dài, trong một chừng mực nào đó, không có tác dụng phân cách giữa người viết và người đọc. Do đó, người đọc có thể "hòa mình" với tác giả và tác phẩm.

Kịch (trình diễn), ngược lại, tạo khoảng cách giữa tác phẩm và người xem. Kịch cho phép người thưởng ngoạn có cái "recul" bước xê về phía sau- để nhìn lại mình.

Sau cùng, thơ là hiện tượng phức hóa của ngôn ngữ: Thơ biểu hiệu tính cách đa âm, đa ảnh, đa nghĩa, đa ngã... trong ngôn ngữ. Thơ nói lên khía cạnh đa nguyên của đời sống, do đó mà thơ gần gụi với con người hơn tất cả các hình thức biểu dương ngôn ngữ khác.

– Trong Kinh Dịch (chính xác hơn là Chu Dịch), có một định nhĩa về văn: "Vật tương tạp, cố viết văn. Văn bất đáng, cố cát huy sinh yên". Có nghĩa: Sự vật giao thoa, đan dệt rất phức tạp với nhau, nên gọi là văn. Văn có thích đáng hay không sẽ sinh ra chuyện tốt xấu". Từ đó suy ra, văn có thể tốt, có thể xấu khi tác động đến người đọc. Vậy theo chị, một nhà phê bình, thế nào là một tác phẩm văn học tốt, xấu?

– Những quan niệm cổ điển về văn học nói chung, về phê bình nói riêng, thường hay phân chia rõ rệt: tốt, xấu. Người ta thường gọi đó là phê bình giáo khoa.

Trong quan niệm này, nhà phê bình tự đặt mình "lên trên" người đọc, lên

trên tác giả, để nhận định về tác phẩm; chỉ cho người đọc biết chỗ này hay, chỗ kia dở, cái này đáng đọc, cái kia không v.v... Phê bình giáo khoa giữ địa vị chủ yếu trong văn học thế giới, đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Và Vũ Ngọc Phan là một trong những nhà phê bình giáo khoa nổi tiếng ở Việt Nam. Phê bình giáo khoa có tính cách hướng dẫn quần chúng và hướng dẫn nhà văn; vì thế, có thể gặp sự phản đối của cả nhà văn lẫn quần chúng.

Sau này, ở những nước toàn trị, phát sinh lối phê bình giáo điều, phân chia hẳn loại sách này tốt, đi đúng đường lối, loại sách kia đồi trụy, phản động v.v... Người phê bình, ngoài sự đứng trên quần chúng, đứng trên tác giả, còn giữ vai trò đao phủ, kiểm duyệt, lựa lọc tác phẩm, theo đúng đường hướng của một chủ nghĩa chính trị hay một đường lối cai trị độc tài.

Ngày nay, các khuynh hướng phê bình hiện đại đã thoát khỏi lối phê bình giáo khoa cũ. Người phê bình không còn giữ địa vị chủ quan, hướng dẫn nhà văn và dư luận nữa, mà phê bình trở thành sự gặp gỡ và cộng tác giữa người viết phê bình và một tác phẩm văn học, để mở ra một tác phẩm khác: đó là văn bản của người viết phê bình. Sự cộng tác này chỉ có thể xẩy ra khi một tác phẩm văn học gây sự chú ý, gây cảm hứng cho người viết phê bình; do đó, nó phải có một giá trị, trước hết (vậy trong sự lựa chọn đã có sự đánh giá ngầm). Và khi làm việc, người phê bình đứng trên bình diện dân chủ với tác giả và người đọc, để phân tích tác phẩm, tìm ra những ngõ ngách khuất lấp của tác phẩm, nói lên những cái hay, và những điều muốn nói của mình (và nếu muốn, cả những cái dở của tác phẩm, nhưng theo tôi, điều này không thật cần thiết, vì khi đã nói lên những cái hay, thì đương nhiên người đọc sẽ tự so sánh và tìm thấy cái dở).

Ngoại trừ những sách có hại, bị luật pháp ngăn cấm, như sách xúi dục giết người, một tác phẩm có thể tốt với người này và xấu với người kia. Ví dụ ở tuổi thiếu niên, chắc chắn không ai đọc được Freud, Sade, v.v... Ở tuổi này, sự lựa chọn thuộc thẩm quyền giáo dục gia đình và học đường. Khi trưởng thành, sự lựa chọn tốt, xấu, thuộc vào sở thích cá nhân: Một cuốn sách có tính cách "phỉ báng" Hồi giáo, Phật giáo hoặc Thiên chúa giáo, không thể chấp nhận được đối với những người mộ đạo, hoặc tu hành; nhưng dưới mắt một kẻ bàng quan, hoặc một nhà nghiên cứu đạo giáo, cuốn sách ấy có thể mang lại những ánh sáng riêng.

Trở về địa hạt văn chương cũng vậy. Theo tôi, không có tác phẩm tốt, xấu. Mà có những tác phẩm có giá trị hoặc không có giá trị. Thế nào là một tác phẩm giá trị?

Tác phẩm giá trị, theo tôi, là nó tiềm ẩn "Cái Đẹp". Và thế nào là "Cái Đẹp"?

Câu trả lời đến từ Socrate: "Cái Đẹp là cái bổ ích".

Tóm lại, có thể nói: Bất cứ một tác phẩm nào mang lại một sự bổ ích cho ai, là nó có giá trị.

– Nhà văn Trần Vũ có một nhận xét, đại ý: "Văn chương hải ngoại và trong nước, thời điểm này đều ... dở ngang nhau". Chị có nghĩ như vậy không?

- Trần Vũ có tính hay nói quá để gây phản ứng. Văn chương anh cũng vậy. Đó là một điểm son của riêng anh.

Tôi không nghĩ thế. Tôi không có dịp đọc hết văn chương hải ngoại và văn chương trong nước, nên không dám nói ẩu. Nhưng tôi có một số suy nghĩ khác:

Việc so sánh sức sản xuất văn chương của một cộng đồng 2 triệu người (ở ngoài nước), với cộng đồng 70 triệu người (ở trong nước) là không cân bằng và không lô-gích, do đó, không nghiêm chỉnh; cho dù có nhiều người nghĩ rằng: nhân tài nước Việt nằm ngoài nước cả.

Nhưng ngược lại, người viết ở hải ngoại được tự do tung thả ngòi bút và tiếp cận trực tiếp với văn học thế giới. Về việc in ấn, thì người ở ngoài nước nói đúng ra, chỉ một số người Việt ở California- nắm vững tình hình. Họ có thể có tác động mạnh cho văn học Việt Nam. Họ có phương tiện kỹ thuật và không bị sự kiểm duyệt của chính quyền. Ảnh hưởng của người viết ở hải ngoại, đối với nền văn học Việt Nam nói chung, chính là ở chỗ, bằng ngòi bút tự do của mình, ngoài những sáng tác, còn có thể xúc tác và yểm trợ những tác giả trong nước, để người trong nước có thể xuất bản những tác phẩm bị cấm in trong nước, hoặc đánh giá đúng đắn những tác phẩm có giá trị, bị giới phê bình giáo điều, viết thuê xuyên tạc.

Tình hình văn học, nói chung, mấy năm gần đây, có vẻ bớt rầm rộ hơn những năm trước. Nhưng không có tác phẩm rầm rộ, không có nghĩa là nền văn học Việt Nam dở hoặc yếu đi.

Về mặt biên khảo, phê bình, nhiều tác giả đang sửa soạn hoặc đã hoàn thành những tác phẩm đứng đắn. Những tác phẩm biên khảo của Viện Văn Học do nhóm Nguyễn Huệ Chi đảm trách, tác phẩm biên khảo và phê bình của nhóm Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn, đều có những giá trị nhất định. Ở hải ngoại, những nỗ lực của nhóm Khế Iêm trong Tạp Chí *Thơ*, nhóm Phạm chi Lan thực hiện báo *Văn Học Nghệ Thuật* trên mạng lưới điện tử Internet. Cố gắng của nhóm Khánh Trường - Đại Nam, làm tuyển tập 20 năm văn học hải ngoại, và mới đây, cuốn sách *Lý Luận Và Phê Bình Văn Học* của Bùi Vĩnh Phúc là những cuốn sách công phu và đứng đắn.

Về mặt sáng tác, truyện ngắn và tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, truyện ngắn của Bùi Hoằng Vị, Ngô Tự Lập, ... Thơ Lê Đạt, Dương Tường, Hoàng Hưng, ... và của một số những nhà thơ trẻ khác như Nguyễn Chí Hoan, Nguyễn Đỗ, Tường Vân, ... cho thấy quan niệm sáng tác đã thay đổi, những tìm tòi mới càng ngày càng đi sâu vào lãnh vực hiện đại của văn chương thế giới... Và trong âm nhạc, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn,... trong hội họa, Lê Bá Đảng, Võ Đình, Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em, ... vẫn còn đang sáng tác. Cũng không ai phân biệt họ thuộc thành phần hải ngoại hay trong nước. Có lẽ chúng ta nên lạc quan về nền văn học nghệ thuật nước nhà.

– Đỗ Phủ chết vì đói. Gogol đốt "Linh Hồn Chết" *trước khi đi vào cõi vĩnh hằng. Nguyễn Du để lại cho hậu thế một lời than "Bất tri tam bách dư niên hậu", Musset từng viết "Bài ca buồn nhất là bài ca đẹp nhất". Cái thực và cái hư, cái thánh thiện và cái dung tục, nỗi buồn chết người, xảo thuật rẻ tiền, sự xả thân của các vị thánh trong chữ nghĩa ... tập hợp này trong các tác phẩm văn chương, đối với nhà phê bình nó là cái gì?*

– Tôi không hiểu rõ câu hỏi này của anh. Có phải ý anh muốn nói là: Tất cả những điều anh vừa kể trên đây về các văn nhân, nhà phê bình gọi là gì?

Tôi tạm gọi đó là những "quá độ", hay những "cực" của các thiên tài. Họ sống hết mình và cũng chết vì những hết mình ấy. Do đó, họ mới có thể nẩy sinh ra những kiệt tác mà những người sống bình thường khó có được.

– Một người bạn của tôi có nhận xét khi đọc các bài của chị: "Thụy Khuê, cách viết phê bình, khiến người ta có cảm giác trong chữ nghĩa văn thơ, có "Ma". Chị ấy "bói" rằng: Thơ, trong truyện Nguyễn Huy Thiệp, rất hay". Chị nghĩ thế nào về nhận xét này? Tôi rất thích chữ "Bói" mà anh bạn tôi sử dụng. Phải chăng, người làm phê bình có thể tiên đoán được tương lai của một nhà văn, đến lúc nào đó sẽ trở thành một ... nhà thơ?

– Có lẽ, ý bạn anh muốn nói là: Các bài viết của tôi có tính cách tiên đoán những điểm mà anh ấy không nhận thấy, khi đọc những tác phẩm mà tôi phê bình? Nếu như vậy, thì điều đó cũng dễ hiểu thôi. Thật ra không có "ma" đâu: Tôi cố gắng tìm kiếm hoặc khám phá ra những khía cạnh khuất lấp, không hiển nhiên, ẩn sau những dòng chữ hoặc nghĩa hiển nhiên nếu có- của tác phẩm. Đối với những tác phẩm đa tầng, đa nghĩa, như truyện của Nguyễn Huy Thiệp, thì sự tìm kiếm này rất lý thú, và cho thấy rằng: Nhiều khi, những chữ mà chính nhà văn viết ra, tự chúng đã thoát khỏi tầm tay của người nhào nặn ra nó, để có một đời sống riêng. Đó cũng là một đặc điểm của thơ. Nếu nói đến "ma" thì cũng đúng: đấy là sự biến hóa khôn lường của những thực thể chữ nghĩa, khi đạt tới một tầm cỡ nào đó, nó có "ma lực" thu hút con người.

– Quay trở lại vấn đề "nước sôi lửa bỏng" giao lưu văn hóa. Anh em Đông Âu, như tụi tôi, có một suy nghĩ: Đã là người Việt, viết bằng tiếng Việt, trong hay ngoài đều như vậy thôi. Có khác chỉ là địa chỉ. Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc nói một câu rất chí tình: "Giao lưu một chiều cũng được, vấn đề ai là người giơ tay ra trước người ấy văn minh hơn." Tôi thấy buồn, hệt như một mối tình đơn phương, nhưng vẫn hy vọng. Chị Thụy Khuê, niềm hy vọng của tôi có hão huyền không?

– Tôi không đặt vấn đề giao lưu như các anh chị, cho nên tôi không lo lắng. Tôi nghĩ: văn chương, nghệ thuật, tự nó đã tiềm ẩn tính chất giao lưu. (Nói một cách cụ thể: tính chất truyền cảm trong nghệ thuật chính là giao lưu văn

hóa). Đứng trước một bức tranh của Picasso hay Van Gogh, nếu anh "cảm" được, là anh đã "giao lưu" rồi. Đọc một bài thơ của Baudelaire hay Thâm Tâm, anh thấy gần gụi là anh đã "giao lưu" rồi. Bài thơ của anh làm ra, nếu được một người "cộng sản" đọc và cảm, thì anh có thích không? Anh có "cản" được họ "cảm" thơ anh không? Đó là tính toàn thông (universel) của ngôn ngữ nghệ thuật. Và tính chất này, không có đạo luật, hàng rào, nghị quyết nào cản nổi. Do đó, tất cả mọi ngăn cấm, không cho người ta đọc sách này, sách kia ... chỉ có tính cách hài hước và giai đoạn, vì không ai cấm mãi được bất cứ điều gì. Và cấm sách này, ta đọc sách khác. Chỉ ngại người đọc không có đủ thì giờ, không có hai cuộc đời trong mỗi con người để đọc hết sách Đông, Tây, kim, cổ ... chưa bị cấm. Chứ không nên ngại cái sự cấm kia sẽ đưa đến một hiệu lực ghê gớm gì.

Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách bế quan tỏa cảng về sách vở của chính quyền hiện nay, có gây khó khăn cho giới chuyên môn và giáo dục, gây thiệt hại cho nền văn hóa chung của dân tộc, nhưng không gây cản trở riêng cho người Việt hải ngoại.

Cái lạ là một số người ở ngoài nước, không bị sự cấm đoán của chính quyền cộng sản, cũng tự kiểm duyệt, không tìm đọc những sách vở in trong nước. Sự tự cấm cũng hài hước không kém việc ra nghị quyết ngăn cấm. Với những lập luận như giao lưu văn hóa là giao lưu với chính quyền cộng sản v.v..., tôi cho là không đứng đắn. Vì các thứ chính quyền, xưa nay, cộng hay không cộng, có bao giờ chúng sản xuất ra được tác phẩm văn hóa nào đâu, mà nói đến chuyện giao lưu? Đừng ngại chuyện "giao lưu một chiều". Vả lại một số những tờ báo trong nước, dù có muốn đăng bài của người viết ở ngoài nước, cũng khó mà thực hiện được. Tôi biết rõ nhiều cố gắng của các bạn trong nước về việc ấy từ mấy năm nay.

Thái độ đối với văn chương không thể là thái độ trên bàn cờ tướng: Ăn miếng trả miếng; họ cấm ta vậy ta cấm họ, thế mới huề. Vì văn chương không phải là cờ tướng. Người Pháp có chữ rất hay: semer, gieo. Gieo văn hóa. Ta tung hạt văn hóa ra tứ phương, ai nhặt được thì hưởng. Tôi nghĩ chữ gieo này đáng cho chúng ta suy ngẫm.

Còn về, sự cảm thông khi đọc những bài viết của nhau giữa người trong nước và người ngoài nước, lúc nào cũng vẫn có. Về sự liên lạc giữa người và người, thì tôi vẫn liên lạc thường xuyên với các bạn văn trong nước, cũng như với các bạn văn bên Mỹ, không có vấn đề gì cả. Mà tôi chắc là ai cũng vậy. Ngoài ra, trong công việc phát thanh hoặc làm báo, khi tôi cần sự trợ giúp của các bạn văn bên nhà cũng như của các bạn văn hải ngoại, tôi chưa bị mấy ai từ chối bao giờ.

Trở lại lãnh vực sáng tác, tôi nghĩ rằng ai viết được gì hay thì cứ viết, chẳng nên phân biệt hải ngoại với trong nước. Nay mai, nếu tác phẩm sống được như ... Truyện Kiều, thì người ta cũng chẳng cần biết cô Kiều là người Tàu hay là người Việt Nam, lọ là phải lo đến xuất xứ: văn chương hải ngoại, văn

chương trong nước, mà tốn giấy mực bàn cãi, định ranh làm gì? Công việc ấy hãy để cho những nhà viết văn học sử. Phạm Duy, Văn Cao, có ai hỏi các nghệ sĩ lớn ấy, thuộc về miền Nam hay miền Bắc đâu? Họ đã đi vào nghệ thuật. Và nghệ thuật không mang thẻ tín bài.

– Chiến tranh, dù muốn hay không, nó cũng là nỗi ám ảnh của thế hệ tôi (tuổi từ 30-40). Tôi biết có những người mẹ, trong một năm phải làm 7 cái giỗ cho 7 đứa con chết trận. Người mẹ ấy sống với cõi âm nhiều hơn cõi dương. Tôi nghĩ chiến tranh là một đề tài chưa cũ (đối với Việt Nam), ấy thế mà trong nước, người ta đang "lên án Nỗi Buồn Chiến Tranh *của Bảo Ninh. Xin đừng đắm mình vào những vòng nguyệt quế, hãy viết làm sao cho người ta sợ, ghê tởm chiến tranh. Suy nghĩ ấy của tôi, theo chị, đúng hay sai?*

– Câu hỏi của anh, tôi xin phân tích làm hai phần:

- Tôi có đọc một số bài báo lên án tác phẩm *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh. Phần lớn những người viết không đứng trên bình diện lý luận văn học, mà dựa vào những cứ điểm ngoài văn học để lên án tác phẩm. Những bài viết như vậy, không thuộc vào mối quan tâm văn học của chúng ta.

- Trở về với chiến tranh, dù cũ, hay mới- chiến tranh cũng thuộc vào những đề tài muôn thuở của con người như tình yêu, sự sống, sự chết. Và mọi ngòi bút nhân bản đều tìm cách đả phá chiến tranh, dù nó nhân danh một mục đích, một lý tưởng, một chân lý cao cả nào. Như anh đã nhận thấy, tác phẩm của Bảo Ninh đã làm cho người đọc ghê tởm cuộc chiến vừa qua. Sự thành công của Bảo Ninh làm gai mắt những người thích tung hô chiến thắng: Vì muốn có chiến thắng phải có chiến tranh, phải ủng hộ chiến tranh trước đã. Tóm lại, Bảo Ninh đã nói ngược ý một số người có quyền, và trong chế độ toàn trị, điều đó khó chấp nhận được.

– Có một nhà tâm lý học, người Nga tôi quên mất tên- viết trong một cuốn sách mang tên Tâm Lý Học Sáng Tạo Văn Học. *Ông có khuyên những nhà phê bình văn học hãy chú ý tới tâm lý các nhà văn. Theo chị, nhà văn, nhà thơ xét về mặt tâm lý, có khác gì với những người bình thường hay không? Khi viết phê bình, chị có đặt vấn đề này trong các bài viết của mình, hay cho nó chỉ là yếu tố phụ?*

– Tôi nghĩ, nhà văn, nhà thơ, trước khi là nhà văn , nhà thơ thì họ đã là người. Vậy tâm lý của họ cũng là tâm lý con người. Tất nhiên là mỗi con người đều có một tâm lý riêng.

Phê bình tâm lý học là một trong những "trường phái" phê bình. Tôi không nhất thiết phụ thuộc vào trường phái này. Nói đến "tâm lý nhà văn", theo tôi, có lẽ nên nói rõ hơn, đó là vấn đề: "Ngôn ngữ văn chương trong tác phẩm có thể bộc lộ tâm lý người viết." Nhưng đây không phải là yếu tố xác định, có những tác phẩm không bộc lộ tâm lý người viết. Trong cách phê bình, có người dựa vào tiểu sử tác giả, vào điều kiện viết tác phẩm của tác giả

để đoán tâm lý của tác giả khi viết tác phẩm. Tôi dựa vào ngôn ngữ của văn bản để tìm ra tâm lý tác giả, nếu cần.

– "Nhưng hiện nay để hiện đại hóa thi ca, có những nhà thơ đang làm hết sức mình để vô ngôn lời nói, vô nghĩa tất cả những con chữ của mình". Xin trích nguyên văn trong bài viết của nhà thơ Trần Mạnh Hảo "Nhân đọc Bóng Chữ - Bàn về Chữ và Nghĩa trong Thơ".Xin chị cho một vài nhận xét về thơ Việt Nam hôm nay.

– Câu của Trần Mạnh Hảo, nếu nói bâng quơ vào tình trạng chung của các bài thơ in trên báo chí hiện nay, thì đúng ... một nửa. Quả thật là có những nhà thơ đang làm hết sức mình để vô ngôn lời nói, vô nghĩa tất cả những con chữ của mình, như lời Trần Mạnh Hảo. Nhưng những "nhà thơ" ấy, họ không làm nổi cái việc "hiện đại hóa thi ca". Nói cho đúng ra, họ cũng không phải là nhà thơ. Họ viết lăng nhăng cho vui, cũng như Trần Mạnh Hảo viết "phê bình" vậy. Nhưng có khác một tí: Người làm thơ dở không có tác hại như Trần Mạnh Hảo "phê bình". Trở lại câu trên, nếu đem áp dụng vào Lê Đạt thì hỏng. Bởi vì những con chữ của Lê Đạt, không những có nghĩa, nó còn nhiều nghĩa, và mang cả âm, cả ảnh ... nữa. Nhưng tiếc rằng những nghĩa, những âm, những ảnh ấy trong thơ Lê Đạt, Trần Mạnh Hảo lại không cảm nhận được.

Trở về với thơ Việt Nam hôm nay, tuy tôi không được đọc nhiều, nhưng qua những gì tôi đọc được, nhất là ở những người chưa nổi tiếng, có những nỗ lực vượt qua vần điệu cổ điển, để đi vào các ngả khác như âm thanh, hình ảnh, chất liệu của đời sống. Bài viết mới đây của Ngu Yên, trên báo *Văn Học* số 121, ở California, về thơ Cụ Thể, có nhiều điểm khơi gợi trí tò mò của các nhà thơ, về những khám phá mới nhất trong thơ hiện đại. Tôi nghĩ thơ Việt Nam đang mở rộng hành trình và vòm trời ngôn ngữ âm thanh, chất liệu của mình.

– Chị là người hay "phỏng vấn" người khác, bây giờ chị đang bị phỏng vấn lại, xin hỏi chị tâm đắc với bài phỏng vấn nào nhất?

– Đây là một câu hỏi rất khó trả lời. Bởi vì tôi tâm đắc với rất nhiều bài phỏng vấn. Nhưng anh cũng biết, truyền thanh là một diễn đàn cần những tên tuổi nổi tiếng. Một buổi phỏng vấn, dù thật hay, với một người "không có tên tuổi", sẽ dễ bị chìm trong quên lãng. Ngược lại, buổi phỏng vấn một nhân vật nổi tiếng, nếu hay, sẽ được thính giả nhớ mãi. Đó là tính cách "không công bằng" trong nghề truyền thanh.

Đây tôi chỉ nhắc lại những buổi phỏng vấn, đối với tôi là những cái mốc kỷ niệm, hoặc đánh dấu một chặng đường:

- Nhạc sĩ Phạm Duy là người đầu tiên đến với RFI. Anh luôn luôn phá vỡ những hàng rào thành kiến. Anh đến với RFI ngay từ khi ban Việt ngữ mới chân ướt chân ráo bước vào "nghề" phát thanh, như một sự khuyến khích và

trợ giúp tinh thần đến từ một bậc nghệ sĩ đàn anh.

- Khoảng năm 91-92, lúc RFI đang bị những loạt báo công kích là đài cộng sản, nhiều người ngần ngại không muốn xuất hiện trên đài. Tôi mời nhà văn Mai Thảo. Anh vẫn được tiếng là nhà văn "chống cộng". Anh đã không ngần ngại xuất hiện, và góp tiếng nói trên RFI: Đó là những nét cảm thông nơi người cầm bút. Tôi kính mến anh ở những cử chỉ vượt ra ngoài tầm mức đó.

- Ngoài ra, tiếng nói của các chị Thái Thanh, Kiều Chinh, Nhã Ca ... cũng đã để lại những dấu ấn đậm nét trên đài và trong lòng thính giả.

Khi đường điện thoại trong nước được mở rộng, buổi phỏng vấn nhà thơ Lê Đạt cũng là một cái mốc quan trọng của RFI. Anh Lê Đạt cũng đã mở cửa cho nhiều người khác, và chính anh cũng đã giúp tôi mời anh Nguyễn Hữu Đang, một cột trụ của phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm.*

Về nội dung văn hóa, thì những buổi phỏng vấn học giả Hoàng Xuân Hãn mang lại cho người nghe nhiều điều bổ ích nhất, và theo tôi, đó là những thực hiện đáng kể của chương trình Văn Học Nghệ Thuật RFI trong 5 năm qua.

– Chính trị, điều này ảnh hưởng tới nhà văn thế nào? Trong khi hàng ngày nhà văn phải hít thở không khí đó, theo chị, nhà văn có phải là kẻ tiên đoán số phận của một dân tộc, một cá nhân theo những thăng trầm của lịch sử hay không? Nếu có, phải chăng là kẻ đi trước thời cuộc, dù chỉ là nửa bước trong tác phẩm của mình?

– Câu hỏi này của anh bao gồm nhiều câu hỏi khác nhau. Trước hết: Chính trị ảnh hưởng đến nhà văn như thế nào? Theo tôi, tùy người. Có người không mảy may chú ý đến chính trị. Trường hợp của Nhất Linh khá điển hình: Ông tham gia chính trị, nhưng trong tác phẩm, tuyệt nhiên không để cho chính trị lạc vào.

Điểm thứ nhì, nhà văn cũng chỉ là những người như những người khác. Tất nhiên, sống dưới một thể chế chính trị, họ phải chịu ảnh hưởng hoặc sức ép của thể chế ấy như những người khác. Tôi không nghĩ nhà văn là kẻ tiên đoán số phận của một dân tộc. Có những người viết văn muốn làm việc ấy, nhưng không phải ai cũng muốn làm. Và nhà văn cũng không nhất thiết là kẻ đi trước thời cuộc. Có nhiều người thờ ơ với thời cuộc. Nói tóm lại, nhà văn là những người, như những người bình thường trong xã hội. Cái họ khác người, là họ để lại tác phẩm văn học. Và tác phẩm ấy có thể dính liền với thời cuộc hoặc xa lìa hẳn thời cuộc.

– Theo chị, người viết phê bình văn học, yếu tố cần và đủ là cái gì? Lòng yêu thích văn chương, sự thôi thúc của văn thơ, quan điểm chính trị chính em, hay là một cái gì khác, sự cảm nhận chẳng hạn của một nhà phê bình với cái cần phải nói?

– Nói về phê bình văn học thì không có những yếu tố cần và đủ như một định lý toán học. Theo tôi, những điều mà anh kê khai đều có thể hiện diện.

Mỗi người lựa chọn một số yếu tố phù hợp với chính mình. Riêng tôi, điều kiện ưu tiên để tôi "đi vào" một tác phẩm, là tác phẩm phải gây cho tôi một "hứng thú" nào đó. Gọi là cảm hứng cũng được. Và chính hứng thú đó, thôi thúc tôi viết về tác phẩm ấy, hoặc về người nghệ sĩ ấy. Đối với nghệ thuật, thường thường tôi mời chính trị bước sang một bên.

– Tôi có một suy nghĩ (ngay từ buổi đầu tiên khi gặp chị), một ngày đẹp trời nào đó, nhà phê bình văn học Thụy Khuê sẽ làm thơ. Không hiểu sao tôi có linh cảm nếu chị đi vào sáng tác, cũng sẽ có nhiều "vấn đề", tại sao chị lại không sáng tác? Thơ, truyện ngắn, chẳng hạn.

– Cám ơn anh đã có suy nghĩ đó. Hồi nhỏ tôi có làm thơ. Bây giờ nghe ai nhắc lại thì ngượng lắm. Khi đã tìm hiểu thơ rồi, thì khó có thể "dám" làm thơ. Ngày trước người ta làm văn vần nhiều, và bây giờ, người ta cả gan làm cả không văn, không vần, đem đăng báo và cứ bảo đó là thơ. Tôi vì có chút lòng trân trọng thơ nên không dám phạm thượng.

Hồi trước tôi có viết tùy bút và phiếm luận, một vài truyện ngắn. Bây giờ công việc bận quá, không có thì giờ nữa. Vả lại phải lựa chọn. Làm sao làm hết được những điều mình muốn, trừ phi mình có nhiều cuộc đời trong một cuộc đời.

– Câu hỏi cuối cùng, điều cần nhất của một nhà phê bình văn học?

– Ngoài cái tâm và cái tài, điều cần nhất của một nhà phê bình văn học là không thiên vị: Không tâng bốc vì lợi và cũng không tán tụng vì bạn. Nhưng điều này khó lắm, không phải ai cũng làm được. Xưa nay, ở ta, tôi chỉ thấy có Vũ Ngọc Phan.

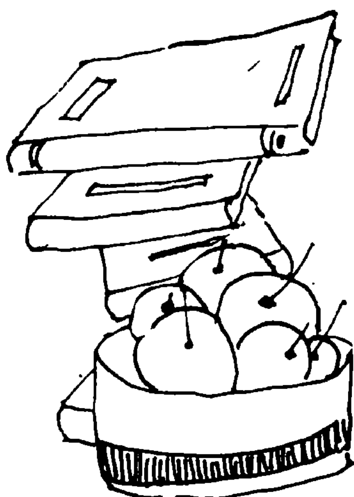
– Xin cám ơn nhà phê bình văn học Thụy Khuê.

TRẦN NGỌC TUẤN thực hiện.



PHAN TẤT HẢI
PHẠM VIỆT CƯỜNG

sinh hoạt văn học nghệ thuật



Tiểu thuyết gia vị thành niên với tác quyền cả triệu đô la

Một tiểu thuyết gia vị thành niên, người đặt bối cảnh tác phẩm đầu tiên ở Anh nơi mà cô chưa bao giờ tới thăm, đang trở thành triệu phú.

Jenn Crowell, 18 tuổi, sống tại Mỹ, đã đặt tựa cuốn tiểu thuyết của cô là *Necessary Madness in Britain* (Cơn Điên Cần Thiết ở Anh Quốc). Nhưng thực sự cô bé chỉ biết về đất nước này qua các chương trình TV nhập cảng như "Are You Being Served?"

Crowell đã viết cuốn truyện tình (về một sinh viên Mỹ du học yêu một chàng trai người Anh) trong khi cô bé còn đang bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp. Cuốn này đem về cho cô bé khoản tiền tác quyền trước xuất bản 418,000 đô la và cô cũng đã thỏa thuận viết một cuốn tiếp theo—với điều kiện, dĩ nhiên, nếu cô bé tìm được thì giờ rảnh trong khi theo bậc đại học.

Nhà xuất bản Hodder and Stoughton tại London đã ứng trước cho cô khoản tiền 200,000 đô. Và tiền tác quyền sẽ liên tục tự động chạy vào trương mục của cô trong nhiều năm nếu tác phẩm 194 trang này thành công lâu dài.

Cô Crowell, đang sống với gia đình tại Jacobus, phía Đông Pennsylvania,

sẽ thăm Anh vào cuối tháng này. Crowell dự định ghi học Anh Văn bậc cử nhân tại Baltimore.

Các nhà xuất bản tại Đức, Đan Mạch và Phần Lan cũng đã trả tiền để in các ấn bản địa phương. Ấn bản Anh Văn bìa cứng sẽ ra thị trường Anh vào tháng sáu năm sau.

Khắc Hồng Lâu Mộng lên kính

Tiểu thuyết *Hồng Lâu Mộng*, một trong những cuốn tiểu thuyết kinh điển Trung Hoa, đã được khắc lên 800 mảnh kính bởi một nông dân tỉnh Giangsu, phía Đông Trung Quốc.

Nhà nghệ sĩ khắc kính Si Baoliang đã mất ba năm để chạm trổ gần một triệu chữ Hán trong cuốn tiểu thuyết, và đã dùng hơn 300 mũi khắc bằng kim cương. Phần còn lại, khoảng 1/6 chữ trong cuốn sách, dự kiến sẽ hoàn tất vào tháng tám năm nay.

Mỗi một mảnh kính, dài 30 cm và rộng 25 cm, được khắc vào 1,600 chữ, và 240 hình ảnh cũng sẽ được chạm trổ theo bản văn.

Năm 1993, họ Si đã khắc 26 bài thơ của Mao Trạch Đông lên kính với nét chữ viết tay của họ Mao để mừng 100 ngày sinh của lãnh tụ cộng sản này.

Si, 37 tuổi, năm ngoái đã được tặng danh hiệu "nghệ sĩ dân gian" bởi Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học và Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) và Hội Nghệ Thuật Dân Gian Trung Quốc.

Tìm ra 9,000 trang bản thảo viết tay của Mishima

Hàng ngàn trang bản thảo viết tay—gồm cả những tác phẩm chưa in của tiểu thuyết gia quá cố Yukio Mishima đã được tìm thấy tại nhà ông ở Tokyo, theo lời một nhà nghiên cứu tiết lộ.

Bản thảo gồm cả một lời nói đầu cho *Lời Tự Thú Của Một Mặt Nạ*, một trong những tác phẩm độc đáo của Mishima, mà nhà văn đã quyết định không cho in vào ấn bản tiểu thuyết này, theo Takeo Hatano, một giám đốc của Đại Học Tokyo.

Hồi tháng 10 năm ngoái, Hatano khám phá ra các cuốn sổ tay và bản thảo trong thư viện gia đình Mishima. Tính chung, tất cả các tờ này tương đương với 8,000 tới 9,000 trang trong các bản thảo tiêu chuẩn mỗi trang 400 chữ Nhật. Một phần ba bản thảo chưa từng được xuất bản.

Hatano, 51 tuổi, đang khảo sát các bản thảo tại nhà Mishima, khu Ota Ward của Tokyo, theo yêu cầu của gia đình sau khi vợ nhà văn Mishima chết hồi tháng 7.1995.

Thêm nữa, Hatano tìm được bản sao khoảng 50 lá thư do Mishima viết

cho nhà văn Yasunari Kawabata, người từng được giải Nobel Văn Chương. Cạnh đó còn thêm 50 cuốn sổ tay ghi các bản nháp và ghi chú về những công trình đã được xuất bản và cả chưa được in.

Mishima đã tự sát theo nghi thức Nhật năm 1970 khi đang tuổi 45 sau khi xông vào một trại lính Tokyo và kêu gọi duyệt lại Hiến Pháp Nhật.

Hoa lục in thơ Đường bản Tạng ngữ

Một ấn bản tiếng Tây Tạng của cuốn *Ba Trăm Bài Thơ Đường*, một tuyển tập thơ cổ điển, đã được xuất bản đầu tháng bảy do Nhà Xuất Bản Quốc Gia Trung Quốc.

Tuyển tập này được đánh giá như tinh hoa văn chương Trung Quốc, gồm hơn 300 bài thơ xuất sắc viết trong nhiều thể loại, được viết bởi gần 70 nhà thơ thời nhà Đường (618-907).

Puncog Cering, chủ tịch Học Viện Khoa Học Xã Hội Tây Tạng, đã dịch các bài thơ từ tiếng Hán sang Tạng ngữ, nhằm vào việc phổ biến văn chương cổ điển cho quần chúng Tây Tạng.

Làn sóng phục hưng văn học da đen

Thường thì những thay đổi văn hóa bao giờ cũng đi chậm. Trường hợp này không còn đúng cho văn chương da đen Hoa Kỳ. Khi Medgar Evers College tại Brooklyn tổ chức một hội nghị về văn học da đen năm 1992 thì không khí có vẻ như bi quan. "Đen tối" là chữ dùng bởi Elizabeth Nunez, một giáo sư Anh văn tại Đại Học Medgar Evers và cũng là người tổ chức Hội Nghị Nhà Văn Da Đen Toàn Quốc.

Bà Nunez lúc đó đã nhận xét, "Chúng ta đã lắc đầu trước vấn đề văn chương da đen. Các chương trình nghiên cứu da đen đang dẹp bớt. Chúng ta đã không có thể tìm các tác phẩm của các nhà văn da đen trong tiệm sách."

Nhưng bốn năm sau thì làn sóng đã đảo ngược vì hàng loạt tác phẩm—tiểu thuyết và phi tiểu thuyết—của các người viết đa đen đã tung ra theo nhu cầu lớn lao. Henry Louis Gates Jr., Khoa Trưởng Khoa Nghiên Cứu Mỹ Da Đen tại Đại Học Harvard và là một học giả hàng đầu về văn học da đen, đã so sánh những thành quả hiện thời của các nhà văn da đen với phong trào Phục Hưng Harlem thập niên 1920 và vận động nghệ thuật da đen thập niên 1960 và cho rằng: Có lẽ làn sóng mới của các nghệ sĩ da đen đã viết lại bản đồ văn hóa Mỹ một cách vĩnh viễn, "có thể đây thực sự là cuộc phục hưng để chấm dứt mọi cuộc phục hưng."

Sách của các nhà văn da đen đang được in và bán với số lượng lớn. Các nhà văn và nhà xuất bản nêu lên nhiều lý do: giai cấp trung lưu da đen đang

phát triển, các đại học đang sản xuất cũng với số lượng lớn các người viết da đen, và hiện tượng bùng nổ các tiệm sách tập trung vào đề tài da đen.

Điểm ngoặc của làn sóng này được ghi nhận vào tháng 6.1992 với *Waiting to Exhale* (của nhà văn Terry McMillan), một trong ba cuốn do các nhà văn da đen viết được vào danh sách New York Times 10 cuốn bán chạy nhất. Hai cuốn kia là *Jazz* (của Toni Morrison) và *Possessing the Secret of Joy* (của Alice Walker).

Và 10 cuốn bán chạy nhất, ghi trong danh sách New York Times ngày 23.6.96, cũng có ba cuốn của những người cầm bút da đen: *How Stella Got Her Groove Back* (của Terry McMillan), *Bad As I Wanna Be* (của Dennis Rodman), và *In Comtempt* (của Christopher A. Darden).

Chỉ còn một điều chưa hài lòng trong các vận động da đen: Các thăm dò cho biết các độc giả da đen mua gần 160 triệu sách một năm, nhưng thống kê liên bang ghi rằng người da đen chỉ chiếm 3.4% trong số các nhà biên tập, quản trị và chuyên gia trong kỹ nghệ sách Mỹ.

3 giải Nobel thi ca chê thơ internet

Trong khi nhiều người Mỹ cắm đầu cắm cổ trong cuộc chạy đua nhảy vào mạng lưới Internet để giải trí, kinh doanh hoặc truyền thông, một nhóm nhà thơ từng thắng giải Nobel đã tuyên bố rằng thơ đàng hoàng thì ở trong sách, chứ không trong không gian điện toán.

"Nghe thì có vẻ như là hơi kiêu hãnh, nhưng tôi tin rằng số lượng người đọc một bài thơ thì không quan trọng gì đối với cách một bài thơ ảnh hưởng lên những người đọc nó," theo lời Derek Walcott, một nhà thơ ngụ ở St. Lucia người được Giải Nobel Thi Ca 1992.

Ông thêm, "Tôi muốn thà rằng chỉ có một người đọc và cảm nhận thơ tôi thâm sâu còn hơn là hàng trăm ngàn người đọc nó mà chẳng để tâm gì."

Walcott hiện đang hợp tác với nhạc sĩ Paul Simon cho một vở nhạc kịch.

Walcott cùng với các nhà thơ Octavio Paz (Mễ Tây Cơ) và Czeslaw Milosz (Ba Lan) hôm thứ ba tham dự một buổi họp báo trước ngày đọc thơ công cộng, bảo trợ bởi Hội Chợ Sách Quốc Tế Miami. Paz được Giải Nobel Thi Ca năm 1990, và Milosz được giải này năm 1980.

Cả ba đều nói rằng họ không nản gì với con số thống kê chỉ có 1% dân Mỹ đọc thơ hiện nay.

Paz nói với phóng viên, "Nếu thi ca là một nghệ thuật thiểu số, nó vẫn thực sự là linh hồn cho sức mạnh tinh thần của một xã hội. Tôi không tin có chuyện cái chết của thơ, bởi vì đó cũng sẽ là chính cái chết của xã hội."

Milosz cho biết ông dùng máy điện toán để viết một số bài thơ, nhưng không tin là những người yêu thơ sẽ lùng sục thơ trong các ngõ ngách World Wide Web thay vì đọc trong sách.

Bức tường thơ dài 2.5 kilômét

Hơn 1,000 bài thơ của các nhà thơ từ cổ thời cho tới đương đại sẽ được khắc lên "Thi Bích" (Bức Tường Thơ), một bức tường dài 2.5 kilômét trong thành phố lịch sử Changde, miền Trung Tỉnh Hồ Nam.

Thi Bích cũng còn được dựng lên với một phần mục tiêu là bờ đê ngăn lụt cho thành phố. Đây cũng là bức tường đầu tiên tại Trung Quốc hiến tặng cho lịch sử nhiều ngàn năm thi ca của dân tộc này.

Trong hai ngàn năm qua, các nhà thơ nổi tiếng Trung Hoa thường xuyên ghé vào thành phố Changde, nơi kế bên Động Đình Hồ phía Bắc sông Yangtze, và đã khen ngợi cảnh vật và văn hóa nơi đây.

Hồ Nam còn là chiếc nôi của nhiều khuôn mặt văn chương lớn. Lãnh tụ CS Trung Quốc Mao Trạch Đông cũng là người Hồ Nam.

Bảo tàng viện riêng cho một nhà thơ

Một bảo tàng viện để tưởng niệm nhà thơ quá cố Ai Qing, một khuôn mặt văn chương nổi tiếng của Trung Hoa cận đại, sẽ được xây dựng trong thành phố Shihezi, nơi ông đã sống trong 16 năm.

Việc xây dựng bảo tàng viện mới này vừa khởi công tại Khu Tự Trị Xinjiang Uygur, thuộc Tân Cương. Công trình này cũng là bảo tàng viện duy nhất trong nước hoàn toàn để ghi công một nhà thơ.

Nằm phía Nam Công Trường Trung Ương của thành phố Shihezi, bảo tàng viện có diện tích 2,500 mét vuông. Trong đó sẽ gồm cả nơi triển lãm các tác phẩm của Ai Qing, những kỷ niệm của ông tại Shihezi, và kinh nghiệm một đời của ông.

Bà quả phụ Gao Ying tuyên bố sẽ hiến tặng hầu hết những sưu tập tư của Ai Qing cho bảo tàng viện.

Ai Qing, đã chết hôm 5.5/1996, hưởng thọ 86 tuổi, đã viết một bài thơ ngợi ca nơi một thời ông từng cư ngụ ở Tân Cương.

Hầu hết trí thức nga ủng hộ Yeltsin

Ballerina Maya Plisetskaya sẽ bầu cho Boris Yeltsin. Cũng bầu cho Yeltsin là nhà thơ-ca sĩ Bulat Okudzhava, điêu khắc gia Ernst Neizvestny và hàng loạt trí thức và nghệ sĩ Nga khác, vì sợ người Cộng Sản sẽ trở lại quyền lực trong cuộc bỏ phiếu Tổng Thống.

Ủng hộ Yeltsin không có gì ngạc nhiên với các nghệ sĩ, những người sinh hoạt trí tuệ đã trưởng thành dưới chế độ độc tài Josef Stalin và hưởng lợi trong thời tự do ngắn ngủi của Nikita Khrushchev và thời đổi mới Mikhail

Gorbachev.

Trong những thời vinh quang của họ, một nhà thơ ở Nga còn hơn là một nhà thơ—mà còn là một biểu tượng, một điển hình văn hóa, một hướng đạo trong đời sống.

Bây giờ thì Nga có những biểu tượng khác. Một nhà thơ thì còn "kém hơn cả đơn vị một," để nói theo ngôn ngữ nhà thơ Joseph Brodsky; nhưng những người cổ-thời này, với ảnh hưởng không chút gì và với lời bặt tiếng nói, vẫn tin rằng giới trí thức phải có tiếng nói.

Plisetskaya, một trong những vũ công ba-lê nổi tiếng nhất so trong mọi thời, tại một buổi hòa nhạc đã công khai hướng về Yeltsin. Yevgeny Yevtushenko đã in một bài thơ dài nói về Yeltsin.

Nhà xuất bản Alexander Glezer đã tổ chức một nhóm gọi là Trí Thức Nga Vì Yeltsin. Nhà điêu khắc Neizvestny nuốn tượng đài mới hình thành của ông tưởng niệm các nạn nhân của Stalin sẽ cũng là một trong những chiến thắng của Yeltsin. Neizvestny nói, "Tôi muốn buổi khánh thành tượng đài này sẽ giúp cuộc vận động của Yeltsin. Đó là lựa chọn của tôi, một lựa chọn hoàn toàn tự do."

Ủng hộ Yeltsin vẫn còn khó khăn hơn cho những nghệ sĩ và tư tưởng gia bất mãn với cuộc chiến đẫm máu ở Chechnya. Nhưng hầu hết đều quá sợ với việc trở lại quá khứ Sô Viết—nghĩa là viễn tượng quốc doanh hóa toàn bộ báo chí và kiểm duyệt mọi sinh hoạt trí thức.

Một khuôn mặt trí thức lớn lại vắng mặt trong danh sách các nghệ sĩ ủng hộ Yeltsin—nhà văn Alexander Solzhenitsyn, một giải Nobel văn chương.

Được quyến rũ bởi nhiều chính trị gia, kể cả Yeltsin, từ khi về nước năm 1994, Solzhenitsyn đã từ chối mọi mời gọi và đã không chịu đi bầu trong kỳ bầu quốc hội tháng 12 qua, và gọi hệ thống tuyển cử Nga là "bất công và sai lạc."

Văn nghệ sĩ Việt Nam

Tác Giả - Tác Phẩm - Chân Dung Tự Họa

Đó là nhan đề bộ sách do nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và Họa sĩ / nhà văn Khánh Trường đang thực hiện.

Bộ sách dự định in khổ lớn, bìa dày có bìa phụ bọc ngoài, khoảng từ 600 đến 800 trang (hình thức tương tự bộ *Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại* (Đại Nam, 1996), gồn ba chi tiết đặc thù: 1) Ảnh tác giả (chụp, rõ và cập nhật); 2) Tiểu sử, tác phẩm đã xuất bản (hoặc báo chí đã cộng tác); 3) Một hoặc hai trang "tự họa", của chính tác giả viết về mình, nội dung nói lên được quan điểm, động cơ sáng tác, dự phóng tương lai... Nói chung, mỗi tác giả sẽ có tối đa ba trang. Theo hai tác giả chịu trách nhiệm biên tập, phần "chân dung tự họa" được xem là quan trọng nhất, vì qua đó, các nhà nghiên

cứu, bạn đọc sẽ nhìn rõ và đánh giá được diện mạo của mỗi tác giả.

Cũng theo Nguyễn Xuân Hoàng / Khánh Trường, ban biên tập dành quyền cắt xén, cô đúc, sắp xếp lại những "chân dung tự họa" cho phù hợp với số trang ấn định. Dĩ nhiên, nội dung và văn phong sẽ được tuyệt đối tôn trọng.

Hai tác giả chịu trách nhiệm biên tập kêu gọi mọi văn hữu hãy tích cực cộng tác, để bộ sách sớm hoàn tất, bằng cách gửi ngay những tài liệu cần thiết về địa chỉ:

NGUYỄN XUÂN HOÀNG / KHÁNH TRƯỜNG
(Cho bộ sách Nhà văn Việt Nam)
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92682. USA
Hoặc liên lạc bằng điện thoại: (714) 775-7242 KT)
hay (714) 892-9414. Chuyển tiếp: 33 (NXH)

theo mẫu sau:

1) Ảnh.

2) Tiểu sử: Tên thật, sinh quán. Bút hiệu (và các bút hiệukhác)

3) Tác phẩm (Tên tác phẩm, thể loại, nhà xuất bản, năm xuất bản, báo chí cộng tác...

4) Chân dung tự họa.

Để có đủ ấn phí, ban biên tập đề nghị mỗi tác giả hãy đặt mua trước một bộ, với giá là 25 Mỹ Kim (trên thực tế, giá bán ngoài thị trường sẽ cao hơn). Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada trả bằng check. Ngoài Hoa Kỳ bằng International Money order, đề tên NXH hoặc KT (for Nhà Văn Việt Nam).

Nhiều năm trước 1975 tại miền Nam, và hai mươi năm qua tại hải ngoại, những thành tựu của văn học chúng ta được đánh giá là rất lớn. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan, chưa có một công trình nào có tính khách quan, thu tóm trọn vẹn những thành tựu ấy, thành sách, hầu giúp cho các nhà nghiên cứu cũng như độc giả theo dõi tường tận dòng vận động sung mãn của một mảng văn học Việt. Đó là lý do và động cơ thúc đẩy Nguyễn Xuân Hoàng / Khánh Trường mạnh dạn bắt tay thực hiện công trình này.

Muốn biết thêm chi tiết, xin thư hoặc điện thoại về địa chỉ và hai số phone trên.

Triển lãm của 16 họa sĩ Việt Nam tại Pacific Asia Museum.

Viện bảo tàng Pacific Asia kết hợp với hội Mỹ Thuật Việt Nam (Viet Art Society) vừakhai mạc một phòng tranh tại Pacific Asia Museum Foyer Gallery vào lúc hai giờ chiều ngày 29 tháng 6 năm 1996 , số 46 North Los Robles

Ave., Pasadela, California. USA. Với sự góp mặt của 16 hoạ sĩ, gồm: Ann Phong, Bé Ký, Duyên Hà, Hồ Anh, Hồ Thành Đức, Hoàng Vũ, Khánh Trường, Lệ Chi, Ngô Bảo, Nguyên Khai, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Văn Mộch, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Việt và Rừng.

Được biết cuộc triển lãm trên sẽ kéo dài đến 4 giờ chiều ngày 29 tháng 8 năm 1996.

Trong dịp này, Hội Mỹ Thuật Việt Nam phát hành một bộ tranh gồm 16 tác phẩm tiêu biểu của 16 họa sĩ có tên nêu trên, được in trên giấy dày, láng, khổ 8.50" X 11", với lời giới thiệu của ông David Kamansky (Executive Director. Senior Curator) thuộc Viện bảo tàng Pacific Asia, và Cao Thanh Tùng, một nhà nghiêm cứu hội họa uy tín.

Kèm theo các tác phẩm hội họa, còn có tiểu sử và chân dung mỗi họa sĩ cùng lời phát biểu liên quan đến quan điểm sáng tác của mỗi cá nhân.

Đây là một tập sách đẹp, ấn loát đúng tiêu chuẩn quốc tế. Vị nào quan tâm đến hội họa, muốn có tài liệu này, xin liên lạc với địa chỉ Hợp Lưu, kèm chi phiếu 12MK (nội địa Hoa Kỳ và Canada), 15MK (các nước ngoài Hoa Kỳ, trả bằng International Money order) đề tên Buu Khai hoặc Truong Khanh Nguyen (for Mỹ Thuật VN), sách sẽ được gửi ngay đến quí vị, bằng phương tiện hàng không).

Trở ngại ngoài ý muốn

Số trước, chúng tôi đưa tin một Gallery sắp khai mạc tại quận Cam.

Rất tiếc, do những trở ngại ngoài ý muốn, phòng trưng bày ấy vẫn chưa thể mở cửa.

Lý do: Những người chịu trách nhiệm không am tường thủ tục hành chánh, đã đặt "cái cày trước con trâu": gửi đơn xin giấy phép hoạt động đến tiểu bang, dưới dạng Nonprofit corporation, mà không hiểu rằng, muốn được hoạt động dưới dạng ấy, phải chờ tiểu bang cứu xét. Hỡi ôi, như tất cả mọi sinh hoạt hành chánh của mọi quốc gia trên thế giới, để được các "đầy tớ nhân dân" ghé mắt xanh, thường, bọn "làm chủ" đất nước, là những thằng dân ngu khu đen, phải chờ các vị "đầy tớ" này điều tra, theo dõi, cứu xét (biết đâu chúng thuộc thành phần trốn xâu lậu thuế!), không phải chỉ một tháng, nửa năm, mà có khi cả năm sau, chưa chắc đã "hạnh thông" mọi nẻo!

Nghĩ đâm... xót ruột hộ cho cái bọn dốt nát kia. Khi không, mất toi mấy "thiên" đặt cọc tiền phố, tiền sơn (quét tường), tiền đèn đuốc (cho hệ thống ánh sáng), tiền linh tinh các cái và nhất là vô phương vãn hồi bao nhiêu "thì giờ vàng ngọc"!

Ngôn ngữ và không gian thơ Du Tử Lê

Tại trung tâm sinh hoạt Brian Coyle Center thành phố Saint Paul, tiểu bang Minnesota, vào lúc 3 giờ chiều ngày Thứ Bảy, 18 tháng 5, 96, một nhóm thân hữu đã tổ chức *Chiều Thơ Nhạc Du Tử Lê,* nhằm giới thiệu tác phẩm mới nhất là thi phẩm *Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà / Your Scented Garden, My Nostalgia* với khoảng gần 200 độc giả Việt và Mỹ. Trong dịp này, nhà thơ Cung Trầm Tưởng, đã phát biểu về thơ của Du Tử Lê, như sau (trích đoạn):

*

"Tôi bước ra từ thơ, để đứng đây, nói về tác phẩm *Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà,* của Du Tử Lê. Một công trình đáng kể của người thi sĩ này về hai phương diện: Ngôn ngữ thơ và, không gian thơ.

"Nói đến thơ là nói đến ngôn ngữ. Vì ngôn ngữ thơ, tương tự như "thương người như thể thương thân." Đối với làm thơ thì ngôn ngữ chính là máu huyết, là nước mắt, là cốt, tủy là phong cách của một thi sĩ. Dù trong tập thơ này, tác giả đề cập tới một tình yêu da diết, hay bất hạnh thì đằng sau tình yêu đó, vẫn phải môi-gian của người thi sĩ.

"Nói về ngôn ngữ thơ của Du Tử Lê thì phải công nhận rằng Du Tử Lê đã tạo được phong cách riêng cho thơ của ông. Du Tử Lê đã tận dụng các dấu, gồm luôn cả dấu gạch chéo / slash, để xô đẩy câu thơ đầu tiên, dàn trải theo mạch thơ, về một phía, để xác định tính chủ thể, khởi nguồn của bài thơ. Nhưng ở những câu thơ kế tiếp, Du Tử Lê lại xô, dạt chúng về về một phía khác, để làm bật lên những ý niệm khác. Chữ thứ hai xô đẩy chữ thứ nhất về nơi chốn cuối. Nó nằm yên ở đó. Nó không chết. Và với câu thơ kế tiếp hay tới khi cuối bài thơ, chữ tưởng như bị chôn vùi, bị chết lại trở về, hòa nhập hay hoán vị với chữ đầu tiên... Theo tôi, Du Tử Lê đã thành công với cả hai phần: phần mở vào bài thơ và phần khép bài thơ lại.

"Chính vì thế mà khi ta đọc thơ Du Tử Lê, ta cảm thấy có một cái gì rất đặc biệt. Ta vẫn thấy thơ của ông, khác với thơ của những người khác. Nó khiến ta phải băn khoăn, phải thắc mắc. Phải quay trở lại phần khởi nguồn của bài thơ. Tác giả nói về một sự vật, nhưng đồng thời cũng là tiếng nói của chính sự vật đó.

Tôi gọi đó là đặc tính phủ định trong ngôn ngữ thơ Du Tử Lê. Bởi vì, ông có một khả năng xử dụng ngôn ngữ thơ tài tình. Một ngôn ngữ thơ tuyệt vời.

"Về không gian trong thơ Du Tử Lê, ông dùng dấu gạch chéo/Slash để tạo một không gian cho người đọc tùy nghi sắp xếp, sáng tạo, viết lại, như một tác giả thứ hai. Tuy nhiên, cần nhớ rằng người đọc chỉ toàn quyền trong cái khoảng không gian thơ, quy luật thơ, cõi thơ mà ông đã quy định sẵn mà thôi... (*Cung Trần Tưởng*)

Tạp chí TRIẾT số hai

Triết học, thật ra, chỉ là một "nỗi nhớ nhà - một khát vọng để tìm ra và sống được với quê hương ở khắp mọi nơi", như Novalis nói. Trong tâm tư của những người xa quê hương, triết học là một thôi thúc, để tìm ra ngôi nhà cho chính mình. Trong ngôi nhà này, người học triết đi tìm chính mình bằng nỗ lực tự kiến tạo bằng suy thức và ngôn ngữ. Và triết học trở nên chiếc gương soi treo trên bức tường truyền đạt.)

Từ xung động tâm ý đó, Triết số hai này tiếp tục hành trình suy luận và lý giải mà số Ra Mắt đã đề ra.... (Lời nói đầu).

Nội dung số hai chia làm bốn phần:

Phần một: **Luận đề.** Với các bài viết ủa Nguyễn Hữiu Liêm: Về sự thể chưa hoàn tất của một con người Việt Nam. Phạm Trọng Luật: Giữa "tân tiến"; và "hậu tân tiến" ; Phật giáo và Việt Nam trong cuộc giao lưu văn hóa đông tây. Phan Tấn Hùng: Một Logic cho thực tại chính trị và kinh tế Việt Nam. Như Hạnh: Viên trắc và bát nhã tâm kinh tán. Nguyễn Vĩnh Để: Đạo đức môi sinh là gì? Cao Xuân Hạo: Quan điểm chủ toàn trong triết học Lão trang và trong cấu trúc luận của phương tây. Lê Diên: Con người và cái chết. Hoàng Thiệu Khang: Thẩm mỹ vô ngã và hiện hữu trong kinh Pháp cú. Phan Tấn Lộc: Hiện tượng đô thị hóa. Lý Khôi Việt: Phê bình những phê bình về các tôn giáo dân tộc.

Phần hai: **Tài liệu**. Renzong: Thái độ văn hóa và trí thức đã ngăn cản sự phát khởi tự nhiên của khoa học hiện đại ở Trung Hoa. Unabomber: Xã hội công nghiệp và những hệ quả (tuyên ngôn). Jaspers: Plato, Augustine và Kant .

Phần ba: **Điểm sách**. Vũ Tiến Thủy: "Cơ sở văn hóa Việt Nam" của Trần Ngọc Thêm. Nguyễ n Văn Trung: "Phật giáo, Kitô giáo và xã hội Trung Hoa" của Erik Zurker. Nguyễn Văn Trung: Tuyển tập "đối thoại với giáo hoàng Phao Lồ II" của tạp chí Giao Điểm. Đặng Phùng Quân: "Thiên hướng của sự vật: về một lịch sử của kỳ thành ở Trung Hoa" của François Jullien. Nguyễn Vĩnh Để: "Đạo đức môi sinh..." của Joseph R. Des Jardins. Thân Trọng Mẫn: "Tuyển tập Phật giáo và thời đại". Nguyễn Hữu Liêm: Từ Trần Đức Thảo đến Trịnh Xuân Thuận. Nguyễn Hữu Liêm: Lịch sử đã đến hồi chung cuộc?

Phần bốn: **Bút ký**. Nguyễn Hữu Liêm: Đối diện với thế kỷ 21. Trần Đạo: Đố vui về chủ nghĩa Cộng Sản. Nguyễn Hữu Liêm: Triết học về Cyberspace.

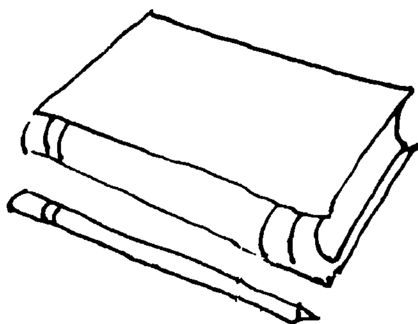
Do số trang dành cho mục này có hạn, và tạp chí Triết số hai rất phong phú, chúng tôi không thể đi vào chi tiết, dù là khái quát, những bài viết trên. Xin mời độc giả tìm mua số báo này tại các hiệu sách trên thế giới. Bảo đảm ... "đáng đồng tiền bát gạo".

PHẠM VIỆT CƯỜNG
PHAN TẤN HẢI



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 22 tháng 5, 1996

Nhiều văn hữu, bạn đọc ở các quốc gia khác, kể cả nội địa,thư về tòa soạn bảo Kim Thi nên kể thêm chuyện cộng đồng người Việt tại quận Cam. Theo các văn hữu, độc giả này, trong mục *"Ngày... Tháng..."* ở một số báo trước, Kim Thi đã vẽ chân dung vài người, tuy chưa phải tiêu biểu, nhưng phần nào cũng phản ảnh một mảng sinh hoạt xã hội Việt tại các quốc gia bên ngoài quê hương, điển hình tại Mỹ.

Từ vài năm nay Kim Thi ngán lắm trò giang hồ vặt. Đi xa, hoặc đi loanh quanh để rửa mắt, để gặp gỡ người này kẻ nọ, để đấu hót chuyện trên trời dưới biển đối với Kim Thi bây giờ chẳng khác chi đi đày. Vì vậy, có khi cả tháng Kim Thi không bước chân ra khỏi phòng, ngoại trừ xuống phố giải quyết vài nhu cầu chẳng đặng đừng: ăn uống, mua bút giấy sơn cọ, ra bưu điện, đến các lớp dạy luật lái xe theo lệnh tòa (Ôi chao! Ở Mỹ 10 năm, thế mà Kim Thi vẫn bị phạt mờ người vì tính lãng đãng, khi quẹo trái chỗ không được quẹo; khi vượt đèn đỏ vì vẫn tưởng đèn tín hiệu chỉ duy nhất một màu xanh; khi chạy chậm như rùa hoặc chạy nhanh quá giới hạn bình thường trên xa lộ; và chúa ghét sợi dây an toàn vắt ngang ngực, cột quanh bụng...) Cho nên bảo Kim Thi kể lể dông dài trường thiên nhân dân tự vệ của người Việt tại quận Cam nào khác chi bảo anh mù mô tả cảnh hùng vĩ của núi, cảnh bao la của biển, cảnh sầm uất muôn màu muôn vẻ của cuộc sống ban đêm tại kinh đô cờ bạc Las Vegas.

Tuy nhiên nói chuyện rộng không được, Kim Thi xin nói chuyện hẹp vậy. Hẹp, ở đây, chính là chu vi khu vực chung cư này. Kể ra, trong giới hạn nào đó, những sinh hoạt thường nhật của Kim Thi, của bà con chòm xóm, của

anh Tư, chị Năm, thiếm Bảy, cậu Út... nếu nhân rộng, cũng xứng đáng trở thành các mẫu hình tiêu biểu lắm lắm.

*

Khu chung cư này gồm hai tầng, tiền thân chỉ dành riêng cho người già (độc thân, trên 60), có tổng cộng khoảng 30 phòng, mỗi phòng vừa đúng 16 thước vuông. Ngoài một phần tư diện tích dành làm phòng vệ sinh, tắm rửa (không có bếp. Để ngăn ngừa hỏa hoạn, mọi người muốn nấu ăn phải nấu ở nhà bếp tập thể - khá rộng - tại tầng một). Diện tích còn lại vừa đủ để đặt một giường nhỏ, một bàn viết, vài cái ghế và vật dung cá nhân linh tinh. Nhiều năm trở lại đây nhân dân ta đổ về vùng đất này mỗi ngày mỗi đông, biến quận Cam thành một Tiểu Sàigòn. Khu chung cư lại nằm ngay trung tâm, bước chân ra đường chỉ gặp toàn đầu đen mũi tẹt, các vị cao niên bản xứ đâm rét nên lần lượt move đi nơi khác. Rét là phải, ngôn ngữ bất đồng, lại ì xèo hàng ngày chỗ này vài cậu choai choai múa súng, chỗ kia năm bảy cậu khác đột nhập gia cư, trói tay chân, nhét giẻ vào mồm con cái vợ chồng gia chủ rồi dí dao vào cuống họng khảo của; thêm màn lái xe ngoài đường như anh hùng xa lộ, coi pha luật lệ giao thông. Khu chung cư trở nên ế ẩm, vì hầu hết các đấng cao niên thuộc giống Giao Chỉ, nói riêng, Á châu, nói chung, đều quen sống với con cái. Vả, tiền thuê ở đây quá cao so với nhiều nơi khác ($410/tháng), nếu chỉ trông vào "lợi tức" $600/tháng của chính phủ dành cho người cao niên, thì cầm chắc các lão trượng của chúng ta (vốn chẳng còn lợi tức nào khác hơn) chỉ có thể... húp cháo sống qua ngày. Kẹt quá, chủ chung cư đành phá lệ, cho thiên hạ, bất cần tuổi tác và nhân số, vào ở búa xua. Thế là dần dà chung cư biến thành nơi cư ngụ của đủ mọi thành phần. Nhiều cặp trai gái muốn có nơi làm tổ quỷ hầu thay phiên nhau đưa đào kép về du dương, bèn gop góp mỗi cặp năm bảy chục, thuê một phòng, đóng cửa để đó. Lúc nào cần có ngay chỗ xài, vừa an toàn vừa rẻ hơn so với giá khách sạn. Nhiều gia đình HO mới qua, tiền trợ cấp khiêm nhường, thuê nhà hoặc appartment không nổi, đành tạm chui vào đây, ban ngày phân tán kiếm ăn, học hành, ban đêm sắp lớp trên thảm ngủ nghê lấy sức. Nhiều anh hùng hảo hán tứ chiếng giang hồ chuyên hành đủ mọi nghề ngổng pháp luật chê cũng dùng nơi này làm hậu cứ. Thậm chí có một nhóm homeless sáng ra tản đến các cửa chợ, cửa shopping, cửa bưu điện, hoặc các ngã ba ngã tư đông người qua lại hành nghề "lạy ông đi qua lạy bà đi lại...", tối tụ về om sòm nhậu nhẹt hút sách quên đời... Dĩ nhiên một nơi ăn chốn ở đầy màu sắc như thế tất không thể thiếu các đấng... văn nghệ sĩ. Ngoài một nhà văn già đã sống ở đây trên mười hai năm (ông đến vào cái thời còn hoàng kim của khu chung cư, và trở thành một trong vài người kỳ cựu nhất - nhà văn Hoàng Khởi Phong, cư dân mới của chung cư, gọi ông là "tiên chỉ") còn có một vài ca sĩ tân, cổ (về chiều, hết ăn khách), một vài nhà văn, nhà báo, họa sĩ cóc cắn (cỡ Kim Thi), một

vài anh khác cũng tự nhận là... văn nghệ sĩ, nhưng chẳng biết thuộc lãnh vực nào, vì chưa hề thấy dung nhan hoặc tác phẩm của các ngài xuất hiện nơi mô, kể cả trong các đám cưới đám hỏi với những ban nhạc vườn, hoặc trên các tờ báo lá đa lá mít lá tre vứt đầy mọi hàng quán.

Mới đây, đối diện phòng Kim Thi và người bạn đồng nghiệp già, vừa mọc thêm một "ngôi đền". Kim Thi không biết "đền" này thờ ai, vì một phần Kim Thi ngại dòm ngó sinh hoạt của hàng xóm, một phần nữa "đền" luôn cửa đóng, ngoại trừ những lúc có lễ lạc.

Như đã giới thiệu, "đền" vỏn vẹn chỉ mười sáu thước vuông, thế mà cứ cách tuần, mới sáng tinh mơ, đã nhong nhóc trong "đền", tràn ra cả hành lang, chí ít cũng ba bốn chục nhân mạng. Họ, những "thiện nam tín nữ" này, đa số sống quanh quẩn trong khu "Tiểu Sàigòn" và các vùng phụ cận, thuộc đủ mọi thành phần (trừ giới trẻ ngọng tiếng Việt). Nếu chúng ta tạm quên nơi này là đất Mỹ và cố hình dung căn chung cư ấy là một ngôi đền thờ "Cô, Cậu" nào đó, thì sẽ hết sức lý thú với hoạt cảnh diễn ra trước mắt. Cũng những bà già Bắc Kỳ sùm sụp khăn mỏ quạ, cũng những thím trung niên béo núc, mặt mày phấn son xanh đỏ, cũng những anh "thiện nam" lăng xăng phụ trách bánh trái trà nước... Họ cười lớn, nói to, chuyện trò tở mở, từ chuyện làm ăn buôn bán, chồng vợ con cái đến chuyện du lịch Việt Nam, thay nhà đổi xe. Và ngoạn mục hơn nữa, cả chuyện chính trị chính em cũng được họ chiếu cố tận tình, nào là chuyện "thằng Tàu nó đang dở thói xâm lăng Đông Nam Á", chuyện "mấy anh cán ngố phen này chỉ có chết, vì cái đòn nhân quyền của thằng Mỹ", chuyện "đấu tranh cho tương lai VN hùng cường tự do no ấm của các chuyên viên tranh đấu biểu tình"...

Buổi họp mặt đầu tiên, nhìn sang, Kim Thi và người bạn già ngỡ chủ hộ bên ấy tổ chức sinh nhật hoặc thôi nôi con cháu gì đó. Đến khi hiểu ra, hai anh em mới ngã ngửa: người ta tụ nhau lại để... lên đồng! Kim Thi nêu thắc mắc với người bạn già: *"Địa lý xa xôi cách trở những nửa vòng trái đất, chẳng hiểu bà chúa Thượng Ngàn qua Mỹ bằng phương tiện gì, vì hình như đồ vàng mã ở Việt Nam chưa sáng chế ra phi cơ phản lực!"* Người bạn già lắc đầu, cười trơ cả lợi: *"Mẹ, thế này tôi với bạn đến move qua tiểu bang khác mất thôi. Sống thế... chó nào nổi"*. Than thế, nhưng khuôn mặt ông rạng rỡ vui, chứng tỏ ông chẳng lấy chi làm khó chịu, trái lại, hình như cái sinh hoạt tạp lục ấy khiến ông cảm thấy bớt hiu quạnh.

Mà vui thật. Đủ hạng, đủ cỡ, thấp cao béo gầy, Trung Nam Bắc ba miền, vòng trong vòng ngoài tấp nập. Trong "đền" khói hương nghi ngút, ngoài "đền" chuyện nổ dòn tan như bánh tráng nướng.

Chín giờ, chiêng trống, đờn cò đờn nhị, tiếng tiêu tiếng sáo hòa cùng tiếng hát ê a bắt đầu cất lên. Chỉ nghe thôi, Kim Thi rất đổi ngạc nhiên không hiểu làm thế nào các "thiện nam tín nữ" này bê được cả một giàn bát âm sang tận Bolsa. Kim Thi quả tối dạ, thời đại văn minh, chẳng việc gì phải dàn dựng tốn công tốn của. Chỉ một cái máy thâu băng xách tay, với một cuộn tape

thâu sẵn (nghe đâu "chủ đền" về tận Việt Nam thuê hẳn một giàn bát âm thực hiện chương trình ca nhạc ăm ắp truyền thống dân tộc này, tuy tốn kém chút đỉnh nhưng có thể xài lâu xài bền quanh năm suốt tháng). Thế thôi, cũng thừa sức nổi đình nổi đám.

Giữa "đền", trước bàn thờ "Mẫu" nhong nhóc hoa quả hương trầm ("Mẫu", Kim Thi nghe người ta gọi thế, thật tình không hiểu "Mẫu" là ai), một khoảng trống nhỏ bằng vuông chiếu đang ngất ngưỡng một cô đồng. Cô mặc áo xanh dát kim tuyến lấp lánh, ngồi xếp bằng, trên đầu phủ vuông khăn đỏ, khởi sự lắc lư xoay vòng. Vòng xoay nương theo tiếng nhạc nhanh dần, nhanh dần. Đến một lúc, vuông khăn đỏ bị hất tung khỏi đầu, cô đồng đứng bật dậy, đôi mắt sắc như dao cạo đảo lia, miệng cô cười rất tươi. Cô khởi sự múa, và hát, hai cánh tay với hai cây hương được cài giữa kẽ các ngón tay được điều khiển bằng những động tác điêu luyện. Hạ thấp, nâng cao, chấp chới, uyển chuyển như cánh chim. Tín đồ quây quần chung quanh ngước nhìn thành kính, các cụ già thỉnh thoảng chắp tay "lạy mẫu, lạy mẫu..." Cứ thế, cô đồng này thăng, lập tức có cô khác thay, luân phiên và hăng hái còn hơn bọn trẻ nhảy "đít cô". Chương trình thỉnh thoảng tạm nghỉ giải lao, rồi tiếp tục, càng lúc càng sôi nổi hơn. Mùi khói nhang ngập ngụa không khí, tiếng đờn tiếng sáo, tiếng chầu văn lên bổng xuống trầm. Hai "vợ chồng" rất playboy cùng giống đực rựa phòng cuối hành lang mang máy quay phim tới quay lia lịa. Cô đồng thấy ống kính chĩa vào mình, trở nên duyên dáng tợn. Cô cười rất lẳng, mắt ướt rượt, thân thể vặn vẹo như rắn. Nếu không có bộ quần áo lụa xanh thẫm phủ ngoài, và chiếc "vương miện" đính hột lấp lánh trên đầu, chắc chắn cô sẽ trở thành một vũ nữ khỏa thân hấp dẫn, mời mọc không thua bất cứ vũ nữ nào ở các hộp đêm chuyện trị "múa nhộng" (khoản này, đề nghị quý độc giả thân mến nên tận dụng tối đa trí tưởng tượng). Cô bán bia ôm ngày ngủ đêm thức õng ẹo đến trước cửa phòng Kim Thi, thò đầu nhìn vô, mắt đảo vòng: *"Chà, ông anh nhiều sách dữ hén. Có chuyện Quỳnh Giao hông? Cho em mượn coi zới"*. Kim Thi chưa kịp trả lời, cô đã xoay mặt sang phía "đền": "Chắc linh lắm anh hén?" Lóng rày Kim Thi đang "vả", nên nhìn bộ vó cô em quá đỗi mời mọc, lòng không khỏi xao động, định cất tiếng mời cô vào phòng "ngồi chơi", thì anh kỹ sư điện bỗng lù lù xuất hiện. Anh mon men đến gần cô bia ôm bắt chuyện. Nghĩ đến tuổi tác "lỡ thì" của mình, rồi nhìn anh kỹ sư trẻ trung tươi tốt, Kim Thi biết mình dẫu có nỗ lực bao nhiêu cũng sẽ từ thua tới thua, đành hận hực mở tủ lạnh tìm chai bia uống cho... bõ tức!

Xế chiều, cuộc lễ rã đám. Khách khứa lần lượt ra về, chủ "đền" khệ nệ bưng một khay đầy xôi, chè, bánh trái, thịt heo quay, đi vòng khắp các căn hộ trong chung cư, chia "lộc". Tất nhiên Kim Thi và người bạn già cũng được hưởng "lộc". Người bạn già nói: *"Mẹ, không có rượu thì còn ra quái gì."* Kim Thi cũng cười: *"Mẫu không biết uống rượu, anh"*.

*

Từ ngày dân Giao Chỉ xâm lược khu chung cư và dành quyền tự trị, tuy khí hậu chung hình như chẳng còn thơm tho sạch sẽ gì mấy, nhưng phải công nhận hết sức đa sắc. Dù sống giữa lòng quê người, Kim Thi vẫn có cảm tưởng đang sống giữa một xóm lao động nào đó, ở Việt Nam. Đâu có, hình như Kim Thi có viết: Kim Thi vốn sinh ra và trưởng thành từ chốn dân dã, đã quá quen - đến ghiền - những cảnh trạng mà thông thường những vị được nuôi nấng dạy dỗ trong môi trường giai cấp khác, sẽ lấy làm khó chịu. Riêng Kim Thi, xem chừng lại rất hợp. Nửa năm trước, Kim Thi được mời đến dự tiệc vui tại một gia đình quen. Nhà người bạn ấy ở trên núi, to rộng và nguy nga như một lâu đài, với hồ bơi xanh biếc, với hoa quả, vườn tược cắt tỉa công phu, và tiếng chim lảnh lót, và nắng óng vàng tràn ngập khắp vườn, và không khí trong lành thoảng hương mọi loài hoa. Kim Thi ngồi cạnh một nhạc sĩ lão thành, ông nói: "Thỉnh thoảng được nghỉ ngơi thế này, cũng thích". Nhưng lập tức, ông tiếp: *"Ấy, chỉ thỉnh thoảng thôi, bắt tớ ở hàng ngày, chết héo mất. Mình là thị dân, quen cảnh xô bồ của thành phố mất rồi"*. Nhận xét ấy cũng được người bạn đồng nghiệp già của Kim Thi chia xẻ. Ông thường nói: *"Mẹ, ồn ào thật, nhưng mà ấm lòng"*. Những lúc mới mở mắt ra đã nghe ầm ĩ tiếng nhạc máy nước, tiếng "bình luận thời sự chính trị" hùng hồn đầy khí thế tiến công phát ra từ những chiếc radio cực tốt, tiếng cãi vã đôi co, tiếng chân lóc cóc lê ngoài hành lang, tiếng máy xe gầm rú dưới parking, tiếng chửi rủa thô lỗ giữa hai bà hàng xóm nào đó khi cơm không lành canh không ngọt... Kim Thi còn nghĩ xa hơn: sở dĩ Kim Thi và người bạn vong niên chấp nhận được cảnh trạng tạp lục này, một phần do thói quen của đời sống thị dân, một phần khác nữa có lẽ do tâm trạng lạc lõng, bơ vơ của những kẻ bị bứng lìa ra khỏi quê hương. Tâm trạng này được biểu thị rất rõ, xuyên qua một lá thư gửi từ Pháp của một nhà văn nữ, cho Kim Thi. Nhà văn này viết, đại khái: "Kim Thi đang hạnh phúc mà không biết. Hai mươi mấy năm sống trên đất người, tôi vẫn thèm đứt ruột được nghe và nhìn một màn chửi lộn rặc tiếng mẹ đẻ, cho sướng tai sướng mắt sướng lòng."

Vâng, "sướng tai sướng mắt sướng lòng " lắm, thưa nhà văn. Hãy bỏ phứt cái xứ sở khỉ ho cò gáy ấy, qua đây nhập bọn với chúng tôi. Hãy mang chồng con chuyển sang Cali, bảo đảm chẳng những nhà văn được nghe chửi hàng ngày, bằng tay chân mồm miệng, mà nếu chịu khó đọc, cũng sẽ được đọc hàng ngày trên giấy trắng mực đen in trang trọng rõ ràng trong mọi tờ báo, mỗi sáng rải đầy trước các cổng chợ, cửa tiệm. Chỉ e nhà văn nghe nhiều quá, đọc nhiều quá, đâm bội thực, chữ nghĩa hay ho khô cạn dần, thì thiệt hại lắm lắm cho tương lai văn học Việt Nam. Lợi bất cập hại!

Ngày 1 tháng 6, 1996

Việt Nam, trong vòng bốn thập niên qua, có một thi sĩ lớn: Bùi Giáng. Lớn, bởi gia tài thi ca ông để lại cho dân tộc. Điều đó hẳn nhiên ai cũng biết và cũng thấy. Nhưng Bùi Giáng còn lớn ở nhiều mặt khác nữa. Một trong

những mặt này là mặt... điên. Có lẽ chưa ai điên mà tỉnh bằng ông, chưa ai điên mà trí tuệ, quảng bác, thông thái và thâm bằng ông. Kim Thi còn nhớ sau tháng 4, 1975, nhiều lần ghé nhà sách Khai Trí (cũ), Kim Thi thường gặp Bùi Giáng, hoặc múa may diễn trò cùng đám trẻ con bụi đời trên vỉa hè ngay trước cửa hiệu sách, hoặc ngồi ngất ngưởng dưới chân cái bục gỗ dùng làm bệ nâng bức tượng bán thân lãnh tụ Hồ Chí Minh to hơn người thật đặt uy nghi giữa hiệu sách, và... chửi, và hát, và bình luận chuyện văn chương, thời thế, con người, ăn nhậu, hút sách... Bùi Giáng nói lung tung, linh tinh, thượng vàng hạ cám, trên trời dưới đất. Có lúc thông thái như một học giả, có lúc điên khùng như một... thằng điên. Nhưng đáng sợ (và đáng phục nhất nếu đặt mình vào bối cảnh lúc bấy giờ), Bùi Giáng chửi. Chửi, không kiêng nể, không ngán bất cứ "đồng chí" nào. Từ "giải phóng" đến "phỏng dái", từ lãnh tụ lớn đến lãnh tụ choi choi, từ "thằng Tây thằng Tàu thằng Mỹ" đến "thằng Liên Sô, thằng Hung Ga Ri, thằng Ba Lan, thằng Tiệp Khắc". Chửi cạn tàu ráo máng là thế, mà chẳng có tay công an nào còng cổ bỏ bót, chỉ vì, "tên ấy điên." Thật tình Kim Thi không biết Bùi Giáng điên thật hay điên giả, nhưng cứ nhìn bề ngoài thì cầm chắc ông ấy điên thật rồi. Nếu tỉnh, ai lại trang phục ăn vận một cách kỳ hình dị tướng như thế? Hai cặp kính trên mắt, một cặp kính cận cố hữu, một cặp kính màu đeo chồng bên ngoài (loại bằng nhựa làm ở Chợ Lớn, cho con nít chơi). Áo quần thì có lẽ do nhà chùa nào đó tặng, màu vàng ngã sang màu nâu đất và bạc thếch, rách bươm vì bẩn, cũ. Quanh thắt lưng cột một vuông vải đỏ, bên hông cài cây chổi lông gà (những lúc nhảy múa, Bùi Giáng dùng cây chổi này quất vào chân, thay thế roi ngựa như trong hát bội). Trên đầu quấn một vòng hoa ni lông xanh xanh đỏ đỏ. Nhiều lần khác, cũng với bộ mã và phong cách, ngôn ngữ ấy, Kim Thi còn bắt gặp Bùi Giáng ở trước cửa quán cà phê lộ thiên Huy Tưởng, ở Hội Văn Nghệ, hay ở rất nhiều nơi trên đường phố Sài Gòn. Có khi còn táo tợn hơn, liều lĩnh hơn, điên khùng hơn, đến không chịu nổi. Chả hạn, nếu hứng chí, ông có thể ngang nhiên đứng dạng chân giữa lộ, vạch quần chĩa vòi đái tồ tồ, vung vẩy, "cái nhà là nhà của ta, ông chú ông cha làm ra. Cái đường là đường của ta..."

Mới đây, trong một buổi tiếp xúc với phóng viên báo Thanh Niên, "kỳ nữ" Kim Cương đã nói về câu chuyện giữa cô và Bùi Giáng, nghe cũng ly kỳ, và điên, và "thơ" không kém. Xin trích dẫn hầu độc giả:

"- Đã được nghe về câu chuyện giữa nhà thơ Bùi Giáng và chị. Chị có thể kể lại.

- Làm thơ tiếp tục yêu em
Ồ Kim Cương ạ êm đềm vô song
Kể từ lịch kiếp long đong
Anh điêu tàn tới thong dong bây giờ.

Đó là một trong vô số thơ Bùi Giáng làm cho tôi. Quả thật chưa có một

người nào yêu tôi và thủy chung với mối tình của mình đến thế. Cách đây bốn mươi năm, tôi được giới thiệu với một người là giáo sư ở Đức (?) về: Bùi Giáng. Ông thẳng thắn đặt vấn đề muốn tiến tới hôn nhân. Tôi từ chối. Bùi Giáng nói xin cho một người cháu thay thế ông. Ông khoe cháu ông thông minh và học giỏi, hỏi tôi có bằng lòng đợi cháu ông học xong không? Tôi nói phải cho tôi gặp rồi mới quyết định ưng hay không. Sau đó ông mang tới một cậu bé tám tuổi.

Trong cái điên của ông, tôi học được nhiều chuyện. Hiện nay ông vẫn đến nhà tôi, có khi chỉ ngồi ngoài cổng, làm thơ vào tờ giấy rồi nhét qua khe cửa. Trong nhà tôi có một quyển sổ dành riêng cho ông để ông chép thơ. Tôi cũng định mua một căn nhà riêng cho ông ở. Nhưng...

Có lẽ một ngày nào đó nghe tin Bùi Giáng chết, chắc tôi cũng buồn lắm..."

Chẳng những Kim Cương "buồn lắm", mà chắc chắn những người yêu mến thi ca cũng sẽ "buồn lắm". Với Kim Thi, thi sĩ Bùi Giáng có lẽ là người tỉnh nhất trong vô số những người thường được xem là tỉnh, như Kim Thi, như chúng ta.

Ngày 8 tháng 6, 1996

Những đoạn thơ, văn dưới đây được viết nhân sinh nhật thứ bảy mươi của nhà văn Mai Thảo

Nguyễn Xuân Hoàng

mai thảo chưa bẩy mươi

Chào Mai Thảo, Buổi Sáng
Anh chưa Bẩy Mươi, anh chỉ mới Bốn Mươi
Trong căn phòng hẹp,
bánh sinh nhật anh chỉ có một ngọn nến
Trên kệ sách la liệt
những chú thỏ ngày sinh nhật
Trên tường là bức tranh chiếc tầu trên Sông Hồng
Mai Thảo của Sáng Tạo ngồi giữa sàn nhà
Giữa những người thân
anh em, bè bạn và những cốc rượu

Chào Mai Thảo, Buổi Chiều
Anh chưa Bẩy Mươi vào Năm Một Chín Chín Sáu
Anh chỉ mới Ba Mươi thôi
Trong tay anh vẫn còn Mười Đêm Ngà Ngọc
Trên bàn viết anh vẫn còn

Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời
Giữa những ly cốc, muỗng, nĩa, thức ăn...
Mai Thảo giàu như quốc vương xứ Brunei
Hennessey, Martell,... Bốn chữ
Mai Thảo rất Tây

Chào Mai Thảo, Buổi Chiều
Anh chưa bao giờ Bẩy Mươi đâu
Anh chỉ ít nói hơn,
Ít cử động mạnh hơn
Ít viết hơn
Nhưng Martell vẫn giúp anh
thấy lại Sóng Cấp Năm Đầu Vịnh Thái

Mai Thảo chưa Bẩy Mươi đâu
Khi anh nói về thơ anh chỉ hai mươi thôi
Tôi biết chắc như vậy

Chào Mai Thảo, Buổi Tối
Tháng Sáu, Ngày Tám bao giờ cũng là Ngày của anh
Ngày của sáng tạo
Ngày để tưởng nhớ mùi hương

Mai Thảo chưa Bẩy Mươi Tuổi đâu
Các bạn của tôi ơi!

Nguyễn Mạnh Trinh

sinh nhật

● Tặng anh Mai Thảo

Ngồi quanh. Bề bộn chiếu đời
Tuổi bẩy mươi. Giọt rượu cười trong ly
Thơ cao vút đỉnh thầm thì
Lặng ngọn núi thẳm xuân thì. Tịnh không

Cửa ngoài nắng trải mênh mông
Chiều tháng sáu soãi ngựa hồng vó phơi
Đường nhân thế mấy cuộc chơi
Bến - Bờ - Bờ - Bến. Chỗ ngồi loay hoay

Ngồi quanh. Gió cuộn bờ tây
Chừng đông ngạn tiếng thở dài rất sâu
Điểm tâm ai? Mấy ngụm sầu
Cùng trời đất sẻ nỗi đau bàng hoàng

Cổ lai hy. Ngõ phân vân
Trang giấy trắng vẫn ngút ngàn giấc mơ
"Một ngàn chương thiếu một tờ"
Nghìn trượng thẳm ý bài thơ đưa đường

Ngồi quanh. Đếm tuổi văn chương
Ngọn nến thắp dậy muôn phương giọng cười
Sách ngàn pho chuyện không vơi
Trong đáy cốc đọng bồi hồi nỗi ai

Khà một tiếng- Ừ! ngày mai
Trăng nguyên thủy dõi dặm dài bâng khuâng
Tịch lặng đi. Những bão dông
"Nhẩy ngang đời thế đá tung" vẫn còn.

Hoàng Khởi Phong

phép lạ có thể xẩy ra... ba lần

...Tôi cùng quê với Tú Xương và Trần Cao Lĩnh. Tôi sinh năm Mão, nhỏ hơn Vũ Hoàng Chương chẵn tròn một giáp. Nếu bạn có ý định viết một bài về những người thất thập cổ lai hy gì đó, thì tôi chưa tới bẩy chục. Hai năm nữa bạn hãy gặp tôi. Tôi chỉ mong rằng ngày đó tôi còn hiện diện trong căn phòng này, giữa những quyển sách đang đọc dở, những chai rượu đang uống nửa chừng. Trong trường hợp bạn muốn viết một bài về tôi, nhà văn Mai Thảo thì không nhất thiết phải đợi tới bẩy tám chục tuổi làm gì. Đối với tôi, điều quan trọng là khi anh "Ở với Đời", *anh làm được gì? Anh chơi với ai? Anh sống như thế nào? Có những người càng sống càng bé lại,* "Ông Bình Vôi" *của Phan Khôi chẳng hạn. Càng thọ ruột càng đặc lại có ích gì?*"

Đoạn văn trên trích trong bài viết *Gối Đầu Lên Chữ Nghĩa*" tôi viết về Mai

Thảo cách đây hai năm. Năm nay Mai Thảo chẵn tròn 70, ông không còn ở căn phòng trên lầu hai, căn phòng mà tôi đến viếng cách đây hai năm để viết bài. Ông đã chuyển xuống căn phòng bên dưới, để đi lại cho tiện. Sinh nhật 70 tuổi của Mai Thảo vào ngày Thứ Bẩy 8-6 vừa qua, đã được Mai Thảo tổ chức tại căn phòng hẹp nơi ông đang trú ngụ.

Vì căn phòng hẹp Mai Thảo đã không mời đông đảo thân hữu như mọi năm. Ngồi xúm xít trong một khoảng trống giữa phòng chỉ có vài người Nguyễn Xuân Hoàng, Du Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Việt Cường, Lê Giang Trần, Nguyễn Hoàng Nam, Lê Ngọc Ngoạn, cùng với hai người hàng xóm là Khánh Trường trú ngụ tầng trên và tôi vừa mới dọn tới căn phòng cũ của Mai Thảo trước kia, bên cạnh phòng Khánh Trường bây giờ chẵn tròn một tuần lễ. Tiệc gần tàn mới có thêm Đỗ Ngọc Yến tới tham dự, vì bận họp.

Lẽ ra với người bình thường ở vào tuổi 70, người ta làm tiệc chúc thọ, với con cháu đầy nhà. Nhưng Mai Thảo là Mai Thảo, nên những đứa con ông để lại cho đời là hơn bốn chục cuốn truyện, một tập thơ, cùng với những số báo *Sáng Tạo & Văn*.

Với Mai Thảo dường như phép lạ không chỉ xẩy ra một lần. Ông đã từng theo kháng chiến, kế đó được đề cập vào Đảng, nhưng ông lặng lẽ vào thành. Năm 75, ông ở lại trong nước vài năm, và đã thoát khỏi mọi cuộc truy lùng, không bị giam cầm một ngày nào như các văn nghệ sĩ khác. Với bản thân, mỗi ngày bộ máy Mai Thảo chạy bằng một chai rượu mạnh, đến độ đã có một thân hữu nói: "*Tỉ lệ máu trong mạch rượu của anh ít quá. Xin anh điều độ hơn trong việc tiếp rượu*". Cứ như thế hai, ba chục năm liền mà bộ máy Mai Thảo không hề có một trục trặc nào, vẫn chuyên chở chữ nghĩa, thơ văn hữu hiệu. Tờ Văn vẫn hiện diện nơi các tiệm sách đúng lúc. Các độc giả dài hạn vẫn nhận được báo đều đặn, với địa chỉ người nhận viết tay nắn nót, bởi chính người chủ trương.

Nếu như phép lạ đã xẩy ra hơn một lần với Mai Thảo, tôi có quyền tin rằng tôi sẽ được tham dự \f3"bát tuần đại thọ"\f2 của nhà văn Mai Thảo. Trước thềm của tuổi bẩy mươi, tôi kính chúc nhà văn Mai Thảo nhiều sức khỏe, và còn "*Ở với Chữ Nghĩa*" thêm nhiều năm nữa.

Khánh Trường

mai thảo bảy mươi

Buổi chiều, tàng cây trước cửa phòng lung linh nắng.

Tôi nhìn những đọt lá xanh, mươn mướt, ngả nghiêng trong gió, bỗng chợt nhớ, mới tháng trước tàng cây khẳng khiu trơ cành. Thế mà chỉ một đêm, thức dậy, đã lác đác chồi non. Lá thi nhau nẩy mầm, nhanh như phép lạ. Một

tuần nữa qua đi, tàng cây rợp lá, che kín dãy hành lang bên kia. Màu xanh tắm đẫm sắc nắng ngả nghiêng trong gió.

Đối diện tàng xanh biên biếc ấy là cửa phòng nhà văn Mai Thảo. Có lẽ khi ông đến đây, cây chưa có. Hoặc có, cũng chỉ lè tè cao hơn mặt đất vài phân. Mười hai năm trôi qua, cây vượt nóc chung cư.

Tháng năm chất chồng tuổi tác, rút đi của ông sức lực trung niên, ông không thể mỗi ngày nhiều lần lên xuống các bậc thang gỗ khá cao, nhất là những đêm về muộn, sau cuộc nhậu cùng bằng hữu ở một hàng quán nào đó. Ông rời căn phòng cũ, trên lầu, di chuyển xuống tầng trệt. Từ nơi cư trú cũ nhìn ra, mắt ngang tầm tàng cây. Chỗ ở mới, ngay bên dưới, cũng nhìn ra, cũng ngang tầm mắt, nhưng không còn thấy màu lá xanh biêng biếc, mà chỉ là lớp vỏ sù sì của gốc cây nâu xám.

Cây lớn lên theo năm tháng. Cây sung mãn tốt tươi. Cây già nua bây giờ. Một đời cây. Một đời người!

Nhưng dù già, mỗi năm khi mùa Đông qua đi, Xuân đến, dòng nhựa khỏe trong cây vẫn còn khả năng đẩy những mầm non bung nở khắp mọi cành nhánh. Nhà văn già của chúng ta, khác. Tạp chí *Văn* do ông chủ trương, nửa năm vắng bóng trên kệ gỗ các nhà sách. Tết vừa rồi, gắng gượng ra được một số nữa, rồi lại chìm vào lãng quên. Sức khỏe và tuổi tác không cho phép nhà văn ngồi xuống bàn, tiếp tục thực hiện công việc ông đã thực hiện, mười lăm năm qua: gửi đến độc giả đều đặn hàng tháng tờ tạp chí văn chương mà những lúc gần đây, sau vài ly rượu, ông thường buồn bã thổ lộ, *"Đứa con ấy tôi đã khai sinh, đã nuôi dưỡng. Giờ nó không còn nữa..."* Nhà văn chấm dứt câu nói bằng một khoảng lặng, nửa vời. Những nếp nhăn trên vầng trán dường như sâu hơn; tia nhìn dường như tối hơn; và hai mép môi dường như cũng trễ xuống, nhiều hơn. Chúng tôi im lặng. Chúng tôi hiểu, đối với ông, đó là một mất mát lớn. Có thể nói lớn hơn hết. Lớn hơn cái chết rất nhiều lần ông đề cập đến, những lúc cảm thấy sức khỏe mình sút giảm nhanh chóng.

Hôm qua, sinh nhật của ông. Sinh nhật thứ 70. Khác với mọi năm, ông thường mượn một căn nhà nào đó của một bằng hữu nào đó, để tổ chức. Đông vui. Bạn bè cùng thời: Nguyên Sa, Kiều Chinh, Thái Thanh, Nguyễn Sĩ Tế, Nghiêm Xuân Hồng... Bạn bè vong niên: Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Du Tử Lê, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Phan Tấn Hải, Quỳnh Giao, Nguyễn Xuân Nghĩa... Tất cả anh chị em cùng nghiệp dĩ văn chương cư ngụ ở quận Cam và các vùng phụ cận đều có mặt. Năm nay, không như thế nữa. Căn phòng chung cư vỏn vẹn mười sáu thước vuông, chỉ vừa đủ chỗ cho năm bảy người, ngồi quây quần dưới thảm. Một chai rượu, mấy món nhậu tượng trưng, vài bao thuốc lá... Thế thôi. Ông chỉ muốn thế thôi. *"Đỡ làm phiền người khác. Vả lại, tôi cũng không khỏe gì. Đông và kéo dài quá, tôi mệt."*

Ông mệt thật. Những tháng gần đây, khách đến thăm thường bị chủ nhân "đuổi" về sớm, hoặc nhiều người tế nhị, chỉ ở vừa đủ rồi cáo từ nhanh. Vì biết

thể chất của ông sẽ "quá tải" cho những gặp gỡ lê thê. Do chỗ "hàng xóm láng giềng", tôi có lẽ là người gần gũi ông nhiều nhất. Mỗi sáng, trước khi bắt tay vào công việc thường ngày, tôi ghé xuống phòng ông, đẩy cửa nhìn vào. Hoặc ông đang đọc báo, hoặc đang nằm bất động trên giường, mắt nhắm. Trên bàn đêm kê bên cạnh, bao thuốc Winston đỏ, ly rượu lưng lửng. Vị tửu đồ thượng thừa này thường không phân biệt ngày, đêm. Lúc nào cũng có thể ngủ và lúc nào cũng có thể thức. Chợp mắt vài mươi phút, một hai tiếng, khi choàng thức là lập tức chai rượu lại nghiêng xuống vòng ly. Ông uống, tiếp tục nối hai mối thời gian gián đoạn bằng chất men cay. Ông uống. Một thói quen, và một cách tự du mình vào chập chờn mộng, thực. Ông buồn. Tôi nghĩ ông rất buồn. Nhưng tình cảm đó của riêng ông. Tôi không can dự và cũng không muốn can dự. Chỉ biết, khi nhìn ông nằm yên thở nhẹ, cũng có nghĩa ông vẫn bình thường. Và như thế, một ngày nữa sẽ qua đi. Qua đi. Như những vạt nắng trên tàng cây trước cửa phòng, sẽ tắt, khi chiều lên.

Sinh nhật thứ bảy mươi. Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Đối với người xưa, sống đến tuổi bảy mươi đã là hy hữu. Đối với nhà văn Mai Thảo, còn hy hữu hơn. Hai tháng trước, ông mệt, phải vào nhà thương. Bạn bè khắp năm châu nghe tin, gọi về thăm hỏi. Ai cũng nghĩ ông khó qua khỏi,. Vì, theo suy luận, với lượng rượu mỗi ngày ông đổ vào bao tử (trung bình mỗi ngày một chai), triền miên bốn năm mươi năm nay, chắc chắn phần "inside" của ông đã... nhão như tương, và gan ông chắc đã biến thành thép nguội. Thế mà không. Nhà văn bác sĩ Ngô Thế Vinh vào bệnh viện, lật hồ sơ bệnh lý ra xem, anh kinh ngạc: tất cả mọi thứ đều good, kể cả gan! Không thể tin được. Nhà văn Vũ Huy Quang đùa với ông: *"Thế nào ấy chứ, bọn y tá nó đánh tráo hồ sơ của anh rồi"*. Ông cười, hom hem: *"Hừm, tráo. Chỉ vớ vẩn"*. Nhưng dù không bệnh tật gì, ông vẫn rất yếu. Những ai thường ra vào hàng quán với ông đều biết: uống thế nhưng không bao giờ ông ăn. Thức ăn ê hề trên bàn, vui lắm, ông chỉ nhúng đũa vào một hai món nào đó, nếm thử, khen ngon, hoặc chê tồi, rồi thôi. Rất nhiều anh em quen thân khuyên ông nên cố ăn tí đỉnh. Vô ích. Hình như cái bao tử của ông không ưa bất cứ thứ gì, ngoài rượu. Với chế độ ẩm thực ấy, Ông yếu là phải.

Ông yếu là phải. Và sức làm việc bền bỉ không còn ở với ông, cũng phải. Đành chịu vậy. Một lần, ông nói với tôi và nhà văn Ngô Thế Vinh: *"Đối với một nhà văn, không còn viết được nữa thì khác gì đã chết. Đau lắm cơ"*. Nhưng thôi. Dù không viết được nữa, chúng tôi, những người đã và đang làm cái công việc ông đã làm ngót nửa thế kỷ nay: viết chữ, vẫn mong ông tiếp tục ở bên cạnh, như một quyến thuộc, như một đầu tàu. Nhà văn Mai Thảo, với tôi, và với nhiều anh em viết văn khác, mãi mãi vẫn là điểm sáng của nhân cách nhà văn, nhà văn đúng nghĩa: sống thủy chung với chữ nghĩa. Sống vì những tốt lành mà chữ nghĩa mang lại.

Sinh nhật thứ bảy mươi. Tôi mong sẽ còn những sinh nhật khác, sẽ đến, một năm nữa, vài năm nữa, mươi mười năm nữa.

Happy birthday to you, Mai Thảo.

Du Tử Lê

tiên chỉ mai thảo / trước, sau / một mối bận tâm\

Tuần qua có hai lát dao chém xả xuống thần trí ngùi, ngùi tôi. Đó là hình ảnh \"*bố già*" (chữ của Lê Ngọc Ngoạn) \ Nguyên Sa, áo thung lòi ngoài jacket, sớm mai, lịch bịch đi thăm"*tiên chỉ*" (chữ của Đỗ Ngọc Yến) \ Mai Thảo, bộ xương biết đi và uống. [Năm mươi năm trước, Nguyên Sa, về từ tả ngạn sông Seine. Mai Thảo ông trùm của khuya khoắt Sài Gòn, bước ra nhận lãnh ngọn cờ đầu, đổi mới văn học, qua diễn đàn *Sáng Tạo.*

Hai ông thần nước mặn, ở hai chân trời, mỗi người một kiếm, đánh ra (và để lại) những đường kiếm văn chương huên dạng, trên nền trời chữ nghĩa miền Nam.

Hôm nay, ở quê người, nơi gặp gỡ hiếm hoi, sớm mai, họ chỉ trao đổi nhau, tin tức về đôi chân yếu, khớp xương lỏng, bệnh tê thấp, trí nhớ mỏng. Kẻ ra đi...

Hôm nay ở quê người, nơi gặp gỡ hiếm hoi, sớm mai, mỗi người, chỉ còn một chỗ nằm, một tuổi trẻ chia, biệt, lạnh tanh, đã lâu; nhưng họ có một tình bạn lắng, ấm.

Hai ngày sau, thứ bẩy 8 tháng 6, buổi tối, trên nền thảm tòa soạn Văn Hải Ngoại, tiên chỉ Mai Thảo, lần đầu, cúi xuống ngọn nến sinh nhật 70, của mình. Ngoài ngọn nến, rưng rưng, cháy trên những gợn sóng lăn tăn bột bánh, tôi còn thấy thêm hai ngọn nến, cũng rưng rưng, cháy trong đôi mắt cũng nước tro của một người. Ngọn nến / đôi mắt / tác giả / Đêm Giã Từ Hà Nội /.

Ngoài ngọn nến, rưng rưng, cháy giữa bằng hữu tôi, tôi còn thấy, một ngọn nến khác, một ngọn thôi / duy nhất / đã lâu / có dễ / trên dưới nửa thế kỷ / hoài hủy cháy / trong tim bát ngát / một người. Ngọn lửa ăn ở / thủy chung / quan tâm / tử tế / giữa những người cùng làm việc viết chữ, dù lưu lạc quê người. [Ngọn lử đó, nơi Mai Thảo, từ nơi ghi nhận riêng tôi, mới chính là ngọn lửa, rưng rưng, mà tiên chỉ của văn học ta ở quê người trước, sau, muốn được thấy nó, không chỉ cháy trong ông, mà còn rưng rưng, nơi mỗi chúng ta nữa.

Ngày 18 tháng 6, 1996

... Sàigòn đã vào mùa mưa, đường sá ngập lụt, xe tắt máy lia lịa mỗi lần di chuyển, nhà, cứ như nằm giữa dòng sông nhỏ, mỗi lúc mưa lớn cả thành phố phải chịu cảnh cúp điện...

Em đã xây xong nhà mới. Giờ mỗi ngày đi làm phải tốn mất 20 phút chứ không 5 phút như xưa. Ngôi nhà mới này khang trang và xinh xắn. Ban đầu chồng em không chịu làm theo ý em, nhưng cuối cùng em vẫn thắng.

Nhà năm phòng. năm TV, năm đầu máy, năm tủ lạnh, ba toilettes. Hai đứa nhỏ hai phòng, Tất cả đều riêng biệt. Một phòng nữa cho mẹ chồng em (trời ạ! Phải thỉnh cụ về ở chung!). Em một phòng và C. (chồng em) một phòng. Em có thói quen chỉ thích ngủ một mình, có người nằm bên cạnh, dù là chồng, vẫn cảm thấy rất khó chịu.

Nhìn chung, cuộc sống khá đầy đủ.Có thể nói quá đầy đủ, Nếu so với dân tình chung quanh thì rõ ràng là cách biệt. Nơi em ở hiện nay vẫn còn rất thôn quê, dù theo kế hoạch nhà nước, vùng này sẽ được đô thị hóa trong tương lai. Thôn quê, nghĩa là vẫn còn những căn nhà tranh vách lá lụp xụp, vẫn còn những bé sáng sáng xuống ruộng mò tôm tép, vẫn còn những ngọn đèn dầu hôi leo lắt đêm đêm. Và trong bóng tối mênh mông phủ chụp lên vùng ngoại ô này, vẫn râm rang tiếng dế canh khuya. Em chợt nhớ đêm nào chúng ta cùng ghé nhà Đ. tá túc. Nghe tiếng dế kêu, cả đêm em không ngủ được.

Nhắc đến Đ,, em bỗng rùng mình. Mười sáu năm rồi đấy anh nhỉ, mà sao trong em vẫn mồn một cái xóm nhỏ tồi tàn ấy, nơi đã vùi lấp cả đoạn đời tuổi trẻ em, nơi em gặp anh. Đúng hơn, nơi con điếm (là em) buộc phải tiếp anh, một khách làng chơi! Ngày nay, hẳn nhiên em đã khác, hoàn toàn khác, thế nhưng mỗi lần nhớ đến dĩ vãng, là em không yên tâm. Nhiều khi đi làm, tiếp xúc với giới "tai to mặt lớn" thuộc các công ty khác, em vẫn nơm nớp lo người ta sẽ nhận ra mình. Em vẫn luôn sợ đám đông là vì vậy. Khổ thân em. Không lúc nào em cảm thấy sống được một cách thoải mái.

Nhà em ở gần một trường cấp I. Trường thật nghèo. Học trò đi học có đứa còn đi chân đất. Nhìn B. (con gái út của em) và so với những đứa trẻ chung quanh, em có cảm tưởng như mình đang phạm tội. Chính cảm giác "tội lỗi" này làm nảy sinh trong em một ước muốn: mười năm nữa, tự cho phép mình về hưu (em chưa thể cho phép ngay bây giờ, còn hàng nghìn mối lo phải giải quyết), em sẽ mở một trường tiểu học ngay tại xóm nhỏ này, và dạy miễn phí. Nhưng không biết mình có thực hiện nổi ý định ấy không. Mỗi lần đi thăm người già hoặc trẻ mồ côi, em chỉ muốn gom hết về nhà, chăm sóc. Em biết anh đang nhún vai cười mỉa: "Phường tuồng!" Nhưng nếu đặt anh vào địa vị em, hiện tại, em tin anh cũng không thể không nghĩ như em. Trong xóm nhỏ này, nhìn người ta bán từng gói xôi, cục kẹo, loay hoay từ sáng tinh mơ đến tối mịt, em biết cả vốn liếng và tiền lời hàng ngày của họ không bằng một phần nhỏ tiền em... ăn sáng. Mà nào em có giúp gì được cho họ đâu? Ngoài chút lòng trắc ẩn, nói theo ngôn ngữ của anh: xa xỉ. Nhưng anh ơi, tâm sự với anh những điều trên, là thực sự lòng em nghĩ thế. Với anh, em chẳng thích đóng kịch đâu. Còn ai hiểu em bằng anh. Và cũng còn ai cảm thông em bằng anh. Anh nhớ không? (...) Cuộc đời em, anh hẳn chẳng lạ gì. Em sinh ra dưới sự dẫn dắt của những ngôi sao xấu, và em đã cố ngoi lên, đã cố vượt qua nghịch cảnh, để trở thành

người. Nhờ vậy, em hiểu hơn ai hết giá trị của khổ đau, và cũng cảm thông hơn ai hết những kiếp đời vẫn còn triền miên trong bất hạnh...

Lá thư dài, đầy đặc chữ, li ti, phủ kín 10 trang giấy khổ lớn. Lá thư vừa khiến Kim Thi bàng hoàng, vừa không ngớt kinh ngạc.

Điều kinh ngạc đầu tiên: không hiểu nhờ lý do nào P - tác giả bức thư - tìm ra địa chỉ của Kim Thi. Một địa chỉ thăm thẳm xa, những nửa vòng trái đất. Điều kinh ngạc thứ hai: Mãnh lực nào giúp người con gái ấy (bây giờ đã là thiếu phụ trung niên) có thể ngo i lên được từ bùn đen một cách kỳ diệu đến thế? Và điều kinh ngạc thứ ba: Trong hàng trăm khách tìm hoa từng ghé qua khu mãi dâm ấy, làm sao P còn nhớ đến Kim Thi, sau 16 năm dài với bao nhiêu bể dâu tang hải?

*

Kim Thi đọc lại lá thư. Chân dung người con gái tưởng đã hoàn toàn bị thời gian phủ lấp ấy dần dần được phục hồi. Cao gầy, tóc cắt ngắn, da ngăm đen, đôi mắt nâu sẫm dịu dàng dưới hai hàng chân mày đậm. P. xuất thân từ một gia đình danh giá. Bố, giáo sư trung học đệ nhị cấp, mẹ cũng mang nghiệp gõ đầu trẻ. P. học trường Tây từ nhỏ. Đọc sách Pháp, suy nghĩ và hành sử "như Tây". Nói chung, đó là mẫu điển hình cho giai cấp "thượng lưu" của miền Nam trước 1975. Sau "giải phóng", gia đình ấy sa sút nhanh chóng. Bố P. từ trần, mẹ bỏ dạy buôn thúng bán bưng nuôi cả gia đình. P. bị chính anh ruột của mình hiếp. Gã con trai này đẻ bọc điều, lại được cưng chiều như trứng mỏng, vì gã là con trai độc nhất của một gia đình gồm ba chị (đã lấy chồng, có gia thất riêng) và một em gái, nên hư hỏng ngay từ nhỏ. Gã nghiện sì ke, từng có lúc dí dao vào bụng mẹ khảo tiền đi chích. Một đêm, say thuốc, gã cưỡng dâm em gái của mình. Cảnh ấy tái diễn nhiều lần, P. không dám nói với mẹ, và cũng không biết làm cách nào thoát khỏi tình cảnh oan nghiệt kia. Mãi đến khi P. gặp một người đàn ông, anh ta đề nghị lấy P. Tuy không yêu người đàn ông này nhưng P. cũng vội vã chấp thuận. P. xem lấy chồng là lối thoát duy nhất. Chồng P. cũng thuộc loại đàn ông vô tích sự, tối ngày rượu chè cờ bạc, xem vợ như đồ vật, hay tệ hại hơn, một sinh vật giống cái mang tên "đàn bà", để giải quyết nhu cầu sinh lý lúc cần. Một năm sau, đứa con đầu tiên ra đời, chồng P. đột ngột từ trần vì tai nạn giao thông sau một trận rượu với bè bạn. Thằng anh P. cũng đã chết trước đó hai tháng trong trại cải huấn, vì đói thuốc. Cảnh nhà quá đỗi túng bấn. Người mẹ không đủ sức lo toan. Tình cờ P. gặp Đ, một bạn gái cùng lớp, bị cô ta đưa vào thế giới lầu xanh. Dù thế, P. vẫn cố ngoi lên bằng con đường học vấn. Trước đó ba năm P. đã ghi tên vào Đại Học Sư Phạm, ngành ngoại văn. Một năm sau, vừa làm điếm vừa tiếp tục học, P. ra trường. Kim Thi gặp P. trong giai đoạn ấy. Ngạc nhiên trước kiến thức của một "con điếm", Kim Thi lân la dò hỏi, dần dần tái lập

được cuộc đời của P. Giữa một tiểu thư khuê các bị hoàn cảnh nghiệt ngã du vào thảm kịch và một tay giang hồ luôn mang ảo tưởng "sinh bất phùng thời" (ôi chao, cái ảo tưởng mới nực cười làm sao!) xem ra có chút gì tương đồng. Từ đó, thay vì đến với P. như một khách tìm hoa, Kim Thi đã xem cô như một người bạn, đúng hơn, một cô em gái. Quan hệ này còn gắn bó cho đến ngày Kim Thi vượt biển.

Nhưng dù đã tốt nghiệp, với đồng lương giáo viên chết đói. P. cũng không thể chu toàn gánh nặng gia đình. P. bỏ dạy (nghề bán dâm cô đã bỏ từ lúc mới ra trường), ra chợ trời buôn thuốc Tây. Trong môi trường đầy mánh mung chụp giựt này cô gặp C., một đồng nghiệp có máu mặt trong giới buôn hàng chạy. Lúc đầu, do quan hệ làm ăn, về sau, do muốn mọi chuyện êm thắm cho xong, P. lấy C. và sống với nhau đến bây giờ. *"Em không yêu C. Qua bao nhiêu thảm kịch, hình như tình yêu trong em đã chết, nhưng đó là một người tốt. Xét cho cùng, tìm được một người tốt trong cuộc đời đầy dối gian phản trắc này, nào phải chuyện dễ, phải không anh?"*

Nghề buôn "hàng chạy" chỉ thịnh một thời. Lúc sắp tàn thì VN chuyển mình, kinh tế cởi mở, nhiều công ty nước ngoài (và cả trong nước) làm ăn lớn. Nhờ giỏi hai sinh ngữ (Anh và Pháp) P. dễ dàng tìm được việc làm tương xứng. Ngày nay cô là "bí thư" của một giám đốc công ty nước ngoài, qua lại các nước trong vùng Á châu (Nhật, HồngKông, Singapore, Mã Lai, Thái Lan...) như đi chợ, hàng tuần. Ngoài tiền lương, rất cao so với công nhân viên trong nước, P. còn có những món "phụ thu" lớn. Cô đã nghiễm nhiên trở thành giai cấp thượng lưu. Di chuyển bằng xe hơi riêng có tài xế lái, nhà cửa sang trọng, kẻ ăn người ở tấp nập, "ba ngày một tiệc nhỏ, bảy ngày một tiệc lớn", với khách mời gồm toàn những "nhân vật VIP" thuộc đủ mọi quốc tịch.

Cô nữ sinh trường Tây trở thành gái lầu xanh rồi lại ngoi lên từ bùn đen để trở về với thế giới của những con người có nhân phẩm. Nếu hư cấu thêm chút đỉnh, câu chuyện trên sẽ trở thành một thiên tiểu thuyết với đủ mọi tình tiết éo le.

Hai mươi mốt năm nay Việt Nam đã có bao nhiêu mảnh đời tương tự? Nhiều, hẳn nhiên. Nhưng đoạn kết phần đông đều không "có hậu" như thế. Mới đây, một người bạn của Kim Thi trở lại quê hương sau nhiều năm xa cách, mục đích thu tập tài liệu để viết một luận án tiến sĩ về đề tài tệ nạn mãi dâm tại Việt Nam, chị đã tiếp xúc với khá đông giới "chị em ta", đã tai nghe mắt thấy rất nhiều thảm kịch. Luận án chưa khởi công, mà tâm hồn chị đã bị cái thực tế ấy làm trùng xuống, lao đao. Đành rằng thời nào, ở đâu khổ đau và bất hạnh cũng có, nhưng hai mươi mốt năm qua, trên quê hương chúng ta, nó đã lên cao đến mức báo động. Nhiều người âu lo, nếu không khéo giữ mình, Việt Nam rồi sẽ biến thành một Thái Lan trong tương lai, đĩ điếm là chiến lược kinh tế sinh tồn. Lợi bất cập hại: Theo công bố của Liên Hiệp Quốc, trong hai thập niên Thái Lan đã thâu về khoảng 10 tỉ Mỹ Kim nhờ "kỹ nghệ mãi dâm", nhưng quốc gia này sẽ phải chi khoảng 20 tỉ Mỹ Kim cho

công tác điều trị, ngăn ngừa bệnh AIDS, chưa kể những tác hại vô cùng to lớn sẽ đè nặng trên các lãnh vực khác như đạo đức, văn hóa, truyền thống... Kim Thi chia xẻ mối lo ấy, Kim Thi mong mối lo ấy sẽ không có cơ hội biến thành hiện thực. Chúng ta thường tự hào cha ông chúng ta đã bao phen bình Chiêm phạt Bắc, bao phen đánh đuổi ngoại xâm, bao phen đẩy lui thực dân, đế quốc súng to đạn lớn, liệu chúng ta có khả năng vượt qua thực tế vừa nêu? Đánh đuổi kẻ thù trang bị vũ khí tận răng với một cái bụng lỏng bỏng khoai sắn, khó mà dễ. Nhưng đương đầu với loại kẻ thù vô hình vô tướng mang tên nghèo đói chắc chắn sẽ gian nan gấp bội. Bởi vì vấn đề không phải chỉ giải quyết từ ngọn, nghĩa là không phải chỉ vài ba sắc lệnh, năm bảy cuộc bố ráp, chín mười bài phóng sự "vạch trần thảm kịch" là mọi chuyện sẽ đâu vào đó. Khi chúng ta chưa có một cơ sở giáo dục hoàn chỉnh, chưa trang bị cho mọi công dân một kiến thức sâu, dày trên mọi lĩnh vực, thì các nỗ lực, nếu có, cũng chỉ vá víu, nhất thời. Cô bạn gái của Kim Thi sở dĩ đổi đời được, vì cô có khả năng để đổi đời, còn hàng triệu những thiếu nữ khác, thì sao, khi mà kiến thức của họ chưa qua khỏi trình độ tiểu học, trung học, và nghề nghiệp chuyên môn chẳng có gì, tuyệt đối chẳng có gì, ngoài cái thân xác đàn bà trời cho?

Việt Nam ngày nay, nhìn trên bề mặt, rõ ràng đã có những tiến bộ vượt mức. Nhưng tất cả đều hết sức bấp bênh. Quyến rũ vật chất quá mãnh liệt. Chênh lệch giàu nghèo quá xa.Tham quan ô lại trở thành quốc nạn. Trường ốc thiếu người dạy, học trò mãi mê lao đầu vào các môn học có tính cách cấp thời (Anh văn, vi tính...) để dễ dàng làm thuê cho ngoại quốc. Chất xám liên tục rỉ chảy, thử tưởng tượng mười, hai mươi năm nữa, với một thế hệ công dân... hạng bét như thế, đất nước sẽ thế nào? Trước kia chúng ta bị nô lệ bởi bọn thực dân đế quốc hữu hình, cai trị bằng súng đạn, vũ khí, bây giờ, và cả tương lai nữa, nếu không có kế hoạch đầu tư trí tuệ hữu lý, chúng ta rồi sẽ tiếp tục bị nô lệ bởi bọn thực dân đế quốc vô hình, nguy hiểm bội phần: mãn kiếp chúng ta chỉ là bọn làm thuê làm mướn thấp cổ bé miệng, ngay trên chính tổ quốc của mình!

Ngày 3 tháng 7 năm 1996

Họa sĩ Hồ Thành Đức là một tay kể chuyện tiếu lâm vô địch. Trong bất cứ cuộc nhậu nào, những câu chuyện do ông kể cũng đều tạo được nhiều tiếng cười. Bản thân Kim Thi từng có lúc cười đến ràn rụa nước mắt, cười đến quặn cả ruột gan, cười đến... tắt thở! Hôm nay, mượn "bản quyền" của ông, Kim Thi kể hầu độc giả một trong vô số những chuyện cười ấy. Chỉ tiếc, tài giễu của Kim Thi thuộc hạng đội sổ, nên chắc chắn câu chuyện sẽ mất đi nhiều ý vị.

Chuyện như sau:

Hai anh nông dân - tạm đặt tên là A và B - ở cùng quê ra tỉnh làm ăn. Sau một thời gian B về thăm nhà, A nhờ bạn chuyển cho vợ mình ít tiền, kèm theo một lá thư. Miền Trung đang mùa lũ lụt, nhiều đoạn đường sắt bị nước cuốn trôi, tàu phải dừng lại chờ sửa chữa. Vì không chuẩn bị trước cho tình huống bất trắc này, số tiền dành dụm ít oi B đã tiêu hết sách vào phí khoản ăn uống, khách sạn. Đường về còn xa, mà túi thì rỗng. Túng ắt phải tính, B nghĩ: mình biết tỏng thằng A mù chữ, viết lách quái gì được. Chắc nhờ ai viết hộ. Để xem, nếu trong thư hắn không đả động gì đến chuyện tiền nong, mình "cấu" đại chút ít xài đỡ, nếu hắn biết thì mai mốt hoàn lại cũng không muộn. Bèn mở thư ra xem.

Thư không viết bằng chữ, chỉ vài ba hình vẽ vụng về. Hình một vẽ trái tim, hình hai vẽ hai con chó bắt chéo với nhau thành dấu nhân (X), hình ba vẽ ba chiếc quần đen, và hình bốn vẽ một cây kèn.

Anh B chả hiểu gì hết. Nhưng rõ ràng không có một con số nào biểu thị chuyện tiền bạc. Thế là anh ta yên tâm cắt bớt non nửa, bỏ túi.

Về đến quê, B đưa thư và tiền cho vợ A.

Chị vợ "đọc" xong lá thư, đếm lại số tiền, thấy thiếu. Chị khéo léo nói với B:

- Ông nhà tôi thật là đãng trí. Gửi về có 50 đồng lại viết những 81 đồng.

Bỏ mẹ! Lộ tẩy rồi. Nhưng nhanh trí, B ứng đối ngay:

- Anh ấy không đãng trí đâu. Quả có gửi cho chị 81 đồng, nhưng...

B bèn kể lại chuyện chẳng may trên hành trình.

Rồi kết luận:

- Anh A có cho tôi xem lá thư gửi chị. Này hỏi thật, làm sao chị đọc được vanh vách thế kia?

Chị vợ lấy làm hãnh diện:

- Chúng em vẫn thường xuyên thư từ cho nhau đấy.

- Chị có thể đọc tôi nghe được không?

- Được chứ.

Và chị hắng giọng:

"Em yêu dấu

Anh gửi cho em 81 đồng.

Ba tháng nữa anh về. Vợ chồng mình sẽ (chị vợ ngập ngừng, bẽn lẽn)... *tò te tí te."*

B vỗ đùi khoái trá:

- Tài thật. Nhưng chị làm ơn giải thích...

- Dễ quá mà anh. Này nhé: trái tim có nghĩa là "em yêu dấu". Hai con chó bắt chéo thành hình dấu nhân, nghĩa là: **chó tức cẩu, cẩu tức 9. 9** nhân **9** vị chi thành **81**. Ba cái quần đen có nghĩa là ba tháng. Đàn bà con gái tháng nào lại không phải mặc quần đen vài ba ngày? Còn cây kèn thì anh biết đấy, thổi

lên nó kêu... tò te tí te.

Câu chuyện tất nhiên chỉ nhằm mục đích chọc cười. Tuy nhiên, có lẽ do méo mó nghề nghiệp, Kim Thi lẩn thẩn thầm nghĩ, nếu anh nông dân A may mắn có tí thiên tư bẩm sinh, lại được ăn học đàng hoàng, chắc chắn anh sẽ trở thành một tài năng lớn trong lãnh vực tạo hình.

Bởi vì anh đã rất trí tuệ khi chọn lựa những vật thể để làm thành những ký hiệu thông tin chính xác.

Hội họa, trong giới hạn nào đó, cũng là một cách chọn lựa ký hiệu hầu đưa đến cho khách thưởng ngoạn những chiếc chìa khóa, giúp họ mở được những cách cửa dẫn đưa vào thế giới nghệ thuật.

Khác chăng, anh nông dân chỉ giới hạn những ký hiệu trong phạm vi nhỏ. Thế giới tạo hình phức tạp hơn, đòi hỏi một cảm thông và hiểu biết sâu rộng hơn. Ký hiệu của hội họa không chỉ nằm duy nhất trên hình thể, nó còn tiềm ẩn trong bố cục, trong màu sắc, trong đường dao, nhát cọ. Có người bảo khi nhìn một bức tranh, ta có thể "thấy" được rất rõ bản chất, cá tính, trình độ và quan niệm nhân sinh của tác giả. Quá lời ư? Không đâu. Những biểu tượng như trúc, đá, chim, hoa, non, nước... của hội họa Trung Hoa ta bắt gặp hầu như trong tranh của bất cứ họa sĩ nào xuất thân từ nền văn hóa ấy, nhưng rõ ràng, ở mỗi họa sĩ đã có một lối biểu đạt riêng, và từ đó, người ta dễ dàng tìm ra bản chất cùng nội lực tư duy của mỗi tác giả. Thực tế ấy đã được chứng minh, những ai từng nghiên cứu hội họa Trung Quốc đều hiểu điều đó.

Nhiều thiên niên kỷ trước, lúc con người chưa có ngôn ngữ, chữ viết để thông tin với nhau, họ đã biết dùng vật cứng vạch trên vách đá hầu truyền đạt điều muốn bày tỏ. Thời gian trôi qua, đến hôm nay, từ những ký hiệu mang mục đích thông tin, con người tạo ra ngôn ngữ, chữ viết... Ngoài nhiệm vụ truyền đạt, ngôn ngữ và chữ viết dần dần hoàn chỉnh, khai sinh ra lý luận, triết lý, thi ca, văn chương... Hội họa cũng nằm trong quá trình tiến hóa ấy. Và từ chức năng truyền đạt, hội họa mang thêm nhiệm vụ tụng ca cái Đẹp. Bởi ai cũng biết, muốn truyền đạt có hiệu quả, ký hiệu truyền đạt phải hấp dẫn mắt nhìn và có khả năng gây ấn tượng mạnh.

Nhưng cái Đẹp biến thiên theo thời đại. Cái Đẹp luôn "động". Nó không phải là một ý niệm bất biến. Một họa sĩ đích thực hiểu rõ điều đó hơn ai hết. Hắn phải "phản bội" chính hắn từng phút, từng giờ. Dừng lại, bằng lòng với thành quả đã tạo tác là một hình thức tự hủy. Hai trăm năm trước Nguyễn Du ca tụng nhan sắc Kiều: *Làn thu thủy, nét xuân sơn / Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*. Chúng ta đều nức nở khen hay. Vì quả nó hay thật. Nhưng chúng ta đọc những câu thơ ấy với tâm thức một người đọc thơ cổ. Nghĩa là chúng ta tình nguyện du mình vào thời đại Nguyễn Du, hít thở cái không khí Nguyễn Du đang hít thở. Ngày nay, giả dụ có thi sĩ nào làm thơ theo kiểu ấy, thử hỏi, mấy ai... ngửi được? Người nghệ sĩ, trong nghĩa nào đó, là một lữ hành trên dặm trường thiên lý. Hắn đi, đi, và đi. Đích đến bao giờ cũng nằm

phía trước. Phía trước, có thể chỉ là ảnh ảo, có thể chỉ tồn tại trong ước mơ. Nhưng không vì thế mà hắn chồn chân. Kim Thi gọi nghệ sĩ là những kẻ bắt bóng. Kim Thi yêu lắm những kẻ bắt bóng. Không có bọn họ, cuộc đời buồn thảm biết bao nhiêu!

Trở lại các ký hiệu của anh nông dân A. Bằng kinh nghiệm tích lũy, anh nông dân biểu hiện thành tư tưởng, tư tưởng ấy được một người đồng cảm là vợ anh ta. Câu chuyện trên dù sao cũng chỉ có hiệu quả trong phạm vi nhỏ, có tính cách cá biệt. Người nghệ sĩ khi chọn lựa ký hiệu, tạo thành tác phẩm, gửi đến khách thưởng ngoạn, và mong công trình sáng tạo của mình được nhiều người chia xẻ. Nhiệm vụ của hắn vì thế sẽ nặng nề hơn, rộng lớn hơn. Nó không chỉ đơn thuần nằmtrong công việc chọn lựa ký hiệu, nó còn đòi hỏi người nghệ sĩ phải có năng khiếu bẩm sinh, cộng thêm một nội lực tư duy thâm hậu, một cảm quan bén nhạy. Không tài năng thiên phú, không tích lũy kiến thức, không can đảm "tìm kiếm", "khước từ" và "phủ nhận" liên tục, người nghệ sĩ mãi mãi chỉ là loài động vật nhai lại. Nhai lại của người, và của chính mình. Khác với ký hiệu giao thông, đã được mọi người chấp thuận. Nhìn lằn vạch trắng nằm trên tấm bảng tròn màu đỏ dựng bên đường, ai cũng hiểu ngay phải dừng lại. Ký hiệu của người nghệ sĩ thiên biến vạn hóa hơn nhiều, rất nhiều, và chúng sẽ không bao giờ được chấp thuận, nếu tự thân, những ký hiệu ấy không mang tính thuyết phục cao. Nghĩa là hoặc quá tầm thường, hoặc không đủ sức "nói" được điều người nghệ sĩ muốn "nói". Vậy thì bổn phận của người nghệ sĩ là phải biết chọn lựa ký hiệu, rồi sắp xếp, trình bày, mô tả, diễn đạt thế nào đó để trở thành những thông điệp tốt, đẹp, có khả năng và hấp lực tác động đến thị giác, tâm hồn khách thưởng ngoạn, hầu tạo được đồng cảm.

Nhưng sự đồng cảm ở đây cũng có nhiều cấp độ. Không phải những cái được nhiều người trầm trồ thì nhất thiết có giá trị. Đầy rẫy trong các cửa hàng, chợ búa ở Mỹ là những tiểu thuyết "ba xu" mà số lượng in, phát hành nhiều khi lên đến cả triệu bản. Tại Việt Nam cũng thế, nhiều tên tuổi không ai không biết khi nghe nhắc đến, sách của họ luôn luôn dẫn đầu số bán. Thế nhưng, ngay lúc thịnh thời cũng như sau này, văn học sử không gọi họ là "nhà văn". Các Gallery và sạp bán tranh tượng dọc phố Tự Do (bây giờ là Đồng Khởi) nhiều khách hàng ngoại quốc và nội địa thăm viếng, mua bán khá tấp nập. Nhưng các loại tranh tượng ấy vẫn chưa bao giờ được các nhà phê bình hội họa xếp vào loại "tác phẩm nghệ thuật", mà chỉ xemlà sản phẩm mỹ nghệ, nhằm đáp ứng nhu cầu "hương xa" của khách du lịch. Ngôn ngữ hội họa, như chữ viết, từ cấp độ thông tin, giải trí lên đến cấp độ tư tưởng, triết học, thi ca, văn chương, nghệthuật đã phải trải qua chặng đường dài gian nan và lắm chông gai. Nỗ lực không chỉ ở người nghệ sĩ, nỗ lực còn phải có ở khách thưởng ngoạn. Đó là tác động hỗ tương. Cả hai phía đều phải tự huân tập, rèn luyện để cùng song song tiến bước. Vợ chồng ngườinông dân A sở dĩ hiểu được nhau một cách dễ dàng, bởi vì họ đã cùng nói với nhau một thứ ngôn

ngữ, cùng cảm với nhau một loại rung động, cùng hiểu nhau, không những bằng tâm hồn, mà cả thể xác, như máu với máu, thịt với thịt, như *vợ-chồng* (Kim Thi dùng chữ *vợ-chồng* có gạch nối). Đừng kéo nghệ thuật thấp xuống, cho ngang tầm với khách thưởng ngoạn, mà phải nâng khách thưởng ngoạn lên, cho ngang tầm với nghệ sĩ. Bởi nghệ sĩ, trong nghĩa nào đó, là những tiên tri thấu thị. hắn thấy trước cái Đẹp và hắn sáng tạo ra cái Đẹp. Chẳng vẻ vang hay đáng hãnh diện gì khả năng ấy, chỉ vì Thượng đế (nếu chúng ta tin có Thượng đế) khi ném hắn vào cuộc nhân sinh, đã phân bố cho hắn một trách nhiệm. Người nông dân sẽ chỉ thoải mái trên luống cày. Một họa sĩ sẽ chỉ là mình khi đứng trước khung bố. Giản dị vậy thôi.

Trách nhiệm ấy cũng không phải chỉ một mình hắn có thể gánh vác chu toàn. Đó là trách nhiệm chung, của mọi nghành giáo dục. Ở các quốc gia phương Tây, trẻ em được dạy vẽ trước khi dạy viết chữ. Và trong suốt quá trình học tập, nghệ thuật tạo hình vẫn luôn được bồi đắp. Cho nên chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy trình độ thưởng ngoạn của người Tây phương hầu hết đều trên trung bình. Xem một bức tranh, họ biết tại sao nó xấu, hoặc tại sao đẹp. Người Việt Nam chúng ta, một trăm người đã có đến... chín mươi chín người mù mịt về nghệ thuật. Hãy bước vào bất cứ một cửa tiệm nào của người Việt tại quận Cam, nói riêng, trên thế giới, nói chung, mà xem. Từ thấp là các tiệm bán phở, bán bún riêu, bún bò đến cao là các phòng mạch bác sĩ, các văn phòng luật sư... chúng ta chỉ thấy rặt một loại "tranh chợ" rẻ tiền, ngô nghê, kệch cỡm đến phát đỏ mặt. Không riêng gì các ngành nghề thương mại ấy, ngay cả những nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, lý luận của chúng ta nữa, có mấy ai am tường nghệ thuật? Kim Thi đã gặp và quen biết rất nhiềunhững nhà văn nhà thơ lớn, bé, nổi danh vang dội hay chỉ thường thường bậc trung ấy, và Kim Thi buồn bã nhận ra rằng hầu hết những vị này đều có một khả năng thưởng ngoạn nghệ thuật bằng, có khi còn thấp hơn, giới thương mại Kim Thi vừa dẫn trên! Chả trách nào văn chương thi ca của chúng ta bao lâu nay, nếu có tạo ra bão, cũng chỉ là bão trong tách trà, và nếu có khai hoa, cũng chỉ là hoa trong chậu cây cảnh. Nói rộng hơn, chúng ta khó lòng vượt khỏi vòng rào quốc gia chật hẹp. Một vài tác phẩm cổ điển của chúng ta được dịch ra tiếng ngoại quốc, thì cũng chỉ được dùng như một thứ tư liệu nghiên cứu, năm ba tác phẩm hiện đại của chúng ta được người ngoại quốc biết đến, thì cũng chỉ do nhu cầu chính trị nhiều hơn giá trị văn học. Làm thế nào lớn bằng người, và làm thế nào chen vai thích cách nổi với người khi mà kiến thức tổng quát của các văn nghệ sĩ, muôn đời, chỉ quẩn quanh dưới gốc đa đầu làng, với con trâu, cái cày, ngọn rạch, bờ mương!

Đẹp lắm, hữu tình lắm, thơ mộng lắm, dân tộc lắm, truyền thống lắm những biểu tượng ấy. Nhưng thế giới ngày nay đã hẹp lại rồi. Vệ tinh bay vòng vòng chung quanh trái đất của chúng ta rồi, bật TV lên, mở computer ra, tin tức và hiểu biết của nhân loại được gửi cho tất cả mọi người tại mọi nơi trên hành tinh này, không phải từng ngày, từng giờ, mà là từng phút, từng

giây. Hãy ra khỏi trạng thái mê ngủ, hãy cập nhật mọi kiến thức của nhân loại. Nhất là trong lãnh vực nghệ thuật. Thị giác là cửa ngõ đầu tiên giúp con người nhận ra mọi sự kiện, sự vật. Thị giác cũng giúp con người thấy được cái Đẹp, cái xấu. Thị giác tác động trực tiếp đến não bộ. Khi con người không phân biệt nổi sự khác nhau giữa Đẹp và xấu, thử hỏi làm cách nào thấy được cái hay cái dở?

Anh nông A đưa ra vài ký hiệu, vợ anh ta hiểu được. Anh nông dân A có động não và sáng tạo đấy. Nhưng sáng tạo ấy còn ở dạng thông tin. Như Kim Thi đã viết, nếu anh ta học hành đàng hoàng, sẽ rất nhiều triển vọng chúng ta có thêm một họa sĩ.

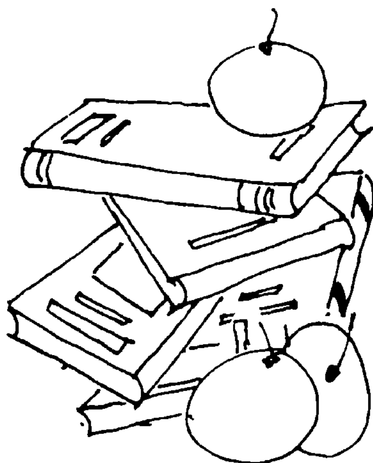
Bằng không, anh ta chỉ có thể "tò te tí te" được với... vợ!

KIM THI



NGUYỄN QUANG AN *phụ trách*

giới thiệu sách mới



LTS: *Như đã nhiều lần bày tỏ với độc giả, do những hạn chế ngoài ý muốn, hầu hết các mục* Giới Thiệu Sách Mới *trên mọi tạp chí, đều sử dụng một phương pháp giống nhau: chung chung, vô thưởng vô phạt, hầu tránh những "oán thù" vô ích. Nhưng nếu cứ thế, dần dà độc giả mất hết niềm tin vào báo chí, nói riêng, nhà văn, nói chung. Để chỉnh đốn,* Hợp Lưu *quyết định chấm dứt tình trạng "chị hát em khen hay" đã tồn đọng lâu cửu bao năm nay, bằng cách giới thiệu trung thực hơn, thẳng thắn hơn, khen chê minh bạch hơn mọi tác phẩm, của mọi tác giả, không phân biệt mới, cũ, thành danh hay chưa. Chúng tôi hy vọng việc làm này sẽ được đông đảo bạn đọc hỗ trợ. Đồng thời rất mong các văn hữu, vì mục đích chung, hãy xem các nhận xét của* Hợp Lưu, *trong mục này, không ngoài ý gì khác hơn, là muốn cho tác phẩm văn chương thực sự có được sự đánh giá đúng mức, cũng như trả lại vị trí cát bụi cho những " cái gọi là văn chương".*

Mục Giới Thiệu Sách Mới, *kể từ số này, sẽ do Nguyễn Quang An phụ trách. Bút hiệu vừa nêu không hẳn của một người. Có thể là bút hiệu chung, trong đó có cả độc giả của* Hợp Lưu

NIGHT, AGAIN, Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam trong, ngoài nước. Đinh Linh chủ biên, gồm các truyện ngắn của Nguyễn Thị Âm, Bảo Ninh,

Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Lê Minh Khuê, Đỗ Phước Tiến, Thế Giang, Phạm Thị Hoài, Mai Kim Ngọc, Đỗ Kh., Trần Vũ, Nguyễn Minh Châu. Chuyển sang Anh ngữ bởi Đinh Linh, Nina Mcpherson, Phan Huy Đường, Nguyễn Nguyệt Cầm, Trần Hoài Bắc, Dana Sachs, Nguyễn Cường, Peter Zinoman, Nguyễn Quý Đức. Seven Stories Press xuất bản. Sách khổ 8.50" X 5.50", bìa dày có bìa phụ bọc ngoài. Giá 25MK. Mua tại các hiệu sách (ngoại văn, Mỹ) hoặc liên lạc với nhà xuất bản: 632 Broadway, Seventh Floor, New York, NY 10012.

Sách đẹp, trang nhã. Nội dung bản dịch cũng lưu loát và theo khá sát nguyên tác, kể cả văn phong.

Các bạn trẻ không am tường ngôn ngữ Việt, muốn tìm hiểu vă n chương Việt Nam đương đại, nên tìm đọc cuốn sách này.

ANH HÙNG BẠT MẠNG, truyện dài của Trần Thy Vân, bìa Khánh Trường. Tác giả xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: Trần Thy Vân, 248 Roosevelt St., Irvine, CA 92720. (&14) 651-8274.

Rất khó định vị cho tác phẩm, là truyện dài hay hồi ký. Vì từ sự kiện, sự vật, nhân danh, địa danh... đều là "người thật việc thật", nhưng lại được tác giả thăng hoa tất thảy thành... anh hùng!

Ngoài tấm lòng của tác giả với binh chủng của mình (Biệt Động Quân), cuốn sách thiếu tính văn chương.

VẤN ĐỀ Y HỌC THÔNG THƯỜNG 1, bác sĩ Trần Trúc Quang. Minh Văn xuất bản. Giá 07MK. Liên lạc: Minh Văn, 2808 Graham Roar, Palls Church, VA 22042.

Trong loạt sách Y Học do bác sĩ Trần Trúc Quang chủ trương, nhằm giới thiệu những kiến thức phổ thông về Y Học đến quần chúng. Trọng tâm của cuốn 1 này nói về cholesterol. Nguyên nhân, bệnh trạng, ngăn ngừa, chữa trị...

Bác sĩ Trần Trúc Quang tức nhà văn Trần Long Hồ.

NGƯỜI CHỊ, tập truyện Trần Long Hồ, bìa Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản Đinh Cường. Minh Văn xuất bản. Giá 11MK.

Gồm tám truyện ngắn.

Sức sáng tác của Trần Long Hồ dẻo dai. Năm nào ông cũng cho xuất hiện một hoặc vài ba đầu sách mới. Đây là tác phẩm thứ 9 của ông, kể từ năm 1991 đến nay, trong số đó có bộ trường thiên *Dung Thân*, đã ra đến cuốn ba.

Truyện ngắn Trần Long Hồ lôi cuốn, văn phomg không cầu kỳ, ý tình chuyên trở trong mỗi sáng tác tự bộc lộ qua diễn biến của truyện, chứ không bị tác giả gắn vào miệnh nhân vật, hay giảng giải lê thê bằng chủ quan của mình.

KIM CÁC TỰ, nguyên tác của Mishima Yukio, chuyển ngữ bởi Đỗ Khánh Hoan & Nguyễn Tường Minh, do nhà Ba Vì xuất bản. Sách dầy 350 trang, giá 16 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc số 105 Lavery Trail, Scarboro, ON. Mic 4Z2 Canada.

Mishima là một trong vài nhà văn danh tiếng nhất của Nhật Bản. Cùng với sư phụ Natsume Sōseki, Tanizaki Junichirō, Kawabata Yasunari là những cây bút cự phách của văn học Nhật Bản, đã dương danh văn học cận đại Nhật Bản trên khắp thế giới.

Cuộc đời của Mishima Yukio thoạt trông phẳng lặng như mặt hồ, nhưng là triệu triệu những đợt sóng, thúc ngầm từ một nội tâm sâu thẳm. Ông sinh năm 1925 vừa 20 tuổi thì nước Nhật thất trận, cúi đầu nhục nhã trong một bối cảnh tan hoang, kiệt quệ. Ông tự kết liễu đời mình vào năm 45 tuổi, ngày 25-11-1970, trước mắt của nhiều người, khi cùng một số anh em trong nhóm đến chiếm Bộ Quốc Phòng. Ông chọn cái chết để phản đối chính quyền, đồng thời thức tỉnh dân chúng Nhật đã quên truyền thống dân tộc, bằng cách Harakiri, một cái chết bi tráng, nhuốm mầu rùng rợn trong phong cách Võ Sĩ Đạo Nhật Bản. Ông chết khá trẻ trong lúc đang đầy phong độ sáng tác. Cái chết của Mishima Yukio là một mất mát lớn cho văn học Nhật Bản nói riêng và văn học thế giới nói chung.

Bản dịch này đã được xuất bản lần đầu tại Sài Gòn vào đầu năm 1970, vài tháng trước khi tác giả tự sát. Về phía các dịch giả Đỗ Khánh Hoan và Nguyễn Tường Minh, có thể coi là hai dịch giả tiếp cận nhất với văn học Nhật Bản. Ngay từ đầu thập niên 70, khi còn ở quê nhà, độc giả Việt Nam đã được thưởng thức một số danh tác của văn học Nhật Bản qua công trình chuyển ngữ của hai dịch giả này. Riêng về tác phẩm *Kim Các Tự* này, cách hay nhất là mỗi người đọc tự đến với tác phẩm và tác giả.

Đây là một tác phẩm nên có trong những tủ sách của những ai yêu thích văn chương.

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT, nguyên bản của Lạt Ma Sogyal Rinpoche, chuyển ngữ bởi Trí Hải, do nhà Thanh Văn xuất bản, nhà Văn Nghệ phát hành. Bìa, họa sĩ Nguyễn Đồng. Sách dầy 440 trang, giá 18 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc số P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683. Điện thoại số (714) 527-5761.

Cuốn sách mở đầu với lời giới thiệu của Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tối cao của Phật Giáo Tây Tạng. Đã từ lâu Tây Tạng là một quốc gia khép kín, và hiện nay vẫn còn đóng cửa với sự xâm lăng, cai trị của Trung Hoa Cộng Sản. Hiện nay vị lãnh đạo tinh thần của hàng tỉ Phật Giáo đồ đang sống lưu vong tại một vùng đất hẻo lánh nơi chân rặng Hy Mã Lạp Sơn. Về tôn giáo, đứng ngoài nhìn vào Phật Giáo Tây Tạng có nhiều nét bí mật, khác biệt so với Phật Giáo của các quốc gia khác. Cuốn *Tạng Thư Sống Chết* đã giải khai hầu hết những điều khác biệt này. Dưới ngòi bút trong sáng của dịch

giả Trí Hải, bà đã mang những ý niệm về sống và chết, cũng như Phật Giáo Tây Tạng đến gần với người đọc.

Dịch giả Trí Hải nguyên là một nữ tu sĩ Phật Giáo (trước 75, bà ký tên Thích Nữ Trí Hải), nên đã nắm bắt được những tinh túy của cuốn sách được mệnh danh là "Tử Thư Tây Tạng" này. Độc giả sẽ nhận chân được một điều: Một vị Lạt Ma Tây Tạng không bao giờ là một nhà tu thuần túy. Họ còn là những nhà minh triết, thầy thuốc, người lo cho tâm linh của những người hấp hối, sắp về bên kia cõi sống. Giúp cho những người này thanh thản bước qua ngưỡng cửa của sống và chết, và sửa soạn cho linh hồn người chết xa lánh cõi trần tạm bợ này, để bước vào cõi luân hồi, mỗi kiếp mỗi đi xa hơn để mỗi kiếp mỗi tới gần sự thanh tịnh vô biên của cõi niết bàn.

Cuốn *Tử Thư Sống Chết* rất hữu ích cho những độc giả hằng quan tâm đến sống và chết, cũng như những độc giả còn đang băn khoăn trên con đường giải thoát.

ĐONG ĐƯA CUỘC TÌNH, tập truyện Song Thao, do nhà Ngày Nay xuất bản. Sách dầy 240 trang, bìa Đinh Cường, phụ bản Đinh Cường, Thái Tuấn, giá 12 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc: 8200 Wilcrest # 5, Houston, Texas 77072.

Tập truyện thứ hai của nhà văn Song Thao. Tên của tập truyện phù hợp với hầu hết chủ đề những truyện ngắn trong cuốn sách. Đó là những cuộc tình đong đưa, những cuộc hôn phối dựa trên tình yêu của một phía, và vì đó mà tan vỡ khi hoàn cảnh thay đổi quá phũ phàng. Ẩn trong những truyện ngắn này là một phần sinh hoạt của người Việt tại Canada. Câu truyện đóng lại cho cuốn sách hình như đứng tách biệt riêng một cõi. Nhân vật trong truyện ngắn này về thăm Việt Nam, và ghi lại được 10 mảnh vụn. Nếu như về thăm nhà chỉ để sưu tầm những mảnh vụn, ta có thể tìm được ngàn, vạn mảnh vụn như trong truyện. Tất nhiên những mảnh vỡ này do kết quả của nhiều yếu tố, trong đó chủ nghĩa CS đóng vai trò quan trọng, nhưng chúng ta vẫn có thể tìm được không ít những mảnh lành lặn trong trái tim của những người dân Việt, đang hứng chịu hậu quả của những mảnh vỡ vụn này.

NẮNG QUA PHỐ CŨ, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn, bìa tranh Nguyễn Đồng, trình bầy Nguyễn Thị Hợp. Giá bán tại Hoa Kỳ 18 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc 9200 Bolsa Ave, suite 123, Wesminster CA 92683.

Nguyễn Ngọc Ngạn, một khuôn mặt của văn chương hải ngoại, đã từng làm chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam hải ngoại. Hiện nay ông còn là người của quần chúng, do "chức vụ" MC trong các cuốn băng video âm nhạc nổi tiếng của trung tâm Thúy Nga.

Truyện dài *Nắng Qua Phố Cũ* là tác phẩm mới nhất, được viết trong thời gian gần đây, có lẽ khởi hứng từ giao tiếp giữa ông với giới nghệ sĩ trình diễn. Người đọc sẽ bắt gặp hình ảnh những con thiêu thân lao vào ánh đèn sân khấu, và tất nhiên ngọn lửa của danh vọng phù phiếm thiêu đốt không ít

những người không có thực tài. Những số phận thiếu may mắn đến được bờ tự do quá muộn màng, trộn lẫn với những kẻ buôn bán lòng tưởng nhớ quê nhà, những kẻ đầu cơ, không phải là đầu cơ hàng hóa, mà là ban phát những cơ hội xuất hiện trước công chúng...

Môi trường chung quanh lúc nào cũng là đề tài cho một nhà văn. Nhất là với một cây bút đa dạng như Nguyễn Ngọc Ngạn, ông đã bắt được ngay những nét chính của hậu trường khi màn nhung buông xuống. Vinh quang nào mà chả có đắng cay đi kèm. Những ai có ý định tìm hiểu, hay dấn thân vào sinh hoạt ca nhạc nên đọc tác phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn.

VỀ VÙNG CHIẾN TUYẾN hồi ký Lê Xuân Nhuận. Sách dầy 340 trang, giá 15 Mỹ Kim trong nội địa Hoa Kỳ. Ngoài Hoa Kỳ 17 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, điện thoại số (714) 527-5761.

Chỉ mới đọc vài dòng giới thiệu tác phẩm và tiểu sử của tác giả, tôi biết đã gặp phải một cuốn sách khó nuốt. Hồi kí là một thể văn không đòi hỏi chất văn chương, nhưng đòi hỏi sự chân thành, trung thực. Nơi những trang cuối tác giả viết về sự sụp đổ của miền Nam, khiến cho người đọc có cảm giác tác giả là một người quá đại ngôn, bởi vì chức vụ của ông cho dù có là Chỉ Huy Trưởng Cảnh Sát Vùng, một chức vụ trung bình, không to và cũng không nhỏ, làm gì đến độ có thể viết:

"...Tôi đã nói với Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư Lệnh Cảnh Lực Quốc Gia, có cả Chuẩn Tướng Huỳnh Thới Tây Tư Lệnh Đặc Cảnh Trung Ương cùng nghe, rằng nếu tôi còn ở Vùng I ngày nào thì ngày đó tôi còn ngăn chặn được mọi cuộc xáo trộn, cho Vùng ấy, và do đó cho cả miền Nam...".

Chỉ một đoạn văn này tôi đã thấy tác giả có vẻ không được bình thường.

Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, Tư Lệnh Cảnh Sát Đặc Biệt là những chức vụ được đặt ra với những danh xưng được quy định hẳn hoi, không thể vì lý do gì mà tự động gọi khác đi. Khắp trong cuốn sách tác giả tự động sáng chế nhiều danh từ gì để gọi nhiều chức vụ khác nhau. Thí dụ tỉnh trưởng là trưởng tỉnh, quận trưởng là trưởng quận, cảnh sát gọi là cảnh nhân, cảnh sát tư pháp gọi là pháp cảnh, phi công gọi là tài phi... Cách đặt tên đó chẳng những không làm cho tác phẩm hay hơn, chỉ làm cho đoạn văn tối đi, và quan trọng nhất là ngay cả những tên gọi đã không còn đúng, thì làm thế nào có sức thuyết phục cần thiết cho một cuốn sách trong thể hồi kí. Đây chỉ là một thí dụ nhỏ. Khắp trong cuốn sách còn rất nhiều thí dụ khác, chương nào cũng có. Toàn cuốn sách chứng tỏ cho người đọc biết tác giả là một người không hề nghĩ tới chữ khiêm tốn. Ông viết như người đang trong cơn lên đồng, mặc dù sách có xếp đặt từng chương, nhưng thật ra là những ý nghĩ chòng chéo, cóc nhẩy.

Qui luật chung: người đại ngôn thường thiếu tự tin. Nơi trang cuối tác giả lập hẳn một danh sách những người tác giả nhắc đến như là những chứng nhân. Những người được nhắc đến này đa phần còn sống, cho nên có thể hỏi

sự thật một cách dễ dàng. Tác giả vơ hết những gì tốt đẹp cho mình, và lùa những gì không tốt cho người khác, cho cả một số đơn vị phía quân đội, thậm chí dùng hẳn một tiểu đoạn với hàng tít lớn: *"Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn lén bỏ Quân Khu"*. Sau cùng nơi trang áp chót, tác giả quảng cáo cho cuốn sách khác của ông, với những câu thiệu nổ như bom. Ví dụ như một đề mục trong cuốn sách: *"Chính Lê Xuân Nhuận đã đánh đổ Cộng Sản Ba Lan và Đông Âu"*.

Tôi xin dùng lại một dòng của trang quảng cáo này để kết luận về cuốn sách này: *"Tưởng thế mà không phải thế"*, và tự hỏi không biết cuốn sách viết ra để giúp người đọc tìm được một mẩu sự thật, hay là để đánh lạc người đọc thêm một tầng nữa. Tôi không dám mơ đến một sự thật trọn vẹn, mà chỉ nghĩ đến một mẩu sự thật trong phạm vi chức vụ của tác giả mà thôi. Cuốn sách cho người đọc một loại sự thật khác, một sự thật méo mó, dị kỳ trong một văn phong rối rắm.

Đây là cuốn sách lạ lùng nhất trong năm.

KIẾP PHÙ SINH, tiểu thuyết trào phúng của Nguyễn Ngọc Nga, Đồng Văn xuất bản. Bìa Phạm Mạnh Cường. Giá 13 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ, PO Box 2301, Westminster, CA 92683. Điện thoại số (714) 527-5761.

Nơi trang đầu, tác giả viết: *Là tiểu thuyết, lại là tiểu thuyết trào phúng, nên cốt truyện và nhân vật đều không có thật trong đời. Xin đọc cho vui. Tuy nhiên nếu ai thấy điều chi tâm đắc, lấy đó để tu sửa mình thiết tưởng cũng bổ ích.*

Vế đầu của cuốn sách là đọc cho vui, đúng, nhưng vế hai: tìm điều tâm đắc để tu sửa mình thì nên xét lại.

Đây là một đoạn tác giả viết về những lão già dịch: ... *Ngày Việt Cộng từ Hà Nội tràn vô Sài Gòn, họ kêu ca với các bà vợ hiền: Việt Cộng ác quá, không sống nổi với nó đâu. Phải vượt biên thôi. Ấy là họ mượn sự tàn bạo của giặc để che đậy cái dã tâm ham hố của họ, muốn biết của đầm nó tròn méo, nông sâu ra sao. Sau gần hai mươi năm dùng gậy trúc ngoáy những lỗ cống thối đã chán phèo, họ lại rỉ tai vợ: Mình chẳng còn sống được mấy nữa. Tôi tính ta nên về để được chết ở quê hương...*

Với đoạn văn trích dẫn trên, chả biết người đọc bình thường không phải là các "ông già dịch" đọc có vui không, và có tìm được điều gì tâm đắc, bổ ích không xin nhường cho các độc giả.

Nhưng thế nào mà chả có điều vui. Đó là trang viết về các tác phẩm của tác giả trước và sau 75. Nội trang này cho thấy tác giả trước 75 là người sinh sống ở miền Bắc, những tác phẩm của ông ký tên Hà Bắc và chỉ đọc những cái tên sách không mà thôi, người đọc đã mường tượng được ông là người hết lòng với chế độ, với nước Nga. Sau 75 với bút hiệu Nguyễn Ngọc Nga và Hoàng Quốc Kỳ, các tác phẩm ở chiều ngược lại.

Đúng vậy, cuốn sách quả "để đọc cho vui"!

THƠ V.V... và V.V..., Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ ấn hành. Sách dầy ngót 300 trang, giá bán 16 MK tại Hoa Kỳ, 18 mỹ kim ngoài nước Mỹ. Địa chỉ liên lạc PO. Box 2301, Westminster CA 92683.

Sách trình bầy trang nhã với bìa là một họa phẩm của Khánh Trường, chân dung tác giả của Lê Văn Tài, một họa sĩ hiện đang cư trú tại Úc.

Thơ v.v... và v.v... tất nhiên là một tác phẩm khảo cứu viết về thơ. Với tên tuổi của Nguyễn Hưng Quốc, và những đóng góp của ông trên lãnh vực phê bình văn học, ta có thể gọi đây là một cuốn sách phê bình và lý luận văn học, nhưng hình như tác giả cuốn sách quá khiêm tốn, nên dưới nhan đề của cuốn sách, ông không bao giờ chua những hàng chữ mang ý nghĩa lớn lao về phê bình và lý luận. Qua những trang sách, người đọc chỉ thấy ông đi vào thơ, như một người thám hiểm đi vào một khu rừng bao la bát ngát. Người thám hiểm trầm trồ, thán phục vẻ đẹp của thiên nhiên, cũng như Nguyễn Hưng Quốc thích thú những gì ông khám phá nơi những khu rừng của mỗi nhà thơ.

Cuốn sách được chia làm ba phần. Mở đầu bằng Nguyễn Du nơi phần một, chiếm khoảng 20 trang và đóng lại ở phần kết khoảng 25 trang cũng vẫn bằng Nguyễn Du. Nguyễn Hưng Quốc chọn thi sĩ này để mở và đóng cho cuốn sách của ông hẳn phải có lý do, ông xemNguyễn Du là thi sĩ hàng đầu, và còn khẳng định sẽ không bao giờ có một Nguyễn Du thứ hai trong lịch sử thi ca Việt Nam.

Trọn phần hai chiếm khoảng 200 trang. Qua 200 trang này Nguyễn Hưng Quốc mở đầu bằng bài thơ *Con cóc,* như một cái cớ, để nói về thơ, và cuối cùng, đóng lại với Bùi Giáng, một nhà thơ lớn hiện tại.

Cách mở, đóng cho toàn cuốn sách, cũng như cách ông đặt vấn đề cho phần chính những khám phá, tìm tòi của ông trong bộ môn tnơ, khiến người đọc thấy cuốn sách đạt được sự nhất quán cần thiết cho một tác phẩm khảo cứu về thơ.

Những nhận xét ngắn gọn, không đãi bôi, không lấy lệ của của Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến và tập san Hợp Lưu in nơi trang cuối của cuốn sách, là những thí dụ cụ thể về sự chú ý, của những người quan tâm tới văn học ghi nhận về đóng góp của Nguyễn Hưng Quốc, trong bộ môn phê bình văn học của Nguyễn Hưng Quốc.

Cuốn sách rất cần cho những ai hiện đang làm thơ, làm thơ thật, hay không còn làm thơ nhưng vẫn cảm thơ, thích thơ.

SÓNG TRÔI tập truyện Ngự Thuyết do nhà xuất bản Thanh Văn, nhà Văn Nghệ phát hành. Sách dầy 240 trang, giá bán 12 mỹ kim. Địa chỉ liên lạc P.O. Box 2031, Westminster CA 92683.

Giới thiệu Ngự Thuyết, nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết: "*...Tôi nghĩ nếu không có biến cố 30 tháng 4 năm 1975, có lẽ không có nhà văn Ngự Thuyết. Vốn kiến thức của anh, cộng thêm với tính cẩn trọng và một ý chí mạnh mẽ hiển hiện ở nét mặt anh, nhân dáng anh, chắc chắn giúp anh bước đi vững chãi*

trên đường đời...".

Có lẽ nhận xét của Nguyễn Mộng Giác không chỉ đúng với một mình Ngự Thuyết. Dường như Cao Xuân Huy cũng là một trường hợp tương tự. Sẽ không bao giờ có *"Tháng Ba Gẫy Súng"*, nếu cuộc chiến còn tiếp diễn cho tới ngày nay, và như thế thì Cao Xuân Huy hoặc là đã mồ xanh ngọn cỏ, hay là có thể đang hét ra lửa, mửa ra khói trong một chức vụ chỉ huy của một đơn vị nào đó. Có hàng trăm thí dụ khác, khiến cho người đọc biết rằng sự đổi đời của ngày 30- 4-75, là một nguyên nhân làm giầu cho kho tàng văn học của chúng ta ở ngoài nước.

Trở về với *Sóng Trôi*, tập truyện đầu tay của Ngự Thuyết. Cuốn sách gồm 11 truyện ngắn, và hầu như chủ điểm của các truyện này xoay quanh thân phận con người, đặc biệt là thời khoảng sau khúc quanh đen tối của lịch sử. Khác với một số nhà văn khác cùng được khai sinh trong biến cố lịch sử này, Ngự Thuyết không gào lên đòi nợ máu. Ông viết với vẻ điềm tĩnh của một nhà giáo, thản nhiên nói về những ung thối của kẻ thắng đè nặng trên số phận người thua. Phải là một người đã từng ở tù mới có cái kinh nghiệm:

...Chúng tôi là những người bạn tù, mà bạn tù khó quên nhau lắm, mỗi người ở một phương trời bị lùa về ở chung với nhau dăm bẩy tháng, rồi chuyển trại, rồi phân tán mỗi người mỗi ngả, rồi gặp những người bạn mới. Rất ít có trường hợp - dường như không hề có - hai người đi tù cùng ngày, ở cùng một trại tập trung, rồi được thả về cùng một lúc...

Tôi chọn đại một đoạn văn trong truyện "Dậy mà đi", để giới thiệu với độc giả phong cách điềm đạm của Ngự Thuyết, ngay cả khi ông viết về những đớn đau trong lúc bị cầm tù người đọc cũng nhìn thấy những nỗi đau tuy còn hằn trong trí óc ông, nhưng có lẽ đã được ông gạt sang một bên để chỉ nhắm tới cái đích, đó là sự liên hệ giữa văn chương và đời sống.

Mặc dù Ngự Thuyết đến với văn chương khi khá lớn tuổi, tôi tin rằng tôi sẽ còn được đọc nhiều tác phẩm của ông.

VẪY GỌI NHAU LÀM NGƯỜI, điểm sách, phê bình, lý luận văn học, truyện ngắn... của Phan Huy Đường. Bìa Khánh Trường, Hồng Lĩnh xuất bản. Giá 16MK. Liên lạc: Hồng Lĩnh, 9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92883.

Là dịch giả uy tín của nhiều tác phẩn Việt Nam sang Pháp ngữ. Là nhà lý luận phê bình sắc bén, trí tuệ, có một văn phong cô đọng, đặc thù.

Cuốn *Vẫy Gọi Nhau Làm Người* tập hợp những bài viết của ông, liên quan đến lĩnh vực văn học, chính trị..., một số đã đăng trên Hợp Lưu, Đối Thoại, Diễn Đàn (Paris).

Thoạt lướt qua các tiểu mục, người đọc dễ hiểu lầm đây là một cuốn sách "tạp lục". Nhưng đi sâu vào nội dung, sẽ nhận ra sự nhất quán, kể cả một truyện ngắn, duy nhất, nằm ở phần cuối sách, cũng không ra ngoài ý đồ chung tác giả muốn thể hiện: khắc đậm cái đẹp của văn chương, của nhân

cách con người. Đẩy lùi sự xấu, sự ác, vinh danh và thăng hoa điều tốt, điều thiện. Ý đồ đó không những được thể hiện toàn bộ trên từng trang chữ, mà ngay cả nhan đề của cuốn sách, cũng đã khá rõ: hãy "vẫy gọi nhau làm người".

Trong nửa đầu của năm 1996, văn học Việt Nam hải ngoại liên tiếp xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu, lý luận văn học giá trị. Điển hình nhất là các cuốn: *Thơ, v.v... và v.v...* của Nguyễn Hưng Quốc, *Cấu Trúc Thơ* của Thụy Khuê, *Lý Luận Và Phê Bình hai mươi năm văn học Việt ngoài nước* của Bùi Vĩnh Phúc, và cuốn thứ tư, *Vẫy Gọi Nhau Làm Người* của Phan Huy Đường. Đọc các công trình này, chúng ta vui mừng nhận thấy dòng văn học bên ngoài quê hương vẫn chảy, và tiếp tục chảy, dù gặp rất nhiều khó khăn..

ĐỂ EM LÀM GIÓ, thơ Trần Mộng Tú, Bìa Thái Tuấn, Thế Kỷ 21 xuất bản. Giá 10MK.

Thi tập thứ hai, tác phẩm thứ ba đã xuất bản của một người thơ, theo nhận xét của Đỗ Quí Toàn, *"làm thơ như để nói với một người" và "chỉ làm thơ về tình yêu".*

Như tất cả mọi sáng tác của Trần Mộng Tú, từ thơ đến văn xuôi, sự mềm mại, dịu dàng, nhân ái luôn tỏa sáng trên từng con chữ.

Sách trình bày đẹp, trang nhã, rất thơ.

HỎI ĐƯỜNG MÂY TRẮNG, thơ Huy Tưởng, tập II, chân dung tác giả do Bùi Quang Ngọc. Tự xuất bản. Sàigòn, Việt Nam. Không đề giá.

Tập thơ mỏng, gồm nhiều bài lục bát ngắn, thật ngắn, chỉ vỏn vẹn hai câu nhưng cô đọng và sâu sắc. Thử đọc một bài được "bốc đại" từ thi tập này:

Trời cao
thì
trời cứ cao
Tôi
thì
xuống thấp
nấp vào hang mây

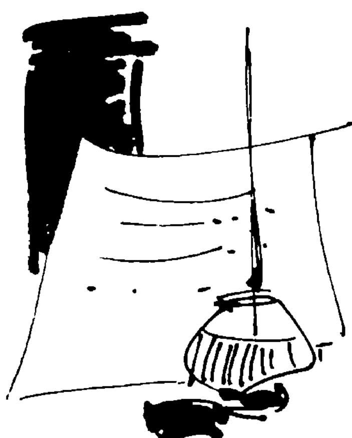
(Thường Trú I)

Cần nhắc lại, Huy Tưởng là một trong những nhà thơ từng tạo được cho mình một chỗ đứng vững chãi trong dòng thơ ca của miền Nam Việt Nam trước 1975. Ngày nay, ông vẫn tiếp tục làm thơ và vẫn tiếp tục quan tâm đến sự cách tân trong ngôn ngữ thơ.

NGUYỄN QUANG AN



với văn hữu và bạn đọc



THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Cao quá...

Tôi thích hội họa, dù xem tranh tôi không mấy hiểu. Nói cách khác, tôi xem tranh bằng cảm tính nhiều hơn lý trí. Trường hợp của tôicó lẽ không phải là cá biệt. Hợp Lưu có mục thường xuyên bàn về hội họa. Hay lắm. Tuy nhiên, hình như mục này chuyên môn quá, và có lẽ chỉ dành cho giới họa sĩ hoặc những người đã am tường hội họa hơn là cho đại đa số người đọc.

Đề nghị *Hợp Lưu* nên có những bài viết phù hợp với trình độ chung, để hướng dẫn độc giả, từthấp đến cao, hầu ai cũng có thể đến với bộ môn nghệ thuật này được. Trong *Hợp Lưu* số 29, mục *"Ngày... Tháng..."*, ông Kim Thi có một đoạn viết ngắn về hội họa, đọc đoạn này tôi thích, vì ông ấy đã nói hộ giùm chúng tôi - những kẻ ngoại đạo (chữ của Kim Thi) - cái tâm trạng "không hiểu mà không dám nói", vì sợ bị chê dốt. Mặt khác, ông đã "khai ngộ" cho chúng tôi rằng đừng bao giờ mắc công tìm kiếm ý nghĩa của những tác phẩm siêu thực, trừu tượng (ông Kim Thi gọi là tranh vô hình thể), vì sự thật... có gì đâu để mà tìm kiếm? Vấn đề là chúng ta thấy nó đẹp hay xấu, cái đó mới quan trọng, cái đó mới là hội họa, ngoài ra chỉ là... nói dóc, và chỉ là tán hưu tán vượn của mấy ông phê bình hội họa. Ui cha, sướng thiệt, nghe mà mát lòng mát dạ, mà rũ bỏ được cái mặc cảm dốt nát từ bao nhiêu lâu nay tôi cứ canh cánh trong lòng.

Rất mong ông Kim Thi tiếp tục những bài viết tương tự...

PTV (Washington D.C)

•

Đi tìm ý nghĩa của một bức tranh thật ra không phải vô ích lắm đâu. Tuy

nhiên phải hiểu ý nghĩa ấy không đơn giản, cụ thể như hai cộng hai bằng bốn. Có những cái ta chúng ta hiểu - như ông nói - bằng cảm tính. Bởi họa sĩ, khi vẽ, cũng bị dẫn dắt bởi cảm tính. Vấn đề hình như bắt đầu phức tạp rồi đó. Nhận thấy đề nghị của ông hữu lý, Kim Thi sẽ cố gắng gửi đến bạn đọc thường xuyên những kiến thức phổ thông của hội họa, với hy vọng giúp bạn đọc đến gần hơn với bộ môn nghệ thuật này. Thân kính.

Sao lại hạng hai nhỉ?

Hợp Lưu số đặc biệt về học giả Hoàng Xuân Hãn giá trị. Trước kia, trên tập san Sử Địa tôi đã đã được đọc bài *Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt*. Nay đọc lại, và được đọc thêm bài phỏng vấn của Thụy Khuê, tôi hết sức xúc động. Đã có lúc có người bảo ông là Cộng Sản, viết bài đả kích! Theo tôi, một người như học giả Hoàng Xuân Hãn không thể lấy chủ nghĩa này, chế độ nọ áp đặt vào họ. Hoàng Xuân Hãn đã vượt lên trên những thứ ấy. Mọi công trình nghiên cứu của ông phải được xem là vốn chung của dân tộc. Tôi có nghe nói sau khi ông từ trần, nhà nước Việt Nam truy tặng cho ông *Huân Chương Hạng Hai*. Sao lại *Hạng Hai* nhỉ? Điều ấy, cũng theo tôi, là một xúc phạm lớn. Tôi không biết Huân Chương nào thuộc lại cao quí nhất, nhưng nếu có, cụ xứng đáng được tặng...

Rất mong HL tiếp tục thực hiện những số đặc biệt giá trị như số vừa qua.

LHL (Vancover, Canada)

Nhà văn Ngô Thế Vinh cũng có cùng một quan điểm giống ông.

Chúng tôi đang thu tập tài liệu, đồng thời mời những cây bút uy tín trong, ngoài nước cùng thực hiện số chủ đề về nhà văn Phan Khôi. Nó thế nào thật tình chúng tôi không dám chủ quan, chỉ biết sẽ cố gắng hết khả năng. Kính.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Anh ĐQNGH (Đức): - Bài "Xem Đêm" sẽ đi. Nhưngthư thả, phải giải quyết theo "thứ tự ưu tiên".

- Sao anh không mở một văn phòng... coi bói nhỉ? Nghề ấy tại Bolsa này rất ăn nên làm ra. Quí vị chuyên trị bói toán, bói bài, xem chỉ tay, chấm tử vi, bấm độn, xem hướng nhà hướng đất... thảy đều nhà cao cửa rộng, xe pháo bảnh chọe cả . Tuy nhiên, đề nghị anh nên nghiên cứu thêm, hầu bồi dưỡng công lực cho thêm phần thâm hậu hơn thì mới khá, vì tất cả những điều anh đoán về hắn đều... trật lất. Nếu hắn có được vài phần trăm những "ưu điểm" ấy thì cuộc đời hắn đâu đến nỗi ba chìm bảy nổi sáu cái long đong như hiện tại? Chúc vui.

Chị HPL (Québec, Canada): Bài chị gửi cho chúng tôi (bằng đĩa) mà không bỏ dấu tiếng Việt thì coi như.... xong. Nếu đem cái ấy lên còm bu tờ,

tìm và bỏ dấu từng chữ, e rằng... nửa ngày chưa xong một trang, và chắc chắn khó gấp vài chục lần hơn đánh máy lại. Tòa soạn rất neo người, một mình tay chủ biên quần quật bằng hai ngón mổ cò, trông thảm lắm. Vậy mong chị gửi cho đĩa khác, có đủ huyền sắc hỏi ngã để hắn nhẹ được đôi phần. Thân kính.

Anh HĐ (Spring, Texas) Ui cha, anh sử dụng còm bu tờ, và như anh bảo: *"có thể gửi đĩa cho tòa soạn, chỉ tiếc là chỉ với nội dung một bài, mà phải sử dụng một đĩa thì hơi phí phạm"*. Có nghĩa nếu muốn đăng bài của anh, tòa soạn hãy đánh máy lại! Thưa anh. Thứ nhất, đánh máy lại thì khó bảo đảm chính xác 100%, và theo thời giá, mỗi trang (khổ chữ của HL) tòa soạn phải chi ra 5 Mỹ kim. Vậy tại sao thay vì chỉ tốn 32 xu tem cộng với 50 xu tiền đĩa, đồng thời bảo đảm được sự chính xác, lại phải tốn những vài chục đồng? Thứ hai, định đề nghị anh gửi đĩa, dùng xong chúng tôi gửi trả, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, thấy vừa tốn thì giờ, vừa tiết kiệm không được bao nhiêu (sát xuất chênh lệch không vượt trên 50 xu giữa tiền tem và tiền đĩa). Lợi bất cập hại! Nên dù muốn đi bài của anh lắm, cũng đành phải xếp đó, đợi lúc nào thư thả, đánh máy lại được, hẳn hay. Rất mong anh cảm thông. Kính.

Anh LH (Montreal, Canada): Nhận được hai cuốn "Khí Công", cảm ơn nhiều. Muốn thư riêng mà rồi bận quá . Cái bài gửi cho tờ báo ấy họ đã đi chưa? Tôi, từ mấy năm nay hầu như chẳng thấy mặt mũi tờ báo ấy tròn méo thế nào. Kể cũng "đoản" thật. Nhưng thời giờ lúc nào cũng thiếu, phải thu xếp sử dụng sao cho hợp lý, chứ cứ xài vung vãi, có khi lại hối. Sức khỏe tốt chứ? Thân mến.

Anh Đ.H (Cali): *"Kỷ Niệm Về Biển"* đã đến. Đang đọc, sẽ có thư irêng. Lần sau xin anh dán đủ tem. Đóng phạt không đáng kể, nhưng phải ra bưu điện sắp hàng, rất mất thì giờ. Thân mến.

Chị DTMH (Texas): Nhà văn ấy ở trong nước. Chị nhận xét đúng, thế hệ của cô ta, cả trong lẫn ngoài, đều không hệ lụy nhiều đến quá khứ, bảo họ là "ta" hay "địch" nghe đều cù lần không chịu nổi! Chị đừng quan tâm đến những cái đầu đã xơ cứng vì định kiến. Thành phần thiểu số này chẳng đại diện cho ai hết, và mỗi ngày mỗi tự triệt tiêu, hoặc lịch sử và thời gian sẽ đẩy họ vào bóng tối, bực bội mà làm gì. Thân kính.

Anh N. (California): Rất nhiều độc giả và văn hữu hiểu lầm HL là một tờ báo chính trị, nên khi gửi bài cho chúng tôi, thường chọn những sáng tác có liên quan ít nhiều đến vấn đề ấy, với lời nhắn giống anh: *Hy vọng hợp với chủ trương của HL*. Thưa anh, chủ trương của HL là đăng tải mọi sáng tác, không phân biệt xuất xứ, chỉ đòi hỏi duy nhất một yêu cầu: mang tính văn học nghệ thuật thực sự. Rất mong anh, độc giả và văn hữu lưu ý hộ, để tờ báo không rơi vào vòng lẩn quẩn "Quốc - Cộng", "trong ngoài", vốn từ nhiều năm nay, bị những con thò lò chính trị lợi dụng, khai thác đến xác xơ. Thân mến.

HỢP LƯU

CHIA VUI

Được tin lễ thành hôn của hai cháu

THỤC DIỄM và XAVIER

sẽ cử hành tại Pháp vào ngày 3 tháng 8 năm 1996
Ban biên tập HỢP LƯU chia vui cùng
anh chị LÊ TẤT LUYỆN - THỤY KHUÊ
và thân bằng quyến thuộc hai họ

Chúc hai cháu keo sơn trọn đời

CHIA VUI

Ban biên tập HỢP LƯU chia vui cùng
anh chị TRƯƠNG HỒNG SƠN và thân bằng quyến thuộc hai họ
đã tất thành cho

TRƯƠNG LÊ BẢO TRÂM

về với LÊ TRƯƠNG LINH VƯ

Hôn lễ sẽ cử hànhtại Maryland, Hoa Kỳ vào ngày 20 tháng 7 năm 1996

Chúc hai cháu hạnh phúc dài lâu

CHIA VUI

Được tin

TRẦN NỮ YÊN KHÊ

và TRẦN ANH HÙNG

sẽ làm lễ thành hôn tại Pháp vào ngày 15 tháng 6 năm 1996
Tòa soạn HỢP LƯU chia vui cùng tân lang / tân giai nhân
và thân bằng quyến thuộc đôi bên

Chúc cả hai mãi mãi tâm đầu ý hợp

THÔNG BÁO TÁI HẠN

Xin thông báo để quý ông / bà rõ: hạn mua báo của qúy ông / bà chấm dứt sau số ________ . Rất mong được quý ông/ bà tái hạn.

Nguyễn Thị Giáng Châu
Trị sự

PHIẾU TÁI (HOẶC MUA) HỢP LƯU DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên____

Địa chỉ____

____

Điện thoại______________________________________

bằng lòng tái hạn (hoặc mua) **Hợp Lưu** kể từ số ____________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada
Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) ● 40MK ☐ (1 năm)
Hạng nhất: 25MK ☐ (1/2) năm) ● 50MK ☐ (1 năm)
Âu châu
Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) ● Hàng không: 70MK ☐ (1 năm)
Á, Úc châu
Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) ● Hàng không: 80MK ☐ (1 năm)

Xin trả bằng Mỹ Kim.
Ngoài Hoa Kỳ và Canada trả bằng International Money Order, về:

HỢP LƯU
P.O.Box 277, Garden Grove, ca 92842. USA

LƯU Ý

● Để biết số báo hết hạn, xin xem MÃ SỐ in ở hàng đầu trên LABEL. Ví dụ: **M:24-29**, tức mua HẠNG TƯ hoặc ĐƯỜNG THỦY từ số 25 đến 29. **MF25-29** tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 25 đến 29..

● Độc giả ở Âu châu có thể tái hạn qua đại diện. Địa chỉ ở bìa 2 Hợp Lưu.

30 Giá 8MK